

TỰ DO TÍN NGƯỠNG

TỰ DO VỀ TƯ TƯỞNG, TÍN NGƯỠNG VÀ TÔN GIÁO

**TỰ DO THỂ HIỆN CÁC QUYỀN NÀY MỘT MÌNH HOẶC TRONG CỘNG ĐỒNG
THÔNG QUA TRUYỀN GIÁO, THỰC HÀNH, THỜ CÚNG VÀ TÔN KÍNH**

TỰ DO KẾ TỤC HAY THAY ĐỔI TÔN GIÁO, ĐỨC TIN CỦA BẢN THÂN

“Tất cả mọi người đều có quyền tự do về tư tưởng, tín ngưỡng, và tôn giáo; quyền này bao gồm sự tự do thay đổi tôn giáo hay tín ngưỡng của mỗi cá nhân và sự tự do thể hiện tôn giáo hay tín ngưỡng của người đó, hoặc một mình hoặc trong cộng đồng cùng với những người khác thông qua truyền giáo, hành xử, thờ cúng hay sự tôn kính”.

Điều 18 Tuyên ngôn thế giới về quyền con người, năm 1948

CÂU CHUYỆN MINH HỌA

Dhabihullah Maharami bị bắt vào năm 1995 và bị kết án tử hình năm 1996 vì bỏ đạo (chuyển từ Đạo Hồi sang tín ngưỡng Baha). Án tử hình của ông ta đã được giảm xuống án tù chung thân vào năm 1999. Tổ chức Ân xá quốc tế coi ông là tù nhân lương tâm vào năm 1996 và đã mở chiến dịch yêu cầu tha bổng ông ta ngay lập tức và không điều kiện. Trường hợp này cũng đã được nêu ra trong báo cáo với tiêu đề Iran: Dhabihullah Maharami: Tù nhân lương tâm (Chỉ dẫn AI: MDE 13/34/96).

Theo các bản báo cáo, người ta đã tìm thấy Dhabihulla Maharami bị chết trong xà lim ở nhà tù Yazd vào ngày 15 tháng 12 năm 2005. Gia đình của ông ta được thông báo là ông ta bị chết do một cơn đau tim và thi thể của ông sau đó được trao cho gia đình đem đi chôn cất.

Tuy nhiên, báo cáo cho thấy Dhabihulla Maharami đang trong tình trạng sức khỏe tốt ngay trước thời điểm ông ta bị chết và trước đó không có thông tin gì về việc ông bị bệnh tim, mặc dù đương nhiên là khi ở trong tù ông ta phải lao động chân tay rất vất vả, và điều này có thể đã gây nên hay góp phần gây nên cái chết của ông ta. Người ta cũng đồn rằng ông ta đã nhận được những lời đe dọa sẽ bị giết chết.

Trong lá thư của mình gửi đến Ayatollah Mahmoud Hashemi Shahroudi, người đứng đầu bộ máy tư pháp Iran, Tổ chức Ân xá quốc tế đã nhấn mạnh rằng bất cứ sự điều tra nào về cái chết của Dhabibulla Maharami trong thời gian bị giam cầm phải được thực hiện theo các nguyên tắc của Liên hiệp quốc về phòng ngừa và điều tra hiệu quả việc xét xử chiếu lệ, tùy tiện và không theo pháp luật ( *Pháp quyền và xét xử công bằng*), và rằng bất cứ ai bị phát hiện ra phải chịu trách nhiệm cho cái chết của ông ta

sẽ phải bị đem ra xét xử ngay lập tức tại một tòa án công bằng.

Số lượng các vụ gây rối của cộng đồng Baha đã tăng lên một cách rõ rệt, trong đó có ít nhất 66 vụ phần tử Baha bị bắt kể từ đầu năm 2005, điều này chứng tỏ nhu cầu cần được công nhận là tín đồ Baha hoặc những hành động hòa bình thay mặt cho cộng đồng Baha đã xảy ra ở Iran. Hầu hết các trường hợp đều được thả, nhưng có ít nhất 9 người được báo cáo là còn bị giam giữ trong nhà tù, trong đó có Mehran Kawsari và Bahram Mashhadi, bị kết án lần lượt là 3 năm và 1 năm ngồi tù vì hành động liên quan đến lá thư họ đề gửi cho nguyên Tổng thống Hojjatolislamval Moslemin Sayed Mohammad Khatami yêu cầu chấm dứt những xâm phạm về quyền con người đối với cộng đồng tín ngưỡng Baha.

(Nguồn: **Tổ chức Ân xá quốc tế 2006. Iran:** Yêu cầu điều tra cái chết của những tù nhân lương tâm Baha. Thông cáo của Tổ chức Ân xá quốc tế. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://web.amnesty.org/library/index/engMDE130042006?open&of=eng-IRN>)

Các câu hỏi để thảo luận

1. Bạn nghĩ vì lý do gì mà ông Mahrami bị đối xử như vậy?
2. Bạn đã bao giờ nghe thấy những trường hợp tương tự như vậy xảy ra ở quốc gia hay khu vực của bạn chưa?
3. Chuẩn mực quốc tế nào về quyền con người đã bị xâm phạm?
4. Có thể ngăn ngừa những vụ việc tương tự như vậy xảy ra như thế nào?
5. Những thể chế và thủ tục quốc tế hiện hành nào được sử dụng cho các trường hợp như vậy?

ĐIỀU CẦN BIẾT

1. TỰ DO TÔN GIÁO TÍN NGƯỠNG: VẤN CÒN MỘT CHẶNG ĐƯỜNG DÀI

Hàng triệu người tin tưởng rằng có đấng thiêng liêng nào đó bên ngoài chúng ta đang dẫn dắt chúng ta về mặt tâm linh. Vì tín ngưỡng mà bạn theo đuổi, bạn có thể sẽ bị buộc phải từ bỏ nó, từ bỏ gia đình bạn, bị ngược đãi hành hạ, bị bắt giam vào ngục tù, hoặc thậm chí có thể bị giết chết.

Vào thế kỷ thứ ba, những người theo đạo Phật bị ngược đãi hành hạ ở Ấn Độ bởi vì họ đã tin tưởng vào những giáo huấn của Đức Phật. Bắt đầu từ thế kỷ IX sau Công nguyên - được gọi là “thời kỳ tăm tối” ở châu Âu - Đạo Hồi và các đạo khác không phải đạo Cơ Đốc, bị ngược đãi hành hình “trên danh nghĩa chúa Trời”. Kế tiếp đó, chiến tranh mở rộng của Đế chế Ottoman và Đạo Hồi đã làm châu Âu khiếp sợ. Những người Do Thái bị dồn vào sống trong những khu riêng biệt không chỉ bởi người Cơ Đốc mà còn bởi người Hồi Giáo trước đây. Những hành động chống đối người Ấn ở Mỹ La tinh cũng xảy ra trong quá trình Cơ Đốc hóa.

Trong quá khứ và cả hiện tại, những người theo tôn giáo hay không theo tôn giáo đều bị đe dọa bởi điều họ tin hay không tin. Khả năng có tín ngưỡng vào điều gì đó, và biểu lộ ra ngoài được biết đến và bảo vệ như là tự do tôn giáo.

Đây không chỉ là một vấn đề luật pháp mà còn là một vấn đề về đạo đức. Tín ngưỡng tôn giáo có ảnh hưởng mạnh mẽ đến mọi mặt riêng tư của mỗi cá nhân bởi vì nó động chạm đến nhận thức cá nhân và hiểu biết về thế giới của chúng ta.

Niềm tin là một nhân tố chủ đạo trong việc thể hiện bản sắc văn hóa của mỗi người, đó là lý do vì sao tự do tôn giáo lại là một chủ đề nhạy cảm và có vẻ như là một quyền gây nhiều khó khăn

hơn khi đề cập đến so với những vấn đề quyền con người khác.

Bên cạnh đó, còn một vấn đề khác gây trở ngại cho quy định về tự do tôn giáo trong luật quốc tế về quyền con người. Trên toàn thế giới, tôn giáo và tín ngưỡng là các yếu tố cơ bản của chính trị và cho các nhà chính trị. Tín ngưỡng tôn giáo và tự do tôn giáo thường bị lạm dụng cho các đòi hỏi và yêu sách chính trị về quyền lực, thường dẫn đến những quan điểm sai lầm khi tôn giáo và chính trị được kết nối với nhau.

“Không ai tự nhiên bị trói buộc phải theo một nhà thờ hay một giáo phái, nhưng mọi người đều có thể tự nguyện tham gia vào xã hội mà ở đó anh ta tin là anh ta đã tìm thấy tín ngưỡng và sự tôn sùng thực sự có thể được Chúa Trời chấp nhận. Hi vọng cứu rỗi linh hồn, là lý do duy nhất khiến mỗi người bước vào thế giới đó, và vì vậy cũng có thể là lý do duy nhất để anh ta ở lại đó [...] Nhà thờ, vì vậy, là một xã hội mà thành viên tự nguyện hợp nhất lại.”

Theo John Locke. 1689. Bức thư về sự khoan dung.

Sự bảo vệ thỏa đáng ngày càng trở nên cấp thiết trong những năm gần đây bởi vì không khoan dung về tôn giáo và ngược đãi luôn ở vị trí hàng đầu của các xung đột bị thảm trên toàn thế giới liên quan đến các vấn đề về sắc tộc, mâu thuẫn chủng tộc, hay sự hận thù giữa các nhóm. Ngược đãi trên khía cạnh tôn giáo có thể được nhận ra trong các xung đột hiện nay giữa những tín đồ của một tín ngưỡng và những người không theo tín ngưỡng ấy, giữa tín ngưỡng truyền thống và tín ngưỡng “mới” ở những quốc gia đa tôn giáo, hoặc giữa các quốc gia với một tôn giáo chính thống hay được ưa chuộng với những cá nhân hoặc cộng đồng không thuộc tôn giáo đó.

Ngày nay, vi phạm tự do tôn giáo là sự đàn áp các tín ngưỡng khác nhau ở Miến Điện, Trung Quốc (như Đạo Hồi của người Duy Ngô Nhĩ ở Xinjiang, đạo Phật ở Tây Tạng), Iran (đạo Baha), Bắc Triều Tiên, Xudan, Ả Rập Xê út, ở Eritrea, Pakistan, Turkmenistan và Uzbekistan. Những tín ngưỡng này bắt đầu từ sự lớn mạnh mới xảy ra của trào lưu chính thống (tín tuyệt đối vào kinh thánh) đạo Cơ đốc ở Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, sự nổi lên mãnh liệt của chủ nghĩa cực đoan tôn giáo đạo Hồi, đến các hình thái mới chống lại nhóm Xê-mít (đó là sự sợ hãi và căm thù đối với người Do Thái/đạo Do Thái) ở các quốc gia khác nhau, và đặc biệt từ ngày 11 tháng 9 năm 2001, sự chống đối ngày càng tăng và thường xuyên theo dõi động tĩnh của nhóm đạo Hồi (đó là sự sợ hãi và căm thù đối với đạo Hồi và các tín đồ Hồi giáo) ở Hoa Kỳ và châu Âu.

Đáng tiếc là vẫn còn rất nhiều trường hợp cho thấy sự cần thiết khẩn cấp liên quan đến tự do tôn giáo, đặc biệt là khi chúng liên quan tới chủ nghĩa cực đoan. Sự việc hiện tượng này phải được đề cập đến một cách riêng biệt.

Điều cần biết

Tự do tôn giáo và an ninh con người

Tự do không bị sợ hãi là một giá trị chủ đạo của an ninh con người. Giá trị chủ đạo này sẽ bị đe dọa khi có sự xâm phạm các tự do tôn giáo tín ngưỡng. Nếu bạn không thể tin tưởng vào bất cứ “một đức Chúa Trời” của một đạo nào đó, hay về khái niệm về vũ trụ mà bạn thích, thì sự tự do và an ninh của bản thân bạn không thể được bảo đảm. Những đe dọa đối với tự do về tư tưởng, tín ngưỡng, tín ngưỡng và tôn giáo có ảnh hưởng trực tiếp tới cả các cá nhân và các nhóm xã hội trong việc đảm bảo và phát triển sự toàn vẹn cá nhân.

Khi sự phân biệt đối xử và khủng bố về tôn giáo mang tính có hệ thống và được thể chế hóa thì nó có thể dẫn đến sự căng thẳng giữa các cộng đồng và thậm chí gây nên khủng hoảng trên quy mô quốc tế. Đối tượng không được bảo đảm an ninh có thể là

tất cả mọi người - cá nhân, nhóm xã hội hay thậm chí là quốc gia. Sự đe dọa rất lớn và ở khắp nơi về an ninh con người, trên cơ sở niềm tin hay tôn giáo này đòi hỏi phải có biện pháp bảo vệ đặc biệt. Giáo dục và học hỏi về quyền con người chính là chìa khóa cho sự tôn trọng tư tưởng hay tôn giáo của người khác. Việc học hỏi về tôn trọng, khoan dung và nhân phẩm không thể đạt được bằng cách cưỡng chế. Nó phải là sự cam kết dài hạn của mỗi cá nhân và mọi người nhằm cùng xây dựng an ninh cá nhân và toàn cầu.

Không có quốc gia hoà bình nào mà lại không đảm bảo hòa bình trong tôn giáo. Không thể có hòa bình giữa các tôn giáo nếu các tôn giáo không có sự đối thoại. Và không thể có sự đối thoại nào giữa các tôn giáo nếu không tìm hiểu về nền tảng, nguyên tắc tư tưởng cơ sở của các tôn giáo”.

Theo Hans Küng, Chủ tịch Quỹ đạo đức toàn cầu

2. ĐỊNH NGHĨA VÀ MÔ TẢ VẤN ĐỀ

Tôn giáo là gì? 

Không có một định nghĩa chung nào về tôn giáo trong các thảo luận triết học hay xã hội học. Tuy nhiên, trong các định nghĩa khác nhau thì vài yếu tố chung có thể được đúc kết.

Tôn giáo, theo từ nguyên của nó, liên quan đến từ Religare trong tiếng La tinh, có nghĩa là sự “ràng buộc”. Tôn giáo là một tổ chức nhằm ràng buộc những tín đồ vào những điều khoản mang khái niệm “Tuyệt đối” về cá nhân hay bất cứ ai. Nó thường bao gồm một tập hợp các lễ nghi, nghi thức, các quy tắc và quy định giúp cho các cá nhân hay cộng đồng gắn kết sự tồn tại của họ với “Đức Chúa Trời” hay “Các thần thánh”. Theo Milton J. Yinger, nó có thể là “một hệ thống những tín ngưỡng và thực hành mà dựa vào đó để một nhóm người đấu tranh với những vấn đề cơ bản của cuộc sống”.

Và so sánh với Từ điển pháp luật của Black, tôn giáo được định nghĩa như là:

“Một mối quan hệ (của con người) với thần thánh, đức Chúa để tỏ lòng tôn kính, thờ cúng, vâng lời và tuân thủ mệnh lệnh và lời răn dạy của các đấng tối cao và các đấng siêu nhiên. Trong một nghĩa rộng nhất (tôn giáo) bao gồm các dạng niềm tin vào sự tồn tại của các đấng tối cao thực hiện quyền lực của mình đối với con người thông qua sự can thiệp, áp đặt các quy tắc ứng xử, hành động, với những phần thưởng hay trừng phạt trong tương lai”.

Những khái niệm này và những khái niệm tương tự, tất cả đều thống nhất về việc ghi nhận sự tồn tại của một cái gì đó tối cao, thần thánh, tuyệt đối, siêu việt, có thể là một cá nhân hay nhóm. Cái gọi là “Tối cao/Tối thượng” ấy có chức năng quy chuẩn và các tín đồ được mong đợi là sẽ tuân theo những dạy dỗ và quy tắc hành xử do tôn giáo của họ quy định, như con đường dẫn tới cái tuyệt đối. Các tín đồ cũng được mong đợi sẽ thể hiện các tín ngưỡng tôn giáo của họ thông qua các cách tôn thờ và thờ cúng khác nhau. Và tuy không phải luôn luôn nhưng thường là một thực thể pháp lý, như nhà thờ hay một thể chế khác sẽ được thành lập để tổ chức nhóm họp hay các lễ nghi thờ cúng.

Tín ngưỡng là gì?

Là một khái niệm rộng hơn tôn giáo. Nó bao gồm cả tôn giáo nhưng không bị giới hạn trong nghĩa truyền thống của nó. Từ điển luật học của Black định nghĩa nó như là “một niềm tin vào sự thật của một nhận định, tồn tại một cách chủ quan trong đầu, bị xúi giục bởi sự tranh cãi, thuyết phục, hay chứng cứ nhằm vào sự phán đoán của một người”.

Trái ngược với khái niệm hẹp nhưng đầy trí tuệ này về tín ngưỡng như một hành vi tư duy, thì tín ngưỡng có nghĩa là một hành vi đặt hết niềm tin hay phụ thuộc tin tưởng vào một điều gì đó tối cao (có thể là cá nhân hoặc không, như 4 Sự thật cao quý trong đạo Phật).

Trong Nhận xét chung số 22 về Điều 18 Điều ước Quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, (ICCPR) Ủy ban Quyền con người của Liên hiệp quốc, định nghĩa sự bảo vệ tôn giáo hay tín ngưỡng như sau: “Điều 18 bảo vệ các tín ngưỡng hữu thần, không hữu thần, hay vô thần, cũng như bảo vệ quyền không theo một tôn giáo hay tín ngưỡng nào cả”. Nhận xét chung tiếp tục nhận định “*Thuật ngữ tôn giáo hay tín ngưỡng được diễn giải theo nghĩa rất rộng. Điều 18 không bị giới hạn trong ngữ nghĩa về các tôn giáo truyền thống hay về các tôn giáo và tín ngưỡng với những đặc thù thể chế hay hành xử tương tự như của tôn giáo truyền thống. Ủy ban, vì vậy, quan tâm đến bất cứ xu hướng phân biệt đối xử nào nhằm chống lại tôn giáo hay tín ngưỡng vì bất cứ lý do gì, kể cả yếu tố thực tế là chúng mới ra đời, hay chỉ đại diện cho một tôn giáo thiểu số có thể gây ra sự thù địch của cộng đồng tôn giáo áp đảo”.*

Các khía cạnh khác của tín ngưỡng như chính trị, văn hóa, khoa học hay kinh tế - không bao gồm trong sự bảo vệ này.

 **Tự do biểu đạt và tự do thông tin**

Tự do tôn giáo là gì?

Theo luật quốc tế, tự do tôn giáo nằm trong sự bảo vệ tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo.

Ba sự tự do này được áp dụng một cách đồng đều đối với các tín ngưỡng hữu thần, không hữu thần, hay vô thần cũng như các quan điểm bất khả tri và bao hàm tất cả các tín ngưỡng khác với một cái nhìn siêu việt về vũ trụ và những quy chuẩn xử sự.

Tự do tôn giáo và tín ngưỡng theo đúng nghĩa bao gồm tự do của và tự do về tôn giáo và tín ngưỡng, có thể được hiểu như quyền chấp nhận hay không chấp nhận bất cứ những quy tắc hay thái độ tôn giáo nào đó.

Tự do về tư tưởng và tín ngưỡng được bảo vệ theo cách giống như bảo vệ tự do về tôn giáo và niềm tin. Nó bao gồm tự do tư tưởng về tất cả mọi vấn đề, sự nhận thức cá nhân và sự cam kết đi theo một tôn giáo hay tín ngưỡng được biểu lộ

cá nhân hay trong cộng đồng cùng với những người khác.

Tự do tín ngưỡng thường bị xâm phạm như có thể thấy ở số lượng “tù nhân lương tâm” trên toàn thế giới. Những tù nhân đó hầu hết đều thuộc tôn giáo thiểu số bị giam cầm vì niềm tin tôn giáo của họ. Câu chuyện của ông Mahrami chỉ là một trong vô số các ví dụ.

Tự do tư tưởng và tín ngưỡng, và tự do lựa chọn hay thay đổi một tôn giáo hay tín ngưỡng được bảo vệ một cách vô điều kiện. Không ai có thể bị thúc ép phải tiết lộ tư tưởng của người đó và bị ép buộc phải theo một tôn giáo hay tín ngưỡng.

Các chuẩn mực quốc tế

Luật về quyền con người tránh gây nên sự tranh cãi trong định nghĩa về tôn giáo và tín ngưỡng. Luật này bao gồm một nhóm các quyền nhằm bảo vệ sự tự do trong tư tưởng, tín ngưỡng, tôn giáo và niềm tin. Để hiểu rõ hơn sự phức tạp về tự do tôn giáo, có thể phân loại 3 cấp bậc sau:

1. Tự do thực hành tôn giáo của mỗi cá nhân riêng biệt;
2. Tự do thực hành tôn giáo tập thể;
3. Tự do của các cơ quan tôn giáo riêng biệt.

Tự do thực hành tôn giáo của mỗi cá nhân riêng biệt

Điều 18 của Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (UDHR) xác định tự do tôn giáo là quyền “của mọi người”, có nghĩa là nó bảo vệ người lớn cũng như trẻ em, người trong nước cũng như người nước ngoài, và điều này không thể bị xâm phạm kể cả trong thời gian xảy ra tình trạng chiến tranh khẩn cấp. Danh sách các quyền tự do tôn giáo cá nhân được đề cập đến trong Điều 18 của ICCPR đã đưa ra sự mô tả chi tiết các quyền nằm trong tiêu chuẩn tối thiểu được quốc tế thừa nhận:

- Tự do thờ cúng và nhóm họp vì mục đích liên quan đến tôn giáo hay tín ngưỡng, cũng như thành lập và duy trì các địa điểm vì mục đích này;

- Tự do đưa ra, thu thập và sử dụng trong chừng mực nhất định các bài báo hay tài liệu cần thiết liên quan đến các lễ nghi hay tục lệ của một tôn giáo hay tín ngưỡng;
- Tự do xin và nhận các tài trợ tài chính hay các đóng góp khác từ các cá nhân và tổ chức;
- Tự do truyền giáo, bổ nhiệm, bầu cử hay chỉ định những nhà lãnh đạo kế vị thích hợp đáp ứng những yêu cầu và tiêu chuẩn của bất cứ tôn giáo hay tín ngưỡng nào;
- Tự do tiến hành những ngày nghỉ, kỷ niệm những ngày lễ thánh, và những nghi lễ theo giới luật của tôn giáo hay tín ngưỡng đó;
- Tự do tôn giáo tại nơi làm việc, kể cả quyền được cầu nguyện, ăn mặc và các chế độ ăn kiêng;
- Tự do tập hợp và nhóm họp để thờ phụng hay tiến hành các nghi lễ;
- Tự do công bố tín ngưỡng của cá nhân;
- Tự do thay đổi hay từ chối đi theo một tôn giáo nào đó;
- Tự do giáo dục tôn giáo, trên cơ sở “đảm bảo lợi ích tốt nhất” cho trẻ em.

Tự do thực hành tôn giáo tập thể

Các quyền về tôn giáo không chỉ cho phép cá nhân được hưởng những tự do đề cập trên. Một tôn giáo hay tín ngưỡng có thể được và thường là được thể hiện trong cộng đồng, vì vậy thường diễn ra ở những nơi công cộng. Điều này cũng ngụ ý sự cho phép quyền tự do tập hợp, nhóm họp trong cộng đồng các tín đồ tôn giáo.

Tự do của các cơ quan tôn giáo riêng biệt

Các cơ quan riêng biệt dựa trên cơ sở tôn giáo cũng được hưởng đầy đủ sự bảo vệ theo tự do tôn giáo. Các cơ quan này có thể là những ngôi nhà dùng làm địa điểm thờ phụng, sùng bái; hoặc là các cơ quan truyền giáo đào tạo về các vấn đề tôn giáo, hoặc thậm chí là các Tổ chức phi chính phủ NGOs.

Quyền của họ bao gồm:

- Tự do thành lập và duy trì các tổ chức từ thiện hay tổ chức nhân đạo thích hợp;
- Tự do viết, xuất bản và phát tán, phổ biến các tài liệu có liên quan trong các lĩnh vực này;
- Tự do truyền đạo giảng dạy một tôn giáo hay tín ngưỡng ở những địa điểm thích hợp.

Tuyên bố về xoá bỏ mọi hình thức không khoan dung và phân biệt đối xử trên cơ sở tôn giáo hay tín ngưỡng. 1981.

Nguyên tắc không phân biệt đối xử

Phân biệt đối xử và không khoan dung trên cơ sở tôn giáo - có nghĩa là bất cứ một sự phân biệt, loại trừ, ngăn cấm, hay thiên vị về tôn giáo hay tín ngưỡng nào đều bị cấm. Việc cấm phân biệt và không khoan dung về tôn giáo không chỉ được giới hạn trong đời sống công chúng mà còn được áp dụng vào đời sống riêng tư của các cá nhân mà chính từ đó các tín ngưỡng và tôn giáo cũng như các nhu cầu khác được hình thành, khởi nguồn.

 Không phân biệt đối xử

Giáo dục

Cha mẹ có quyền quyết định hướng con cái của họ theo tín ngưỡng của mình. Quy định về “lợi ích tốt nhất cho trẻ” nhằm giới hạn tự do trong hành động của cha mẹ chỉ áp dụng khi việc thực hành tôn giáo có thể gây tổn hại tới sức khỏe tinh thần hay thể chất của trẻ. Việc thực hành đó có thể dẫn tới từ chối khám chữa bệnh hay cho trẻ em đến trường. Ví dụ, những tín đồ Giehova (một tổ chức tôn giáo tin rằng sắp đến ngày tận thế và mọi người sẽ sa xuống địa ngục trừ thành viên của tổ chức tôn giáo này) từ chối việc truyền máu, và việc này có thể sẽ dẫn đến cái chết của trẻ nhỏ, tín ngưỡng của họ không thích hợp với tiêu chuẩn hiện hành về khám chữa bệnh sức khỏe y tế.

Trên phương diện cộng đồng, nhà nước có nghĩa vụ cung cấp sự giáo dục nhằm bảo vệ trẻ em khỏi

sự không khoan dung và phân biệt đối xử trong tôn giáo, và đưa vào chương trình giảng dạy nội dung về tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo.

Câu hỏi thảo luận

- Ở nước bạn, sự hướng dẫn về tôn giáo được thực hiện như thế nào?
- Chương trình giảng dạy và sách giáo khoa ở nước bạn có đề cập đến các vấn đề tự do tôn giáo và tín ngưỡng không, kể cả tự do không tín ngưỡng?
- Ở nước bạn có sự bảo vệ cho tính độc lập trong hướng dẫn tôn giáo không?

Biểu lộ niềm tin

Tự do biểu lộ niềm tin vào tôn giáo bao gồm bảo vệ phát ngôn, giảng dạy, hành xử, thờ cúng và tiến hành các lễ nghi do tôn giáo đó quy định. Bạn có quyền nói chuyện về tín ngưỡng của bạn, giảng dạy, tiến hành các hoạt động một mình hay cùng những người khác và thực hiện các quy định về chế độ ăn kiêng, tuân thủ yêu cầu về trang phục, hay sử dụng một ngôn ngữ đặc biệt, và tiến hành các lễ nghi liên quan đến tín ngưỡng của bạn. Sự biểu lộ niềm tin hay tôn giáo còn có nghĩa là có thể tránh, từ chối những hành động trái với quy định trong tín ngưỡng của bạn. Các hành động đó có thể là chối bỏ lời thề, nghĩa vụ quân sự, tham gia vào các buổi lễ tôn giáo, xưng tội hay từ chối khám chữa bệnh.

Giới hạn của tự do tôn giáo

Cho dù bạn được tự do lựa chọn tín ngưỡng của mình nhưng việc bạn thể hiện như thế nào thì có thể bị giới hạn trong một vài trường hợp khi việc biểu lộ ấy đe dọa đến quyền lợi, mối quan tâm của những người khác.

Việc hạn chế quyền thể hiện một tín ngưỡng tôn giáo cần phải mang tính cân đối và dựa trên cơ sở luật pháp. Việc giới hạn này chỉ nên áp dụng khi cần thiết để bảo vệ an toàn, trật tự xã hội, sức khỏe hay đạo đức cho cộng đồng, hoặc để bảo vệ các quyền cơ bản và tự do của những người khác.

Sự hạn chế tự do này là có thể cho phép, ví dụ trong trường hợp tể người, tể thần, cắt bộ phận sinh dục nữ, nô lệ, cưỡng ép mại dâm, các hoạt động lật đổ và các hành vi khác đe dọa đến sức khỏe con người và sự nguyên vẹn của cơ thể.

3. QUAN ĐIỂM LIÊN VĂN HÓA VÀ CÁC VẤN ĐỀ GÂY TRANH LUẬN

Nhà nước và niềm tin

Một trong những khác biệt chủ yếu trên toàn thế giới về sự bảo vệ các tự do tôn giáo chính là vấn đề mối quan hệ giữa nhà nước và tôn giáo hay tín ngưỡng. Có một vài kiểu khuôn mẫu cơ bản về cách thức các quốc gia thể hiện mối quan hệ với tín ngưỡng: tôn giáo của quốc gia, thành lập các nhà thờ, sự trung lập của nhà nước về các tín ngưỡng và cơ quan thể chế của họ, không theo một tôn giáo chính thức nào, tách biệt giữa nhà thờ và nhà nước, và bảo vệ các nhóm tôn giáo được thừa nhận hợp pháp.

Các tiêu chuẩn quốc tế không quy định bất cứ một hình mẫu đặc thù nào về mối quan hệ giữa nhà nước và tín ngưỡng. Những tiêu chuẩn này không đòi hỏi một ảo tưởng về các xã hội không tôn giáo, mà ở đó loại trừ tôn giáo khỏi các vấn đề xã hội cộng đồng mặc dù sự tách biệt tôn giáo tín ngưỡng với nhà nước là tính chất đặc thù chủ yếu của các xã hội hiện đại (phương Tây).

Duy chỉ có một yêu cầu quốc tế chung, đó là những mối quan hệ này không được dẫn đến phân biệt đối xử đối với những tôn giáo không thuộc tôn giáo chính thức hay những tôn giáo tín ngưỡng đã được công nhận về mặt pháp lý. Tuy nhiên, ở các nước mà chỉ có một tôn giáo được nhận biết là tôn giáo quốc gia, thì khó có thể thấy việc duy trì sự đối xử bình đẳng đối với các tôn giáo tín ngưỡng khác hay tôn giáo tín ngưỡng thiểu số.

Theo các quan điểm phương Tây, mối quan hệ bình đẳng đối với tất cả các tôn giáo trong một quốc gia chủ yếu là để đảm bảo sự bảo vệ đầy đủ tự do tôn giáo cho các cá nhân. Trái lại, luật Đạo Hồi truyền thống Shariah, lại kết nối giữa

nhà nước và tôn giáo tín ngưỡng bởi vì hệ thống này được cho là sẽ cung cấp sự bảo vệ tốt hơn cho tự do tôn giáo của cộng đồng. Tuy nhiên, cũng có thể có ý kiến tranh luận rằng ở nơi mà quốc gia được liên kết với một nhà thờ hay tôn giáo đặc biệt, thì quyền của các tín đồ thuộc các thiểu số tôn giáo gần như khó có thể được sự bảo vệ bình đẳng.

Câu hỏi thảo luận

- Quốc gia của bạn có thái độ như thế nào đối với các tôn giáo tín ngưỡng khác nhau?
- Quốc gia của bạn có ghi nhận các thể chế của các tôn giáo khác không?
- Bạn có nghĩ là có thể thiết lập một hệ thống bình đẳng cho các tôn giáo tín ngưỡng trong khi giữ đặc quyền cho một tôn giáo?
- Bạn có nghĩ là sẽ hợp pháp nếu cho phép các đảng chính trị tôn giáo thành lập và hoạt động?

Bội giáo - Tự do lựa chọn và thay đổi tôn giáo

Hành động bội giáo - từ bỏ một tôn giáo để đi theo tôn giáo khác hay một phong cách sống không tôn giáo - là một vấn đề gây nhiều tranh cãi nhất giữa các nền văn hóa mặc dù đã có các tiêu chuẩn quốc tế hết sức rõ ràng quy định vấn đề này.

Một người được coi là tín đồ bội giáo nếu họ từ bỏ một tôn giáo, và hoặc để đi theo một tôn giáo khác hoặc theo một phong cách sống không tôn giáo. Trước đây, trong lịch sử đạo Hồi, đạo Cơ đốc, và các tôn giáo khác có một cách nhìn rất bi quan về tín đồ bội giáo. Hình phạt thường là hành quyết.

Ngày nay, trong đạo Hồi sự bội giáo vẫn bị trừng phạt nghiêm khắc ở nhiều quốc gia nơi mà xã hội của họ dựa trên cơ sở luật Shariah. Các quốc gia như Pakistan, Ả Rập Xêút, và Ai Cập chỉ ủng hộ số đông và có thể sẽ áp dụng hình phạt tù chung thân hay tử hình nếu các tín đồ từ chối tín ngưỡng đạo Hồi một cách công khai. Trên thực tế, điều này có nghĩa là các tín đồ sẽ không có sự tự do lựa chọn và thay đổi tôn giáo hay tín ngưỡng của họ.

Điều này rõ ràng đã mâu thuẫn với luật quốc tế về quyền con người. Một người có quyền tự do lựa chọn tôn giáo tín ngưỡng của họ mà không phải chịu một áp lực nào. Sự tranh luận về vấn đề này thường mang tính xúc cảm cao và nhạy cảm bởi vì nó đụng chạm đến khía cạnh nhận thức sâu sắc và những cách hiểu khác nhau về tự do tôn giáo. Nó minh họa cho sự khác biệt văn hóa trong nhận thức về tự do tôn giáo và các tự do khác.

Nhập đạo - Quyền phổ biến về tín ngưỡng

Bạn có quyền phổ biến tín ngưỡng của bạn và khuyến khích mọi người chuyển từ tín ngưỡng này sang tín ngưỡng khác với điều kiện bạn không sử dụng sự ép buộc hay áp lực nào. Hành động này gọi là nhập đạo hay khiến ai từ bỏ một tôn giáo tín ngưỡng để theo một tôn giáo tín ngưỡng khác.

Ở Trung Âu, Đông Âu và châu Phi xung đột đã xuất hiện giữa các nhà thờ địa phương và các tôn giáo ngoại nhập đang tìm cách cổ động những chương trình truyền giáo. Trong một số trường hợp nhất định, chính phủ đã cấm các hoạt động như vậy. Luật về quyền con người yêu cầu rằng các chính phủ phải bảo vệ quyền tự do biểu đạt, và các tín đồ được tự do có hành động nhập đạo theo các hình thức không cưỡng ép, như “đơn thuận kêu gọi đi theo một tín ngưỡng” hay trưng bày những áp phích hay thông cáo, yết thị.

Ép buộc một ai đó chuyển sang một tôn giáo tín ngưỡng khác rõ ràng là một sự xâm phạm quyền con người, nhưng vấn đề được phép tự do đến mức độ nào thì vẫn chưa được quy định trong luật quốc tế. “Hoàn cảnh cưỡng ép” sẽ phải được sử dụng để hạn chế sự nhập đạo: ví dụ sử dụng tiền, quà biếu hay những đặc quyền nhằm làm cho một người chuyển đổi tôn giáo tín ngưỡng của mình, hay nhập đạo ở những nơi mà mọi người theo yêu cầu của luật pháp (ví dụ lớp học, kho quân sự, nhà tù hoặc những nơi tương tự).

Kích động lòng căm thù tôn giáo và tự do biểu đạt

Đầu năm 2006, các nhóm tự do dân sự ở nước Anh kêu gọi rằng “Dự luật mới về lòng căm

thù chủng tộc và tôn giáo” - giới thiệu sự vi phạm mới về “kích động lòng căm thù tôn giáo” - không được ngăn cản quyền phê phán tín ngưỡng tôn giáo và thực hành tôn giáo như một phần của tự do biểu đạt. Dự thảo này sau đó đã được sửa đổi.

Tự do biểu đạt và tự do thông tin

Từ chối nhập ngũ theo nghĩa vụ quân sự vì cho rằng điều này trái với đạo lý

Tranh luận mang tính liên văn hóa vẫn tiếp tục về vấn đề gọi là từ chối nhập ngũ theo nghĩa vụ quân sự bắt buộc. Một người có thể được miễn nghĩa vụ quân sự nếu nghĩa vụ sử dụng một biện pháp gây chết người là mâu thuẫn nghiêm trọng với tôn giáo tín ngưỡng của người đó. Có thể thấy một vài xu hướng ghi nhận quyền này trong pháp luật ở một số quốc gia nơi có những hình thức nghĩa vụ cộng đồng khác để lựa chọn (như ở Úc, Pháp, Canada hay Hoa Kỳ). Tuy nhiên, ở các quốc gia khác như Hi Lạp, Chi Lê hay đặc biệt Ixraen thì không chấp nhận việc từ chối thực hiện nghĩa vụ quân sự như vậy và một người có thể bị bỏ tù vì từ chối không chịu mang vũ khí lên người.

Câu hỏi thảo luận

- Ở nước bạn có tù nhân tôn giáo tín ngưỡng không?
- Bạn có nghĩ rằng cần phải có quyền từ chối giết người được thừa nhận một cách rõ ràng trong luật quốc tế về quyền con người không?

4. THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT

Vấn đề chính của việc thực hiện tự do tôn giáo là thiếu sự thực thi hiệu quả Điều 18 của ICCPR. Tuyên ngôn Liên hiệp quốc năm 1981 về xóa bỏ tất cả mọi hình thức không khoan dung và phân biệt đối xử dựa trên cơ sở tôn giáo hay tín ngưỡng đã đưa ra những điều khoản chi tiết hơn mang lại những ảnh hưởng về mặt pháp lý nhất định bởi vì nó có thể được coi như là sự khởi đầu

của luật tập quán quốc tế. Tuy nhiên, nhìn chung, tuyên ngôn không có giá trị ràng buộc về mặt pháp lý. Mặc dù đã có sự thống nhất ở cấp độ quốc tế về sự cần thiết phải có một điều ước nhưng vẫn chưa đạt được sự đồng thuận về các nội dung cần được đề cập trong điều ước.

Báo cáo viên đặc biệt về không khoan dung tôn giáo đã được bổ nhiệm năm 1986 để giám sát việc thực hiện Tuyên ngôn năm 1981. Nhiệm vụ chính của Báo cáo viên đặc biệt là để nhận biết các trường hợp vi phạm hay các hành động của chính phủ không phù hợp với các điều khoản của Tuyên ngôn và để đưa ra gợi ý đề xuất về biện pháp khắc phục mà các nhà nước nên thực hiện. Sự đàn áp và phân biệt đối xử về tôn giáo có ảnh hưởng không những chỉ đối với các cá nhân mà còn cả cộng đồng trên toàn thế giới ở tất cả các tôn giáo. Nó có thể là những hành động xâm phạm vào nguyên tắc không phân biệt và không khoan dung trong tôn giáo và tín ngưỡng, cho tới những hành động tấn công vào quyền sống, quyền được toàn vẹn về mặt cơ thể và an ninh con người của các cá nhân.

Các văn kiện về quyền con người của khu vực cũng đề cập đến tự do tôn giáo, như: Ủy ban châu Phi về quyền con người đã quyết định các trường hợp liên quan đến Xudan rằng việc áp dụng luật Shariah phải phù hợp với quy định nghĩa vụ quốc tế.

Biện pháp ngăn ngừa và chiến lược trong tương lai

Trước khi tiếp tục công việc soạn thảo một điều ước mang tính ràng buộc pháp lý, Tuyên ngôn năm 1981 của Liên hiệp quốc về xóa bỏ mọi hình thức không khoan dung và phân biệt đối xử trên cơ sở tôn giáo hay tín ngưỡng cần phải được tăng

cường thực hiện, nhằm phát triển một nền văn hóa thừa nhận sự tồn tại chung của đa tôn giáo. Cần phải coi trọng và nhấn mạnh vào vai trò của giáo dục như một phương thức thiết yếu để đấu tranh chống lại sự không khoan dung và phân biệt đối xử. Theo luật quốc tế, các quốc gia có nhiệm vụ phải đương đầu với sự vi phạm, bạo lực và phân biệt đối xử trong vấn đề về tôn giáo. Các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức tôn giáo hay phi tôn giáo đều có vai trò rõ ràng bình đẳng trong việc nêu lên những vi phạm của nhà nước hay các tổ chức khác trong việc bảo vệ những người bị đàn áp, và khuyến khích tăng cường sự khoan dung thông qua các chiến dịch thông tin, nâng cao nhận thức, các chương trình giáo dục và giảng dạy.

Chúng ta có thể làm gì?

Chúng ta có thể bắt đầu ngăn ngừa sự phân biệt và sự ngược đãi tôn giáo bằng việc tôn trọng quyền của những người khác. Sự khoan dung tôn giáo đề cập đến việc tôn trọng tín đồ của các tín ngưỡng khác, không quan trọng việc chúng ta nghĩ tín ngưỡng của họ có thực hay không. Văn hóa khoan dung và tôn trọng đòi hỏi chúng ta không được phân biệt, gièm pha, hay lăng mạ tôn giáo của những người khác và tôn trọng quyền cơ bản cho phép sự khác biệt cả trong lĩnh vực tôn giáo. Nó cũng có nghĩa là không được phân biệt đối xử với những người khác trong việc tuyển dụng, cư trú hay tiếp cận các dịch vụ xã hội bởi vì họ có một tín ngưỡng khác. Hơn thế nữa, để bắt đầu thay đổi thái độ, cần tiến hành những trao đổi đàm luận giữa các tôn giáo, cũng để tín đồ tôn giáo và những người không theo tôn giáo nào cùng gặp nhau ở một quan điểm chung và học cách tôn trọng nhau.

ĐIỀU NÊN BIẾT

1. KINH NGHIỆM TỐT

Đối thoại giữa các tôn giáo về chủ nghĩa đa nguyên về tôn giáo



Trong một vài thập kỷ qua vấn đề về chủ nghĩa đa nguyên văn hóa và tôn giáo đã lại làm thức tỉnh mối quan tâm của các nhà thờ và các cộng đồng tín đồ tôn giáo. Mọi người đều cảm nhận sự cấp thiết về việc xây dựng những mối quan hệ mang tính sáng tạo giữa tín đồ của các tín ngưỡng khác nhau. Khi có nhiều mối quan tâm trong trao đổi đàm luận, cũng như sự gia tăng các thực hành thì các cộng đồng tôn giáo khác nhau cũng hiểu nhau và hợp tác với nhau chặt chẽ hơn trong giáo dục, giải quyết các mâu thuẫn và trong cuộc sống hàng ngày của cộng đồng. Các tổ chức phi chính phủ quốc tế đã có nhiều hoạt động tăng cường đối thoại tôn giáo và hòa bình chẳng hạn như:

- Hội đồng Nhà thờ thế giới.
- Hội nghị thế giới về Tôn giáo và hòa bình (WCRP) với nhóm công tác thường trực về “tôn giáo và quyền con người”.
- Nghị viện thế giới về tôn giáo.
- Quỹ Đạo đức toàn cầu.
- Hội các Hội đồng liên tôn giáo toàn thế giới

Rất nhiều các sáng kiến trong khu vực và quốc gia đang hỗ trợ giải quyết xung đột và ngăn ngừa mâu thuẫn thông qua đối thoại trên toàn thế giới:

- Ở Trung Đông, giới Tăng lữ vì hòa bình đã nhóm họp các giáo sĩ Do Thái, các linh mục, mục sư, và thầy tế (Hồi giáo) ở Ixraen và ở Bờ Đông để có hành động chung và làm nhân chứng cho hòa bình và sự công bằng trong khu vực;
- Ở Nam Ấn Độ, Hội đồng Cầu nguyện Đức chúa Trời đã nhóm họp các tôn giáo đạo Hindu, đạo Cơ Đốc, đạo Hồi, đạo Phật, đạo Jana, đạo Zoroastria, đạo Do Thái, và đạo Sic trong một

nỗ lực giải quyết tình trạng mâu thuẫn cộng đồng (chủ nghĩa công xã);

- Ở Thái Bình Dương, Tổ chức Tìm kiếm liên tôn giáo đã nhóm họp các đại diện của nhiều tôn giáo ở Fiji để tìm kiếm giải pháp vượt qua những thành kiến và tăng cường sự tôn trọng và ghi nhận lẫn nhau;
- Ở châu Âu, “Dự án: Châu Âu liên tôn giáo” là hình thức đầu tiên thuộc dạng này đã mời các nhà chính trị và đại diện của các tôn giáo khác nhau ở các khu vực trên toàn châu Âu về nhóm họp ở thành phố Graz và Sarajevo;
- Thành phố Graz đã thành lập Hội đồng các vấn đề liên tôn giáo, nhằm thảo luận các vấn đề liên tôn giáo và tư vấn cho thành phố cách thức pháp giải quyết các vấn đề đó.

Câu hỏi

“Trong đối thoại, nhận thức và cởi mở cần phải cân bằng”.

- Điều này có thể được tiến hành như thế nào, trên phương diện cá nhân và trong một cộng đồng?

(Nguồn: **Đoàn Mục sư thế giới - Chỉ dẫn về đối thoại giữa các tôn giáo**. Tại địa chỉ: <http://www.pcusa.org/pcusa/wmd/eir/dialog.htm>)

“Tôn giáo vì hòa bình” thông qua giáo dục



Giáo dục liên tôn giáo đã giúp khuyến khích sự tôn trọng tôn giáo khác và giúp cho sinh viên gạt bỏ được những rào cản thành kiến và không khoan dung.

- Ở Ixraen, một dự án gọi là “Những giá trị chung/Nguồn khác biệt” đã tập hợp những tín đồ theo đạo Do Thái, đạo Hồi và đạo Cơ đốc cùng nghiên cứu các văn bản trong kinh thánh nhằm tìm ra những giá trị chung để họ có thể

thực hành trong cuộc sống hàng ngày, và cuối cùng là để soạn thảo ra một cuốn sách làm giáo trình cho việc giảng dạy ở lớp học;

- Ở Thái Lan và Nhật Bản, Nhóm Đạo đức Thanh niên lãnh đạo đã tập hợp những đại diện của các cộng đồng tôn giáo ở những nước đó để tham dự một chương trình đào tạo về tầm nhìn của lãnh đạo, về quy tắc đạo đức, luân thường đạo lý, về phục vụ cộng đồng, và về củng cố tăng cường hòa giải;
- Ở Đức, Anh và các quốc gia khác, các nhà giáo dục đang phân tích các giáo trình giảng dạy ở trường nói về ứng xử của các truyền thống tôn giáo vốn vẫn còn xa lạ với những sinh viên mà các giáo trình dự định nhằm tới.

2. XU HƯỚNG

Các dị giáo, giáo phái và phong trào tôn giáo mới

Phó Tổng thống chỉ trích nhóm quần chúng đã tấn công vào giáo phái đạo Hồi

Jarkata (ngày 16 tháng 7 năm 2005): Phó Tổng thống Yusuf Kalla vào hôm thứ bảy đã chỉ trích một vụ tấn công của khoảng 1.000 tín đồ đạo Hồi vào trụ sở của một giáo phái đạo Hồi ít người biết đến và bị lên án là dị giáo so với các nhóm đạo Hồi chính thống trên toàn thế giới. Được trang bị gậy gộc và gạch đá, nhóm dân chúng này đã tấn công vào trụ sở của giáo phái Ahamadiyah ở thị trấn Bogor, ngay phía Nam của Jakarta, phá hoại làm hư hỏng văn phòng và nơi cư ngụ. Cảnh sát đã cố gắng ngăn chặn vụ tấn công, nhưng bị áp đảo bởi nhóm dân chúng đông người hơn.

(Nguồn: **Thời báo Indonexia**. Tại địa chỉ: <http://www.indonesia-ottawa.org/information/details.php?type=news&id=1220>)

Tự do tôn giáo không chỉ được giải thích theo phạm vi hẹp với nghĩa các tôn giáo truyền thống

trên thế giới. Các phong trào tôn giáo mới hoặc các tôn giáo thiểu số cũng phải được hưởng sự bảo vệ bình đẳng. Nguyên tắc này có ý nghĩa quan trọng đặc biệt trong bối cảnh hiện nay khi các phong trào tôn giáo mới lại trở thành mục tiêu cho sự phân biệt và đàn áp. Các phong trào mới như vậy được biết đến bởi một vài thuật ngữ tên gọi khác nhau và cần phải được kiểm tra, giám sát chặt chẽ.

Thuật ngữ “Dị giáo” và “Giáo phái” được sử dụng để chỉ các nhóm tôn giáo khác với tín ngưỡng và thực hành của tôn giáo chính thống. Cả hai thuật ngữ này đều rất mơ hồ nhưng “giáo phái” thường là để chỉ một nhóm tôn giáo không chính thống được tách ra khỏi tôn giáo chính, trong khi “dị giáo” nói chung được coi như một hệ thống các tín ngưỡng tôn giáo giả mạo và không chính giáo, và thường đề ra những lễ nghi khác thường.

Bởi vì, cả hai thuật ngữ này được định nghĩa theo cách “khác với tiêu chuẩn”, nên các tín ngưỡng khác nhau cũng sẽ có quan điểm khác nhau về việc hình thành một giáo phái hay một dị giáo. đạo Phật và đạo Hindu sử dụng các thuật ngữ này trên quan điểm trung lập, trong khi ở thế giới phương Tây, “dị giáo” hay “giáo phái” thường được sử dụng với nghĩa tiêu cực. Quan điểm này không chỉ xuất phát từ sự khác nhau giữa các nhóm này so với nhóm tiêu chuẩn, mà còn bởi vì chúng thường được liên kết với sự lạm dụng hay cố gắng về mặt tài chính. Và các nhóm được thành lập như các tổ chức kinh doanh thương mại hơn là các nhóm tôn giáo thì sẽ không được bảo vệ bởi tự do tôn giáo. Một điển hình nổi tiếng và gây nhiều tranh cãi là Nhà thờ khoa học ở một vài nước – như ở Đức được nhiều người biết nhất – không được công nhận như một nhà thờ bởi vì người ta cho đó là một đơn vị kinh doanh giống một công ty.

Câu hỏi thảo luận

- Các tín ngưỡng thiểu số có được bảo vệ ở nước bạn không, và nếu có thì được bảo vệ

như thế nào?

- Họ có được bình đẳng trong các quyền/và được hỗ trợ như (các) tín ngưỡng chủ đạo không?

Phụ nữ và tín ngưỡng

Trong suốt quá trình lịch sử, phụ nữ bị hầu hết tất cả các tín ngưỡng phân biệt đối xử. Và chỉ gần đây vấn đề tự do về tôn giáo của họ mới được đề cập đến. Phụ nữ bị phân biệt đối xử kép trong tôn giáo. Họ có thể thiếu tự do khi biểu lộ tín ngưỡng của mình, bởi vì họ không được bình đẳng tiếp cận những nơi thờ cúng, để thuyết giáo hay để lãnh đạo. Thêm vào đó, họ có thể trở thành nạn nhân của một vài tín ngưỡng, niềm tin nhất định nào đó vào bất cứ lúc nào, luật giáo, hành xử tôn giáo và tục lệ tôn giáo đều có thể trừng phạt hay thậm chí đe dọa cuộc sống của họ:

- Tỷ lệ nữ thanh niên bị xâm phạm ở các vùng nông thôn Ai Cập là 97%. Tục cắt bỏ âm vật phụ nữ (FGM) là một tập tục văn hóa ở nhiều quốc gia, và bị phản đối kịch liệt vì không phù hợp các tiêu chuẩn quốc tế về bảo vệ quyền con người. Tập tục này có thể làm xuất hiện nhiều vấn đề trầm trọng về sức khỏe. Tuy nhiên, ở vùng này đã có một tiến bộ vào tháng 6 năm 2003 khi Tuyên bố Cairo về xóa bỏ xâm phạm tình dục đối với phụ nữ tại Hội nghị Nhóm chuyên gia tư vấn liên châu Phi - Ả Rập về “Công cụ luật pháp cho việc ngăn ngừa xâm phạm tình dục đối với phụ nữ” được ký kết bởi các đại diện của 28 nước châu Phi và Ả Rập chịu ảnh hưởng của tục cắt bỏ âm vật phụ nữ.
- Hôn nhân cưỡng ép dẫn tới tình trạng nô lệ diễn ra ở nhiều quốc gia trên thế giới. Yêu cầu phải có sự đồng ý của phụ nữ trong hôn nhân không được tôn trọng. Đôi khi “các bà vợ” vẫn còn là những đứa trẻ con. Hôn nhân cưỡng ép cũng tồn tại ở một số nhóm nhất định ở châu Âu và Bắc Mỹ, được bảo vệ và dung thứ dưới danh nghĩa văn hóa, truyền thống và tôn giáo mặc dù đã có những lệnh cấm chung ở các quốc gia đó.
- Cưỡng dâm như một hình thức “thanh trừ sắc tộc”: một bộ phận nạn nhân tôn giáo trong

nhiều trường hợp là do phong trào khởi xướng cưỡng dâm ở Nam Tư cũ, Georgia, Xudan, Ganda, Chechnia. Sự mang thai do ép buộc của những người phụ nữ bị cưỡng dâm là nhằm đảm bảo họ đã bị đánh dấu cho mọi người biết là họ đã bị cưỡng dâm, và vì vậy rất xấu hổ và bị mất danh dự. Con cái do họ đẻ ra lại tiếp tục bị phân biệt đối xử.

Chủ nghĩa cực đoan về tôn giáo và các ảnh hưởng của nó

Sau vụ khủng bố ngày 11 tháng 9 năm 2001 vào Trung tâm Thương mại thế giới và Lầu Năm Góc, và cũng sau vụ khủng bố ngày 07 tháng 7 năm 2005 vào hệ thống tàu điện ngầm của London, nạn khủng bố có vẻ như đã khai thác triệt để tín ngưỡng tôn giáo hơn lúc nào hết. Nhiều người đã kết luận rằng những sự kiện bi kịch này chỉ là sự đánh dấu đỉnh điểm của khối băng chìm trong mối liên hệ giữa tín ngưỡng và nạn khủng bố: các vụ không tặc máy bay, các vụ đánh bom sứ quán của các nước phương Tây ở các quốc gia đạo Hồi, chứ không đề cập đến “vấn đề Ixraen/Palestin” và các mâu thuẫn “không gay gắt lắm” trên toàn thế giới, và nhóm lên các phong trào tôn giáo vì mục đích lý do chính trị.

Tuy nhiên, sự liên hệ này rất nguy hiểm. Nó chia thế giới ra làm hai kịch bản “tốt” và “xấu” và đóng mác lên mọi người theo tín ngưỡng của họ. Nhưng không phải tất cả những tên khủng bố hay những người theo chủ nghĩa cực đoan đều theo tôn giáo cũng như không phải tín đồ nào cũng là những tên khủng bố. Khi các vụ tấn công của chủ nghĩa cực đoan được liên hệ với tín ngưỡng, với những tên phạm tội nói rằng chúng phạm tội ác vì “nhân danh đức chúa Trời”, tôn giáo và sự tự do tôn giáo đã bị sử dụng và lợi dụng để trá hình cho các hành động hay yêu cầu mang động cơ chính trị.

Sự cầu viện đến khủng bố dưới danh nghĩa tín ngưỡng tôn giáo không biểu thị sự mâu thuẫn của các nền văn hóa khác nhau dựa trên cơ sở các tín ngưỡng, tôn giáo, bởi vì chủ nghĩa cực đoan là mối đe dọa toàn cầu không chỉ được giới hạn trong bất cứ một xã hội hay một tôn giáo đặc biệt

nào, mà nó dựa trên cơ sở không khoan dung và không cần biết đến ai.

Chỉ có một phương cách duy nhất để chiến đấu một cách hiệu quả với mọi hình thức của chủ nghĩa cực đoan, đó là tìm cách phá vỡ cái vòng luẩn quẩn rằng sự bạo lực sẽ lại gây ra nhiều bạo lực hơn.

“Chỉ khi tôn giáo được sử dụng một cách sai lầm để biện minh cho nạn khủng bố, thì các hành động “chống khủng bố” của chính phủ mới được sai để biện minh cho các hành động dưới danh nghĩa quyền con người và tự do tôn giáo hay tín ngưỡng”.

(Nguồn: OSCE - Tự do tôn giáo và tín ngưỡng,
Tại địa chỉ: <http://www.osce.org/odihr/13434.html>)

Câu hỏi Thảo luận

- Các lý do chủ đạo dẫn đến mâu thuẫn trong và giữa các cộng đồng tôn giáo là gì? Bạn có thể đưa ra một vài lý do mà bản thân bạn từng chứng kiến.
- Theo bạn tín ngưỡng tôn giáo có vai trò gì trong việc tìm kiếm hòa bình và giải quyết xung đột? Hãy nghĩ về các ví dụ mà trong đó tôn giáo đóng vai trò là nhân tố hòa giải.

3. NIÊN BIỂU THỜI GIAN

Các mốc lịch sử quan trọng trong sự phát triển tự do tôn giáo

1776 Dự luật Virginia về các quyền, sửa đổi lần thứ nhất

1948	Tuyên bố về tự do tôn giáo của Hội đồng Nhà thờ thế giới
1948	Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người (Điều 2, khoản 18)
1948	Công ước về ngăn ngừa và trừng phạt tội diệt chủng (Điều 2)
1950	Công ước châu Âu về bảo vệ quyền con người và tự do cơ bản (Điều 9)
1965	Tuyên bố của Hội đồng Vaticăng về tự do tôn giáo
1966	Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (Điều 18, 20, 24, 26)
1969	Công ước châu Mỹ về quyền con người (Điều 12, 13, 16f, 23)
1981	Hiến chương châu Phi về Quyền con người và quyền của các dân tộc (Điều 2, 8, 12)
1981	Tuyên bố của Liên hiệp quốc về xóa bỏ mọi hình thức không bao dung và Phân biệt đối xử trên cơ sở tôn giáo hay tín ngưỡng
1992	Tuyên bố của Liên hiệp quốc về quyền của người dân được thuộc về các dân tộc thiểu số, tôn giáo hay ngôn ngữ (Điều 2)
1993	Tuyên bố về đạo đức toàn cầu, được Nghị viện của Tổ chức Tôn giáo thế giới phê chuẩn ở Chicago
1994	Hiến chương các nước Ả Rập về quyền con người (Điều 26, 27)
1998	Hiến chương châu Á về quyền con người (Điều 6)
2001	Hội nghị Tư vấn quốc tế của Liên hiệp quốc về giáo dục trong trường học trong mối liên hệ với tự do tôn giáo và tín ngưỡng, sự khoan dung và không phân biệt (Madrid)
2001	Đại hội thế giới về duy trì bảo vệ sự đa dạng tôn giáo (New Delhi)

CÁC HOẠT ĐỘNG CHỌN LỌC

HOẠT ĐỘNG I:

NGÔN TỪ LÀM TỒN THƯƠNG



Phần I: Lời giới thiệu

Hoạt động này nhằm thể hiện những giới hạn của tự do biểu đạt khi điều mà chúng ta làm hay nói động chạm mâu thuẫn với tín ngưỡng tôn giáo và cảm xúc của những người khác.

Loại hoạt động: thảo luận.

Phần II: Thông tin chung về hoạt động

Mục đích và mục tiêu:

- Phát hiện và thừa nhận cảm xúc tôn giáo của người khác.
- Tìm hiểu về các giới hạn của tự do biểu đạt.

Đối tượng: người đã trưởng thành.

Số lượng học viên: 8-25 người.

Thời gian: tối thiểu là một giờ.

Tài liệu: giá bảng giấy thuyết trình và bút viết bảng.

Chuẩn bị: chuẩn bị một giá bảng giấy và một cây bút viết.

Các kỹ năng liên quan: lắng nghe ý kiến người khác, nhạy cảm và chấp nhận ý kiến người khác.

Phần III: Thông tin cụ thể

Mô tả hoạt động/Hướng dẫn:

- Yêu cầu học viên nghĩ ra một danh sách những lời nói, lời phát biểu hay khuôn mẫu liên quan đến tín ngưỡng hay niềm tin tôn giáo của một ai đó, những tình huống câu nói mà họ biết có thể gây ra sự đau buồn. Lựa chọn một vài câu nói tồi tệ nhất và viết chúng lên bảng.
- Chia học viên thành nhóm 4 đến 6 người. Vài người của mỗi nhóm nên đọc câu nói đầu tiên. Nhóm cần chấp nhận rằng đây là câu

phát biểu đã làm tổn thương ai đó. Họ không được hỏi họ có nghĩ là câu nói đó mang tính xúc phạm hay không.

- Để cho cả nhóm thảo luận về lý do tại sao người bị xúc phạm có thể cảm giác theo cách mà mình đang có; thảo luận xem mọi người có được phép nói ra những câu như vậy không trong khi không thêm đếm xỉa gì đến hậu quả của nó; và nên xử sự, hành động thế nào khi điều này xảy ra.
- Lặp lại các hoạt động này cho mỗi câu nói.

Phản hồi:

- Học viên cảm thấy thế nào sau cuộc thảo luận? Việc thừa nhận các câu nói đã làm tổn thương đến những người khác và giữ im lặng có khó không?
- Những giới hạn gì nên được đặt ra về việc chúng ta có thể nói gì và ở mức độ nào suy nghĩ và tín ngưỡng của chúng ta? Liệu chúng ta có nên luôn luôn nói ra bất cứ điều gì mà chúng ta muốn hay không?

Gợi ý về phương pháp:

Đảm bảo rằng bạn luôn thận trọng khi tiến hành hoạt động này bằng cách không làm cho các câu phát biểu nặng nề thêm.

Gợi ý thay đổi:

Bạn cũng có thể tiến hành hoạt động kết thúc: một bức thư cho tất cả mọi người. Viết tên của học viên vào những mẫu giấy nhỏ, yêu cầu mọi người vẽ lên một mẫu giấy và viết một bức thư nói về những điều tốt đẹp về người đó - một kết cục thích hợp cho nhiều hoạt động thực hành nhằm gợi lên những tranh luận và cảm xúc.

Phần IV: Hoạt động tiếp theo

Nếu học viên còn tiếp tục làm việc với nhau thì hoạt động thực hành thích hợp có thể là để cho cả nhóm tìm kiếm và thiết lập các quy tắc giao tiếp/thảo luận và có thể viết ra giấy, rồi

đính ghim lên tường để tất cả mọi thành viên đều có cơ hội tham khảo lại bất cứ khi nào họ thấy cần thiết.

Các quyền liên quan: quyền tự do biểu đạt và quyền tự do thông tin

(Nguồn: **Liên hiệp quốc. 2004. Giảng dạy về quyền con người. Các hoạt động thực hành cho trường tiểu học và trung học.** Nhà xuất bản Liên hiệp quốc. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.ohchr.org/english/about/publications/training.htm>)

HOẠT ĐỘNG II: ĐỨC TIN CỦA NGƯỜI HÀNG XÓM VÀ CỦA TÔI



Phần I: Giới thiệu

Nguyên tắc không phân biệt đối xử và cấm sự không khoan dung trong các vấn đề về tôn giáo là chủ đề của hoạt động này.

Sẽ tốt nhất nếu làm việc với những học viên thuộc các tín ngưỡng tôn giáo khác nhau.

Loại hình hoạt động: hoạt động đa nhiệm vụ.

Phần II: Thông tin chung về hoạt động



Mục tiêu và mục đích:

- Chỉ ra và hiểu rõ khái niệm khoan dung;
- Phân tích các khía cạnh của tự do tôn giáo;
- Phát triển các kỹ năng tưởng tượng và suy nghĩ sáng tạo.

Học hỏi về các tập quán tục lệ/văn hóa khác nhau

Nhóm đối tượng: Người đã trưởng thành. Hoạt động này cũng có thể được sử dụng cho sinh viên ở tất cả lứa tuổi và chỉ cần chỉnh sửa đôi chút.

Số lượng học viên trong nhóm: 5 - 30 người.

Thời gian: 2 - 4 giờ.

Chuẩn bị: một giá bảng giấy, giấy và bút vẽ.

Các kỹ năng cần sử dụng: các kỹ năng xã hội: nghe người khác phân tích, giao tiếp, tư duy phê

phán, đưa ý kiến của bản thân, suy nghĩ có chiều sâu, kỹ năng sáng tạo, tạo ra phép ẩn dụ, sử dụng các hình tượng minh họa.

Phần III: Thông tin cụ thể

Mô tả hoạt động/Hướng dẫn

Phần đầu tiên:

- *Hoạt động nhóm:* vẽ một bảng gồm 2 cột. Viết tiêu đề cho một cột là “khoan dung” và cột kia là “không khoan dung”. Yêu cầu học viên nghĩ về các ví dụ và viết dưới mỗi cột.
- Sau đó yêu cầu họ kiểm tra và so sánh hai cột (Mẹo: một trong những điều thường xảy ra là tất cả những định nghĩa và ví dụ dưới cột “khoan dung” lại kết thúc theo nghĩa “bị động” hơn là “chủ động”). Nếu điều này xảy ra hãy chỉ ra cho họ.
- Báo cáo về kinh nghiệm của bản thân mỗi học viên về sự không khoan dung: yêu cầu học viên mô tả tình huống không khoan dung mà họ có thể đã chứng kiến. Điều đó có thể được kiểm chế hay tránh như thế nào? Học viên có nghĩ là có một cách giáo dục mọi người về thái độ khoan dung hay không?

Phản hồi:

Khái niệm về sự khoan dung: so sánh hai cột, học viên có thể quan sát thấy điều gì? Định nghĩa chung về khoan dung hay không khoan dung cần phải bao gồm các yếu tố gì? Đặt câu hỏi cho học viên và ghi lại quan điểm chung của học viên. Sau đó cho học viên nghe phần đầu định nghĩa khái niệm về khoan dung trong Tuyên bố của Liên hiệp quốc về các nguyên tắc khoan dung: “khoan dung” là một thái độ tích cực và trách nhiệm nhằm thúc đẩy quyền con người, thuyết đa nguyên (kể cả đa nguyên văn hóa), dân chủ và nguyên tắc pháp quyền”.

Phần thứ hai:

- Tổ chức một nhóm họp gồm những người đến từ nhiều nền văn hóa. Yêu cầu mỗi học viên/nhóm nhỏ là đại diện cho một thành viên của các nhóm tâm linh hay tôn giáo khác nhau.
- Yêu cầu họ minh họa bằng cách vẽ tranh, đóng

kịch câm, hát, truyện tranh, diễn kịch ngắn hay một hình thức nào đó có thể thể hiện phong tục và tín ngưỡng của một tôn giáo.

- Cho học viên 20 phút để chuẩn bị.
- Yêu cầu họ trình bày về các phong tục khác nhau liên quan đến từng tôn giáo mà họ đại diện.

Phản hồi:

- Học viên có thể học được điều gì từ các phần trình bày? Các phần trình bày khác nhau có điểm gì chung?
- Học viên có thấy việc khoan dung, chấp nhận các tín ngưỡng tôn giáo khác có phần dễ dàng hơn sau khi đã có chút hiểu biết về các tín ngưỡng tôn giáo đó không?
- Cho học viên nghe đoạn trích thứ hai Tuyên bố của Liên hiệp quốc về các nguyên tắc khoan dung: “khoan dung” đòi hỏi các quốc gia thành viên phải cam kết giáo dục đào tạo công dân biết quan tâm đến người khác và có trách nhiệm, cởi mở với các nền văn hóa khác, thừa nhận giá trị của tự do, tôn trọng nhân phẩm và sự khác biệt, và có thể ngăn ngừa xung đột hoặc giải quyết các xung đột bằng các phương thức không bạo lực”.

Gợi ý về phương pháp:

Khi tiến hành phần hai của hoạt động cần chắc chắn là cả nhóm tôn trọng các tín ngưỡng tôn giáo của học viên. Vì lý do đó, bạn không nên sử dụng hoạt động này như một hoạt động “tìm hiểu về bạn”. Cũng nên đảm bảo rằng sự trình bày các tục lệ khác nhau không làm xúc phạm tổn thương đến cảm giác của những tín đồ khác vì sự phân biệt đối với họ. Giới thiệu hoạt động này bằng việc nói với học viên rằng các phần trình bày nên nhấn mạnh vào sự tôn kính, thờ phụng hay các lễ nghi chứ không nhằm vào việc phân tích tại sao những tôn giáo tín ngưỡng đó là “có thực”, “không thực” hay “tốt”, “xấu” gì. Nếu kể cả

khi bạn đã hướng dẫn mà các sinh viên/học viên vẫn bức tức phần nộ với cảm giác của người khác bị phân biệt, họ nên dừng ngay phần trình bày của mình mà không cần phải lo lắng về cảm giác của giảng viên - cho dù phần trình bày chưa đầy đủ... Sẽ tốt hơn nếu tất cả học viên cũng thoả thuận một tín hiệu chung (ví dụ như một mẩu giấy nhỏ màu đỏ như một đèn hiệu giao thông) để báo dừng phần trình bày có thể gây tổn thương hay đơn giản là dựa trên cơ sở một sự hiểu lầm hay thông tin sai lầm. Sau khi dừng phần trình bày phần thảo luận cần tiếp tục theo hướng mà hai bên đã tiến hành.

Gợi ý thay đổi:

Nếu bạn làm việc với trẻ em bạn có thể sử dụng cả hai phần của hoạt động thực hành và bỏ đi phần định nghĩa đề ra trong Tuyên bố của Liên hiệp quốc về các nguyên tắc khoan dung. Nếu bạn tiến hành tại trường học, bạn có thể hợp tác với các giảng viên mỹ thuật cho phần hai của hoạt động thực hành. Phần trình bày cũng có thể được thực hiện với chất liệu platixin (chất dẻo) hoặc các vật liệu khác.

Phần IV: Tiếp theo

Sau khi hoạt động này được tiến hành dựa trên cơ sở kinh nghiệm và sáng tạo, bạn có thể tiếp tục với một vài thông tin đầu vào mang tính trí tuệ, ví dụ một vài tài liệu về sự khoan dung/không khoan dung.

Các quyền liên quan/ Các khía cạnh khác cần tìm hiểu:

Phân biệt đối xử trên các khía cạnh khác như chủng tộc, màu da, giới tính, hay dân tộc.

(Nguồn: **Liên hiệp quốc - Dự án dạy và học toàn cầu Cyberschoolbus**. Tại địa chỉ: <http://www0.un.org/cyberschoolbus/humanrights/declaration/18.asp>)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Abduljalil Sajid, Imam. 2005. Islamophobia: Một thế giới mới cho một sự sợ hãi cũ. Tài liệu có tại địa chỉ:

http://www.osce.org/documents/cio/2005/06/15198_en.pdf

Ahdar, Rex. 2005. *Tự do tôn giáo ở quốc gia tự do.* Oxford: Nhà xuất bản Đại học Oxford. **Ủy ban hỗn hợp Baptist** (người theo giáo phái chỉ rửa tội cho người lớn, không làm lễ rửa tội cho trẻ sơ sinh). Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.bjcpa.org>

BBC. 2005. *Hôn nhân cưỡng chế "có thể bị cấm"*. Tài liệu có tại địa chỉ:

http://news.bbc.co.uk/2/hi/uk_news/politics/4214308.stm

Black, Henry Campbell. 1990. *Từ điển luật pháp Black.* Xuất bản lần thứ 6. Eagan: Nhóm phương Tây.

Tuyên bố Cairo về xóa bỏ tục cắt bỏ âm vật phụ nữ. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.childinfo.org/areas/fgmc/docs/Cairo%20declaration.pdf>

Trung tâm Tự do Tôn giáo - Ngôi nhà tự do. 2005. *Nhà xuất bản Xê út về tư tưởng gây hấn tràn khắp các Nhà thờ Hồi giáo ở Hoa Kỳ.* Washington. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://freedomhouse.org/religion/pdfdocs/FINAL%20FINAL.pdf>

Dũng cảm từ chối. 2004. *Những người lính dự bị có 28 ngày để từ chối thực hiện nghĩa vụ ở dải Gaza - Lily Galili và Charlotte Halle.* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.seruv.org.il/english/article.asp?msgid=204>

Tuyên bố của Hội đồng Vatican về tự do tôn giáo. Tài liệu có tại địa chỉ: http://www.vatican.va/archive/hist_councils/ii_vatican_council/documents/vat-ii_decl_19651207_dignitatis-humanae_en.html

Tuyên bố của Hội đồng Nhà thờ thế giới về tự do tôn giáo. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.religlaw.org/interdocs/docs/wccdecrelib1948.html>

Evans, Malcolm D. và Rachel Murray (Chủ biên). 2002. *Hiến chương châu Phi về quyền con người và quyền của các dân tộc. Hệ thống trên thực tế. 1986-2000.* Cambridge: Nhà xuất bản Đại học Cambridge.

Gahrana, Kanan. 2001. *Quyền tự do tôn giáo: Một nghiên cứu về chủ nghĩa thế tục ở Ấn Độ (đấu tranh cho tính không tôn giáo của nhà trường).* Denver: Nhà xuất bản Học thuật quốc tế.

Học viện phi tôn giáo hóa nhà trường của xã hội Hồi giáo. *Con ác mộng của nữ thanh niên trong các*

gia đình Đạo Hồi: Hôn nhân cưỡng ép ở châu Âu. Tài liệu có tại địa chỉ:

<http://www.secularis-lam.org/women/nightmare.htm>

Krishnaswami, Arcot. 1960. *Nghiên cứu về Sự phân biệt đối xử trong vấn đề quyền và thực hành tôn giáo.* New York: Nhà xuất bản Liên hiệp quốc.

Küng, Hans và Karl-Josef Kuschel (chủ biên). 1993. *Đạo đức toàn cầu. Tuyên bố của Nghị viện Tôn giáo thế giới.* London: Thẻ liên tục.

Marshall, Paul. 2000. *Tự do tôn giáo trên thế giới: Báo cáo toàn cầu về tự do và đàn áp.* Nashville: Broadman & Holman.

Lerner, Natan. 2000. *Tôn giáo, tín ngưỡng và quyền con người quốc tế.* New York: Sách của Orbis.

OSCE. 2005. *Đóng góp của Giáo sư Ekmeleddin Ihsanoglu, Tổng Thư ký Tổ chức các Hội nghị Đạo Hồi, vào tiến trình phiên họp thứ 4 của Hội nghị O.S.C.E. về chống chủ nghĩa Xêmit (chủ nghĩa của nhóm chủng tộc gồm người Do thái và người Ả rập) và về các dạng thức của sự không khoan dung.* Tài liệu có tại địa chỉ: http://www.osce.org/documents/cio/2005/06/15198_en.pdf

OSCE. 2005. *Hội nghị OSCE về chống chủ nghĩa Xêmit và về các hình thức khác của sự không khoan dung.* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.osce.org/item/9735.html>

OSCE. 2002. *Tự do tôn giáo và tín ngưỡng.* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.osce.org/odihr/13434.html>

Tôn giáo vì hòa bình: <http://www.wcrp.org>

Liên hiệp quốc. 2004. *Các quyền dân sự và chính trị, bao gồm cả sự không khoan dung trong tôn giáo.* Báo cáo do Ông Adel-fattah Amor, Báo cáo viên đặc biệt về tự do tôn giáo và tín ngưỡng đưa ra. E/CN.4/2004/63. Tài liệu có tại địa chỉ:

<http://www.ohchr.org/english/issues/religion/annual.htm>

Liên hiệp quốc. 2004. *Các quyền chính trị và dân sự, bao gồm cả sự không khoan dung trong tôn giáo.* Báo cáo của Asma Jahangir, Báo cáo viên đặc biệt về tự do tôn giáo và tín ngưỡng. E/CN.4/2005/61. Tài liệu có tại địa chỉ <http://www.ohchr.org/english/issues/religion/annual.htm>

Liên hiệp quốc. 2003. *Các quyền tự do về chính trị và dân sự, bao gồm cả sự khoan dung trong tôn giáo. Báo cáo của Adel-fattah Amor, Báo cáo viên đặc biệt về tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng theo nghị quyết của Ủy ban quyền con người 2002/40. E/CN.4/2003/66.* Tài liệu có tại địa chỉ:

<http://www.ohchr.org/english/issues/religion/annual.htm>

Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ. 2005. *Báo cáo về chống chủ nghĩa Xêmit trên toàn cầu.* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.state.gov/g/drl/rls/40258.htm>

Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ. 2001. *Ai Cập: Báo cáo về tục cắt bỏ âm vật phụ nữ.* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.state.gov/g/wi/rls/rep/crfgm/10096.htm>

Đại hội thế giới về bảo tồn sự đa dạng trong tôn giáo. Tài liệu có tại địa chỉ :

http://www.infinityfoundation.com/mandala/s_ot/s_ot_world_congress.htm

Đoàn mục sư thế giới - Hướng dẫn về đối thoại giữa các tín ngưỡng khác nhau. Tài liệu có tại địa chỉ : <http://www.pcusa.org/pcusa/wmd/eir/dialog.htm>

Yinger, J. Milton. 1970. *Nghiên cứu khoa học về tôn giáo.* New York: McMillan.

CÁC THÔNG TIN THAM KHẢO

Liên đoàn chống sự phỉ báng. Tài liệu có tại địa chỉ <http://www.adl.org>

Cookson, Catharine (chủ biên). 2003. *Bách khoa toàn thư về tự do tôn giáo.* New York: Routledge.

Hội đồng Nghị viện của Tôn giáo thế giới. Địa chỉ: <http://www.cpwr.org/>

Quỹ Đạo đức toàn cầu: <http://www.weltethos.org>

Tổ chức theo dõi quyền con người. Địa chỉ: <http://www.hrw.org/doc/?t=religion>

Tổ chức theo dõi quyền con người. 2005. *Sự tàn phá làm bùng lên phong trào trấn áp tôn giáo Uighurs ở Xinjiang.*

Địa chỉ <http://hrw.org/reports/2005/china0405>

Quyền con người không biên giới quốc tế. Trang web: <http://www.hrwf.net>

Hiệp hội Quốc tế về tự do tôn giáo.

Địa chỉ : <http://www.iarf-religiousfreedom.net>

Hiệp hội tự do tôn giáo quốc tế.

Địa chỉ: <http://www.irla.org/index.html>

Tập san Tôn giáo và xã hội. Địa chỉ: <http://www.creight-on.edu/JRS>

Tập san Marburg về tôn giáo. Địa chỉ: <http://web.uni-marburg.de/religionswissenschaft/journal/mjr/welcome.html>

Các nhà tư vấn Ontario về tự do tôn giáo: Địa chỉ: <http://www.religioustolerance.org>

OSCE. 2004. *Hội nghị OSCE về chống chủ nghĩa Xêmit. PC.DEL/696/04/Rev.1.* Địa chỉ http://www.osce.org/documents/cio/2004/07/3349_en.pdf

OSCE. 2004. *Hội nghị OSCE về sự khoan dung và chiến đấu chống lại chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, sự bài ngoại và phân biệt. PC.DEL/949/04.* Địa chỉ: http://www.osce.org/documents/cio/2004/10/3728_en.pdf

OSCE. 2004. *Cuộc họp OSCE về mối quan hệ giữa truyền chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, sự bài ngoại, chống chủ nghĩa Xêmit trên Internet và các tội phạm gây hấn. PC.DEL/918/04/Corr.1.* Tài liệu có tại địa chỉ:

http://www.osce.org/documents/cio/2004/09/3642_en.pdf

Saeed, Abdullah và các tác giả khác. 2004. *Tự do tôn giáo, bỏ đạo và đạo Hồi.* Aldershot: Nhà xuất bản Ashgate.

Scalabrino, Michelangela. 2003. *Bộ luật Quốc tế về Tự do tôn giáo.* Leuven: Peeters.

Soka Gakkai Quốc tế. Tài liệu có tại địa chỉ <http://www.sgi.org>

Liên hiệp quốc 2001. *Hội nghị tư vấn quốc tế về giáo dục trong nhà trường về mối liên hệ với tự do tôn giáo và tín ngưỡng, sự khoan dung và không phân biệt đối xử.* Tài liệu có tại địa chỉ :

<http://www.unhchr.ch/html/menu2/7/b/main.htm>

Ủy ban về tự do tôn giáo quốc tế của Hoa Kỳ. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.uscirf.gov>

Ủy ban về tự do tôn giáo quốc tế của Hoa Kỳ. 2005. *Mối quan hệ giữa Nhà nước với tôn giáo và quyền tự do tôn giáo*

và tín ngưỡng: phân tích so sánh văn bản Hiến pháp của các quốc gia Hồi giáo. Tài liệu có tại địa chỉ: http://www.uscirf.gov/countries/global/comparative_constitutions/03082005/Study0305.pdf

Hội nghị thế giới về chống chủ nghĩa chủng tộc, phân biệt chủng tộc, sự bài ngoại và không khoan dung có liên quan. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.hri.ca/racism/meetings/declarsantiago.shtml>

Hội nghị thế giới về tôn giáo và hòa bình (WCRP). Tài liệu có tại: <http://www.wcrp.org>

QUYỀN GIÁO DỤC

TÍNH SẴN CÓ VÀ TIẾP CẬN BÌNH ĐẲNG ĐỐI VỚI VIỆC TRAO QUYỀN HỌC TẬP THÔNG QUA QUYỀN GIÁO DỤC

“... Giáo dục phải hướng tới mục tiêu giúp con người phát triển đầy đủ nhân cách và tăng cường đối với các quyền và tự do cơ bản của con người...”

Điều 26 (2) Tuyên ngôn thế giới về quyền con người, 1948.

CÂU CHUYỆN MINH HỌA

Chuyện của Maya

“Tên tôi là Maya. Tôi 14 tuổi, sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo. Vì nhà tôi đông anh em nên lúc tôi sinh ra, mọi người không vui.

Khi còn nhỏ, tôi đã học cách giúp mẹ và các chị làm việc nhà. Tôi quét nhà, giặt quần áo và xách nước, lấy củi. Một số bạn được chơi ở bên ngoài, nhưng tôi không được đi chơi với các bạn ấy. Tôi rất vui khi được đi học. Tôi có thêm nhiều bạn mới và lại được học đọc, học viết nữa. Nhưng khi lên lớp 4, bố mẹ không cho tôi đi học nữa. Bố bảo nhà không có tiền để trả học phí. Hơn nữa, tôi cũng cần phải ở nhà giúp mẹ và anh chị em. Nếu được lựa chọn, tôi mong mình là con trai.

Nguồn: Báo cáo Thiên niên kỷ của Liên hiệp quốc 2000.

Vấn đề thảo luận 

1. Những vấn đề chính trong tình huống này là gì? Bạn có cảm thấy thương cô bé Maya không? Theo bạn, có cách nào giúp cô bé thoát khỏi cảnh nghèo và được đi học?
2. Theo bạn có những lý do nào dẫn đến phần lớn người mù chữ là bé gái và phụ nữ?
3. Theo bạn có những loại kiến thức khác không? Nếu có, thì kiến thức nào là quan trọng? Vấn đề nào không xác đáng?
4. Bạn có nghĩ là quyền giáo dục hiện tại là một ưu tiên của cộng đồng quốc tế không?
5. Những ai có trách nhiệm xóa bỏ tình trạng kém hiểu biết, mù chữ và bằng cách nào?
6. Giáo dục có quan trọng đối với sự thụ hưởng các quyền con người khác không? Nếu có, tại sao?
7. Bạn có cho rằng giáo dục góp phần đem lại an ninh con người không? Nếu có, tại sao?



ĐIỀU CẦN BIẾT

1. GIỚI THIỆU

Tại sao giáo dục là một quyền con người?

Đến đầu thế kỷ XXI, có gần 1 tỷ người không biết đọc hay ký tên. Con số này chiếm đến 1/6 dân số thế giới, hoặc tương đương với toàn bộ dân số Ấn Độ. Con số này vẫn tiếp tục gia tăng.

Quyền giáo dục có thể được coi là “quyền trao quyền”. Quyền này đem lại cho cá nhân khả năng quyết định lớn hơn đối với cuộc sống của bản thân, và đặc biệt, kiểm soát được tác động của các hành vi của nhà nước đối với cá nhân. Nói cách khác, việc thực hiện quyền trao quyền tạo điều kiện để thụ hưởng các ích lợi của quyền lợi khác.

Sự thụ hưởng các quyền dân sự và chính trị, ví dụ: tự do thông tin, tự do ngôn luận, quyền bầu cử và được ứng cử cũng như nhiều quyền khác ít nhất phụ thuộc vào trình độ giáo dục tối thiểu. Tương tự, một số quyền kinh tế, xã hội và văn hóa như quyền được lựa chọn công việc, được thù lao tương xứng với công việc, quyền được thụ hưởng các lợi ích từ tiến bộ khoa học và công nghệ và quyền được học lên trình độ cao hơn dựa theo năng lực, chỉ có thể thực hiện được theo đúng nghĩa khi cá nhân đó đạt được trình độ giáo dục tối thiểu.

Điều đó cũng đúng đối với quyền được tham gia đời sống văn hóa. Đối với những dân tộc thiểu số về sắc tộc và ngôn ngữ, quyền giáo dục lại là một công cụ thiết yếu để bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của họ.

Giáo dục cũng thúc đẩy (mặc dù không đảm bảo) sự hiểu biết, lòng khoan dung, tôn trọng và tình hữu nghị giữa các dân tộc, các nhóm sắc tộc, hoặc tôn giáo và có thể giúp tạo nên một nền văn hóa quyền con người phổ quát.

Giáo dục và an ninh con người

Sự phủ nhận cũng như vi phạm quyền giáo dục làm tổn hại đến khả năng phát triển nhân cách của con người, duy trì và bảo vệ bản thân cũng như gia đình của họ và tham gia một cách thỏa đáng vào đời sống kinh tế, chính trị và văn hóa.

Trên bình diện xã hội, sự phủ nhận giáo dục gây tổn hại đến sự nghiệp quyền con người và tiến bộ xã hội, và suy rộng ra, là hòa bình thế giới và an ninh con người. Thiếu an ninh con người khiến trẻ em không được đi học. Có thể thấy rõ vấn đề này đối với trẻ em ở vùng có xung đột quân sự, đặc biệt là những em phải đi lính. Tuy nhiên, nghèo đói - một mối đe dọa đối với an ninh con người cũng có thể dẫn đến sự phủ nhận quyền học tập. Quyền được biết các quyền con người của mình thông qua giáo dục về quyền con người và học tập có thể đóng vai trò quan trọng đối với an ninh con người. Thông qua giáo dục và học tập về quyền con người, Luật Nhân đạo, những vi phạm về quyền con người trong các xung đột quân sự có thể được ngăn cản hoặc điều hòa, và tạo điều kiện cho sự tái thiết xã hội hậu xung đột.

Quyền con người của trẻ em

Quyền con người trong xung đột vũ trang

Giáo dục không chỉ đơn thuần là học đọc, học viết hay học cộng, trừ nhân chia. Gốc Latinh của từ này là “dẫn dắt ai đó thoát ra”. Quyền giáo dục của mỗi người gắn kết với các cơ hội học tập, ví dụ: tiếp cận giáo dục tiểu học, trung học và đại học. Trong khi ghi nhận khái niệm rộng của quyền giáo dục, chuyên đề này tập trung vào giáo dục tiểu học và cơ bản, cũng như số lượng lớn người bị phủ nhận thậm chí là nền tảng của quá trình học tập suốt cuộc đời.

Quyền giáo dục được mô tả trong Bộ luật Quốc tế về quyền con người của Liên hiệp quốc gồm giáo dục tự do và bắt buộc trong các giai đoạn “tiểu học và cơ sở”. Tuy nhiên, các quốc gia giải thích yêu cầu này theo cách khác nhau. Tại châu Âu, Bắc Mỹ, Australia và một số nơi ở Nam Á, giáo dục “cơ sở” tiếp nối thành giáo dục trung học đầy đủ, tuy nhiên, khoảng 20 quốc gia trên thế giới không xác định độ tuổi cụ thể đối với giáo dục bắt buộc.

Phát triển mang tính lịch sử

Trước thời kỳ khai sáng ở châu Âu, giáo dục chủ yếu là trách nhiệm của cha mẹ và nhà thờ.

Giáo dục bắt đầu được coi là một vấn đề quan tâm của cộng đồng và là trách nhiệm của nhà nước chỉ khi xuất hiện nhà nước thế tục hiện đại. Vào đầu thế kỷ XVI và XVII, các nhà triết học kiệt xuất John Locke và Jean-Jacques Rousseau đã đề cập trong các tác phẩm của mình khái niệm hiện đại về quyền học tập của cá thể con người.

Ngược lại, các văn kiện dân sự kinh điển như Dự luật về Quyền của Anh năm 1689, Tuyên ngôn về các quyền Virginia năm 1776, Tuyên ngôn độc lập của Mỹ năm 1776 hoặc Tuyên ngôn về quyền con người của Pháp không đề cập bất cứ quyền nào cụ thể liên quan đến quyền học tập.

Trong thế kỷ XIX, sự xuất hiện của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tự do đã đưa giáo dục trở thành một quyền con người. Các tác phẩm của Marx và Engels coi nhà nước là một thiết chế phụ hệ và sinh lợi. Những tư tưởng tự do và chống lại tầng lớp tăng lữ của thế kỷ XIX cũng tác động đến định nghĩa về quyền giáo dục, vốn được hình thành để bảo vệ và thúc đẩy những ý tưởng về tự do khoa học, nghiên cứu và giảng dạy chống lại sự can thiệp của nhà thờ và nhà nước.

Nửa sau của thế kỷ XIX, việc thừa nhận dứt khoát về các quyền giáo dục đã xuất hiện. Hiến pháp năm 1871 của đế chế Giéc-manh bao gồm 1 phần dưới tiêu đề “Những quyền cơ bản của dân tộc Đức”; tương tự Hiến chương Weimar Đức năm 1919 ở phần kết của mục về “Giáo dục và giáo dục học đường”, thừa nhận nghiêm túc nghĩa vụ của nhà nước là đảm bảo việc học tập thông qua quy định bắt buộc đi học và miễn học phí.

Việc ký kết các hiệp ước hòa bình sau Chiến tranh thế giới thứ nhất bao gồm các đảm bảo về quyền giáo dục của các dân tộc thiểu số.

Việc đưa ra Tuyên bố Geneva, “Hiến chương về phúc lợi cho trẻ em của Hội quốc liên” năm 1924 dẫn đến sự thừa nhận mang tính quốc tế quyền giáo dục.

Trong suốt thế kỷ XX, các khía cạnh của quyền giáo dục được ghi nhận trong hiến pháp các nước và trong các văn kiện quốc tế về quyền hoặc được thừa nhận trong luật pháp quốc gia, dù là ở dạng văn bản thông thường hoặc không phải là văn bản mang tính hiến pháp. Quyền học tập đã được đề cập một cách rõ ràng trong hiến chương của hơn 50 quốc gia, ví dụ như Nicaragua, Cyprus, Tây Ban Nha, Việt Nam, Ireland, Ai Cập, Nhật Bản, Paraguay và Ba Lan.

Vương quốc Anh và Peru đã thừa nhận quyền giáo dục trong các văn bản luật pháp không phải là hiến pháp, Hàn Quốc, Ma-rốc và Nhật Bản cũng ghi nhận quyền này trong cả hiến pháp và luật pháp thông thường.

Quyền về giáo dục không được đề cập trong Hiến pháp Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Các tòa án Mỹ - cả ở cấp liên bang và bang - đã phát triển thành các tu chính án về giáo dục, đặc biệt liên quan đến sự bình đẳng về cơ hội học tập.

(Nguồn: Douglas Hodgson. 1998. Quyền về giáo dục của con người)

2. ĐỊNH NGHĨA VÀ MÔ TẢ VẤN ĐỀ

Nội dung của quyền giáo dục và các nghĩa vụ quốc gia



Quyền giáo dục có cơ sở vững chắc trong luật quốc tế về quyền con người. Quyền này đã được ghi nhận trong một số văn kiện quyền con người khu vực và quốc tế. Ví dụ như Tuyên ngôn quyền con người thế giới (Điều 26), Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (Điều 13, 14), Công ước về sự xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (Điều 10) và Công ước về quyền trẻ em (Điều 28 và 29). Ở cấp độ khu vực, có Công ước châu Âu về các quyền và tự do cơ bản của con người (Điều 2 Nghị định thư đầu tiên), Công ước châu Mỹ về quyền con người (Điều 13 Nghị định thư bổ sung của Công ước châu Mỹ về quyền con người trên lĩnh vực các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa) và Hiến

chương châu Phi về các quyền con người và các dân tộc (Điều 17). Một trong các văn bản gần đây nhất về quyền con người, Hiến chương về các quyền cơ bản của Liên minh châu Âu, đề cập đến quyền giáo dục trong Điều 14.

Quyền giáo dục cơ bản được khẳng định đối với mọi cá nhân dưới các dạng hành vi nhất định của các chính phủ. Các quốc gia có nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ và thực hiện quyền về giáo dục.

Nghĩa vụ tôn trọng quyền này nghiêm cấm quốc gia có hành vi trái với các quyền và tự do, can thiệp hoặc kìm hãm việc thực hiện các quyền và tự do đó. Bên cạnh đó, các quốc gia phải tôn trọng quyền tự do của các bậc phụ huynh lựa chọn trường công hoặc tư cho con em mình và đảm bảo giáo dục về tôn giáo và đạo đức cho con em phù hợp với khả năng nhận thức của chúng. Nhu cầu giáo dục con trai và con gái một cách bình đẳng cần được tôn trọng cũng tương tự như quyền của các nhóm tôn giáo, sắc tộc và ngôn ngữ.

“Các quốc gia thành viên của Công ước thừa nhận quyền về giáo dục của mọi người. Các quốc gia nhất trí rằng giáo dục phải hướng tới sự phát triển toàn diện nhân cách và ý thức về nhân phẩm, và sẽ tăng cường sự tôn trọng các quyền và tự do cơ bản của con người. Các quốc gia cũng nhất trí rằng giáo dục sẽ tạo điều kiện cho mọi người có thể tham gia hiệu quả trong một xã hội tự do, thúc đẩy hiểu biết, lòng khoan dung và tình hữu nghị giữa tất cả các dân tộc, nhóm chủng tộc, sắc tộc, tôn giáo, và thúc đẩy các hoạt động của Liên hiệp quốc nhằm gìn giữ hòa bình...”

Điều 13(1) ICESCR

Nghĩa vụ bảo vệ quyền giáo dục đòi hỏi các quốc gia phải thực hiện các biện pháp thông qua luật pháp hoặc bằng các công cụ khác ngăn ngừa và nghiêm cấm sự vi phạm các quyền và tự do cá nhân gây ra bởi người thứ 3. Các quốc gia cũng cần đảm bảo rằng trường học công hay tư không thực hiện các biện pháp mang tính phân biệt đối

xử hoặc đưa ra các hình phạt về thân thể gây tổn thương đối với học sinh.

Nghĩa vụ thực hiện Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR) là nghĩa vụ hiện thực hoá dần dần quyền giáo dục cách hiệu quả. Với mục đích như vậy, cần có sự phân biệt giữa các nghĩa vụ hành vi và nghĩa vụ về kết quả.

Nghĩa vụ hành vi đề cập đến một hành động hay biện pháp nhất định mà một quốc gia cần áp dụng. Ví dụ: phù hợp nhất ở đây là Điều 14 Công ước ICESCR, theo đó các quốc gia thành viên mới chưa đảm bảo được giáo dục tiểu học bắt buộc và miễn phí có nghĩa vụ “lập và thông qua kế hoạch hành động chi tiết để thực hiện hiệu quả trong vòng một số năm nhất định... nguyên tắc giáo dục bắt buộc và miễn phí đối với tất cả mọi người”.

Các tiêu chuẩn cần đạt được:

- Giáo dục tiểu học bắt buộc và miễn phí;
- Giáo dục trung học sẵn có và có thể tiếp cận;
- Giáo dục bậc cao hơn có thể tiếp cận được dựa trên cơ sở năng lực;
- Giáo dục cơ bản được đẩy mạnh với những người chưa học xong giáo dục tiểu học;
- Xóa mù chữ và tình trạng kém hiểu biết thông qua hợp tác quốc tế, cần phải xem xét kỹ lưỡng, đặc biệt các nhu cầu của những quốc gia đang phát triển.

Điều này có nghĩa là việc cải thiện tiếp cận với nền giáo dục cho tất cả mọi người là cơ sở của nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử cũng như tự do lựa chọn loại trường học và nội dung học, tiêu biểu cho bản chất cốt lõi và tinh thần của quyền giáo dục.

Bình luận chung số 13 của Ủy ban Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICE-SCR) xác định bốn thành tố của các nghĩa vụ quốc gia liên quan đến quyền về giáo dục. Đó là: tính sẵn có, tính có thể tiếp cận được, có thể chấp nhận được và có thể thích nghi được.

Tính sẵn có

Nghĩa vụ cung cấp nền giáo dục tiểu học bắt buộc và miễn phí không có gì phải nghi ngờ là điều kiện tiên quyết để hiện thực hóa quyền về giáo dục.

Để đảm bảo tính sẵn có của giáo dục tiểu học cho mọi trẻ em đòi hỏi phải có những cam kết về chính trị và tài chính đáng kể. Trong khi nhà nước không chỉ là người cung cấp giáo dục, luật quốc tế về quyền con người yêu cầu quốc gia sử dụng mọi biện pháp để đảm bảo tính sẵn có của giáo dục tiểu học cho mọi trẻ em trong độ tuổi đến trường. Nếu các trường tiểu học không đủ cho toàn bộ số lượng trẻ em trong độ tuổi học tiểu học, thì nghĩa vụ quốc gia coi giáo dục là bắt buộc không được thực hiện và tiếp cận với giáo dục vẫn là một nhu cầu cần phải được đảm bảo như là một quyền.

Việc cung cấp giáo dục trung học và đại học cũng là một thành tố quan trọng của quyền giáo dục. Yêu cầu “áp dụng từng bước giáo dục miễn phí” có nghĩa là một quốc gia không được phép miễn cho mình các nghĩa vụ cần phải thực thi.

Tính có thể tiếp cận

Ở mức tối thiểu, các chính phủ có nghĩa vụ đảm bảo sự thụ hưởng quyền về giáo dục thông qua việc đảm bảo tiếp cận các thiết chế giáo dục hiện hữu của tất cả mọi người, bé trai hay bé gái, phụ nữ hay nam giới, trên cơ sở **bình đẳng và không phân biệt**.

“Giáo dục một phụ nữ là giáo dục một gia đình, một cộng đồng và một dân tộc.”

Tục ngữ châu Phi

Nghĩa vụ đảm bảo sự tiếp cận bình đẳng các thể chế giáo dục bao gồm tiếp cận về mặt vật chất và mang tính xây dựng. Sự tiếp cận về mặt vật chất các thiết chế đặc biệt quan trọng đối với người cao tuổi và người khuyết tật. Sự tiếp cận mang tính xây dựng nghĩa là cần phải dỡ bỏ các rào cản

mang tính loại trừ, ví dụ như xóa bỏ các tư tưởng mang tính rập khuôn về vai trò của phụ nữ và nam giới trong sách giáo khoa và các kết cấu giáo dục, theo Điều 10 Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ.

Tính có thể chấp nhận được

Nguyên Báo cáo viên đặc biệt về Quyền giáo dục, Katarina Tomasevski, trong một báo cáo đã nói rằng “*Nhà nước có nghĩa vụ đảm bảo rằng mọi trường học tuân thủ các tiêu chuẩn tối thiểu mà quốc gia đã phát triển, cũng như đảm bảo một nền giáo dục có thể chấp nhận được đối với cả phụ huynh và học sinh*”. Thành tố này liên quan đến quyền được lựa chọn loại hình giáo dục, được tiếp nhận và quyền được thành lập, duy trì, quản lý và kiểm soát các cơ sở giáo dục tư nhân. Giáo dục phải phù hợp về văn hóa và có chất lượng tốt. Học sinh và phụ huynh có quyền được tự do không bị truyền bá và bắt buộc phải học các loại sách vở không phù hợp với tín ngưỡng tôn giáo và các tín ngưỡng khác của học sinh. Sử dụng quyền lực của hệ thống giáo dục công để ép buộc thay đổi tôn giáo bị coi là sự gia nhập tín ngưỡng bất hợp pháp.

Tự do tín ngưỡng

Tính thích nghi

Bình thường, những điều mà trẻ em học được ở trường cần phải dựa trên nhu cầu trong tương lai của các em khi trưởng thành. Điều đó có nghĩa là hệ thống giáo dục cần mang tính thích nghi, xem xét những lợi ích cao nhất của trẻ, cũng như sự phát triển và tiến bộ xã hội ở cấp độ quốc gia và quốc tế.

Nghĩa vụ của các chính phủ đảm bảo rằng quyền về học tập của con người phải được tôn trọng, bảo vệ và thực hiện, không chỉ là một mối quan tâm của quốc gia. Đó còn là nhiệm vụ của xã hội dân sự để thúc đẩy và hỗ trợ sự thực hiện đầy đủ quyền giáo dục.

Thập kỷ Biết chữ của Liên hiệp quốc 2003-2012 đối diện với tình hình là 20% số người trưởng thành trên thế giới không được hưởng nền giáo dục cơ bản. Biết đọc biết viết quyết định vấn đề tăng cường các khả năng của con người và sự

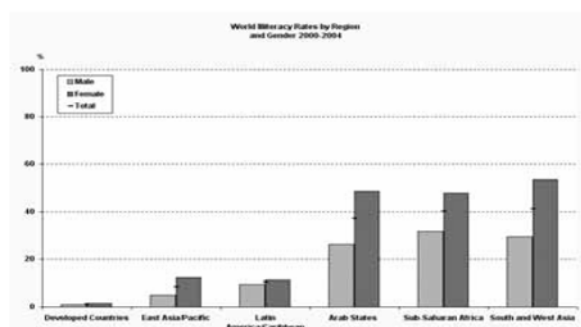
tham gia về mặt kinh tế, xã hội và chính trị trong các xã hội tri thức ngày nay.

Mù chữ thường là kết quả của sự cùng khổ. Phụ nữ ít người biết chữ hơn nam giới. Mặc dù đã có nhiều tiến bộ đáng kể nhưng vẫn có 132 triệu trong tổng số người không biết đọc biết viết nằm trong độ tuổi từ 15 đến 24 (Nguồn: UNESCO. 2005. Báo cáo giám sát toàn cầu 2006.)

Vấn đề quan tâm chủ chốt vẫn là trình độ học vấn thấp ở những khu vực nghèo khổ trên thế giới. Theo Nghị quyết 56/116 của Đại hội đồng Liên hiệp quốc, về Thập kỷ biết chữ, biết đọc biết viết là vấn đề trọng tâm của giáo dục suốt đời, đem lại kiến thức giáo dục cơ bản cho tất cả mọi người và hỗ trợ thích ứng với những đòi hỏi ngày một thay đổi.

Giáo dục suốt đời hay sự giáo dục suốt đời cho tất cả mọi người cần phải là một phần trong các xã hội tri thức toàn cầu trong tương lai. Trong bối cảnh đó, giáo dục kỹ thuật hướng định hướng kỹ năng và giáo dục nghề nghiệp cần được quan tâm đúng mức.

Hội nghị thế giới về quyền giáo dục và các quyền trong giáo dục năm 2004 thông qua “Tuyên bố Amsterdam”, nhấn mạnh nhu cầu đảm bảo tiếp cận giáo dục, trong khi bảo vệ các quyền liên quan đến giáo dục và nhu cầu của mọi học sinh dựa trên cơ sở không phân biệt đối xử. Tuyên bố kêu gọi các chính phủ và các tổ chức quốc tế mở rộng các cơ hội về giáo dục cho các nhóm dễ bị tổn thương như dân di cư,... nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và địa vị của giáo viên, thực hiện các biện pháp giảm thiểu bạo lực học đường và đáp ứng các nhu cầu ngày càng tăng đối với việc học tập suốt đời.



(Nguồn: UNESCO. 2005. Báo cáo Giám sát toàn cầu EFA 2006)

3. QUAN ĐIỂM LIÊN VĂN HÓA VÀ CÁC VẤN ĐỀ GÂY TRANH LUẬN

Ngày nay, cách nhìn nhận tương đối về thể giới nói chung đã vén lên bức màn về những khác biệt sâu sắc trong việc thực hiện quyền giáo dục. Thực chất, việc hiện thực hoá quyền giáo dục ở các khu vực là rất khác nhau.

Phần lớn trẻ em không được đi học là ở khu vực châu Phi cận Sahara và Nam Á. Trung bình, một em bé sinh ra ở Mozambique hiện nay chỉ được đi học 4 năm. Trẻ em sinh ra ở Pháp được học 15 năm liền, thể hiện sự đảm bảo giáo dục cao hơn rõ rệt. Số năm đi học trung bình ở Nam Á là 8 năm, chỉ bằng ½ thời gian đi học ở các nước có thu nhập cao.

Hơn nữa, trong khi khoảng cách về tỷ lệ nhập học tiểu học có thể đang được thu hẹp lại thì khoảng cách giữa các nước giàu và nước nghèo về thời gian đi học trung bình đang ngày một lớn hơn. Đó là chưa kể đến sự khác biệt về chất lượng giáo dục: chưa đến ¼ trẻ em Zambia sau khi học tiểu học có thể thi đỗ các bài kiểm tra đọc viết cơ bản. Trong khi đó, sự tiếp cận với bậc giáo dục cao hơn vẫn là một đặc quyền phổ biến chủ yếu của công dân ở các nước có thu nhập cao. Sự bất bình đẳng về giáo dục như vậy hiện nay cũng chính là sự bất bình đẳng về kinh tế và xã hội toàn cầu trong tương lai.

Ví dụ ở Uganda: Trong nửa sau thập kỷ 90 của thế kỷ trước, những ưu tiên giảm nghèo đã chuyển sang cho giáo dục. Giáo dục tiểu học miễn phí được áp dụng và chi tiêu công cộng cho giáo dục cũng lên.

Tỷ lệ nhập học cấp 1 tăng từ 5.3 triệu 7.6 triệu từ năm 1997 đến năm 2003.

Tỷ lệ nhập học không thay đổi đối với 20% dân số nghèo nhất và 20% dân số giàu nhất và sự khác biệt về giới đã được xóa bỏ trong giáo dục tiểu học. Mặc dù việc đăng ký nhập học phổ biến đã thực hiện được, nhưng tỷ lệ bỏ học vẫn là một mục tiêu khó có thể đạt được ở cấp độ toàn cầu vào năm 2015.

Nếu xu hướng trên vẫn tiếp tục diễn ra, mục tiêu

Thiên niên kỷ về giáo dục tiểu học phổ cập trên toàn thế giới vào năm 2015 sẽ phải mất thêm 1 thập kỷ nữa mới thực hiện được. Sẽ có 47 triệu trẻ em bỏ học vào năm 2015, 19 triệu trẻ em ở khu vực châu Phi tiểu vùng Sahara.

(Nguồn: UNDP. 2005. Báo cáo phát triển con người 2005)

Vấn đề ngôn ngữ truyền tải cũng có nhiều tranh cãi. Không có quyền con người quốc tế nào về ghi nhận việc học tiếng mẹ đẻ tại trường đối với những người thuộc cộng đồng thiểu số về ngôn ngữ ở một quốc gia. Điều 27 Công ước về các quyền dân sự và chính trị chỉ ghi nhận rằng việc thực hành một ngôn ngữ nào đó không thể bị phủ nhận nhưng không đề cập đến việc truyền tải kiến thức bằng tiếng mẹ đẻ.

Trong Công ước khung về bảo vệ các dân tộc thiểu số, Hội đồng châu Âu đã công nhận quyền được học tiếng mẹ đẻ, tuy nhiên không công nhận rõ ràng về quyền được truyền tải thông tin bằng tiếng mẹ đẻ. Hiến chương châu Âu về các ngôn ngữ khu vực và thiểu số đã tiến thêm một bước trong việc thúc đẩy giáo dục bằng tiếng mẹ đẻ, coi đó là một lựa chọn cho các quốc gia ký kết và phê chuẩn Hiến chương, đặt ra mục tiêu quốc gia công nhận hệ thống song ngữ đối với các dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, có những dân tộc thiểu số không được bảo vệ theo cách thức như vậy và thậm chí không có quyền được học tiếng mẹ đẻ tại trường học, ví dụ như người Roma ở châu Âu hay người dân bản xứ ở Australia.

Phân tích khoa học cho thấy, giáo dục tiểu học bằng ngoại ngữ ví dụ như tiếng Pháp ở Tây Phi có thể dẫn đến sự chậm tiến bộ hơn ở học sinh. Do vậy, Học viện Ngôn ngữ châu Phi ở Bamako, Mali đã kêu gọi thực hiện quyền về giáo dục tiểu học bằng tiếng mẹ đẻ.

Mặc dù đã có những tiến bộ to lớn trong nỗ lực tạo điều kiện cho trẻ em được thụ hưởng đầy đủ quyền về giáo dục, vẫn còn nhiều vấn đề phải giải quyết để đạt được các mục tiêu đề ra. Vẫn còn nhiều vấn đề chưa được giải quyết như sự phân biệt đối xử, tình trạng bất bình đẳng, sự thờ

ơ và bóc lột, tác động đặc biệt đến các bé gái, phụ nữ và các dân tộc thiểu số. Báo cáo về tình hình trẻ em thế giới của UNICEF năm 2006 với tiêu đề “Bị loại trừ và không nhìn thấy” hay Báo cáo của tổ chức Theo dõi quyền con người: “Bỏ qua trẻ em: những rào cản đối với quyền về giáo dục” đưa ra rất nhiều ví dụ về các nguyên nhân sâu xa của sự loại trừ. Do đó, các xã hội phải tăng cường nỗ lực giải quyết các vấn đề thực thi về mặt xã hội và văn hóa hiện vẫn ngăn cản trẻ em và các nhóm khác được thụ hưởng đầy đủ các quyền về giáo dục và do đó góp phần dẫn đến sự mất an ninh con người.

Các nhóm khó khăn tiếp cận quyền về giáo dục

Có một số nhóm phải đối diện với những khó khăn đặc biệt trong tiếp cận đầy đủ đối với giáo dục dựa trên cơ sở bình đẳng. Các nhóm này bao gồm phụ nữ, bé gái, người thuộc các nhóm thiểu số, dân tị nạn, dân di cư, dân bản xứ, người khuyết tật và các nhóm khó khăn về kinh tế hoặc xã hội, ví dụ như lính giải ngũ, thanh niên bị gạt ra ngoài lề xã hội. Các nhóm này đã trở thành tâm điểm của mối quan tâm và hành động quốc tế, chẳng hạn trong báo cáo các nghĩa vụ của quốc gia.

Cần phải quan tâm đặc biệt đối với các nhu cầu về giáo dục của **người khuyết tật**.

Khung hành động thông qua tại Hội nghị Salamanca năm 1994 đã khẳng định sự ủng hộ đối với nền giáo dục hội nhập (inclusive). Theo đó, “các trường học cần nhận tất cả học sinh không phân biệt về điều kiện thể chất, trí tuệ, xã hội, tình cảm, ngôn ngữ hay các điều kiện khác”.

Các quyền con người trong trường học

Trái với nghĩa vụ ghi tại Điều 26 (2) UDHR, các quyền con người tại trường học thường bị bỏ qua. Trẻ em vẫn là đối tượng chịu các hình phạt về thân thể hoặc phải làm việc. Trẻ em không được giáo dục hay thông tin về các quyền đã được ghi nhận trong Công ước về Quyền trẻ em mà tất cả các quốc gia thành viên Liên hiệp quốc, ngoại trừ Hoa Kỳ, đã thông qua.

Các quyền con người của trẻ em

Giáo dục quyền con người ở học đường và dân

chủ học đường cần phải được thúc đẩy. Giáo viên cũng cần được bảo vệ, nếu chịu áp lực từ phía chính quyền hoặc không được hưởng lương thích đáng, vấn đề này được ghi nhận trong các công ước và khuyến nghị của UNESCO có liên quan.

Bạo lực học đường cũng là một vấn đề gia tăng trong những năm gần đây và đã trở thành một tâm điểm đáng chú ý. Việc thực thi tốt được ghi nhận ở 7793 trường UNESCO tại 175 quốc gia (kể từ tháng 4 năm 2006).

4. THỰC THI VÀ GIÁM SÁT

Kể từ khi thành lập năm 1945, Liên hiệp quốc đã công nhận nhu cầu “*hợp tác quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế về kinh tế, xã hội, văn hóa hay nhân đạo.*” (Điều 1 (3) của Hiến chương Liên hiệp quốc).

Hợp tác quốc tế, thông qua chuyển giao thông tin, kiến thức và công nghệ, là thiết yếu đối với sự thực thi hiệu quả quyền về giáo dục, đặc biệt cho trẻ em tại các nước kém phát triển. Quyền về giáo dục cũng là một tiền đề cho sự phát triển kinh. Việc cung cấp giáo dục cần được tất cả các quốc gia coi là sự đầu tư lâu dài và ưu tiên cao, do giáo dục phát triển nguồn nhân lực ở từng cá nhân, vốn là tài sản của quá trình phát triển đất nước.

Các thiết chế tài chính quốc tế như Ngân hàng thế giới và Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) nhấn mạnh tầm quan trọng của giáo dục như là sự đầu tư vào phát triển vốn con người. Tuy nhiên, một cách chính xác là các thiết chế này cũng buộc các chính phủ cắt giảm chi tiêu công cộng bao gồm những chi tiêu liên quan đến giáo dục, hoặc đặt ra các loại phí thậm chí ở cả giáo dục tiểu học do khó khăn về tài chính liên quan đến các chương trình điều chỉnh cơ cấu.

“Sự áp dụng hiệu quả quyền giáo dục của trẻ em cơ bản là một vấn đề về ý chí. Chỉ có ý chí chính trị của các chính phủ và cộng đồng quốc tế mới có thể thúc đẩy quyền thiết yếu này tới một mức góp phần đảm bảo sự hoàn thiện của mỗi cá

nhân và sự tiến bộ của mỗi xã hội”.

**Amadou-Mahtar M'Bow,
Cựu Tổng giám đốc UNESCO.**

Hội nghị thế giới về giáo dục cho mọi người năm 1990 tổ chức tại Jomtien, Thái Lan tuyên bố rằng sự cung cấp hiệu quả nền giáo dục cơ bản cho mọi người phụ thuộc vào cam kết chính trị và ý chí chính trị, hỗ trợ bởi các chính sách tài khóa phù hợp và mang tính ủng hộ, các chính sách kinh tế, thương mại, lao động, việc làm và sức khỏe. Một nghiên cứu của UNICEF triển khai tại 9 quốc gia đã xác định 6 chủ đề rộng mở về đạt được các kết quả tốt hơn trong việc đảm bảo quyền đối với giáo dục tiểu học phổ cập. Đó là cam kết chính trị và tài chính, vai trò trung tâm của khu vực công, tính công bằng trong khu vực công, giảm chi phí giáo dục trong các hộ gia đình, sự lồng ghép cải cách giáo dục vào các chiến lược phát triển con người.

Diễn đàn Giáo dục Thế giới, tổ chức tại Dakar từ ngày 26 - 28/4/2000, là sự đánh giá lớn nhất từ trước đến nay được tiến hành trong lĩnh vực giáo. Toàn bộ 164 quốc gia có đại biểu tham gia, bên cạnh 150 nhóm xã hội dân sự, chủ yếu là các NGOs. Sự chuẩn bị cho diễn đàn đã được tiến hành đặc biệt tỷ mỉ. Một khối lượng thông tin đáng kể được thu thập, phát hiện ra những khác biệt giữa các quốc gia, trong đó, một số quốc gia đã đạt được tiến bộ to lớn trong khi các quốc gia khác lại gặp phải rất nhiều khó khăn liên quan đến các khía cạnh về giáo dục. Kết quả đột phá của diễn đàn này là sự thông qua Khuôn khổ hành động Dakar.

 *Điều cần biết, 2. Các xu hướng.*

Diễn đàn Giáo dục Thế giới Dakar cũng đã chứng kiến việc phát động 9 chương EFA Flagship: Sáng kiến về HIV/AIDS và giáo dục; Chăm sóc ban đầu dành cho trẻ và giáo dục; Quyền giáo dục của người khuyết tật; Hướng tới sự hòa nhập; Giáo dục dành cho người dân ở nông thôn; Giáo dục trong các tình huống khẩn

cấp và khủng hoảng; Tập trung vào các nguồn lực dành cho sức khỏe học đường hiệu quả; Giáo viên và chất lượng giáo dục; Sáng kiến giáo dục dành cho bé gái của Liên hiệp quốc; Biết chữ trong khuôn khổ thập kỷ biết đọc biết viết của Liên hiệp quốc.

Sự ủng hộ mang tính thể chế mạnh mẽ đối với việc thực thi đầy đủ quyền giáo dục là cần thiết. UNESCO là cơ quan chuyên trách của Liên hiệp quốc đóng vai trò lãnh đạo trong vấn đề này, theo đuổi mục tiêu thành lập năm 1946, giáo dục là một trong các chức năng chính của cơ quan này. UNESCO, hợp tác với các tổ chức khác như UNICEF hay ILO, đưa ra các sáng kiến cải cách giáo dục và thúc đẩy thực thi đầy đủ quyền về giáo dục, bằng chứng là hàng loạt các văn bản hình thành dựa trên các văn kiện thiết lập tiêu chuẩn, tài liệu, báo cáo và diễn đàn, hội thảo, nhóm công tác và các hoạt động hợp tác, liên kết với các quốc gia, tổ chức liên chính phủ quốc tế và NGOs. UNESCO, do vậy là cơ quan đi đầu trong hợp tác quốc tế trên lĩnh vực giáo dục. Ủy ban quốc gia UNESCO đảm bảo rằng các hoạt động của UNESCO được tiến hành mạnh mẽ ở 191 quốc gia.

Hoạt động của UNESCO trong lĩnh vực giáo dục được xây dựng dựa trên 3 mục tiêu chiến lược:

- Thúc đẩy giáo dục như là một quyền cơ bản;
- Cải thiện chất lượng giáo dục;
- Tăng cường thử nghiệm, cải tiến và truyền bá, chia sẻ thông tin và thực thi tốt nhất cũng như đối thoại chính sách trên lĩnh vực giáo dục.

UNESCO đã phát triển một loạt các cơ chế nhằm cho phép áp dụng các điều khoản hiệu quả hơn và đảm bảo sự hoàn thiện hơn nữa các nghĩa vụ thực thi liên quan đến quyền giáo dục. Những báo cáo

thường kỳ mà các quốc gia phải nộp có tác dụng thông tin về các biện pháp mà quốc gia đã tiến hành trong phạm vi tài phán để thực thi các nghĩa vụ ghi nhận trong Công ước mà họ là thành viên. Các quốc gia thành viên của Công ước chống phân biệt đối xử trong giáo dục (1960), hay trong Khuyến nghị về sự phân biệt đối xử trong giáo dục đề cập đến số năm phải đưa ra báo cáo định kỳ về các điều khoản hành chính mà họ thông qua và các biện pháp khác mà họ đã tiến hành nhằm vận dụng Công ước. Trách nhiệm kiểm tra các báo cáo của quốc gia thành viên thực hiện theo các nghĩa vụ báo cáo khác nhau đã được thực hiện theo Ủy ban Công ước và khuyến nghị. Hơn nữa, năm 1978, Ban chấp hành đã thiết lập một quy trình kín kiểm tra những khiếu nại đối với các quốc gia thành viên liên quan đến các cáo buộc vi phạm quyền con người thuộc lĩnh vực mà UNESCO hoạt động. Mục tiêu là giải quyết vấn đề theo tinh thần hợp tác, đối thoại và hòa giải.

Việc giám sát quá trình thực hiện quyền về giáo dục dựa trên cơ sở tính toán đến tiến bộ đạt được có thể có lợi từ việc thông qua và sử dụng các chỉ số đáng tin cậy, sử dụng các so sánh trên cả nước và thứ tự xếp hạng của mỗi nước. Trong lĩnh vực giáo dục, các chỉ số kiểm tra qua thời gian đáng tin cậy bao gồm tỷ lệ biết chữ, tỷ lệ nhập học, tỷ lệ hoàn thành năm học, tỷ lệ bỏ học, tỷ lệ học sinh-giáo viên, và chỉ tiêu công cộng dành cho giáo dục như phần trăm của tổng chỉ tiêu công cộng hoặc so sánh với chỉ tiêu công cộng dành cho các lĩnh vực khác như lực lượng vũ trang.

Về khía cạnh này, theo Báo cáo giám sát toàn cầu EFA thường niên, do UNESCO ban hành kể từ năm 2002 đã đặt ra những tiêu chuẩn mới bổ sung cho báo cáo hàng năm của UNICEF về “Tình hình trẻ em trên thế giới”, có mối quan tâm rộng mở hơn.



Ủy ban về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa là một cơ quan giám sát của Liên hiệp quốc chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Công ước quốc tế về

các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa tại các quốc gia thành viên. Ủy ban xem xét các báo cáo quốc gia được thường xuyên nộp về và duy trì đối thoại với các nước, nhằm đảm bảo việc thực thi hiệu quả nhất các quyền được đề cập đến trong Công ước. Việc thực hiện đầy đủ quyền về giáo dục có thể đạt được thông qua kết hợp nhiều biện pháp, như sự quyết tâm lớn hơn về phía các quốc gia nhằm thực thi nghĩa vụ báo cáo theo các văn kiện quốc tế liên quan một cách tận tâm và thiện ý, “các báo cáo song hành” của các NGOs và sự vận động của các hiệp hội nghề nghiệp.

Ủy ban quyền con người Liên hiệp quốc, tiền thân của Hội đồng quyền con người, năm 1998 đã có Báo cáo viên Đặc biệt về quyền giáo dục có nhiệm vụ báo cáo tiến bộ thực hiện quyền về giáo dục trên toàn thế giới, bao gồm tiếp cận giáo dục tiểu học cũng như các khó khăn đối với việc thực hiện quyền này. Báo cáo viên đầu tiên được chỉ định là Katarina Tomasevski, bà tập trung vào cách tiếp cận giáo dục dựa trên cơ sở các quyền. Bà đã nghi việc sau 6 năm phá vỡ những ảo tưởng về sự hỗ trợ hạn chế đối với chức năng của bà. Năm 2004, Venor Muñoz Villalobos trở thành Báo cáo viên Đặc biệt về Quyền về giáo dục.

*Giáo dục không phải là 1 cách
để thoát khỏi sự nghèo đói của quốc gia.
Đó là cách để chống lại đói nghèo.*

Julius Nyerere

Có sự coi trọng ngày càng lớn đối với quyền tài phán về quyền giáo dục tại các tòa án quốc gia và quốc tế như Báo cáo viên Đặc biệt về quyền giáo dục đã chỉ ra trong báo cáo năm 2005. Những vấn đề chính lại là sự phân biệt đối xử trong giáo dục, đặc biệt là sự tiếp cận công bằng đối với giáo dục.

Những vấn đề thực thi

Các quyền xã hội, kinh tế và văn hóa thường đòi hỏi lượng lớn vốn tiêu tốn qua thời gian để đảm bảo sự thực thi hiệu quả. Thực chất, kinh nghiệm của nhiều quốc gia cho thấy, giáo dục tạo nên một trong những vấn đề chi tiêu hàng đầu của chính phủ.

Thông thường, trở ngại chủ yếu cản trở sự thực hiện quyền giáo dục của trẻ ở các nước đang phát triển chính là sự nghèo đói. (Tự do không bị nghèo đói.) Vấn đề chủ yếu không phải là không có trường cho các em đi học. Thực tế, hơn 90% trẻ em ở các nước đang phát triển bắt đầu được đi học tiểu học. Vấn đề thực tế lại là tỷ lệ trẻ em bỏ học hay lưu ban rất cao. Nghèo đói khiến các gia đình khó có thể trả học phí và mua sách vở, dụng cụ học tập hay kể cả khi miễn phí, cũng khó cho con đi học vì các em cần làm việc để thêm thu nhập cho gia đình.

Sự thiếu vốn làm cản trở nhiều chính quyền không thể xây dựng và duy trì các trường học, điều hành các trường đại học sư phạm, thuê đội ngũ nhân viên hành chính và giảng dạy có năng lực, hay cung cấp tài liệu giảng dạy và các trang thiết bị khác, cung cấp hệ thống giao thông cần thiết cho học sinh. Tất cả những vấn đề này trực tiếp phụ thuộc vào nguồn kinh tế mà quốc gia có thể sử dụng.

Một nghiên cứu do “Quỹ bảo vệ trẻ em” thực hiện cho thấy do gánh nặng về nợ, các quốc gia châu Phi trong một số trường hợp đã buộc phải đặt ra hoặc tăng học phí, tăng chi phí cho giáo dục đối với các gia đình. Hậu quả là hàng triệu trẻ em hoặc không bao giờ được đi học hoặc không thể tiếp tục học hết kiến thức cơ bản.

Một nhân tố khác là việc sử dụng rộng rãi lao động trẻ em. Thật không may là nhiều gia đình cần có nguồn thu nhập bổ sung này để có thể trang trải cuộc sống. Vấn đề này đặc biệt được Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) giải quyết, ví dụ như thông qua Công ước chống lại các dạng lao

động trẻ em tồi tệ nhất năm 1999 và một số chương trình khác.

 Quyền làm việc.

Một học sinh bình thường ở Zambia đi bộ 7 km để đến trường vào mỗi buổi sáng, không được ăn, một môi, suy dinh dưỡng và bị bệnh giun sán. Em ngồi trong lớp với khoảng 50 em khác cũng ở trong tình trạng tương tự. Khả năng tiếp thu của các em là rất thấp. Âm thanh trong phòng thì không tốt, không có phấn và cũng không có nhiều vở viết.

Nghèo đói và lao động trẻ em là một trở ngại đáng chú ý đặc biệt đối với giáo dục cho các em gái. ( Các quyền con người của phụ nữ.) Nhiều bé gái phải làm những việc nặng nhọc từ sớm để có thể tồn tại. Không chỉ vì các em phải đáp ứng nhu cầu của gia đình và làm các việc ở nhà, mà các em còn phải đối diện với những mong đợi mang tính xã hội liên quan đến việc phải làm mẹ sớm và những quan điểm lạc hậu. Những quan điểm truyền thống liên quan đến giáo dục các bé gái mặc dù thiên cận và phiến diện nhưng vẫn tồn tại và lại dẫn đến sự thiếu động lực để phụ huynh cho con gái đi học. Những nhóm bé gái nhất định ví dụ như các em thuộc các cộng đồng bản xứ hoặc du mục, các dân tộc thiểu số, các em bị bỏ rơi cũng như các bé gái khuyết tật - đối diện với những bất lợi đặc biệt. Do đó, có một mối quan tâm quốc tế ngày càng tăng đối với việc đem lại sự tiếp cận công bằng đối với giáo dục dành cho các bé gái, và do đó tạo điều kiện để các em có thể thể hiện tiềm năng con người của mình. Diễn đàn Giáo dục Thế giới ở Dakar năm 2000, đã phát động “Sáng kiến 10 năm giáo dục cho các bé gái của Liên hiệp quốc”, nhằm mục đích nâng cao nhận thức, giáo dục bé gái và xóa bỏ những bất bình đẳng về giới.

“... không có công cụ nào đem lại sự phát triển hiệu quả hơn là sự giáo dục các em bé”

**Kofi Annan, Tổng thư ký Liên hiệp quốc
UNICEF. 2003. Tình hình trẻ em trên thế giới 2004.**

HIV/AIDS, cướp đi hơn 3 triệu sinh mạng năm 2004 đã có tác động sâu sắc đến giáo dục, đặc biệt ở châu Phi cận Sahara.

Kenya, Tanzania và Zambia năm 2005 mỗi nước sẽ mất đi ít nhất 600 giáo viên. Nghỉ học do bệnh AIDS đã trở thành một vấn đề lớn đối với các trường học ở châu Phi.

(Nguồn: UNESCO. 2005. Báo cáo Giám sát toàn cầu EFA năm 2006)

Các xung đột vũ trang trong nước và quốc tế và xung đột dân sự có thể phá vỡ cuộc sống bình thường. Đi học thường xuyên trở thành điều không thể thực hiện được khi trường học ở trong hoặc gần khu vực có xung đột. Mặc dù được bảo vệ bởi Luật Nhân đạo quốc tế, các trường học thường là đối tượng bị tấn công. Năm 2003, có 36 xung đột quân sự tại 28 quốc gia. 90% các nạn nhân là dân thường. Trường học và giáo viên thường trở thành mục tiêu và chiến trường. Ví dụ: 95% lớp học bị phá hủy trong các xung đột liên quan đến độc lập ở Đông Timor và 83 giáo viên đã bị giết hại ở Colombia năm 2003.

(Nguồn: UNESCO. 2005. Báo cáo Giám sát Toàn cầu EFA năm 2006)

 Quyền con người trong xung đột vũ trang

Bạn có biết:

Để đạt được giáo dục tiểu học phổ cập trong 1 thập kỷ ở tất cả các nước đang phát triển, hàng năm tiêu tốn 7 - 8 tỷ USD, tương đương với khoảng 7 ngày chi tiêu quân sự toàn cầu, 7 ngày đầu cơ tài chính trên thị trường quốc tế, hoặc nhỏ hơn 1/2 số tiền các bậc phụ huynh ở Bắc Mỹ mua đồ chơi cho con em mỗi năm và ít hơn 1/2 số tiền mà người châu Âu chi cho các trò chơi điện tử hoặc nước khoáng hàng năm.

(Nguồn: **Kevin Watkins. 1999.** Giáo dục bây giờ. Phá vỡ vòng nghèo đói.)

ĐIỀU NÊN BIẾT

1. KINH NGHIỆM TỐT

- Tại Ai Cập, chính phủ đang lồng ghép khái niệm thành công về các trường học cộng đồng thân thiện với bé gái vào hệ thống trường học chính thức và đã phát động một gói các cải cách tổng hợp nhằm tạo ra các trường học lành mạnh và tăng cường sức khỏe.
- Malawi (1994), Uganda (1997), Tanzania (2002) và Kenya (2003) đã giảm chi phí về giáo dục cho các phụ huynh bằng cách xóa bỏ học phí. Một số quốc gia cũng đã xóa bỏ đồng phục bắt buộc.
- Chương trình Busti ở Pakistan với sự liên kết giữa một tổ chức NGO có trụ sở ở Karachi và UNICEF nhằm mục đích đem lại nền giáo dục cơ bản cho trẻ em để các em được nhận vào các trường chính quy. Nhóm tuổi thực hiện theo chương trình này là từ 5 đến 10 tuổi; khoảng $\frac{3}{4}$ số học sinh là các bé gái. Sáng kiến này đã thành công trong việc đảo ngược định kiến về giới thông thường, phần nào thông qua giáo dục tại gia đình. Chương trình đã thiết lập hơn 200 trường học gia đình, với hơn 6000 học sinh đăng ký theo học, mỗi đơn vị chỉ tiêu tốn 6 USD, thấp hơn nhiều mức phí trung bình tại trường tiểu học của Nhà nước.
- Mauritania đã thông qua luật cấm tảo hôn, coi giáo dục cơ bản là bắt buộc và tăng tuổi tối thiểu cho lao động trẻ em lên 16. Nước này cũng đã thành lập Hội đồng về Trẻ em nhằm thúc đẩy thực thi Công ước Quyền trẻ em và đã thúc đẩy sự thành lập các tòa án vị thành niên ở tất cả các thành phố chính.
- Tại hạt Mashan ở Trung Quốc, các làng và hộ gia đình có tiến hành những biện pháp hữu hiệu, cho con gái đi học được ưu tiên vay vốn hoặc tham gia quỹ phát triển.
- Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đã thực

hiện thành công mô hình đưa vấn đề giới vào tiếp cận giáo dục tiểu học có chất lượng đối với các bé gái ở những vùng thiếu số. Mục tiêu lâu dài là đưa thêm nhiều phụ nữ tham gia vào xu thế phát triển kinh tế xã hội thông qua việc nâng cao trình độ giáo dục của họ.

- Tại Mumbai (trước kia là Bombay), Ấn Độ, Sáng kiến giáo dục Pratham Mumbai, một quan hệ đối tác giữa các nhà giáo dục, nhóm cộng đồng, nhà tài trợ tập đoàn và quan chức chính phủ, đã thành lập được 1600 trường học và giúp hiện đại hóa hơn 1200 trường tiểu học.
- Tại Afghanistan, nơi các bé gái bị loại khỏi hệ thống giáo dục chính quy, UNICEF đã thực hiện một biện pháp mạnh mẽ là hỗ trợ các trường học tại gia đình cho cả bé gái và bé trai, bắt đầu từ năm 1999. Đến cuối năm 2001 các trường học tại gia đình đã dạy học cho 58,000 em.
- Dự án TRẺ EM tại Thailand bắt đầu bằng việc ủng hộ các máy vi tính cũ, giám sát mối quan hệ giữa việc học và sức khỏe của trẻ.
- Chương trình phát triển 10 năm về giáo dục (PRODEC) là một chương trình có mục tiêu cơ bản là đạt được tỷ lệ nhập học ở cấp tiểu học là 75 % tại Mali vào năm 2008.
- Hậu quả của các cuộc khủng hoảng kinh tế ở Argentina đã dẫn đến chi tiêu cho giáo dục giảm đáng kể. Năm 2004, Tây Ban Nha đã nhất trí với đề nghị vay nợ để đáp ứng cho ngành giáo dục của Argentina .

(Nguồn chính: UNESCO. 2005. Báo cáo Giám sát toàn cầu EFA 2006; UNICEF. 1999/2001. Báo cáo thường niên 1999/2002; Kevin Waktins. 1999. Giáo dục ngay từ bây giờ)

Dự án Quyền giáo dục được Báo cáo viên đặc biệt về Quyền giáo dục đưa ra năm 2001 nhằm

nâng cao tính công khai nội dung công việc của báo cáo viên và lập nên diễn đàn để giáo dục về quyền giáo dục. Là cơ sở nguồn cho sự tiếp cận duy nhất về quyền con người, dành riêng cho quyền giáo dục, dự án thúc đẩy tăng cường quyền con người thông qua giáo dục, tiến hành đánh giá việc thực thi quyền về giáo dục trên toàn thế giới, cung cấp đầu vào cho các chiến lược giáo dục và tạo điều kiện phát hiện và chống lại các vi phạm quyền con người. (www.right-to-education.org)

2. XU HƯỚNG



Khuôn khổ hành động Dakar - Giáo dục cho mọi người được thông qua tại Diễn đàn Giáo dục thế giới, (Dakar, Senegal, tháng 4/2000) thể hiện cam kết của cả cộng đồng quốc tế đối với việc thực hiện đầy đủ quyền giáo dục. Khuôn khổ hành động Dakar đề ra 6 mục tiêu nhằm đạt được nền giáo dục cơ bản cho tất cả mọi người vào năm 2015:

1. Mở rộng và nâng cao chăm sóc và giáo dục toàn diện cho trẻ ngay từ thời kỳ đầu, đặc biệt đối với trẻ em dễ bị tổn thương và khó khăn nhất;
2. Đảm bảo rằng đến năm 2015 tất cả trẻ em, đặc biệt là các bé gái, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và trẻ em thuộc các dân tộc thiểu số, có thể tiếp cận với việc giáo dục thiểu số hoàn toàn miễn phí và bắt buộc, có chất

lượng cao;

3. Đảm bảo rằng các nhu cầu học tập của thanh niên và người trưởng thành được đáp ứng thông qua tiếp cận công bằng với các chương trình kỹ năng sống và học tập phù hợp;
4. Cải thiện 50% mức độ biết chữ ở người lớn vào năm 2015, đặc biệt đối với phụ nữ và tăng cường tiếp cận công bằng đối với giáo dục cơ bản và liên tục dành cho người lớn;
5. Xóa bỏ bất bình đẳng giới trong giáo dục tiểu học và trung học vào năm 2005, và đạt được bình đẳng giới trong giáo dục vào năm 2015, tập trung vào việc đảm bảo tiếp cận đầy đủ và công bằng với giáo dục cơ bản chất lượng cao dành cho các bé gái;
6. Cải thiện mọi khía cạnh về chất lượng của giáo dục và đảm bảo sở trường của mọi người có thể được công nhận và để đạt được những kết quả học tập đáng kể của tất cả mọi người, đặc biệt liên quan đến khả năng đọc viết và các kỹ năng sống thiết yếu.

Thành tựu về giáo dục tiểu học phổ cập dành cho trẻ em trai và gái, bình đẳng về giới và trao quyền cho phụ nữ thông qua xóa bỏ sự bất bình đẳng về giới trong giáo dục tiểu học và trung học, vào năm 2005 như mong muốn, và ở mọi cấp giáo dục dành cho các bé gái và trai vào năm 2015 đã được khẳng định tại Hội nghị thượng đỉnh Thiên niên kỷ (MDGs) thứ 2 và thứ 3 trong tổng số 8 mục tiêu. Các MDGs khác ví dụ như giảm tỷ suất tử vong ở trẻ em và nâng cao sức khỏe bà mẹ hoặc chống HIV/AIDS sẽ không thể đạt được nếu thiếu các chính sách giáo dục phù hợp. “Các sáng kiến Flagship EFA”, ví dụ như sáng kiến về tác động của HIV/AIDS đối với giáo dục, vốn là các cơ chế liên kết đa đối tác hỗ trợ các mục tiêu EFA, là những ví dụ điển hình về vấn đề này.

Ngân hàng Thế giới, trước kia đã bị chỉ trích nhiều do không có sự ủng hộ thích đáng đối với giáo dục tiểu học miễn phí, trong năm 2002 đã

bắt đầu một sáng kiến tiến độ nhanh EFA đó là mối quan hệ đối tác toàn cầu giữa các quốc gia tài trợ và các quốc gia đang phát triển, nhằm đảm bảo sự tiến bộ nhanh chóng hơn về giáo dục tiểu học phổ cập. Các nước thu nhập thấp có cam kết nghiêm túc với mục tiêu MDG thứ 2 có thể nhận

được sự hỗ trợ bổ sung từ cộng đồng tài trợ dưới sự chủ trì của UNESCO và Ngân hàng thế giới. Vào tháng 1/2006 khoảng 20 quốc gia đã trở thành các đối tác tiến độ nhanh.

(Nguồn:

<http://www1.worldbank.org/education/efafti>)

Bảng 2.4: Số lượng trẻ em không được học tiểu học năm 1998 và 2002

	1998				2002			
	Tổng số	Nam	Nữ	% nữ	Tổng số	Nam	Nữ	% nữ
		nghìn				nghìn		
Thế giới	106268	45067	61201	58	99303	44722	54581	55
Các nước đang phát triển	102052	42971	59081	58	95459	42701	52758	55
Các nước phát triển	1 911	961	950	50	2 376	1 285	1 091	46
Các nước trong thời kỳ chuyển giao	2304	1135	1170	51	1468	736	732	50
Châu Phi cận Sahara	44581	20648	23933	54	40370	18367	22003	55
Các nước Ả-rập	8491	3501	4991	59	6906	2882	4025	58
Trung Á	775	375	400	52	635	294	341	54
Đông Á và Thái Bình Dương	8309	4158	4151	50	14782	7410	7372	50
Nam và Tây Á	35722	12534	23189	65	30109	12698	17411	58
Mỹ La-tinh và Ca-ri-bê	3620	1623	1997	55	2084	858	1226	59
Bắc Mỹ và Tây Âu	1429	718	711	50	1848	1012	836	45
Trung và Đông Âu	3340	1510	1830	55	2569	1203	1366	53

Ghi chú: Các số liệu trên có thể không cộng vào tổng số do làm tròn

Nguồn: Phụ lục số liệu, Bảng 5.

(Nguồn: UNESCO. 2005. Báo cáo Giám sát Toàn cầu EFA 2006)

Thương mại hóa Giáo dục

Toàn cầu hóa đã làm gia tăng sự thương mại hóa giáo dục, và ngành này đang trở thành một ngành dịch vụ có thể chi trả, hơn là một hệ quả tốt về mặt công cộng của một quyền con người. Các thiết chế giáo dục tư nhân được thành lập như các doanh nghiệp có thể làm tổn hại đến nền giáo dục công. Để đối phó với xu thế này và giải quyết những mối quan ngại mà các hiệp hội nghề nghiệp nêu ra, Liên minh châu Âu đã hạn chế nhân nhượng về dịch vụ giáo dục tại Vòng đàm phán thương mại quốc tế Doha.

Tiến bộ hướng đến Giáo dục cho mọi người: kết quả tổng hợp

Các xu thế tích cực kể từ năm 1998

- Đăng ký vào các trường tiểu học ở châu Phi cận Sahara, Nam và Tây Á tăng mạnh. Có thêm 20 triệu trẻ em đi học ở mỗi khu vực.
- Đăng kí học tiểu học cho các em gái tăng nhanh, đặc biệt ở các nước nghèo.
- Chỉ tiêu công cộng và viện trợ chính thức cho giáo dục tăng đáng kể.

Những thách thức còn tồn tại

- Hơn 100 triệu trẻ em vẫn không được đi học

tiểu học; 55 % là các em gái.

- 47 trong số 163 quốc gia đã đạt được giáo dục tiểu học phổ cập; chỉ có thêm 20 quốc gia khác đang trên đà đạt được mục tiêu này vào năm 2015.
- Mặc dù số lượng các quốc gia quyết định xóa bỏ học phí nhưng trong số 103 quốc gia được điều tra thì có 89 quốc gia vẫn yêu cầu đóng học phí tiểu học, trái với cam kết theo Điều 13 Công ước ICESCR.
- Mục tiêu công bằng về giới vào năm 2005 đã không thực hiện được ở 94 trong số 149 quốc gia tiến hành điều tra. 86 quốc gia có nguy cơ không đạt được mục tiêu này vào năm 2015.

(Nguồn: UNESCO. 2005. Báo cáo Giám sát Toàn cầu EFA 2006)

3. NIÊN BIỂU SỰ KIỆN

- 1946 Văn kiện thành lập UNESCO: ý tưởng về sự công bằng các cơ hội giáo dục.
- 1948 Tuyên ngôn thế giới về quyền con người do Đại hội đồng Liên hiệp quốc thông qua. Giáo dục được tuyên bố là một quyền cơ bản của tất cả mọi người.
- 1959 Tuyên bố về quyền trẻ em do Đại hội đồng Liên hiệp quốc thông qua. Giáo dục được tuyên bố là quyền của mọi trẻ em.
- 1960 UNESCO: Công ước chống phân biệt đối xử trong giáo dục
- 1965 Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc, tuyên bố về quyền giáo dục của tất cả mọi người, không phân biệt chủng tộc hay sắc tộc.
- 1966 Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.
- 1973 Công ước ILO về độ tuổi lao động tối thiểu.
- 1979 Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ, kêu gọi xóa bỏ phân biệt đối xử đối với phụ nữ và vì quyền bình đẳng trong giáo dục.

1985 Hội nghị thế giới lần thứ ba về phụ nữ. Giáo dục được tuyên bố là yếu tố cơ bản để nâng cao địa vị phụ nữ.

1989 Công ước quyền trẻ em.

1990 Tuyên bố thế giới về giáo dục cho mọi người tại Jomtien, Thái Lan. Hội nghị tài trợ của UNDP, UNESCO, UNICEF, Ngân hàng thế giới và sau đó là UNFPA, đã thể hiện sự đồng thuận đối với quan điểm về mở rộng về giáo dục cơ bản.

1993 Kế hoạch hành động thế giới về giáo dục vì quyền con người và Dân chủ do Hội nghị quốc tế tại Montreal thông qua.

1994 Hội nghị thế giới về giáo dục các nhu cầu đặc biệt: tiếp cận và bình đẳng ở Salamanca. Các đại biểu tuyên bố rằng tất cả các quốc gia cần kết hợp giáo dục về các nhu cầu đặc biệt với chiến lược giáo dục trong nước và cung cấp “giáo dục hội nhập”.

1994 Hội nghị quốc tế về dân số và phát triển. Các quốc gia tham gia cam kết thúc đẩy và đạt được tiếp cận phổ biến, công bằng với giáo dục có chất lượng giúp giảm nghèo, Tăng cường việc làm, thúc đẩy hòa nhập xã hội, đặc biệt nhấn mạnh vào giáo dục dành cho các em gái.

1998 Bổ nhiệm Báo cáo viên đặc biệt về quyền giáo dục.

1999 Chú giải chung số 13 về quyền giáo dục

1999 Công ước ILO về các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất.

2000 Khung hành động Dakar thông qua tại Diễn đàn giáo dục thế giới tại Senegal.

2000 Hội đồng Thiên niên kỷ: Giáo dục tiểu học và tiếp cận công bằng cho tất cả trẻ em vào năm 2015.

2003 Thập kỷ Biết chữ của Liên hiệp quốc (2003-2012).

2004 Hội nghị thế giới tại Amsterdam về Quyền giáo dục và các quyền trong giáo dục.

CÁC HOẠT ĐỘNG CHỌN LỰA

HOẠT ĐỘNG 1: ĐÓNG VAI ĐỂ HIỂU ĐƯỢC VẤN ĐỀ !



Phần I: Giới thiệu

Hoạt động này nhằm mục đích đem lại sự hiểu biết sâu sắc hơn các vấn đề được đưa ra trong chuyên đề về quyền giáo dục.

Loại hoạt động: đóng vai

Phần II: Thông tin chung về việc đóng vai

Mục đích và mục tiêu:

Kỹ thuật nhập vai có thể tăng cường việc học. Mục đích là khiến học viên trải nghiệm một tình huống xa lạ và có thể thấu cảm và đánh giá từ các quan điểm khác nhau.

Đối tượng: Người đã trưởng thành.

Số lượng: khoảng 20 người

Thời gian: 60 phút

Chuẩn bị: đọc kỹ chuyên đề về giáo dục

Dụng cụ: bản có đồ; bút đánh dấu

Các kỹ năng được sử dụng: kỹ năng diễn và ngôn ngữ, kỹ năng thấu cảm, kỹ năng sáng tạo

Phần III: Thông tin cụ thể về đóng vai

Giới thiệu chủ đề:

- Giải thích rằng mục đích của bài tập là thể hiện sâu sắc nội dung của chuyên đề về giáo dục.
- Yêu cầu mọi người chia thành các nhóm nhỏ (4-6 người) và phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy khổ lớn kèm theo bút đánh dấu.

- Cho mỗi nhóm 10 phút để vạch ra những ý tưởng về chuyên đề giáo dục và sau đó xác định 2-3 ý chính mà họ mong muốn được thể hiện nhất để diễn xuất.

- Cho mỗi nhóm 30 phút để thiết kế và tập diễn. Giải thích đây là nỗ lực của nhóm và mọi người

nên tham gia vào diễn xuất.

- Tập hợp các nhóm lại với nhau để mọi người có thể xem các nhóm diễn.
- Dành vài phút sau diễn xuất của mỗi nhóm để thu thập ý kiến và thảo luận
- Yêu cầu người xem và người diễn trình bày ý kiến của mình.

Diễn xuất:

- Tạo thành vòng tròn, cần đảm bảo có đủ không gian để các nhóm diễn.
- Để từng nhóm diễn các “vở kịch” mà họ dàn dựng.

Gợi ý tổ chức:

- Nói “Ngừng” ở đoạn kịch tính và yêu cầu các diễn viên miêu tả cảm xúc của mình vào giai đoạn kịch tính đó hoặc mời người xem phân tích vấn đề đang diễn ra.
- Không báo trước, thông báo ngừng diễn, yêu cầu diễn viên đổi vai và tiếp tục diễn từ cảnh đó
- Phân cho người đứng sau mỗi diễn viên. Diễn được nửa vở thì yêu cầu những người đứng sau mô tả họ nghĩ nhân vật kia cảm thấy thế nào, nghĩ thế nào và tại sao.

Phản hồi:

Đánh giá vai diễn

- Mọi người cảm thấy thế nào về hoạt động trên? Khó hay dễ hơn là tưởng tượng ban đầu? Những khía cạnh nào là khó nhất, hay những vấn đề nào là khó thể hiện nhất?
- Mọi người có học hỏi được điều gì mới mẻ không?
- Có điểm nào giống hoặc khác biệt giữa các nhóm, nếu có thì đó là những điểm nào?

Gợi ý về phương pháp:

- Có thể diễn một vai ở những dạng khác nhau nhưng tất cả mọi học viên diễn, thông thường đem lại cảm giác rõ rệt cho người diễn và khán giả. Do đó, nhóm trưởng nên khuyến khích việc đánh giá vở kịch và nên phân tích điểm nào liên quan đến quyền con người của vở kịch đó.

- Trước khi mỗi nhóm bắt đầu diễn, đưa ra chỉ đạo cụ thể và đảm bảo có đủ thời gian để phát triển và thảo luận vấn đề.
- Phải nhạy cảm với các cảm xúc mà vở kịch có thể đem lại cho diễn viên và khán giả.
- Dành thời gian để hỏi diễn viên và khán giả về điều mà họ cảm nhận được.
- Khuyến khích đánh giá sự việc diễn ra và phân tích tính hợp lý của nó với chuyên đề này và với quyền con người nói chung.

Gợi ý làm đa dạng vấn đề:

Thực hiện hoạt động trên như là một bài tập vẽ: gợi ý cho các nhóm vẽ tranh thể hiện các ý tưởng chính của mình.

Phần IV: Tiếp theo

Xem xét các vở kịch hoặc tác phẩm văn học có chủ đề quyền con người và tổ chức diễn dịch cho những thành viên trong cộng đồng nơi bạn sinh sống.

Các quyền liên quan: tất cả các quyền con người khác

Nguồn: Phạm vi: Hướng dẫn về giáo dục quyền con người với thanh niên. 2002. Strasbourg Cedex: Hội đồng châu Âu xuất bản.

HOẠT ĐỘNG II : KIỂU HÌNH THOI



Phần I: Giới thiệu

Hoạt động này nhằm mục đích tăng cường sự hiểu biết về các nguyên tắc và điều khoản ghi nhận trong Công ước về Quyền trẻ em và đặc biệt là liên hệ với quyền giáo dục.

Hình thức hoạt động: Làm việc theo nhóm

Phần II: Thông tin chung về bài tập

Mục đích và mục tiêu:

Hoạt động này xử lý và đánh giá một số điều trong Công ước về Quyền trẻ em nhằm giúp hiểu rõ quyền được giáo dục của trẻ em.

Đối tượng : Người đã trưởng thành

Số lượng: khoảng 20

Thời gian: tối thiểu 60 phút

Chuẩn bị: Lên danh sách các điều 12, 13, 14, 17, 18, 27, 28, 29, 32 của Công ước về quyền trẻ em trên một tờ giấy khổ lớn để làm biểu đồ treo lên tường

Chuẩn bị một bộ các thẻ về các điều cho mỗi nhóm nhỏ

Dụng cụ: các bộ thẻ các điều được bỏ trong phong bì

Kỹ năng: ngôn ngữ, hợp tác, lập luận, phê bình, phản ánh

Phần III: Thông tin cụ thể về bài tập

Miêu tả Hoạt động/Hướng dẫn:

- Bắt đầu bằng việc đánh giá ngắn gọn Công ước về quyền trẻ em. Hỏi xem mọi người biết gì về công ước này. Lưu ý bảng biểu đồ và phân tích các điều chính.
- Chia cả nhóm thành các nhóm nhỏ. Phân phát phong bì có các thẻ ghi về Công ước về quyền trẻ em .
- Mỗi nhóm nhỏ phải thảo luận 9 điều và xem xét mức độ phù hợp của chúng với cuộc sống của chính họ. Tiếp đó, sắp xếp thành mô hình hình thoi theo trật tự tầm quan trọng. Các nhóm có khoảng 25 phút thảo luận và sắp xếp, và sắp xếp lại lần cuối mô hình hình thoi.
- Khi tất cả các nhóm đã hoàn thành phần việc của mình, các nhóm chuyển cho nhau xem mỗi nhóm sắp xếp thứ tự ưu tiên các điều khoản như thế nào.
- Tiếp đó tiến hành thảo luận giữa các nhóm với nhau.

Phản hồi/Đánh giá:

- Bắt đầu bằng việc mời từng nhóm đưa ra kết quả của họ. Tiếp đó đánh giá xem học viên thích hoạt động này đến mức độ nào và họ học hỏi được gì từ hoạt động này.
- Đưa ra vài ba câu hỏi như: sự giống và khác biệt giữa các nhóm; tại sao chúng ta có ưu tiên khác nhau; lập luận nào thuyết phục nhất, có quyền nào bị bỏ qua trong Công ước về quyền trẻ em không, tình hình trong cộng đồng của chúng ta như thế nào?

Gợi ý về phương pháp:

- Chia học viên thành các nhóm nhỏ để tạo điều

kiện thuận lợi hơn cho việc tham gia và phối hợp của các thành viên trong nhóm. Hoạt động của các nhóm nhỏ có thể tạo ra các ý tưởng nhanh chóng và khuyến khích kinh nghiệm cá nhân liên quan để rút ra khái niệm.

- Chỉ rõ rằng không có cách đúng hay sai để sắp xếp các thẻ ghi điều khoản.
- Khuyến khích học viên thảo luận các ý kiến và quan điểm khác nhau.
- Nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đạt được sự thống nhất trong nhóm.

Gợi ý tạo sự đa dạng:

- Lựa chọn một điều và thông qua nghệ thuật kể chuyện, làm thơ, diễn kịch.... để diễn đạt điều khoản đó.

- Yêu cầu học viên lựa chọn một điều khoản và nói về điều khoản đó trong vòng một phút.

Phần IV: Tiếp theo

Xem xét các chính sách quản lý và chương trình giảng dạy của trường học để đánh giá xem trường thực hiện các nhiệm vụ và trách nhiệm của mình liên quan đến Công ước về quyền trẻ em tốt đến mức nào.

Các quyền liên quan: các quyền kinh tế, xã hội và tất cả các quyền con người khác.

Nguồn: Lấy từ Sách hướng dẫn giáo dục quyền con người cho thanh niên. 2002. Strasbourg Cedex: Hội đồng châu Âu xuất bản.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Alfredsson, Gudmundur. Năm 1995. *Quyền được giáo dục về quyền con người.* Trong: Eide, A. C. Krause và A. Rosas, *Các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa*: Giáo trình Lei-den: Nhà xuất bản Martinus Nijhoff.

Beiter, Klaus-Dieter. Năm 2006. *Bảo vệ quyền giáo dục thông qua Luật quốc tế.* Leiden: Nhà xuất bản Martinus Nijhoff.

Bloom, Canning, Chan (chủ biên). Năm 2006. *Giáo dục ở bậc cao hơn và sự phát triển kinh tế ở châu Phi.* Tài liệu có tại địa chỉ: http://www.worldbank.org/afr/teia/pdfs/Higher_Education_Econ_Dev.pdf

Bruns Barbara, Mingat Alain and Ramahatra Rako-tomalala. Năm 2003. *Đạt giáo dục tiểu học phổ cập năm 2015: một cơ hội cho mọi trẻ em.* Washington. D.C.: Ngân hàng Thế giới.

Coomans, Fons. Năm 1998. *Xác định những vi phạm về quyền giáo dục.* Trong: Van Boven, Theo, Cees Flinterman và Ingrid Westendorp (chủ biên). *Hướng dẫn Maastricht về những vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.* Utrecht: Viện quyền con người Hà Lan.

Coomans, Fons. Năm 1995. *Xác định các thành tố cơ bản của quyền giáo dục.* Trong: Coomans, Fons và Fried Van Hoof. *Quyền được khiếu nại về quyền kinh*

tế, xã hội và văn hóa. Utrecht: Viện quyền con người Hà Lan.

Hội đồng châu Âu. Năm 2002. *PHẠM VI - Sách hướng dẫn về giáo dục quyền con người dành cho thanh niên.* Strasbourg: Hội đồng châu Âu.

Daudet, Yves và Kishore Singh. Năm 2001. *Quyền giáo dục: một phân tích về các văn kiện thiết lập tiêu chuẩn của UNESCO.* Paris: UNESCO.

De Groof, Jan và Gracienne Lauwers (chủ biên). Năm 2004 *Tiếp cận với bình đẳng trong giáo dục.* Paris: UNESCO, Hiệp hội Luật và chính sách giáo dục châu Âu (ELA) và Nhà xuất bản Wolf Legal.

Delbrück, Jost. 1992. *Quyền giáo dục như là một quyền con người.* Trong: Niên giám Đức về Luật quốc tế, Tập. 35, 92-104.

Báo cáo giám sát toàn cầu EFA 2002. Năm 2001. *Giáo dục cho mọi người – Thế giới vẫn đang theo đuổi?* Paris: UNESCO.

Báo cáo giám sát toàn cầu EFA 2003/04. Năm 2003. *Giới và giáo dục cho mọi người: Bước nhảy đến bình đẳng.* Paris: UNESCO.

Báo cáo giám sát toàn cầu EFA 2005. Năm 2004. *Giáo dục cho mọi người - Chú ý đến chất lượng.* Paris: UNESCO.

Báo cáo giám sát toàn cầu EFA 2006. Năm 2005. *Biết chữ vì cuộc sống.* Paris: UNESCO.

Trung tâm tùy thuộc và đoàn kết toàn cầu châu Âu (chủ biên) *Tình tùy thuộc lẫn nhau.* Tài liệu có tại địa chỉ: http://www.coe.int/T/E/North-South_Centre

Fernandez, Alfred và Siegfried Jenkner. Năm 1995. *Các tuyên bố và công ước quốc tế về quyền giáo dục và tự do giáo dục.* Frankfurt am Main: Info3 - Verlag.

Hodgson, Douglas. Năm 1998. *Quyền giáo dục của con người.* Aldershot: Ashgate xuất bản.

Trung tâm tư liệu về quyền con người. *Phạm vi các quyền. Tuyên truyền tích cực các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa: Một nguồn đào tạo.* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www1.umn.edu/humanrts/edumat/IHRIP/circle/toc.htm>

Tổ chức theo dõi quyền con người (HRW). Năm 2005. *Bỏ quên con trẻ: rào cản đối với quyền giáo dục.* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://hrw.org/reports/2005/education0905>

Muñoz Villalobos, Vernor. Năm 2004. *Quyền giáo dục. Báo cáo của Báo cáo viên đặc biệt về quyền giáo dục, E/CN.4/2005/50.*

Nambissan, Kabeer, Subrahmanian (chủ biên). Năm 2003. *Lao động trẻ em và quyền giáo dục ở Nam Á: Nhu cầu chống lại quyền?* Sage Publications Ltd.

Nowak, Manfred. Năm 2001. *Quyền giáo dục trong các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Trong: Eide, Asbjorn, Catarina Krause và Allan Rosas (chủ biên). Các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.* Hague: Nhà xuất bản Martinus Nijhoff.

Văn phòng cao Ủy Liên hiệp quốc về quyền con người. Năm 1999. *Thập kỷ của Liên hiệp quốc về giáo dục quyền con người (1995-2004) Số 3. Tập hợp các điều khoản trong các văn kiện khu vực và quốc tế liên quan đến giáo dục quyền con người.* Geneva: Liên hiệp quốc.

Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế. Năm 2006. *Nhìn qua vấn đề giáo dục. Các chỉ số OECD.* Paris: OECD xuất bản.

Sen, Amartya. Năm 2002. *"Giáo dục cơ bản và an ninh con người.* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.humansecurity-chs.org/activities/outreach/Kolkata.pdf>

Nhóm Ngân hàng Thế giới. Năm 2006. *Giáo dục cho mọi người – Sáng kiến Thực thi nhanh (fast-Track) (EFA-FTI).* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www1.worldbank.org/education/efafiti>

Tomasevski, Katarina. Năm 1999. *Báo cáo sơ bộ của Báo cáo viên đặc biệt về quyền giáo dục,* Tài liệu UN Doc.E/CN.4/1999/49. Xem thêm báo cáo về tiến bộ của Báo cáo viên đặc biệt, Tài liệu UN Doc. E/CN.4/2000/6 và báo cáo hàng năm của báo cáo viên, chẳng hạn như: E/CN.4/2001/52

Tomasevski, Katarina. Năm 2003. *Bị phủ nhận giáo dục, chi phí và giải pháp.* London: Zed Books.

Tomasevski, Katarina. Năm 2004. *Sách hướng dẫn giáo dục dựa trên quyền: Các yêu cầu về quyền con người toàn cầu trở nên đơn giản.* Bangkok: UNESCO.

Tomasevski, Katarina. Năm 2005. *Liệu Quyền giáo dục có tương lai trong Liên hiệp quốc? Báo cáo Phía sau cánh gà của Báo cáo viên đặc biệt về quyền giáo dục 1998-2004.* Trong: Tạp chí luật về quyền con người, Tập 5, 2, trang 205-237.

Liên hiệp quốc. Năm 2001. *Từ Bắc Kinh đến Bắc Kinh +5. Đánh giá và xem xét việc thực hiện Cương lĩnh hành động Bắc Kinh - Báo cáo của Tổng thư ký.* New York: Liên hiệp quốc.

Liên hiệp quốc. Năm 2001. *Chúng ta - các dân tộc: vai trò của Liên hiệp quốc trong thế kỷ XXI. Báo cáo của Tổng thư ký Liên hiệp quốc.* New York: Liên hiệp quốc.

Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF). Năm 2006. *Các thành tựu về giới và viễn cảnh giáo dục: Báo cáo KHOẢNG CÁCH (Phần I).* Paris: UNICEF.

Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF). Năm 2005. *Tình hình trẻ em thế giới 2006. Bị loại trừ và không nhìn thấy.* New York: UNICEF.

Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF). Năm 2004. *Thúc đẩy tiến bộ giáo dục dành cho trẻ em gái.* UNICEF.

Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF). Năm 2003. *Tình hình trẻ em thế giới 2004.* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.unicef.org/sowc04/index.html>

Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF). 2001. *Tình hình trẻ em thế giới 2002.* Paris: UNICEF.

Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF). 1999. *Tình hình trẻ em thế giới 1999*. Paris: UNICEF.

Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa Liên hiệp quốc (UNESCO) Viện Thông kê và Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD). Năm 2005. *Các xu hướng giáo dục triển vọng. Phân tích các chỉ số giáo dục thế giới*. Paris: UNESCO, OECD.

Báo cáo thế giới của UNESCO. Năm 2005. *Hướng tới các xã hội tri thức*. Paris: UNESCO.

Verheyde, Mieke. Năm 2005. *Một bản chú thích về Công ước về quyền trẻ em của Liên hiệp quốc: Điều 28, Quyền giáo dục*. Leiden: Nhà xuất bản Martinus Nijhoff.

Watkins, Kevin. Năm 1999. *Giáo dục từ bây giờ. Phá vỡ vòng nghèo đói*. Oxford: OXFAM International.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Giáo dục quốc tế: <http://www.ei-ie.org/en/in-dex.php>

Trung tâm nguồn điện tử về giáo dục quyền con người: <http://erc.hrea.org>

Hội giáo dục quyền con người: www.hrea.org

Internet về quyền con người: www.hri.ca

Mạng lưới quyền con người: www.derechos.net

Tổ chức theo dõi quyền con người: www.hrw.org

Văn phòng cao ủy quyền con người: www.unhchr.ch

Quyền giáo dục: www.right-to-education.org

Phong trào nhân dân về giáo dục quyền con người: www.pdhre.org

Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc: www.unicef.org

Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa Liên hiệp quốc: www.unesco.org

Ngân hàng Thế giới: www.worldbank.org

QUYỀN CON NGƯỜI CỦA TRẺ EM

**TRAO QUYỀN VÀ BẢO VỆ TRẺ EM
THAM GIA VÀ CUNG CẤP
KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI VỚI TRẺ EM
CÁC LỢI ÍCH TỐT NHẤT CỦA TRẺ**

“Trong tất cả các hành động liên quan đến trẻ em, dù là do các thiết chế phúc lợi xã hội công hoặc tư, các tòa án, chính quyền hay cơ quan lập pháp tiến hành, trước hết cần phải cân nhắc đến lợi ích lớn nhất của trẻ”.

Điều 3 Công ước Liên hiệp quốc về quyền trẻ em. 1989.

CÂU CHUYỆN MINH HỌA

Trừng phạt về thân thể đối với trẻ em

Trả lời của các em:

“Tại sao em lại nghĩ là có thể tát trẻ em?”

- “Khi trẻ em hư, đánh lộn, chúng bị mẹ hoặc bố tát” (cậu bé 6 tuổi)

- “(trẻ bị tát) khi đánh người khác, khi ném đá hay ném đồ” (cậu bé 7 tuổi)

- “Có thể (bạn) vẽ lên thân (hoặc) vẽ lên ghế sofa (hay không) dọn phòng - nếu bạn nghịch sơn hay bôi sơn lên đồ vật gì đó. Và nếu bạn đung vào chiếc cốc mà mẹ thích nhất và làm vỡ nó” (bé gái 5 tuổi)

- “À, nếu đến lúc dọn phòng mà bạn chỉ còn 1 tiếng, bạn lại không dành thời gian để đọc sách, bạn có thể bị tát đấy” (cậu bé 6 tuổi)

- “vì bố mẹ bảo không được làm gì đấy nhưng vẫn làm” (bé gái 7 tuổi)

(Nguồn: Willow, Carolyne; Hyder, Tina. 1998. Gây tổn thương từ bên trong - trẻ em nói về việc bị tát. Trích đoạn Tài liệu có tại địa chỉ www.childrenareunbeatable.org.uk)

Câu hỏi thảo luận

1. Tại sao người ta lại tát con mình?
2. Liệu tát trẻ em có phải là 1 dạng thức mang tính kỷ luật hợp pháp không?
3. Có biện pháp nào thay thế hình phạt về thân thể không?
4. Tại sao chỉ có 16 quốc gia trên thế giới cấm một cách tổng hợp hình phạt thân thể trong gia đình, trường học và hệ thống luật hình sự?
5. Bản thân bạn hoặc cùng người khác có thể hiểu được gì về vấn đề này?

Trẻ em bị ảnh hưởng bởi xung đột vũ trang

“Em bị (Quân đội kháng chiến của vua) bắt cóc khi mẹ và em đang tìm cách trốn, nhưng mẹ bị bắt. Quân nổi dậy bảo với hai mẹ con là mẹ đã tìm cách chạy trốn nên phải giết mẹ. Họ bắt bọn

trẻ mới đến giết mẹ em. Họ bảo là nếu chúng em chạy trốn, thì họ sẽ giết gia đình của chúng em.

Họ bắt chúng em đi bộ 1 tuần liền (...). Một vài em nhỏ hơn không thể theo kịp vì chúng em phải đi rất xa mà lại không được nghỉ, và thế là họ giết các em ấy (...). Một số em thì chết đói. Em cảm thấy thật khủng khiếp khi phải chứng kiến nhiều trẻ em chết và bị giết hại như vậy. Em đã nghĩ rằng họ cũng sẽ giết em”.

Sharon là một em gái 13 tuổi, bị quân đội kháng chiến của nhà vua bắt cóc, một nhóm nổi dậy ở phía bắc Uganda, chống lại chính phủ nước này, tiến hành khủng bố dân địa phương, đặc biệt là bắt cóc trẻ em, bắt các em tham gia lực lượng phiên quân. Tại hơn 85 quốc gia trên khắp thế giới, trẻ em dưới 18 tuổi vẫn đang bị xung vào quân đội quốc gia hoặc các nhóm vũ trang đối lập, khoảng 300.000 trẻ em đang tham gia tích cực trong các cuộc xung đột vũ trang.

(Nguồn: Tổ chức Theo dõi quyền con người. 1997. Vết nhơ của thân chết: Trẻ em bị bắt cóc bởi Quân đội Kháng chiến của nhà vua tại Uganda).

Câu hỏi thảo luận

1. Có những lý do nào khiến người lớn bắt trẻ em tham chiến?
2. Nên làm gì để xóa bỏ các binh sĩ là trẻ em khỏi vòng bạo lực này?
3. Hậu quả của việc sử dụng trẻ em trong chiến tranh là như thế nào - đối với trẻ em, xã hội?

ĐIỀU CẦN BIẾT

1. CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM

Thảo luận về quyền con người của trẻ em đôi khi là vấn đề xa lạ và mang tính nước đôi.

Thoạt đầu, mọi người có thể nhất trí ngay lập tức các quyền của thanh niên được có gia đình, được sống với gia đình và bạn bè, được phát triển nhân cách và tài năng, được bảo vệ khỏi bị làm hại và được tôn trọng, coi trọng. Tuy nhiên, một khi các vấn đề nổi lên về các tiêu chuẩn cụ thể liên quan đến việc nuôi nấng con cái, và về trách nhiệm hiện thực hóa các mục tiêu này, thì lại nảy sinh nhiều vấn đề tranh cãi.

Hãy xem Công ước của Liên hiệp quốc về quyền trẻ em (CRC). Công ước quốc tế này do Đại hội đồng Liên hiệp quốc thông qua năm 1989, cấu thành nền tảng bảo vệ mang tính quốc tế các quyền con người của trẻ em. Một câu chuyện thành công thể hiện ở chỗ Công ước này hiện tại là công ước về quyền con người được phê chuẩn rộng rãi nhất, với 192 quốc gia thành viên, bao gồm toàn bộ các thành viên của Liên hiệp quốc, ngoại trừ Somalia và Mỹ. Do đó, Công ước về Quyền trẻ em đặt ra các tiêu chuẩn thực sự mang tính phổ quát đối với trẻ. Tuy nhiên, thông tin tốt ở khía cạnh đề ra các tiêu chuẩn lại đối nghịch với bức tranh bi thảm trong việc thực hiện các tiêu chuẩn. Đánh giá cuối thập kỷ của Liên hiệp quốc/UNICEF cho Phiên họp đặc biệt của Liên hiệp quốc năm 2002 đã cho thấy, ví dụ, các cơ hội về khả năng sống sót của trẻ em ở châu Phi cận Sahara đã suy giảm và ở cấp độ toàn cầu thì có tới 149 triệu trẻ em bị suy dinh dưỡng, và 100 triệu em không được đi học ở trường.

Do đó, những mong đợi là rất lớn, nhất là vào thời điểm tháng 5/2002 khi có khoảng vài nghìn đại biểu các quốc gia và đại diện các tổ chức phi chính phủ (NGOs) và hơn 600 thanh niên (đến 18 tuổi) tới New York tham gia Phiên họp đặc biệt của Đại hội đồng Liên hiệp quốc về trẻ em. Tuy

nhiên, Kế hoạch hành động quốc tế mới (“Một thế giới phù hợp với trẻ em”), thảo luận kéo dài gần 2 năm, nhưng chỉ đem lại thành quả chung chung. Và ấn tượng nhất, một trong các vấn đề gai góc nhất trong cuộc tranh luận đó là địa vị của Công ước về quyền trẻ em trong văn bản kết quả của phiên họp, do một số quốc gia như Hoa Kỳ phản đối đưa ra văn bản kết luận dựa trên quyền trẻ em.

Quyền trẻ em và an ninh con người/Trẻ em

Khái niệm về an ninh con người đã được mô tả như là tự do khỏi những đe dọa lan tràn đối với các quyền và an ninh của cá nhân, thúc đẩy tự do thoát khỏi sự sợ hãi và được tự do mong muốn, với các cơ hội bình đẳng để phát triển đầy đủ khả năng con người của mình.

Do đó, nó tập trung vào các tình trạng mất an ninh do bạo lực và nghèo đói, và còn trầm trọng hơn do sự phân biệt đối xử và sự loại trừ về mặt xã hội. Yêu cầu về ưu tiên và thành tố về tính cấp thiết phải chống lại những nguy cơ trước mắt đe dọa an ninh của cá nhân là sự bổ sung cho khái niệm về các quyền trẻ em, đặc biệt theo nguyên tắc ưu tiên cân nhắc các lợi ích cao nhất của trẻ. Tuy nhiên, khi sử dụng khái niệm an ninh con người như là một công cụ chính trị, cần xem xét một số dữ liệu báo trước.

Trước hết, khuôn khổ luật pháp bắt buộc đối với việc bảo vệ các quyền con người của trẻ em là sẵn có, đem lại các quyền tổng hợp với các nghĩa vụ tương ứng mang tính ràng buộc đối với các quốc gia – trong khi an ninh con người đến nay vẫn thiếu nền tảng quy chuẩn.

Thứ hai, các cách tiếp cận an ninh con người/an ninh của trẻ em có thể dẫn đến sự bảo vệ (thái quá), nhấn mạnh tính dễ bị tổn thương và sự phụ thuộc của trẻ - trong khi lại bỏ qua những khả năng và nguồn lực của chính các em. Do đó, một thách thức về khái niệm đối với an ninh của trẻ là

ở chỗ làm thế nào có thể lồng ghép tốt nhất sự trao quyền/khía cạnh tự tạo khả năng, trọng tâm của vấn đề về quyền con người.

Từ điểm này suy ra, cần nhấn mạnh việc kết hợp giữa các quyền của trẻ em và các cách tiếp cận an ninh trẻ em, như đã được chứng kiến, ví dụ như trong bối cảnh tranh luận hiện tại về sự tham gia của trẻ vào các quá trình hòa bình và tái thiết hậu xung đột.

“Bất cứ xã hội nào muốn phủ nhận quyền của trẻ em hay của bất cứ nhóm người nào khác, vốn là tài sản chung của các nhóm khác, cần phải đưa ra những lý do rõ ràng và bền vững để thực hiện điều đó. Gánh nặng phải đưa ra bằng chứng luôn tùy thuộc vào những ai muốn loại trừ người khác không cho người đó tham gia; trẻ em không cần buộc phải bảo vệ cho trường hợp của mình để có được những quyền như những người khác”.

Bob Franklin. 1995

Kể từ khi thành lập, Mạng an ninh con người đã quan tâm đặc biệt đến an ninh trẻ em, đặc biệt liên quan đến xung đột vũ trang (bao gồm các vấn đề về vũ khí hạng nhẹ, mìn). Cam kết này đã được thể hiện ở những ưu tiên tại Văn phòng Mạng an ninh con người Áo 2002/03: trẻ em bị ảnh hưởng bởi xung đột vũ trang và giáo dục quyền con người.

2. ĐỊNH NGHĨA VÀ MÔ TẢ VẤN ĐỀ

Bản chất và nội dung của các quyền con người của trẻ em

Một mặt, khái niệm về quyền trẻ em đã phát triển, từ phong trào quyền con người rộng lớn hơn, mặt khác, xuất phát từ những tiến triển trong lĩnh vực xã hội, giáo dục và tâm lý trong 200 năm qua. Điều này bao gồm tác động của giáo dục bắt buộc mang tính thể chế của nhà nước tại các trường học, những tác động tiêu cực của công nghiệp hóa đối với trẻ em (ví dụ như sử dụng trẻ

em tại các nhà máy hay hầm mỏ). Một cách hiểu mới về sự phát triển của trẻ đi từ các khái niệm và mô hình dạy học mới liên quan đến nuôi dạy trẻ là “các phong trào giải phóng trẻ em” trong thập kỷ 70 của thế kỷ trước. Các phong trào này đã hỗ trợ để tạo ra sự chuyển đổi từ sự tập trung vào tính dễ bị tổn thương của trẻ và các nhu cầu bảo vệ các em sang mối quan tâm mới về tính tự quản của trẻ, năng lực, tính tự quyết và sự tham gia của trẻ, bác bỏ những quan điểm gia trưởng rằng trẻ em chỉ là các đối tượng để cha mẹ/người lớn giám sát. Sau cùng, những tiến triển đó kết hợp lại, tác động mạnh đến tiến trình chính trị bắt đầu từ năm 1978/79 tại Liên hiệp quốc với việc dự thảo một văn kiện ràng buộc về mặt pháp lý mới và đầu tiên về quyền con người của trẻ em - Công ước Liên hiệp quốc về quyền trẻ em (CRC). Ngày 20/11/1989 - ngày mà công ước này được thông qua là ngày quốc tế về quyền trẻ em được kỷ niệm hàng năm.

Các khái niệm chính của Công ước về quyền trẻ em

Trao quyền và giải phóng, các khía cạnh về giới và thể hệ

Dựa trên sự tôn trọng phẩm giá của loài người, Công ước về quyền trẻ em thừa nhận cá nhân từng em là người sở hữu các quyền con người: những quyền này không bị tước đoạt hay phụ thuộc vào các quyền của cha mẹ hay bất cứ người lớn nào khác. Đây là nền tảng cho hai khái niệm về giải phóng và trao quyền cho trẻ, tạo điều kiện để trẻ trở thành chủ thể được tôn trọng và là công dân của xã hội, thách thức và thay đổi các nhận thức hạn chế và phân biệt và những mong muốn đối với những người trẻ tuổi. Sự thật là trẻ em hiện vẫn bị phụ thuộc vào người lớn (liên quan đến sự phát triển về thể chất, tình cảm và xã hội, thiếu nguồn lực vật chất/thu nhập...) và tình trạng kinh tế, xã hội của người chăm sóc (ví dụ: tình trạng thất nghiệp, cha mẹ li hôn), có tác động trực tiếp đối với mức sống của trẻ. Tuy nhiên, thông qua việc bảo vệ các quyền con người của trẻ em, địa vị của các em trong luật pháp và trong xã hội sẽ thay đổi.

Đó không phải là giải pháp đối với mọi vấn đề mà trẻ em phải đối diện hay chấm dứt các vấn đề đó, mà là công cụ cần thiết để tham gia vào quá trình giải quyết những vấn đề này một cách tổng hợp, dựa trên các lợi ích tốt nhất của trẻ (và của xã hội). Chấp nhận các quyền của thể hệ trẻ, do đó, không tạo nên một nhóm xã hội cụ thể “được đặc quyền đặc lợi”, mà thay vào đó, tạo tiền đề cần thiết để nâng cao địa vị trong xã hội đến cấp độ mà các em có thể tự bảo vệ các lợi ích của mình một cách bình đẳng với người lớn.

“Một trăm trẻ em, một trăm cá nhân chính là những người - không chỉ là con người của tương lai, không phải là những người của ngày mai, mà là con người của hiện tại, thời điểm hiện giờ - của ngày hôm nay”.

Janusz Korczak. Cách yêu trẻ. 1919

Chỉ như vậy, trẻ em mới có thể được điều trần trước tòa trong những trường hợp liên quan đến giam giữ hay một bé gái có thể cảm thấy an toàn để có thể đi khai báo vấn đề lạm dụng tình dục. Điều này cũng có thể nêu bật các khía cạnh mang tính phòng ngừa và nâng cao nhận thức của sự trao quyền cho trẻ. Và chỉ khi đó, các lợi ích của trẻ với tư cách là một nhóm xã hội cụ thể và riêng biệt được nhìn nhận một cách nghiêm túc - một thách thức chính yếu liên quan đến tình hình nhân khẩu học ở “các xã hội dân số già” ở bán cầu Bắc và cả ở bán cầu Nam nơi mà thanh niên thường chiếm đến hơn 50% tổng dân số. Ngoài khía cạnh về thể hệ, sức mạnh về giới cũng là vấn đề quan trọng hàng đầu đối với việc trao quyền cho trẻ em. Vấn đề buôn bán trẻ em gái để khai thác tình dục hay việc giết hại các em gái vì lý do “danh dự gia đình”, bị loại trừ và các bất lợi trong giáo dục và việc làm, cũng như các khuôn mẫu lạc hậu trong công nghiệp truyền thông và giải trí rõ ràng thể hiện sự phân biệt đối xử kép đối với cả trẻ em gái và trẻ em nói chung.

Quan điểm chính thống về trẻ em



Công ước về Quyền trẻ em đó là văn kiện quốc tế về quyền con người đầu tiên và duy nhất kết hợp được cả các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa cũng như dân sự và chính trị. Công ước về Quyền trẻ em, do vậy, đã đi theo cách tiếp cận tổng hợp (“chính thống”) trong giải quyết tình trạng của trẻ; công ước này vượt xa những tuyên bố về quyền trẻ em trước đó, tập trung vào các nhu cầu bảo vệ trong quá trình phát triển của trẻ vì công ước này cũng bao gồm các điều khoản đảm bảo sự tôn trọng tính cách, tính tự quyết và sự tham gia của trẻ.

Mối quan hệ giữa trẻ em - cha mẹ - nhà nước

Cùng lúc, điều quan trọng là cần nhấn mạnh đến các vấn đề mang tính đối ngẫu nhau - chẳng hạn như quyền được bảo vệ và các quyền tự quyết - là không mang tính loại trừ mà còn hỗ trợ cho nhau; Công ước không ủng hộ những vấn đề như coi các quyền tự quyết cao hơn quyền bảo vệ, do đôi khi các nhà phê bình vẫn đòi hỏi và gọi công ước này là “chống gia đình” và sợ phá vỡ các gia đình thông qua việc trao các quyền con người cho trẻ em. Công ước về Quyền trẻ em thừa nhận rõ ràng “các trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ” của (cả hai!) cha mẹ đem lại, “định hướng và hướng dẫn phù hợp” cho trẻ. Tuy nhiên, cha mẹ có trách nhiệm phải “nhất quán với các khả năng phát triển của trẻ”, có nghĩa là trách nhiệm đó không chỉ đem lại quyền năng tuyệt đối nào cho trẻ mà là quyền năng tương đối và sống động. Hơn nữa, so với nhà nước, các bậc phụ huynh có trách nhiệm giáo dục hàng đầu, nhưng nếu họ không thể hoặc không sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ của mình, thì nhà nước/xã hội có quyền can thiệp.

Không phân biệt đối xử với trẻ em

Công ước đưa ra các quy định rõ ràng về nghiêm cấm phân biệt đối xử với trẻ, đưa ra một danh sách những lý do không thể chấp nhận được đối với việc phân biệt về (liên quan đến cả cha mẹ/người bảo trợ của trẻ): “... chủng tộc, màu

da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính trị hay quan điểm khác, dân tộc, sắc tộc hay nguồn gốc xã hội, tài sản, khuyết tật, dòng dõi hay địa vị khác”. (Điều 2) Ủy ban về Quyền trẻ em của Liên hiệp quốc, giám sát việc thực hiện Công ước, đã giải thích danh sách này một cách rộng rãi, cũng đề cập đến sự phân biệt đối xử với trẻ em, ví dụ như trẻ bị nhiễm HIV/AIDS, trẻ em đường phố, trẻ sống ở vùng nông thôn, vùng xa xôi hẻo lánh, trẻ tìm kiếm tị nạn...

“Tôi có một ước mơ là cả 4 con nhỏ của tôi một ngày nào đó sẽ được sống ở một đất nước nơi chúng không bị phân biệt bởi màu da mà bởi cá tính của chúng”.

Martin Luther King Jr. 1963

“Triển vọng tương lai của bất cứ dân tộc nào cũng được đo một cách trực tiếp bằng triển vọng hiện tại của thể hệ trẻ ở dân tộc đó”.

John F. Kennedy. 1963

Những lợi ích tốt nhất của trẻ

Điều 3(1) đưa ra nguyên tắc chỉ đạo chung cho toàn bộ Công ước, cụ thể là ưu tiên quan tâm “những lợi ích tốt nhất của trẻ”. Nó không giới hạn ở những hành động trực tiếp đối với trẻ (Ví dụ: giáo dục, các trường hợp tòa tạm giam...), tuy nhiên, thay vào đó có tính hợp lý đối với mọi hành động có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đối với trẻ (chính sách lao động, phân bổ ngân sách,...). Do đó, điều này hàm ý nghĩa vụ của bất cứ diễn viên nào (nhà nước hay tư nhân) phải thực hiện một cuộc “đánh giá tác động đến trẻ”, để xem xét những hậu quả của bất cứ biện pháp nào hay các biện pháp thay thế đối với tăng cường giám sát việc thực hiện biện pháp đó và tác động của nó đối với trẻ em.

Bên cạnh đó, nguyên tắc “lợi ích tốt nhất của trẻ em” là một điều khoản bao trùm. Nguyên tắc này áp dụng cho tất cả các điều khoản trong Công

ước và là hướng dẫn cho bất cứ trường hợp xung đột các quyền trong Công ước.

Định nghĩa về “trẻ em” của Công ước



Cuối cùng, một vấn đề chủ chốt vẫn còn đó: Ai thực chất được coi là “trẻ em” theo Công ước về Quyền trẻ em? Theo cách tiếp cận tương đối về luật học, Công ước này xác định “trẻ em” là con người dưới 18 tuổi (trừ phi đa số được quy định sớm hơn tại quốc gia liên quan, Điều 1), do vậy, phân biệt được người trưởng thành và người chưa trưởng thành. Rõ ràng, các thách thức và nhu cầu của một bé gái ở tuổi niên thiếu thường khác xa với một em bé sơ sinh. Do có sự cấu thành tuổi “dưới 18” đa dạng, không đồng đều và mang tính xã hội, nên nhất thiết khi vận dụng Công ước về Quyền trẻ em phải hiểu rõ nhóm các biện pháp mục tiêu liên quan trong hoàn cảnh xác định.

Các quyền trong công ước: Tham gia - bảo vệ - cung cấp

Một cấu trúc được sử dụng phổ biến để miêu tả các nội dung của Công ước (ngoài các nguyên tắc chỉ đạo ở trên) là tuân theo 3 chữ P (tham gia, bảo vệ, cung cấp) - participation, protection, provision:

- Sự tham gia, trước hết, được thể hiện bằng sự thừa nhận rõ ràng quyền của trẻ được tham gia như quy định tại Điều 12(1). “Coi trọng thích đáng” trong quan điểm của trẻ là yếu tố chủ chốt của điều khoản này; nó yêu cầu một cấp độ tham gia của trẻ (với sự hỗ trợ phù hợp của người lớn) cho phép các em thực sự tác động đến các quá trình, ảnh hưởng tới việc ra quyết sách. Bên cạnh đó, Công ước thông qua các quyền chính trị và dân sự cơ bản liên quan đến hoàn cảnh này vì các quyền của trẻ như tự do tín ngưỡng, tôn giáo, hội họp, và tôn trọng tính riêng tư.
- Về các vấn đề bảo vệ, các quyền trong Công ước bao gồm sự bảo vệ khỏi mọi dạng bạo lực, thờ ơ hay bóc lột liên quan đến trẻ em.
- Các quyền về cung cấp được đảm bảo theo Công ước, ví dụ như quyền về sức khỏe, giáo dục, an ninh xã hội và mức sống thỏa đáng.

Hơn nữa, Công ước cũng phát triển các tiêu chuẩn mới thông qua việc hình thành quyền của trẻ được bảo vệ tính cách, gia đình và các mối quan hệ xã hội khác (bao gồm đoàn tụ với gia đình), công ước đảm bảo việc tạo môi trường gia đình thay thế và việc nhận con nuôi, đảm bảo quyền của trẻ được nghỉ ngơi, vui chơi, tham gia hoạt động văn hóa và nghĩa vụ quốc gia, đảm bảo sự phục hồi sức khỏe và chức năng cho mọi trẻ em là nạn nhân của bất cứ dạng thức bạo lực hay bóc lột nào.

Kết luận: Tại sao lại sử dụng cách tiếp cận dựa trên quyền trẻ em?

- Các quyền trẻ em là quyền con người - tôn trọng nhân phẩm mà không quan tâm đến vấn đề tuổi tác.
- Các quyền trẻ em chuyển sự tập trung quan tâm từ cá nhân trẻ sang nhìn nhận trẻ em với tư cách là một nhóm trong xã hội.
- Các quyền trẻ em là tổng hợp và có liên quan lẫn nhau - sẽ không có tự do ngôn luận nếu không có sự nghiêm cấm bạo lực, sẽ không có quyền giáo dục nếu không có quyền được hưởng mức sống thỏa đáng.
- Các quyền trẻ em là những quyền mang tính pháp lý - chúng làm rõ các trách nhiệm và đối tượng chịu trách nhiệm.
- Các quyền của trẻ em đem lại quyền năng cho các em - chúng đòi hỏi phải có một nền văn hóa tương tác mới với trẻ, dựa trên sự thừa nhận các em là chủ thể và người sở hữu quyền.

3. QUAN ĐIỂM LIÊN VĂN HÓA VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ GÂY TRANH LUẬN

Việc bảo vệ quyền trẻ em đã làm sáng tỏ địa vị của các em trong xã hội, làm rõ khái niệm thông thường về tuổi thơ, các mẫu hình về vai trò đối với trẻ, điều kiện sống và cơ sở vật chất liên quan đến điều kiện sống. Hơn nữa, nó cũng làm rõ nhiều vấn đề về khái niệm gia đình và địa vị của phụ nữ trong xã hội đó.

Một vấn đề gây tranh cãi và manh tính tiêu biểu về sự không rõ ràng là vấn đề liên quan đến hình phạt thân thể đối với các em.

“Nếu chúng ta muốn tạo dựng một nền hòa bình bền vững, chúng ta phải bắt đầu với trẻ em”.

Mahatma Gandhi.

Trong khi mọi bộ luật hình sự trên thế giới đều coi việc áp dụng hình thức làm tổn thương có chủ ý đối với người thành niên như là một hành vi phạm tội, thì nguyên tắc trên lại không được áp dụng với trẻ. Theo đó, người ta có thể thảo luận về hàng loạt những điều trói buộc, những quy định về kích cỡ hay vật liệu của chiếc roi hay yêu cầu phải có sự hiện diện của bác sĩ trong quá trình thi hành hình phạt ở trường. Nổi bật là gần đây chỉ có khoảng 15 quốc gia trên thế giới đã xóa bỏ hoàn toàn hình phạt thân thể. Ủy ban về Quyền trẻ em đã tập trung vào vấn đề bạo lực đối với trẻ em ở cấp độ Nhà nước, trong gia đình và trường học trong hai phiên thảo luận chủ đề năm 2000 và 2001. Ủy ban cũng bắt đầu tiến hành nghiên cứu cơ bản của Liên hiệp quốc về bạo lực đối với trẻ em, vào năm 2006, nhằm thu hút sự quan tâm chính trị toàn cầu đối với vấn đề quyền trẻ em này.

Những lĩnh vực gây tranh cãi khác như địa vị của các em gái (ví dụ “coi trọng con trai” trong các gia đình, giáo dục, việc làm, giải thích giới hạn về Luật tôn giáo, các tập tục như cắt bỏ bộ phận sinh dục phụ nữ, tiếp cận với các dịch vụ sức khỏe sinh sản, và cách giải quyết vấn đề lao động trẻ em hiệu quả, liên quan đến nhiều nhân tố và điều kiện kinh tế, xã hội tại từng quốc gia.

4. THỰC THI VÀ GIÁM SÁT

Điện hình là trong lĩnh vực quyền con người, vẫn còn tồn tại khoảng cách giữa các nguyên tắc và thực tiễn, giữa các cam kết và thực thi, nhưng ai cũng có thể lập luận rằng khoảng cách này trong lĩnh vực quyền trẻ em là lớn hơn cả. Nhiều lý do có thể được đưa ra cho tình trạng trên (các vấn đề

về quyền trẻ em liên quan đến những thảo luận thường xuyên gây tranh cãi về “các giá trị gia đình”/truyền thống văn hóa/tôn giáo, thiếu cơ sở hạ tầng tập trung vào trẻ em và ủng hộ các sáng kiến nhằm vào trẻ em). Tuy nhiên, một nhân tố khác góp phần dẫn đến vấn đề trên chính hệ thống giám sát Công ước quyền trẻ em yếu. Công ước chỉ thiết lập một cơ chế báo cáo cấp quốc gia đối với việc giám sát tuân thủ các điều khoản. Theo thủ tục trên, các quốc gia thành viên có nghĩa vụ nộp các báo cáo (định kỳ 5 năm một lần) lên cơ quan giám sát Công ước - Ủy ban quyền trẻ em - về tiến bộ đạt được trong quá trình thực hiện Công ước (và các nghị định thư lựa chọn). Việc này đã khởi động một “cuộc đối thoại mang tính xây dựng” với từng chính phủ với kết quả đưa ra là “các nhận xét kết luận” của Ủy ban là những đánh giá phê bình, kèm theo các khuyến nghị đối với chính phủ.

“Liệu có thể có một nghĩa vụ nào thiêng liêng hơn là nghĩa vụ chúng ta phải bảo vệ quyền của trẻ em một cách thận trọng như chúng ta bảo vệ quyền của bất kỳ người nào khác? Liệu có thể có cuộc kiểm tra sự lãnh đạo nào lớn hơn nhiệm vụ đảm bảo các tự do đó của trẻ em, trong mỗi quốc gia mà không có ngoại lệ nào?”

Kofi Annan, Tổng thư ký Liên hiệp quốc.

“Việc thực hiện Công ước không phải là vấn đề lựa chọn, phúc lợi hay từ thiện mà là vấn đề thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ pháp lý”.

**Phiên họp kín về Quyền trẻ em,
giám sát cương lĩnh NGO quốc tế tiếp
sau Phiên họp đặc biệt về trẻ em, năm 2002.**

Phiên họp kín về quyền trẻ em, cuộc họp về giám sát cương lĩnh NGO quốc tế tiếp sau Phiên họp đặc biệt về trẻ em năm 2002.

Không có trình tự thủ tục khiếu nại hay điều tra cá nhân hay quốc gia được ghi nhận tại Công ước (như với các công ước quyền con người khác), mặc dù

các NGO đã bắt đầu vận động thiết lập cơ chế khiếu nại cá nhân cho phép Ủy ban phát triển luật vận dụng án lệ của mình. Điều này có thể là một vấn đề thúc đẩy mạnh mẽ sự thảo luận pháp lý kỹ lưỡng về quyền trẻ em. Tuy nhiên, khi giải quyết tình hình hiện tại, Ủy ban đã rất tiến bộ trong việc tìm cách bù đắp cho sự thiếu hụt của các cơ chế truyền thống. Trước hết, Ủy ban có quan điểm rất cởi mở đối với sự tham gia của các NGO, mời họ nộp các báo cáo (“bóng”) của mình về tình hình quyền trẻ em tại một quốc gia để có được một bức tranh đầy đủ hơn về các vấn đề đang bị đe dọa. Thứ hai, Ủy ban đã phát động các diễn đàn cộng đồng hàng năm (“Những ngày Thảo luận Chung”) về các chủ đề cụ thể (chẳng hạn như: “Trẻ em và gia đình”, “Tur pháp vị thành niên”, “HIV/AIDS”) nhằm hướng sự quan tâm quốc tế vào các vấn đề trên. Và kể từ năm 2001, Ủy ban cũng đã công bố “Các bình luận chung” - là phần giải thích chính thức chủ yếu về các tiêu chuẩn của Công ước về quyền trẻ em - về các vấn đề như bảo vệ trẻ em bị tách khỏi cha mẹ ở ngoài quốc gia bảo hộ hay về thời thơ ấu (năm 2005).

Tuy nhiên, sự gia tăng ngày càng lớn số lượng các tiêu chuẩn, các văn kiện và các thiết chế đã đặt ra những thách thức mới đối với việc giám sát, đòi hỏi có sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa tất cả các bên liên quan, bao gồm ở cả cấp độ quốc gia và quốc tế. Ở cấp độ quốc gia, vấn đề quan trọng là khi nhớ lại văn kiện kết quả của Phiên họp đặc biệt của Liên hiệp quốc năm 2002 yêu cầu các quốc gia trình Kế hoạch hành động quốc gia tổng hợp như là nền tảng của các chính sách tập trung vào trẻ em trước thời hạn cuối năm 2003, “nếu có thể”. Hơn nữa, về cấp độ cấu trúc, sự thiết lập khung về quyền trẻ em ở mọi cấp độ lập pháp và chính phủ vẫn đặt ra một thách thức to lớn. Đánh giá định kỳ về tác động với trẻ em liên quan đến các quy định, ngân sách nhạy cảm với trẻ, sự tham gia của trẻ em trong các chiến lược giảm nghèo và thiết lập/tăng cường các thanh tra độc lập về trẻ em vẫn chỉ là một ngoại lệ chứ chưa phải là quy định. Bên cạnh đó, vận động chính sách về quyền trẻ em vẫn là một

phong trào chủ yếu do người lớn điều khiển, do vậy, phải tìm ra những cách thức mới đem lại các sáng kiến hỗ trợ trẻ/do trẻ dẫn đường.

“Chúng tôi do vậy tái cam kết sẽ dành mọi nỗ lực để tiếp tục tạo lập một thế giới phù hợp với trẻ em, phát triển thêm những thành tựu của thập kỷ đã qua và chịu sự dẫn dắt của các nguyên tắc trong hiệu lệnh đầu tiên dành cho trẻ em”.

Một thế giới phù hợp với trẻ
Tuyên bố và Kế hoạch hành động.
Thông qua tại Phiên họp đặc biệt của
Đại hội đồng Liên hiệp quốc về Trẻ em.
Năm 2002.

Sau cùng, bất cứ nỗ lực mang tính tăng cường nào cũng nên dựa trên các thông tin hiệu quả,

ĐIỀU NÊN BIẾT

1. KINH NGHIỆM TỐT

Sau đây là những ví dụ về các sáng kiến và dự án đã thành công trong việc tăng cường thực thi Công ước về Quyền trẻ em:

“Kết nối con người”

Một dự án đỡ đầu với những người dân tị nạn trẻ ở Áo, do Asylkoordination Österreich (một NGO của Áo điều phối các tổ chức di cư và tị nạn) tổ chức, với sự hỗ trợ của Ủy ban UNICEF của Áo.

Ý tưởng cơ bản của dự án này là tập hợp những người tị nạn còn trẻ không có ai đi cùng với những người trưởng thành sống ở Áo, những người sẵn sàng dành thời gian với các em và có thể đưa ra hỗ trợ thiết thực cho người tị nạn, ví dụ các khóa học, ngôn ngữ, việc làm, gặp gỡ chính quyền, các hoạt động thể thao... Một mối quan hệ tin cậy giữa trẻ và người bảo trợ được thiết lập, giúp cho những dân tị nạn này ổn định trong môi trường của mình và đem lại cho người bảo trợ thêm kinh nghiệm cá nhân. Tất cả các nhà bảo trợ đều được lựa chọn kỹ lưỡng và phải qua được đào tạo trước về các vấn đề pháp lý, các vấn đề tâm lý xã hội, cách làm việc với chính quyền v.v...

đáng tin cậy, các chiến lược về giáo dục và đào tạo, trong đó giáo dục về quyền trẻ em và quyền con người phải tiếp cận trực tiếp với trẻ em, thanh niên cũng như người lớn. Như Ủy ban Công ước Quyền trẻ em đã tuyên bố trong Bình luận chung về “Các mục tiêu của giáo dục” (Điều 29) năm 2001 là: “Một nền giáo dục với các nội dung có cội rễ từ những giá trị ghi trong Điều 29 (1) là dành cho trẻ em, một công cụ không thể thiếu để các em nỗ lực trong cuộc sống của mình, một phản ứng cân bằng và thân thiện - với - quyền con người đối với các thách thức song hành trong thời kỳ có sự thay đổi cơ bản do toàn cầu hóa, công nghệ mới và các hiện tượng liên quan đem lại”.

Kể từ khi bắt đầu vào năm 2001, dự án đã nhận được sự phản hồi tích cực từ học viên và từ công chúng, chính quyền và báo giới.

Mọi người có quyền/mọi người đều đúng đắn - Huấn luyện để sống chung hàng ngày (“Recht hat jede/r-Trainings zum alltäglichen Umgang miteinander”)

Hàng loạt các hội thảo do WUK KinderKultur (một sáng kiến không gian rộng mở đối với các hoạt động văn hóa dành cho trẻ) và Trung tâm dịch vụ Giáo dục quyền con người tại Viện quyền con người Boltzmann, Vienna (Áo) tổ chức.

Những hội thảo này hướng vào trẻ em (từ 7 đến 15 tuổi) ở cả trường học và trong các nhóm thanh niên/trẻ em, tập trung vào giải quyết xung đột hòa bình, khoan dung và truyền thông thông qua các cuộc thảo luận, nhập vai, các hoạt động nhóm; mỗi hội thảo kéo dài khoảng 2 tiếng rưỡi và do một nhóm gồm 2 chuyên gia hỗ trợ (các nhà thương thuyết được đào tạo, những người phát triển ngành giải trí, các nhà tâm lý học, diễn viên, giáo viên...). Kể từ năm 2001, những chuyên đề về “trách nhiệm”, “giải quyết xung

đột”, “tôn trọng” và “biên giới và những giới hạn” đã được phát triển và trình bày tại hơn 100 hội thảo.

“Các báo cáo bóng” phi chính phủ và “các liên minh quốc gia” về việc thực hiện Công ước Quyền trẻ em trong nước

Các quốc gia thành viên của Công ước về quyền trẻ em phải thường xuyên nộp các báo cáo về tiến độ thực hiện Công ước về quyền trẻ em lên Ủy ban Công ước về quyền trẻ em. Để tạo điều kiện đánh giá tổng hợp các báo cáo quốc gia đó, Ủy ban hoan nghênh “các báo cáo bóng”/“các báo cáo thay thế” của các NGO hay mạng lưới NGO (“các liên minh quốc gia”) đánh giá về tình hình trẻ em và thanh thiếu niên trong nước. Tại khoảng 100 quốc gia, các liên minh về quyền trẻ em cấp quốc gia như vậy đã được thành lập, thúc đẩy và giám sát việc thực hiện Công ước về quyền trẻ em. Bên cạnh đó, một nhóm NGO quốc tế về Công ước về quyền trẻ em tại Geneva đã hỗ trợ các NGO và các liên minh trong quá trình báo cáo và giám sát.

2. XU HƯỚNG

Công ước về quyền trẻ em với tư cách là khuôn khổ bảo vệ các quyền của trẻ không phải là văn kiện mang tính tĩnh mà liên tục phát triển. Tiến trình này được tăng cường, chẳng hạn như thông qua chính Ủy ban về quyền trẻ em thể hiện ở việc giải thích Công ước hay thông qua các chuẩn mực mới đối với Công ước như các nghị định thư lựa chọn (năm 2000) về sự tham gia của trẻ trong xung đột vũ trang, việc buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hoá phẩm khiêu dâm trẻ em (cả hai đều có hiệu lực vào năm 2002).

Một số xu hướng và thảo luận trên lĩnh vực quyền con người hiện nay là:

- * Về khía cạnh cấu trúc: Giám sát quyền trẻ em; vai trò của quyền trẻ em; NGO như là các nhà cung cấp dịch vụ và đồng thời là người giám sát nghiêm túc; hỗ trợ cho các sáng kiến và các tổ chức do trẻ/thanh thiếu niên dẫn dắt, thiết lập văn phòng thanh tra dành cho trẻ em và thanh

thiếu niên.

- * Sự tham gia của trẻ và thanh thiếu niên (cấp địa phương, quốc gia, quốc tế): tham gia các hội nghị lớn của Liên hiệp quốc, vào chiến lược giảm nghèo quốc gia; tham gia chính trị/quyền bỏ phiếu.
- * Trẻ em và môi trường gia đình: cha mẹ ly thân, “các gia đình chấp vá”, gia đình chỉ có cha hoặc mẹ; trẻ em không có sự chăm sóc của cha mẹ và các kiểu sắp đặt thay thế.
- * Quyền của bé gái: các mẫu hình vai trò xã hội; khuôn mẫu báo chí; nền tảng tôn giáo/văn hóa, sức khỏe sinh sản.
- * Các khía cạnh về thể hệ: sự thay đổi nhân khẩu, phân bổ tiền của; tiếp cận với các nguồn lực và tác động chính trị.
- * Quyền về thông tin: tiếp cận với internet/bảo vệ dữ liệu; nội dung bạo lực trong truyền thông đại chúng/ti vi/trò chơi máy tính...; khiêu dâm trẻ em trên internet.
- * Bạo lực với trẻ và lạm dụng tình dục trẻ em: nghiêm cấm hình phạt thân thể trên toàn cầu; hỗ trợ tâm lý và đào tạo phụ huynh; bạo lực trong trẻ/bạo lực đồng đẳng.
- * Giáo dục hòa nhập và đào tạo nghề cho trẻ khuyết tật.
- * Trẻ em và nền kinh tế: lao động trẻ em/hủy bỏ những dạng thức tồi tệ nhất; tác động của toàn cầu hóa kinh tế và tự do hóa các dịch vụ công (y tế, sức khỏe - GATS); tác động của ngành thể thao và giải trí, quảng cáo, truyền thông đại chúng đối với văn hóa thanh niên.
- * Tác động của HIV/AIDS đối với trẻ em: phân biệt đối xử, mất cha mẹ...
- * Trẻ em và xung đột vũ trang và trẻ em trong các tình huống khẩn cấp (thiên tai): giáo dục trong các tình huống khẩn cấp; phục hồi cho trẻ em từng là binh lính; tham gia của trẻ trong tái thiết hậu xung đột; trách nhiệm của các thể chế phi Nhà nước/các công ty tư nhân; vai trò của Hội đồng Bảo an; vai trò của ICC; đào tạo về quyền trẻ em và bộ luật ứng xử đối với binh lính gìn giữ hòa bình/những người tham chiến.

Con số và thực tế

Thông tin thống kê về quyền trẻ em

Khai sinh: chỉ có 45% trẻ em được đăng kí khai sinh sau khi sinh/trong 5 năm đầu.

Tử vong ở trẻ dưới 5 tuổi: khoảng 10,5 triệu trẻ em tử vong mỗi năm, thường do các nguyên nhân có thể ngăn ngừa được (chủ yếu là các bệnh: tiêu chảy, viêm đường hô hấp cấp tính, bạch hầu, viêm phổi, ho gà, sởi, uốn ván); chỉ có 7 quốc gia vẫn tiếp tục có các ca bại liệt bản địa năm 2002.

Tử vong ở sản phụ: trung bình thế giới: 400/100.000 phụ sản chết khi sinh; châu Phi cận Sahara: 940; Nam Á: 560; Trung Đông và Bắc Phi: 220; Mỹ Latinh/Ca-ri-bê: 190; Đông Á/Thái Bình Dương: 140; cộng đồng các quốc gia độc lập CEE/CIS: 64; các nước công nghiệp: 13.

Mang thai ở tuổi độ tuổi thiếu niên: 14 triệu trẻ em do thanh thiếu niên dưới 19 tuổi sinh ra hàng năm; chỉ có 23% trong số phụ nữ (đã kết hôn) ở châu Phi cận Sahara sử dụng các biện pháp ngừa thai.

HIV/AIDS: ở khu vực cận Sahara châu Phi ước tính có 12,1 triệu trẻ (0 - 17 tuổi) trở thành trẻ mồ côi do căn bệnh AIDS chỉ trong năm 2003, và 1,9 triệu trẻ em (0 - 14 tuổi) sống chung với HIV trong cùng khu vực (tổng cộng trên thế giới: 2,1 triệu người).

Lương thực: khoảng 150 triệu trẻ em bị suy dinh dưỡng.

Nghèo: 3 tỷ người thu nhập dưới 2 USD mỗi ngày, và 1,2 tỷ người (50% là trẻ em) sống với mức dưới 1 USD mỗi ngày; nhưng cứ 6 trẻ thì có 1 em sống dưới mức nghèo chuẩn quốc gia tại các nước giàu nhất trên thế giới.

Lao động trẻ em: ước tính có 246 triệu trẻ từ 5-17 tuổi phải lao động; trong đó, gần 70% hay 171 triệu trẻ em làm việc trong những môi trường hay điều kiện nguy hiểm (Ví dụ: hầm mỏ, làm việc với hóa chất, thuốc trừ sâu trong nông nghiệp hay máy móc nguy hiểm).

Trẻ em lang thang: ước tính có khoảng 100 triệu trẻ em (từ 4 tuổi trở lên) sống và làm việc trên đường phố.

Giáo dục: đăng ký đi học cấp I là 82% trên thế giới, nhưng vẫn có 100 triệu trẻ em không được đi học, 53% là các trẻ em gái.

Các dịch vụ xã hội và ưu tiên chính trị: trung bình các nước đang phát triển chi nhiều cho quốc phòng nhiều hơn là giáo dục cơ bản hay y tế cơ bản; các nước công nghiệp chi khoảng 10 lần cho quốc phòng so với viện trợ phát triển quốc tế.

Xung đột vũ trang: thập kỷ 90 của thế kỷ trước, có 2 triệu trẻ em chết trong xung đột quân sự, 6 triệu bị thương hoặc tàn tật; 300.000 trực tiếp tham gia xung đột với vai trò là các binh sĩ trẻ em.

Trẻ tị nạn và trẻ bị mất nhà cửa: 11 triệu trẻ tị nạn trên khắp thế giới.

Khuyết tật: ước tính có khoảng 120 - 150 triệu trẻ em bị khuyết tật.

Bạo lực: mỗi năm có 40 triệu trẻ em dưới 15 tuổi là nạn nhân của lạm dụng trong gia đình hay bị lãng quên nghiêm trọng đòi hỏi phải điều trị y tế; 2 triệu em gái có nguy cơ bị cắt bỏ bộ phận sinh dục mỗi năm.

Buôn bán trẻ em: tại châu Phi và Đông Nam Á hàng năm có 400.000 em gái và trai bị ảnh hưởng; trên khắp thế giới có tới 2 triệu trẻ em và phụ nữ bị bán mỗi năm.

* Tự sát: khoảng 4 triệu thiếu niên tìm cách tự sát mỗi năm trên khắp thế giới và ít nhất có 100.000 em thiệt mạng.

Thanh tra viên dành cho trẻ em: đã được thiết lập tại ít nhất 40 quốc gia.

Kế hoạch hành động quốc gia (NPAs): sau Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới dành cho trẻ em năm 1990, có khoảng 55 quốc gia chuẩn bị các kế hoạch hành động của mình.

(Nguồn: UNICEF. Phiên họp đặc biệt về trẻ em của Liên hiệp quốc. Báo cáo toàn cầu đầu tiên về bước tiếp theo. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.unicef.org/specialsession>;

UNICEF. Tình trạng trẻ em thế giới 2006.
Tài liệu có tại địa chỉ:
<http://www.unicef.org/sowc06.>)

3. NIÊN BIỂU SỰ KIỆN

1923 Tuyên bố về quyền trẻ em/24 (Englandtyne Jebb/Hội quốc liên)

1959 Tuyên bố về quyền trẻ em của Liên hiệp quốc

1989 Công ước về quyền trẻ em của Liên hiệp quốc (thông qua ngày 20/11/1989; có hiệu lực ngày 02/9/1990).

1990 Ủy ban quyền con người Liên hiệp quốc bổ nhiệm Báo cáo viên đặc biệt về nạn buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và khiêu dâm trẻ em

1990 Hội nghị thượng đỉnh thế giới về trẻ em ở New York (29-30/9); thông qua Tuyên bố thế giới và Kế hoạch hành động vì sự tồn tại, bảo vệ và phát triển của trẻ

1990 Hiến chương châu Phi về quyền và an sinh của trẻ được thông qua (hiệu lực ngày 29/11/1999)

1996 Graca Machel nộp nghiên cứu mang tính khai phá “Tác động của xung đột vũ trang đối với trẻ em” lên Đại hội đồng Liên hiệp quốc

1996 Đại hội thế giới chống lạm dụng tình dục trẻ em vì mục đích thương mại ở Stockholm (tiếp theo là ở Yokohama năm 2001)

1998 Sáu NGO quốc tế hình thành Liên minh chấm dứt sử dụng các binh lính trẻ em, nhằm vận động nghiêm cấm sử dụng trẻ em trong chiến tranh và xung đột vũ trang

1999 Mạng lưới an ninh con người phát triển từ một nhóm các quốc gia có quan điểm chung, nhấn mạnh vào tình trạng trẻ em bị ảnh hưởng bởi xung đột vũ trang

1999 Công ước số 182 về các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất do Tổ chức lao động quốc tế thông qua (có hiệu lực ngày 19/11/2000)

2000 Thông qua hai nghị định thư mang tính lựa

chọn bổ sung cho Công ước: về sự tham gia của trẻ em trong xung đột quân sự (có hiệu lực ngày 12/2/2002) và về nạn buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và khiêu dâm trẻ em (có hiệu lực ngày 18/1/2002)

2002 Ủy ban về quyền con người của Liên hiệp quốc chỉ định nghiên cứu lớn về bạo lực đối với trẻ em

2002 Diễn đàn trẻ em (ngày 5-7/5) và phiên họp đặc biệt về trẻ em của Đại hội đồng Liên hiệp quốc tại New York (ngày 8-10/5); thông qua văn kiện, tuyên bố diễn đàn trẻ em và kế hoạch hành động (Một thế giới phù hợp với trẻ em)

2003 An ninh con người thông qua “Chiến lược hỗ trợ trẻ em bị ảnh hưởng của xung đột vũ trang” và “chương trình đào tạo quyền trẻ em”

2005 Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc thông qua Nghị quyết 1612, cơ chế giám sát và báo cáo về trẻ em và xung đột vũ trang

CÁC HOẠT ĐỘNG LỰA CHỌN

HOẠT ĐỘNG I 1

THẢO LUẬN BÀN TRÒN VỀ HÀNH ĐỘNG NHẪM GIẢM LAO ĐỘNG TRẺ EM

Phần I: Giới thiệu

Loại hoạt động: đóng vai về lao động trẻ em

Phần II: Thông tin chung về đóng vai

Mục đích và mục tiêu

Nhằm nâng cao sự hiểu biết về các lợi ích khác nhau và các động cơ liên quan đến lao động trẻ em cũng như hậu quả của nó đối với sự phát triển các chiến lược và các lựa chọn có thể; hoạt động đóng vai này cần được tiến hành trước quá trình thảo luận về các vấn đề lao động trẻ em để giúp những học viên làm quen với bối cảnh vấn đề.

Đối tượng: Người đã trưởng thành

Số lượng: khoảng từ 15 - 20 học viên

Thời gian: 1 - 2 tiếng (phụ thuộc vào phạm vi của “Kế hoạch hành động”)

Chuẩn bị: sắp xếp phòng/lớp học, thẻ ghi tên và chức năng của học viên; chuẩn bị các thông tin nền tảng về các vai diễn và vị trí, sử dụng những mẫu báo gần đây, các báo cáo của UNICEF/ILO/NGO về lao động trẻ em...

Tài liệu: giấy, băng dán... để làm dẫn chứng

“Loài người nợ trẻ em điều tốt nhất mà loài người có thể cho các em”.

**Tuyên bố về quyền trẻ em của Liên hiệp quốc.
Năm 1959**

Các kỹ năng liên quan: các kỹ năng truyền đạt và phân tích

Phần III: Thông tin cụ thể đóng vai

Giới thiệu chủ đề:

Thông báo rằng: nạn lao động trẻ em tại quốc gia X đã bị các tổ chức quyền trẻ em địa phương và ILO

ở cấp độ quốc tế chỉ trích. Chính phủ quyết định tổ chức một hội nghị bàn tròn thảo luận các biện pháp chống lao động trẻ em; những học viên đóng các vai khác nhau liên quan (có thể là các nhóm), chủ yếu (không nhất thiết là tất cả) là trẻ em phải làm việc, trẻ em đi học, phụ huynh, giáo viên, tổ chức của người sử dụng lao động, công đoàn, quan chức chính phủ, NGO về quyền trẻ em, UNICEF/ILO. Mục đích lớn nhất của việc thảo luận là một chiến lược cơ bản cho quá trình tiếp theo (hoặc: thực hiện cụ thể một kế hoạch Hành động).

Tiến hành đóng vai:

Lựa chọn thành viên họp bàn tròn, cho họ 20 phút để phát triển quan điểm/chiến lược thảo luận (có thể thay thế bằng cách cho họ tài liệu để đọc trước); UNICEF/ILO hoặc đại diện NGO có thể diễn vai chủ tịch chủ trì hội nghị, giới thiệu học viên và các “chức năng” liên quan. Việc thảo luận có thể bắt đầu bằng cách đánh giá nhanh tình hình hiện tại của trẻ em, ví dụ “trẻ em làm việc trong nhà máy may” hoặc các bậc phụ huynh lo lắng khiếu nại về việc đối xử với con em mình. Học viên nên trình bày quan điểm chính của họ trong cuộc thảo luận có sự chủ trì. Kết quả là một chiến lược có thể được cụ thể hóa hoặc một kế hoạch hành động phát triển trong các nhóm nghiên cứu riêng biệt.

Phản hồi, gợi ý phương pháp:

Yêu cầu học viên phát biểu về cảm xúc, suy nghĩ, phản ứng trong khi tham gia; đặc biệt là vai “trẻ em”.

Phần IV: Tiếp theo

Các quyền liên quan/lĩnh vực cần khám phá thêm: Điều 3 (các lợi ích tốt nhất cho trẻ), Điều 6 (sự tồn tại và phát triển), Điều 32 (bóc lột về kinh tế), Điều 24 (sức khỏe), Điều 26 và 27 (an ninh xã hội, mức sống thỏa đáng), Điều 28 và 29 (giáo dục), Điều 31 (vui chơi), trong Công ước về Quyền trẻ em, Công ước ILO về các dạng lao động tồi tệ nhất năm 1999. Thảo luận về công

việc của ILO (sáng kiến IPEC). Phòng ngừa lao động trẻ em thay vì, hoặc song song với việc đi học trong cộng đồng của bạn.

Lưu ý: các chủ đề được gợi ý khác để thảo luận bàn tròn: cấm hình phạt thân thể tại nhà/trong trường học; trách nhiệm của binh lính là trẻ em đối với những tội ác do các em gây ra và cách thức hòa nhập; mãi dâm trẻ em và buôn bán trẻ em.

HOẠT ĐỘNG II. 2

SỰ THỜ Ơ CỦA CHA MẸ VÀ NGƯỢC ĐÃI

Phần I: Giới thiệu

Loại hoạt động: xem xét tình huống nghiên cứu dựa trên trường hợp cụ thể về quyền bảo vệ khỏi bạo lực/sự thờ ơ/ngược đãi.

Phần II: Thông tin chung về tình huống nghiên cứu

Mục đích và mục tiêu:

Nhằm hiểu được mối quan hệ giữa trách nhiệm nhà nước và trách nhiệm của cha mẹ đối với vấn đề bảo vệ quyền trẻ em.

Đối tượng: người đã trưởng thành

Số lượng: 10-20

Thời gian: 1-2 tiếng

Chuẩn bị: nội dung văn bản của một trường hợp nghiên cứu

Tài liệu: giấy, văn bản các quy phạm về quyền con người liên quan

Các kỹ năng liên quan: kỹ năng phân tích

Phần III: Thông tin cụ thể về nghiên cứu tình huống

Giới thiệu trường hợp; xác định các vấn đề chủ yếu:

3 em, khoảng từ 1-5 tuổi, sống cùng cha mẹ ở ngoại ô thành phố. Hàng xóm khiếu nại với cảnh sát địa phương và các cơ quan an sinh là cha mẹ thường xuyên cãi nhau, con cái không được chăm sóc cẩn thận và thường xuyên khóc lóc. Những tháng sau đó, có thêm các báo cáo về việc các em ăn cắp thức ăn, không biết tự tắm rửa ở trường và

các dấu hiệu thể hiện các em bị đánh và ngược đãi. Cơ quan an sinh trẻ em sau đó tổ chức một cuộc họp đánh giá tình hình và thấy các điều kiện nhà ở rất tồi tệ (vệ sinh kém, giường gãy...), nhưng chỉ trợ giúp cho cha mẹ các em, mà không hành động ngay lập tức liên quan đến trẻ em. Tuy nhiên, trẻ em bắt đầu có các dấu hiệu rối loạn tâm lý, khó gần; do vậy các cơ quan địa phương, các bậc phụ huynh, các nhà tâm lý và nhân viên xã hội tổ chức họp thêm. Vấn đề đó diễn ra thêm 4 năm cho tới khi các em bị đưa ra khỏi nhà để sống tạm thời với cha mẹ nuôi trong vài tháng. Sau khi các em về, cha mẹ ly hôn và mẹ các em nói với chính quyền rằng họ nên chăm sóc các em vì bà ấy không thể làm gì được với con nữa và bà ấy sẽ đánh con nếu người ta không đưa các em đi. Sau cùng, 5 năm sau những báo cáo đầu tiên, cơ quan an sinh trẻ em mới ban bố lệnh chăm sóc và tất cả các em được đưa đến chỗ cha mẹ nuôi. Một nhà tâm lý miêu tả những gì các em phải trải qua như sau: “nói thẳng ra là khủng khiếp”, và cần nói thêm đây là trường hợp thờ ơ với trẻ và lạm dụng về tình cảm với trẻ tồi tệ nhất mà bà đã được chứng kiến trong suốt thời gian hành nghề của mình.

Sau cùng, với sự giúp đỡ của các luật sư, các em nhỏ đã kiện các chính quyền địa phương đòi phải bồi thường cho những gì các em phải chịu đựng về tâm lý, trên cơ sở là các cơ quan nhà nước biết được sự thờ ơ nghiêm trọng, lạm dụng và ngược đãi của cha mẹ các em mà không can thiệp kịp thời. Tuy nhiên, tòa án tuyên bố rằng không có thẩm quyền pháp lý để yêu cầu đền bù trong trường hợp này và đã bác đơn. Các em hiện đang xem xét để gửi khiếu nại tới một cơ quan quyền con người quốc tế.

Bạn sẽ khuyên các em làm gì? Các quyền nào trong Công ước về quyền trẻ em đã bị vi phạm? Các công ước về quyền con người nào có thể liên quan và áp dụng vào trường hợp đó? Các cơ chế nào có thể được sử dụng để giải quyết khiếu nại?

Phân tích tình huống/các quyền liên quan:

Cả Công ước về quyền trẻ em và Công ước quyền con người châu Âu có thể được sử dụng để phân tích ở đây - các điều khoản của Công ước

về quyền trẻ em liên quan bao gồm: Điều 3 (lợi ích tốt nhất của trẻ, trách nhiệm nhà nước), Điều 5, 9, 18 (trách nhiệm của cha mẹ, bảo vệ các quan hệ gia đình), Điều 19, 37 (bảo vệ khỏi bạo lực, sự đối xử phi nhân đạo và nhục mạ), Điều 27 (các mức sống thỏa đáng). Các điều khoản Công ước quyền con người châu Âu liên quan bao gồm: Điều 3 (bảo vệ khỏi cách đối xử phi nhân đạo và hạ nhục), Điều 8 (bảo vệ cuộc sống riêng tư và toàn vẹn thân thể), Điều 6 (tiếp cận tư pháp), Điều 13 (liệu pháp hiệu quả); một cơ chế khiếu nại cá nhân chỉ do Công ước quyền con người châu Âu đưa ra.

Khuyến nghị thay đổi:

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Asylkoordination Áo/Dự án Kết nối mọi người:
<http://www.asyl.at>

Viện quyền con người Boltzmann/Trung tâm dịch vụ giáo dục quyền con người:
<http://www.humanrights.at>

Bruderlein, Claude và Theresa Stichick. Năm 2001. *Trẻ em đối diện với mất an ninh: những chiến lược mới để tồn tại trong kỷ nguyên toàn cầu.* Có tại địa chỉ: <http://www.humansecuritynetwork.org>

Liên minh nhằm chấm dứt việc sử dụng binh lính trẻ em. Năm 2004. *Báo cáo toàn cầu.* London: xuất bản phẩm của liên minh. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.child-soldiers.org>

Freeman, Michael. Năm 1997. *Tình trạng đạo đức của trẻ; Các bài luận về quyền trẻ em.* Dordrecht/Boston/London: Nhà xuất bản Martinus Nijhoff.

Hammarberg, Thomas. Năm 1996. *Hiện thực hóa các quyền trẻ em.* Stockholm: Save the children Thụy Điển.

Machel, Graca. Năm 2001. *Tác động của chiến tranh đối với trẻ em.* C. London: Hurst & Co.

Nhóm NGO về Công ước quyền trẻ em:
<http://www.crin.org/NGOgroupforCRC>

Sen, Amartya. Năm 2002. *Giáo dục cơ bản và An ninh con người.* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.humansecurity-chs.org>

Tình huống này có thể được sử dụng để tiến hành nhập vai: hình thành 3 nhóm: nguyên đơn – người phát ngôn của chính phủ – các thẩm phán và để họ thảo luận tình huống để đưa ra giải pháp.

Phần IV: Tiếp theo

(Nguồn: phán quyết trong vụ Z và những người khác kiện Vương quốc Anh:

<http://www.echr.coe.int/Eng/Press/2001/May/Z.andothersv.United%20Kingdomjudypress.htm>; Vụ án K.A kiện Phần Lan: <http://www.worldlii.org/eu/case/ECHR/2003/27.html>)

Ủy ban quyền trẻ em của Liên hiệp quốc :

<http://www.ohchr.org/english/bodies/crc>

UNICEF. Năm 2002. *Sổ tay thực hiện Công ước quyền trẻ em (bản được sửa đầy đủ).* Geneva/New York: UNICEF.

UNICEF. Năm 2003. *Phiên họp đặc biệt về trẻ em của Liên hiệp quốc. Báo cáo kỷ niệm lần thứ nhất về phiên họp tiếp theo.* Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.unicef.org/specialsession>

UNICEF. Năm 2005. *Tình trạng trẻ em thế giới năm 2006.* Tài liệu có tại địa chỉ <http://www.unicef.org/sowc06>

CÁC NGUỒN BỔ SUNG

Alen, Andre, Johan Vande Lanotte, Eugene Verhellen, Fiona Ang và Eva Berghmans. Năm 2005. *Bình luận về Công ước về quyền trẻ em của Liên hiệp quốc.* Boston/London: Nhà xuất bản Martinus Nijhoff

Alston, Philip (chủ biên). Năm 1994. *Các lợi ích lớn nhất của trẻ: hòa hợp văn hóa và quyền con người.* Oxford: Clarendon Press.

Brett, Rachel và Margaret McCallin. Năm 1996. *Trẻ em - những người lính vô hình.* Stockholm: Save the children Thụy Điển.

Casa Alianza: <http://www.casa-alianza.org>

Childhood.com: <http://www.child-hood.com>

Mạng lưới thông tin quyền trẻ em (CRIN):
<http://www.crin.org>

Trẻ em trong chương trình châu Âu:
<http://www.separated-children-europe-programme.org>

Mạng lưới nghiên cứu quốc tế theo dõi trẻ em:
<http://www.childwatch.uio.no>

Bảo vệ trẻ em: <http://www.dci-is.org>

Detrick, Sharon (chủ biên). Năm 1992. *Công ước về Quyền trẻ em của Liên hiệp quốc: Hướng dẫn về: Travaux Préparatoires*. Dordrecht/Boston/London: Nhà xuất bản Martinus Nijhoff

Detrick, Sharon. Năm 1999. *Bình luận Công ước về Quyền trẻ em của Liên hiệp quốc*. Hague: Nhà xuất bản Kluwer Academic

Chấm dứt mãi dâm, khiêu dâm và buôn bán trẻ em (ECPAT): <http://www.ecpat.net>

Trung tâm châu Âu về chính sách an sinh xã hội và nghiên cứu/Chương trình thời thơ ấu và tuổi trẻ:
http://www.euro.centre.org/ec_pa5/htm

Mạng lưới trẻ em châu Âu (EURONET):
<http://www.europeanchildrensnetwork.org>

Mạng lưới thanh tra về trẻ em châu Âu (ENOC):
<http://www.ombudsnet.org>

Các chỉ dẫn về trẻ em và xung đột vũ trang của Liên minh châu Âu:
<http://europa.eu.int/scadplus/leg/en/lvb/r10113.htm>

Franklin, Bob (chủ biên). Năm 2001. *Sổ tay mới về các quyền trẻ em: chính sách tương đối và thực tiễn*. Xuất bản lần 2. London/New York: Routledge.

Freeman, Michael (chủ biên). Năm 1996. *Các quyền trẻ em: Một triển vọng tương đối*. Aldershot: Công ty xuất bản Dartmouth.

Sáng kiến toàn cầu nhằm chấm dứt mọi hình phạt thân thể với trẻ em:
<http://www.endcorporalpunishment.org>.

Điều hành toàn cầu chống lao động trẻ em:
<http://www.globalmarch.org>

Hammarberg, Thomas. Năm 1995. *Các quyền của trẻ khuyết tật: Công ước về Quyền trẻ em của Liên hiệp*

quốc. Trong: Degener, Therasia (chủ biên). Quyền con người và người khuyết tật: các bài luận và các văn kiện quyền con người liên quan. Dordrecht/Boston/London: Nhà xuất bản Martinus Nijhoff.

Hammarberg, Thomas và Akila Belembaogo. Năm 2001. *Biến các nguyên tắc thành hiện thực*. Stockholm: Save the children Thụy Điển

Hayward, Ruth Finney. Năm 2000. *Phá vỡ chiếc bình bằng đất: Bài học từ Nam Á nhằm chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em*. Kathmandu: Văn phòng khu vực Đông Nam Á của UNICEF.

Bộ phận Quyền trẻ em của Tổ chức theo dõi quyền con người: <http://www.hrw.org/children>

Chương trình quốc tế về sự xóa bỏ lao động trẻ em (IPEC):
<http://www.ilo.org/public/english/standards/ipecc>

Jensen, An-Magritt và Angelo Saporiti. Năm 1992. *Trẻ em có được quan tâm không? Tuổi thơ như là một hiện tượng xã hội - Một bản tóm tắt thống kê (Báo cáo EUROSOCIAL số 36)*. Vienna: Trung tâm chính sách và nghiên cứu an sinh đặc biệt châu Âu.

Kindernothilfe: <http://www.kindernothilfe.de>

Kuper, Jenny. Năm 1997. *Luật quốc tế liên quan các dân thường là trẻ em trong xung đột vũ trang*. Oxford: Clarendon Press.

Văn phòng của Cao ủy quyền con người Liên hiệp quốc - Ủy ban quyền trẻ em:
<http://www.ohchr.org/english/issues/children/index.htm>

Save the children Alliance:
<http://www.savethechildren.net/alliance/index.html>

Sax, Helmut và Christian Hainzl. Năm 1999. *Die verfassungsrechtliche Umsetzung der UN-Kinderrechtskonvention in Österreich (Việc thực hiện Công ước quyền trẻ em mang tính hiến pháp tại Áo)*. Vienna: Verlag Österreich.

SOS Kinderdorf International:
<http://www.sos-childrenvillages.org>

Terre des Hommes: <http://www.terredeshommes.org>
UNAIDS/UNICEF. Năm 2004. *Khuôn khổ bảo vệ, chăm sóc và hỗ trợ trẻ mồ côi và trẻ sống trong thế giới có HIV và AIDS*. Tài liệu có tại địa chỉ <http://www.unicef.org/uniteforchildren/knowmore/file>

s/SummaryoftheFramework.pdf

Trung tâm nghiên cứu người vô tội UNICEF:

<http://www.unicef-icdc.org>

Cơ sở dữ liệu thống kê UNICEF:

<http://www.childinfo.org>

UNICEF. Báo cáo tình hình trẻ em thế giới (hàng năm): <http://www.unicef.org>

UNHCR - Cơ quan tị nạn của Liên hiệp quốc:

<http://www.unhcr.org/cgi-bin/texis/vtx/home>

Báo cáo viên đặc biệt của Liên hiệp quốc về nạn buôn bán trẻ em, mãi dâm và khiêu dâm trẻ em:

<http://www.ohchr.org/english/issues/children/rapporteur>

Đại diện đặc biệt của Liên hiệp quốc của Tổng thư ký phụ trách vấn đề trẻ em và xung đột vũ trang:

<http://www.un.org/special-rep/children-armed-conflict>

Nghiên cứu của Liên hiệp quốc về bạo lực đối với trẻ em: <http://www.violencestudy.org>

Van Bueren, Geraldine. Năm 1995. Luật quốc tế về quyền trẻ em. Dordrecht/Boston/London: Nhà xuất bản Martinus Nijhoff

Verhellen, Eugene (chủ biên). Năm 1996. Tìm hiểu quyền trẻ em. Ghent: Trung tâm quyền trẻ em.

Danh sách theo dõi về trẻ em và xung đột vũ trang:

<http://www.watchlist.org>

Ngân hàng thế giới - Trẻ em và thanh niên:

<http://www.worldbank.org/childrenandyouth>

Đại hội thế giới chống nạn khai thác tình dục vì mục đích thương mại đối với trẻ em:

<http://www.csecworldcongress.org>

Tổ chức thế giới chống tra tấn (OMCT)- Chương trình quyền trẻ em: <http://www.omct.org>

Kế hoạch hành động quyền của thanh thiếu niên (YAP) (tại Đức): <http://www.kinderrechte.gv.at>

QUYỀN CON NGƯỜI TRONG XUNG ĐỘT VŨ TRANG

LUẬT NHÂN ĐẠO QUỐC TẾ: NGAY CẢ CHIẾN TRANH CŨNG CÓ GIỚI HẠN

“... những hành vi sau đây bị và sẽ bị nghiêm cấm vào bất cứ thời điểm nào, ở bất cứ nơi nào [...]

- *Bạo lực đối với tính mạng và cá nhân con người, đặc biệt là mọi hình thức sát hại, làm tổn thương, đối xử tàn bạo và tra tấn;*
- *Bắt làm con tin;*
- *Xúc phạm nhân phẩm, đặc biệt là cách đối xử hạ nhục và hèn hạ;*
- *Thông qua các án và thi hành án mà không xét xử trước do một tòa án thông thường thực hiện, cho phép mọi sự đảm bảo về mặt tư pháp được thừa nhận là không thể thiếu được bởi những dân tộc văn minh;*
- *Người bị thương và người ốm phải được tập trung và chăm sóc”.*

Điều 3 (1) và (2) của Công ước Geneva. Năm 1949.

CÂU CHUYỆN MINH HỌA

Năm 19 tuổi, tôi sang Việt Nam. Tôi là một chuyên gia về súng trường cấp 4. Tôi được đào tạo để giết người, nhưng thực tế việc giết một ai đó khác hẳn với quá trình huấn luyện và bóp cò súng.

Tôi đã không biết tôi phải làm điều đó. Tôi biết phụ nữ và trẻ em ở đó nhưng tôi sẽ phải giết họ, tôi không hề biết là tôi sẽ phải làm như vậy tới khi chuyện đó xảy ra. Tôi đã không biết tôi sẽ phải giết ai. Tôi không muốn giết ai cả. Tôi không được nuôi dưỡng để trở thành kẻ giết người.

Cô ta chạy ra từ sau hàng cây, đang ôm một vật gì đó. Tôi không biết liệu đó có phải là vũ khí hay không nữa. Tôi chỉ biết đó là một phụ nữ và tôi không muốn bắn phụ nữ, nhưng tôi được lệnh phải bắn. Tôi nghĩ cổ áo đã mang vũ khí và chạy, và tôi đã bắn. Khi tôi lật cô ấy lên, đó là một đứa trẻ. Tôi đã bắn cổ áo khoảng 4 phút, và những viên đạn đã xuyên qua người cô ấy, và đã trúng cả vào đứa bé nữa. Rồi tôi lật cô ấy lên và nhìn thấy đứa bé đã bị mất nửa khuôn mặt. Tôi đờ đẫn cả người. Việc huấn luyện đã diễn ra như vậy đấy, lập trình để giết chóc và tôi đã phải bắt đầu giết người.

- Varnado Simpson, Cựu chiến binh Mỹ tại Việt Nam đã hồi tưởng lại những sự kiện diễn ra năm 1968.

(Nguồn: trích trong: Donovan, David. Năm 2001. *Đã từng là vua chiến binh: Những ký ức của một sĩ quan tại Việt Nam*. Trong ICRC. Năm 2001. Xem xét Luật Nhân đạo, các Chuyên đề giáo dục dành cho thanh niên).

Câu hỏi thảo luận

1. Tại sao người lính này quyết định bắn thậm chí ông ta biết phụ nữ và trẻ em không phải là những mục tiêu hợp pháp?
2. Tại sao bạn nghĩ phụ nữ và trẻ em là những người được bảo vệ trong xung đột vũ trang?
3. Bạn có nghĩ rằng, tuân lệnh là vấn đề quan trọng trong chiến tranh? Những người lính có nên luôn luôn tuân lệnh?
4. Bạn nghĩ ai là người xác định đâu là hành vi hợp pháp và phi pháp trong chiến tranh?
5. Đối với những người lính, biết được điều gì là không hợp pháp quan trọng đến mức nào? Mục đích của việc đề ra nguyên tắc là gì?
6. Những tấn thảm kịch như câu chuyện miêu tả ở trên có thể bị ngăn cản bằng cách nào?

ĐIỀU CẦN BIẾT

1. NGAY CẢ CHIẾN TRANH CŨNG CÓ NHỮNG GIỚI HẠN

Ít có tình huống nào đe dọa đến an ninh con người nghiêm trọng hơn là chiến tranh. Trong những điều kiện xung đột vũ trang đạt đỉnh điểm, các chính phủ thấy mình khó có thể lựa chọn giữa các nhu cầu của xã hội và nhu cầu của mỗi cá nhân. Quyền con người không bao giờ mất đi tính hợp lý của nó nhưng khi xảy ra bạo lực có hệ thống và có tổ chức, những đặc tính thực tế của một cuộc xung đột vũ trang cấu thành đối nghịch

với các nguyên tắc khẳng định các quyền đó. Như vậy, các tình huống xung đột vũ trang đòi hỏi một loạt các nguyên tắc mang tính bổ sung nhưng vẫn riêng biệt dựa trên một ý tưởng rất đơn giản là thậm chí ngay cả chiến tranh cũng có giới hạn. Những nguyên tắc này thường được đề cập đến như là Luật Nhân đạo quốc tế (IHL) hay Luật Xung đột vũ trang. Luật Nhân đạo quốc tế có thể được tóm tắt là các nguyên tắc và quy tắc đặt ra các giới hạn đối với vấn đề sử dụng bạo lực trong xung đột vũ trang nhằm:

- * Miễn cho những người (“dân thường”) không trực tiếp liên quan đến các hành vi thù địch;
- * Hạn chế các tác động của bạo lực (thậm chí đối với “binh lính”) ở mức độ cần thiết vì mục tiêu của chiến tranh.

Luật Nhân đạo quốc tế và an ninh con người

Nhiều người đã đặt câu hỏi và nhiều người phủ nhận rằng, luật có thể quy định hành vi mang tính ngoại lệ, trong hỗn loạn và bạo lực của xung đột vũ trang. Liệu có ai hy vọng rằng, khi sự sống còn của một cá nhân hay một xã hội đang bị đe dọa, thì những lý do pháp lý vẫn có thể hạn chế hành vi con người? Mặc dù điều này dường như rất đáng ngạc nhiên, nhưng nhiều lý do bắt buộc khiến những kẻ xâm lược và những người tự vệ đều phải tuân theo những nguyên tắc do Luật Nhân đạo quốc tế thiết lập nên. Trong khi sự bùng nổ của bạo lực đã phủ nhận ý tưởng về an ninh, nhưng một vấn đề quan trọng là Luật Nhân đạo quốc tế đóng góp cho an ninh con người thông qua việc bảo vệ ý tưởng cho rằng thậm chí ngay cả chiến tranh cũng có những giới hạn. Luật Nhân đạo quốc tế thừa nhận thực tế xung đột vũ trang và phản ứng một cách thực tế, với những quy tắc chi tiết và thực dụng nhằm vào các cá nhân. Ngành luật này không xác định liệu một quốc gia hay một nhóm phiến quân nào có hay không có quyền sử dụng lực lượng vũ trang. Thay vì điều đó, trước hết ngành luật này nhằm hạn chế những tổn thương mà chiến tranh có thể gây ra. Trong khi nỗ lực bảo vệ nhân phẩm, Luật Nhân đạo quốc tế cũng có thể được miêu tả là đóng góp cho một nền hòa bình sau cùng, thông qua việc tăng cường các khả năng hòa hợp.

“Chiến tranh cần luôn luôn được phát động chỉ vì mục tiêu hòa bình mà thôi”.

Hugo de Groot (Grotius).

Nguồn gốc của Luật Nhân đạo quốc tế

Mặc dù các học giả nhất trí rằng Luật Nhân đạo

quốc tế hiện đại được hình thành vào năm 1864 với sự thông qua Công ước Geneva đầu tiên, nhưng những quy tắc trong Công ước không hoàn toàn mới mẻ. Trên thực tế, phần lớn Công ước Geneva đầu tiên xuất phát từ thông lệ quốc tế. Thực ra, đã từng có những quy tắc bảo vệ các dạng nạn nhân nhất định trong xung đột vũ trang và các tập quán liên quan đến phương tiện và biện pháp chiến tranh được phép hay bị cấm trong các tình huống xung đột từ những năm 1000 trước Công nguyên.

Tới giữa thế kỷ XIX, các bộ luật và tập quán tạo thành Luật Nhân đạo quốc tế bị giới hạn về mặt địa lý và không thể hiện tính đồng thuận phổ quát. Việc hướng tới một văn kiện toàn cầu đầu tiên về Luật Nhân đạo được khởi xướng bởi một thương nhân Thụy Sĩ tên là Henry Dunant. Sau khi chứng kiến cuộc tàn sát ở Solferino năm 1859, trong trận chiến giữa quân Pháp và Áo ở Bắc Italia, Dunant đã quyết định viết một cuốn sách để mô tả những nỗi kinh hoàng của trận chiến và đề xuất, quảng bá các biện pháp có thể để thay đổi số phận của các nạn nhân chiến tranh.

Việc thông qua Công ước Geneva năm 1864 về cải thiện điều kiện của thương binh trên chiến trường đã dẫn đến kết quả là một văn kiện quốc tế được mở để phê chuẩn trên phạm vi toàn cầu, trong đó các quốc gia tình nguyện đồng ý giới hạn quyền lực vì cá nhân con người.

Lần đầu tiên, xung đột vũ trang bắt đầu được điều chỉnh bởi bộ luật chung thành văn.

“Khi mặt trời mọc ngày 25/6/1859, mặt trời đã làm lộ rõ những dấu hiệu khủng khiếp nhất mà người ta có thể tưởng tượng được. Xác người, ngựa chất đầy chiến trường [...] Cả ngày người ta thu gom những người bị thương khổ khổ, mặt họ nhợt nhạt như người chết và kiệt sức. Một số bị thương nặng nhất có vẻ mặt sững sờ. Họ không thể hiểu được người ta đang nói gì với họ nữa [...] Những người khác lo lắng và bị kích động vì căng thẳng thần kinh, thỉnh thoảng cứ run lên. Một số có những vết thương há miệng

bắt đầu có dấu hiệu viêm nhiễm, gần như mất trí vì đau đớn. Họ cầu xin được giúp đỡ giải thoát khỏi nỗi khổ sở và đau đớn quằn quại. Mặt mũi họ méo mó trong cuộc chiến chống lại tử thần”.

Henry Dunant. Hồi tưởng về Solferino.

Luật Nhân đạo quốc tế là luật quốc tế

Các nguyên tắc và quy tắc của Luật Nhân đạo quốc tế là những điều luật được thừa nhận rộng rãi, không chỉ về mặt đạo đức hay quan niệm triết học, hay tập quán xã hội. Hệ quả của đặc tính pháp lý của các nguyên tắc đó chính là sự tồn tại của một hệ thống chi tiết các quyền và nghĩa vụ áp dụng cho các bên khác nhau tham gia xung đột vũ trang. Cá nhân những người không tôn trọng các quy tắc của Luật Nhân đạo quốc tế sẽ phải bị đưa ra xét xử.

Luật Nhân đạo quốc tế phải được hiểu và phân tích như là một phần riêng biệt của một khuôn khổ tổng hợp hơn: gồm các quy tắc và nguyên tắc điều chỉnh sự phối hợp và hợp tác giữa các thành viên trong cộng đồng quốc tế, chẳng hạn như Công pháp quốc tế

Luật Nhân đạo quốc tế và quyền con người



Nhằm hạn chế tổn thương và thiệt hại do xung đột vũ trang gây ra, Luật Nhân đạo quốc tế có thể coi là sự bảo vệ “cốt yếu” quyền con người trong các thời điểm xung đột. Những vấn đề được bảo hộ chủ yếu bao gồm quyền sống, cấm buôn bán nô lệ, cấm tra tấn và đối xử phi nhân đạo và cấm áp dụng hiệu lực hồi tố. Không giống các quyền khác (như tự do ngôn luận, đi lại và hội họp), có thể bị hủy bỏ trong những tình huống khẩn cấp quốc gia, các quyền cốt yếu này luôn được Luật Nhân đạo quốc tế đảm bảo. Do Luật Nhân đạo quốc tế được áp dụng chính xác với các tình huống ngoại lệ cấu thành các xung đột vũ trang, nội dung của quyền con người cốt yếu có xu hướng nghiêng về các đảm bảo cơ bản mang tính pháp lý mà Luật Nhân đạo quốc tế đưa ra.

Ở đây đưa ra một số cách thức mà Luật Nhân đạo

quốc tế bảo vệ các quyền con người cơ bản trong xung đột vũ trang:

- * Bảo vệ phù hợp với các nạn nhân chiến tranh phải được thực thi mà không có bất cứ sự phân biệt nào;

- * Luật Nhân đạo quốc tế chủ yếu bảo vệ tính mạng, đặc biệt là tính mạng của dân thường và những ai không tham gia xung đột; Luật Nhân đạo quốc tế cũng hạn chế sự áp đặt án tử hình;

- * Luật Nhân đạo quốc tế vượt xa quyền dân sự truyền thống về tính mạng thông qua việc bảo vệ những phương tiện thiết yếu đảm bảo tính mạng con người, bao gồm cả các quyền xếp vào loại “mang tính kinh tế và xã hội” theo luật quyền con người;

- * Luật Nhân đạo quốc tế tuyệt đối cấm tra tấn và đối xử phi nhân đạo;

- * Luật Nhân đạo quốc tế cấm nô lệ: tù nhân chiến tranh không được coi là tài sản của những người bắt giữ họ;

- * Các đảm bảo về tư pháp được pháp điển trong các Công ước Geneva và các nghị định thư bổ sung;

- * Việc bảo vệ trẻ em và cuộc sống gia đình được nhấn mạnh một cách rõ ràng trong Luật Nhân đạo quốc tế: ví dụ như nguyên tắc về các điều kiện giam giữ trẻ em và các quy định chống lại việc chia tách các thành viên gia đình;

- * Tôn trọng tôn giáo được xét trong các quy tắc liên quan đến tù nhân chiến tranh cũng như tập tục mai táng.

Khi nào Luật Nhân đạo quốc tế được áp dụng?

Luật Nhân đạo quốc tế có thể áp dụng trong 2 tình huống. Nói cách khác, Luật Nhân đạo quốc tế mở ra hai hệ thống bảo vệ: một là áp dụng trong các xung đột vũ trang quốc tế và hai là trong xung đột vũ trang không mang tính quốc tế. Trước khi xác định hai trường hợp áp dụng trên, cần phân tích khái niệm “xung đột vũ trang” thay thế khái niệm “chiến tranh” truyền thống kể từ sau năm 1949.

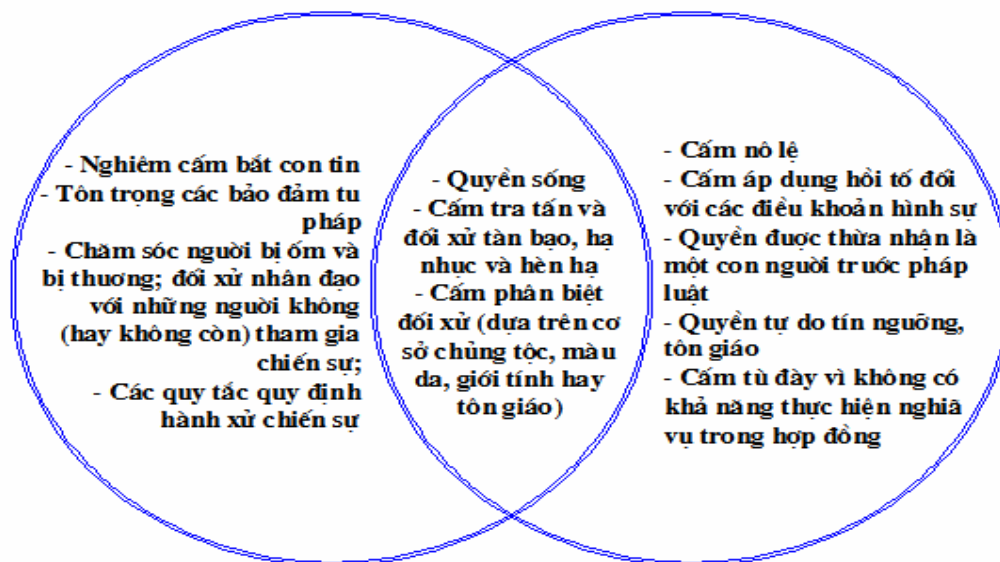
Xung đột vũ trang quốc tế là những xung đột trong đó có 2 hay nhiều quốc gia xung đột sử

dụng vũ khí và là những xung đột trong đó người dân nổi dậy chống lại sức mạnh thực dân, sự chiếm đóng ngoại bang hay tội ác chủng tộc, thường được đề cập đến là chiến tranh giải phóng dân tộc. Khi áp dụng hệ thống luật quyền con

người, những tình huống này chính là chủ thể của một loạt các nguyên tắc của Luật Nhân đạo quốc tế, bao gồm các quy tắc được đặt ra trong các Công ước Geneva và nghị định thư bổ sung số 1.

LUẬT NHÂN ĐẠO QUỐC TẾ

QUYỀN CON NGƯỜI



TRONG MỌI HOÀN CẢNH...

“Chiến tranh không phải là quan hệ giữa cá nhân với cá nhân mà là quan hệ giữa các quốc gia, trong đó các cá nhân ngẫu nhiên trở thành kẻ thù của nhau; không phải là con người, thậm chí không phải là công dân, mà là binh lính [...]9. Do mục tiêu của chiến tranh là hủy diệt quốc gia kẻ thù, việc giết hại những người bảo vệ nhà nước đối địch trở nên hợp pháp khi những người bảo vệ đó mang vũ khí; nhưng khi họ hạ vũ khí và đầu hàng, họ không còn là kẻ thù hay nhân viên của kẻ thù nữa và một lần nữa lại trở thành những con người đơn thuần, lúc đó việc lấy đi sinh mạng của họ không còn hợp pháp.”

Jean-Jacques Rousseau.

Một tập hợp các quy tắc giới hạn hơn có thể được áp dụng trong các xung đột vũ trang nội bộ. Những

quy tắc này được ghi nhận tại Điều 3 của cả 4 công ước Geneva và trong Nghị định thư bổ sung II. Điều 3 đặt ra tiêu chuẩn tối thiểu về tính nhân đạo, và do đó, có thể áp dụng trong mọi trường hợp xung đột vũ trang. Một lần nữa, những quy tắc này còn được áp dụng song song với các thành tố của luật quyền con người được áp dụng trong các tình huống khẩn cấp. Bên cạnh đó, một số quy tắc ban đầu được đặt ra để áp dụng cho các xung đột quốc tế, do đó cũng áp dụng như các quy tắc mang tính tập quán trong các xung đột phi quốc tế.

Trong các trường hợp bạo lực không gia tăng tới mức độ trở thành một cuộc xung đột vũ trang, Luật Nhân đạo quốc tế không được áp dụng. Trong những trường hợp đó, các điều khoản của luật quyền con người và luật pháp quốc gia liên quan quy định số phận của những người dính líu đến các hành vi bạo lực.

2. ĐỊNH NGHĨA VÀ MÔ TẢ CÁC QUYỀN ĐƯỢC BẢO VỆ

Có những quy tắc cơ bản nào của Luật Nhân đạo quốc tế áp dụng trong xung đột vũ trang?



1. Những người đã bị loại ra khỏi vòng chiến đấu và những ai không tham gia trực tiếp chiến sự có quyền được tôn trọng tính mạng cũng như sự toàn vẹn về thân thể và tinh thần.
2. Nghiêm cấm giết hại hay làm bị thương một kẻ thù đã đầu hàng hay đã bị loại ra khỏi vòng chiến đấu.
3. Người bị thương và người ốm cần phải được tập trung lại và chăm sóc bởi bên tham gia xung đột bắt giữ họ. Vấn đề bảo vệ cũng được áp dụng đối với nhân viên y tế, các cơ sở, giao thông và trang thiết bị. Biểu tượng của Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ và cả Pha lê đỏ đều biểu thị sự bảo vệ và cần phải được tôn trọng.
4. Những binh sĩ bị bắt và dân thường bị quản lý bởi một bên tham gia chiến sự chiếm đóng, có quyền được tôn trọng tính mạng, nhân phẩm, quyền cá nhân và sự vô tội của họ. Họ phải được bảo vệ chống lại mọi hành vi bạo lực và trả đũa. Họ cũng phải có quyền được liên lạc với gia đình và nhận sự cứu trợ.
5. Mọi người có quyền được hưởng lợi từ các bảo đảm tư pháp cơ bản. Không ai phải chịu trách nhiệm đối với một hành vi mà người đó không gây ra. Không ai là đối tượng của sự tra tấn về thể xác hay tinh thần, hình phạt về thân thể hay sự đối xử tàn bạo và dè hèn.
6. Các bên tham gia xung đột và thành viên của các lực lượng vũ trang không phải là không bị giới hạn lựa chọn biện pháp và phương tiện tiến hành chiến tranh. Họ bị nghiêm cấm sử dụng vũ khí hay phương pháp chiến tranh nhằm gây ra những thiệt hại không cần thiết hay những đau đớn thái quá.
7. Các bên tham gia xung đột phải luôn phân

biệt giữa dân thường và binh sĩ nhằm tránh tấn công mục tiêu dân sự và tài sản. Toàn bộ dân thường và các cá nhân là thường dân không là đối tượng tấn công. Các cuộc tấn công chỉ được nhằm vào những mục tiêu quân sự.

(Lưu ý: những quy tắc đó do ICRC đặt ra, nhằm tóm tắt những điểm cốt lõi của Luật Nhân đạo quốc tế. Những quy tắc đó không phải là một văn kiện mang tính pháp lý và cũng không thay thế cho các hiệp định đang có hiệu lực. Các quy tắc đó được soạn thảo nhằm hỗ trợ cho việc thúc đẩy Luật Nhân đạo quốc tế.)

Điểm khác biệt

“Nạn nhân của những cuộc xung đột hiện nay không đơn thuần là những người vô danh, thực ra ta không thể đếm xuể [...] Sự thật khủng khiếp là dân thường hiện nay không chỉ “bị kẹt giữa hai làn đạn”. Đó không phải là những thương vong do vô tình hay “thiệt hại bên ngoài” như những ngôn từ hoa mỹ hiện nay vẫn đề cập đến. Tất cả, quá thường xuyên, họ bị cố ý biến thành những mục tiêu tấn công.”

Kofi Annan, Tổng thư ký Liên hiệp quốc.

Luật Nhân đạo quốc tế bảo vệ cái gì và như thế nào?



Luật Nhân đạo quốc tế bảo vệ cá nhân những người không hay không còn tham gia chiến sự, ví dụ dân thường, người bị thương, người ốm, tù binh, nhân viên của tàu bị đắm, nhân viên y tế và người hành đạo. Sự bảo vệ được bảo đảm bởi việc đặt ra nghĩa vụ với các bên tham gia xung đột, yêu cầu họ hỗ trợ vật chất và đối xử nhân đạo vào mọi thời điểm và không có sự phân biệt thù địch.

Các địa điểm và đối tượng cụ thể như bệnh viện, xe cứu thương cũng được bảo vệ và không được

phép tấn công. Luật Nhân đạo quốc tế xác định một số biểu tượng và dấu hiệu được thừa nhận rõ ràng - đặc biệt là các biểu tượng Chữ thập đỏ, Trăng lưỡi liềm đỏ và Pha lê đỏ - có thể được sử dụng để xác định những người và nơi được bảo vệ. Các tượng đài lịch sử, các công trình nghệ thuật hay các nơi thờ cúng cũng phải được bảo vệ. Việc sử dụng những đối tượng đó để ủng hộ các nỗ lực quân sự bị nghiêm cấm. Hơn nữa, môi trường cũng là một mối quan tâm của Luật Nhân đạo quốc tế. Luật này cấm các phương pháp và công cụ chiến tranh cố ý, hoặc được mong đợi, gây ra những thiệt hại nghiêm trọng, lâu dài và rộng khắp đối với môi trường tự nhiên.

Phải phân biệt giữa binh sĩ với dân thường trong khi có các hành vi thù địch cũng như phân biệt các đối tượng dân sự và các mục tiêu quân sự. Điều này có nghĩa là không chỉ dân thường phải được bảo vệ, mà cả hàng hóa cần thiết cho sự sống còn của họ hay sự tồn tại của họ (thực phẩm, gia súc, nước uống...).

Luật Nhân đạo quốc tế ngăn chặn tổn thương không cần thiết thông qua việc cấm sử dụng các vũ khí có ảnh hưởng quá mức liên quan đến lợi thế quân sự, ví dụ bắn nhằm gây ra những thương tổn không chữa trị được. Các nguyên tắc như tính nhân đạo, tính cần thiết về mặt quân sự và tính cân đối là mấu chốt của việc đảm bảo mục đích bảo vệ dân thường khỏi những tác động do vô tình hay bên ngoài và bảo vệ các binh sĩ khỏi các tổn thương không cần thiết. Sự cần thiết về mặt quân sự được xác định là những hành động cần thiết để khuất phục kẻ thù và luật đã được soạn thảo nhằm đưa vấn đề này ra xem xét một cách toàn diện. Kết quả là một phần nhất định của Luật Nhân đạo có thể không “nhân đạo” lắm đối với một luật sư ngành quyền con người, nhưng lại có lợi thế là chính xác và thực tế.

Tính nhân đạo

“Thông qua việc bảo vệ tính nhân đạo trong một cuộc xung đột vũ trang, Luật Nhân đạo quốc tế mở đường hướng tới hòa giải và

đóng góp không chỉ đối với việc khôi phục hòa bình giữa các bên tham chiến mà còn thúc đẩy hòa hợp giữa các dân tộc.”

Hội Liên nghị viện năm 1993.

Hội nghị lần thứ 90

Ai phải tôn trọng Luật Nhân đạo quốc tế?

Chỉ các quốc gia mới có thể trở thành các bên ký kết công ước quốc tế bao gồm cả các Công ước Geneva năm 1949 và hai nghị định thư bổ sung năm 1977. Tuy nhiên, tất cả các bên tham gia xung đột - dù là lực lượng vũ trang của các quốc gia hay là lực lượng chống đối - đều bị ràng buộc bởi Luật Nhân đạo quốc tế. Từ tháng 1/2006, hầu hết các quốc gia trên thế giới - chính xác là 192 nước - tham gia 4 Công ước Geneva năm 1949. Thực tế các công ước này nằm trong số những văn kiện mà đa số các quốc gia chấp nhận đã chứng thực tính phổ quát của các văn kiện đó. Hiện tại, 164 quốc gia thành viên của Nghị định thư bổ sung I liên quan đến việc bảo vệ các nạn nhân của xung đột vũ trang quốc tế, trong đó Nghị định thư bổ sung II, liên quan đến việc bảo vệ nạn nhân của xung đột vũ trang phi quốc tế, có tới 159 quốc gia thành viên.

Để kiểm tra nước bạn có tham gia một công ước nào đó hay không, hãy liên hệ với ICRC hoặc tra trên trang: <http://www.icrc.org>

3. TIẾP CẬN LIÊN VĂN HÓA VÀ CÁC VẤN ĐỀ GÂY TRANH CÃI

Tầm quan trọng của nhận thức văn hóa

Con người đã có những nỗ lực to lớn nhằm giới hạn mức độ tàn bạo của chiến tranh. Nhiều nền văn hóa trong lịch sử đã cố gắng hạn chế sử dụng bạo lực nhằm giảm bớt những thương tổn không cần thiết và hạn chế sự phá hủy. Mặc dù các công ước Geneva hay Hague không mang tính phổ quát ngay từ ban đầu, khi các luật sư và các nhà ngoại giao của văn hóa Thiên chúa giáo châu Âu soạn thảo và thông qua, những giá trị được nhấn mạnh ở đây mang tính phổ biến. Mặt phổ biến của Luật Nhân đạo quốc tế không bao giờ bị đánh

giá thấp hay bị quên lãng: sự tôn trọng và thực thi các quy tắc trên thực tế sẽ phụ thuộc vào việc thiết lập một mối liên hệ rõ ràng giữa các hiệp định có thể áp dụng và các truyền thống hay tập quán địa phương.

Các quan điểm xung đột liên quan đến khả năng áp dụng của Luật Nhân đạo quốc tế



Trong khi các nguyên tắc của Luật Nhân đạo quốc tế nhận được sự ủng hộ hầu như trên toàn thế giới thì những vấn đề rắc rối liên quan thực thi lại xuất hiện do những ý tưởng mâu thuẫn nhau về vấn đề là những biểu hiện nào của bạo lực thì nó trở thành xung đột vũ trang. Việc xác định mức độ xung đột ở cấp độ vũ trang trở nên quan trọng hàng đầu vì đó là tiêu chuẩn cơ bản để áp dụng Luật Nhân đạo quốc tế. Khi đối diện với những hành vi bạo lực trên lãnh thổ của mình, các quốc gia thường muốn giải quyết nội bộ. Điều này thậm chí xảy ra ngay cả khi một quốc gia khác tham gia một cách gián tiếp vào các vấn đề rắc rối thừa nhận tình trạng xung đột vũ trang nghĩa là thừa nhận những ai có trách nhiệm tiến hành bạo lực vẫn có thể xứng đáng được bảo vệ theo các quy tắc của Luật Nhân đạo quốc tế, bao hàm sự bảo vệ cơ bản mà luật quyền con người đặt ra. Không có gì phải ngạc nhiên khi các chính quyền mô tả những thủ phạm đó như tội phạm, cướp biển hay khủng bố, thay vì là những binh sĩ, do đó để trốn tránh áp dụng các quy tắc của Luật Nhân đạo quốc tế.

“Chúng ta có thể biết được một người bất kể quốc tịch nào, dễ dàng bị mắc kẹt bởi tâm lý tàn bạo khi tham chiến. Sự tàn bạo đó thường có nguồn gốc từ sự thù hận những người khác, và rõ ràng được thể hiện trong các hành vi phân biệt chủng tộc. Vấn đề căn bản nhất chúng ta phải giải quyết khi xử lý tội ác chiến tranh là nỗi sợ hãi tột cùng cái chết mà các binh sĩ phải trải qua. Nhằm vượt qua nỗi sợ hãi trong chiến tranh, con người thường dựa vào bạo lực, mà

điều đó thì ngược lại, hạ thấp đạo đức của họ và thể hiện ra ngoài như một sự bộc phát tàn bạo.”

Yuki Tanaka, học giả Nhật Bản

Một trong những cách thức mà các quốc gia có thể áp dụng Luật Nhân đạo quốc tế trong những tình huống như vậy là thông qua việc đảm bảo khả năng áp dụng các nguyên tắc sẽ không trao tính hợp pháp cho các nhóm tham gia chiến sự. Cách tiếp cận thực tế và thực dụng của Luật Nhân đạo quốc tế được sử dụng để bảo vệ nạn nhân của xung đột, bất kể họ thuộc phe nào. Quan trọng là cần lưu ý rằng Luật Nhân đạo quốc tế thể hiện sự cân bằng giữa các khái niệm mâu thuẫn nhau: một mặt là nhu cầu về quân sự, mặt kia là các mối quan ngại nhân đạo.

4. THỰC THI VÀ GIÁM SÁT

Do khó khăn khi đảm bảo luật pháp trong xung đột vũ trang, đại diện các quốc gia soạn thảo những hiệp định thuộc phạm vi Luật Nhân đạo quốc tế đã nghĩ ra những cơ chế thực thi cụ thể và làm cho các cơ chế luật quốc tế chung thích nghi với những nhu cầu cụ thể của nạn nhân trong xung đột vũ trang. Điều không may là dù các cơ chế chung và cụ thể được kết hợp lại, nhưng vẫn không thể bảo đảm thậm chí là sự tôn trọng tối thiểu đối với cá nhân con người trong xung đột vũ trang. Điều đó chỉ có thể đạt được nếu có sự giáo dục và đào tạo để giúp mọi người nhận thức rằng kể cả trong xung đột vũ trang thì kẻ thù vẫn là con người đáng được tôn trọng.

Nói rộng ra, có 3 loại chiến lược mà Luật Nhân đạo quốc tế sử dụng để đảm bảo thực thi:

- Các biện pháp phòng ngừa;
- Các biện pháp đảm bảo sự tuân thủ trong xung đột vũ trang;
- Các biện pháp cưỡng chế.

Các biện pháp phòng ngừa



Những quốc gia tham gia Công ước Geneva - tức là hầu hết các quốc gia trên thế giới - có nghĩa vụ

phổ biến kiến thức về Luật Nhân đạo quốc tế càng rộng rãi càng tốt. Nếu chỉ giảng dạy cho lực lượng vũ trang của một quốc gia về Luật Nhân đạo quốc tế thì chưa đủ: xã hội dân sự và thanh niên cũng cần được nhận thức về vấn đề nhân đạo trong xung đột vũ trang. Tâm điểm của Luật Nhân đạo quốc tế lúc này là nhằm bảo vệ tính mạng và nhân phẩm trong thời điểm chiến tranh, tuy nhiên, suy rộng ra, đó là còn là vấn đề bảo vệ các giá trị đó trong mọi sự kiện mà ta trải qua.

Như vậy, đồng thời với giáo dục quyền con người, Luật Nhân đạo quốc tế là ngành duy nhất đóng góp cho nền giáo dục về quyền công dân ở cấp địa phương, quốc gia và quốc tế. Giáo dục và đào tạo phải bắt đầu ngay cả trong hòa bình, để in đậm vào tâm khảm con người lòng nhân đạo thực sự.

Các biện pháp giám sát sự tuân thủ

Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế (ICRC) đóng vai trò chính trong việc nhắc nhở để quốc gia ghi nhớ rằng họ phải chịu trách nhiệm phổ biến những điều khoản nhân đạo và rằng họ phải thực hiện

mọi biện pháp cần thiết để bảo đảm luật pháp được áp dụng hiệu quả và được tôn trọng đầy đủ.

Các biện pháp cưỡng chế

Luật Nhân đạo quốc tế đòi hỏi các quốc gia phải nghiêm cấm vi phạm. Những vi phạm quyền con người trầm trọng nhất định, còn gọi là tội ác chiến tranh, bị Luật Nhân đạo quốc tế coi là phạm tội. Thực chất, các quốc gia được yêu cầu ban hành đạo luật trong nước nhằm trừng phạt tội ác chiến tranh, tìm những người bị cáo buộc là thực hiện những tội ác đó, và tiến hành xét xử hoặc dẫn độ họ đến nước khác để xét xử. Những biện pháp cưỡng chế như trên có thể ngăn chặn và ngăn ngừa các vi phạm quyền con người tái diễn.

Cộng đồng quốc tế gần đây đã thành lập Tòa án hình sự quốc tế thường trực (ICC) có khả năng xét xử tội ác chiến tranh, tội ác chống lại loài người và tội diệt chủng. Không giống các tòa án đặc biệt thiết lập riêng cho những xung đột ở Nam Tư và Rwanda, Tòa án ICC có thẩm quyền trên toàn cầu.

ĐIỀU NÊN BIẾT

Hội Chữ thập đỏ quốc tế và Phong trào Trăng lưỡi liềm đỏ được thành lập gồm Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế (ICRC), Hội Chữ thập đỏ quốc gia và Trăng lưỡi liềm đỏ ở khoảng 180 nước, và Liên đoàn Chữ thập đỏ quốc tế và các hiệp hội Trăng lưỡi liềm đỏ. Các hiệp hội quốc gia hoạt động phụ trợ cho chính quyền nước họ trong lĩnh vực nhân đạo và cung cấp các dịch vụ bao gồm cứu trợ thiên tai và các chương trình y tế, xã hội. Liên đoàn là tổ chức thúc đẩy hợp tác giữa các hiệp hội quốc gia và tăng cường năng lực.

Là người bảo trợ và thúc đẩy Luật Nhân đạo quốc tế, Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế (ICRC) đóng vai trò lãnh đạo trong việc tìm kiếm duy trì biện pháp nhân đạo trong bối cảnh xung đột vũ trang.

1. KINH NGHIỆM TỐT



Bảo vệ thường dân

Luật Nhân đạo quốc tế dựa trên nguyên tắc miễn trừ đối với thường dân. Những người không tham gia chiến sự không thể bị tấn công trong bất cứ tình huống nào; phải tránh tấn công và bảo vệ dân thường. Tuy nhiên trong các xung đột hiện nay, người dân thường xuyên phải chịu đựng bạo lực tàn khốc, đôi khi lại là những mục tiêu trực tiếp. Các cuộc thảm sát, bắt con tin, tấn công tình dục, càn quét, trục xuất, ép di dời, cướp phá và cố ý không cho tiếp cận với nước uống, thức ăn và chăm sóc y tế, là những thực tế khiến dân chúng sợ hãi và khổ sở.

Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế luôn có mặt tại những nơi mà dân thường đặc biệt bị nguy hiểm. Người ta bắt đầu quan tâm đặc biệt đến phụ nữ và trẻ em kể từ khi Luật Nhân đạo quốc tế đặt ra vấn đề bảo

vệ cụ thể đối với những đối tượng này.

“Sự ly tán các gia đình trong chiến tranh khiến phụ nữ và trẻ em gái đặc biệt dễ bị tổn thương bởi bạo lực. Gần 80% trong số 53 triệu dân ly tán do chiến tranh hiện nay là phụ nữ và trẻ em. Khi cha, chồng, anh em, con trai bị buộc phải ra chiến trường, phụ nữ, con trẻ và người già ở lại phía sau, tự bảo vệ bản thân. Các gia đình bị nạn cho biết hiệp dân và nỗi sợ hãi bị hiệp dân là những yếu tố chủ yếu khiến họ quyết định đi tỵ nạn.”

Tình trạng trẻ em trên thế giới. Năm 1996

Phụ nữ phải gánh chịu xung đột vũ trang ở nhiều khía cạnh - từ tham gia chủ động như những người lính đến bị tấn công dù là dân thường hay không, hoặc bởi vì họ là phụ nữ. Sự chịu đựng đó thể hiện ở nhiều mặt - là sự chia tách, mất thành viên trong gia đình và việc kiếm sống, tăng nguy cơ bị tấn công tình dục, bị thương, đói và cái chết.

Cách giải quyết thực tế trên liên quan đến việc:

- Giáo dục những người cầm vũ khí về quyền của phụ nữ.
- Hỗ trợ chăm sóc sức khỏe sinh sản và phụ khoa cho các cơ sở y tế và điểm y tế dành cho nạn nhân của chiến sự.
- Buộc các nhà chức trách giam giữ người ghi nhớ rằng những người tạm giam là nữ phải được phụ nữ giám sát ngay lập tức và nơi tạm giam, khu vệ sinh dành cho họ phải biệt lập với nam giới.
- Nỗ lực liên hệ giữa các thành viên gia đình ly tán do xung đột vũ trang.
- Hỗ trợ các gia đình có người mất tích.

Trẻ em thường xuyên bị trở thành những nhân chứng đầu tiên của tội ác sát hại cha mẹ các em hay các thành viên khác trong gia đình. Các em bị giết hại, bị thương hay bị cầm tù hoặc bị tách khỏi gia đình. Các em bị tách khỏi môi trường quen thuộc, thậm chí với những em đã cố trốn

thoát khỏi môi trường chiến sự đều thiếu bảo đảm về tương lai và thậm chí cả tương lai của những người các em yêu thương. Các em thường buộc phải chạy trốn, bỏ lại nhà cửa, bị từ chối và không có giấy tờ tùy thân. Bên cạnh đó, những em sống với gia đình hay bị bỏ rơi lại ở vùng chiến sự thường dễ trở thành những đối tượng dễ gọi nhập ngũ và tham gia như những binh lính thực thụ. Bị tước đoạt gia đình, các binh lính trẻ em này hầu như không thể hình dung sẽ sống thế nào nếu không tham chiến. Tham gia một nhóm vũ trang là cách để đảm bảo bản thân có thể sống sót. Cách giải quyết thực tế trên liên quan đến những vấn đề:

- Tăng cường tôn trọng quyền của trẻ em cho những người cầm vũ khí.
- Cấm tuyển mộ và cho phép trẻ em tham gia xung đột vũ trang.
- Hỗ trợ thích đáng về y tế, tâm lý và xã hội đối với các nạn nhân xung đột là trẻ em.
- Nỗ lực liên hệ với gia đình thông qua việc bảo vệ các em không có người đi cùng và tìm kiếm người mất tích.
- Giám sát các điều kiện giam giữ với trẻ em - đảm bảo các em được giam riêng, tách khỏi người lớn trừ khi họ là các thành viên trong gia đình - và cố gắng giúp các em rời khỏi nơi giam giữ.

“Có những em tham gia với những lý do mà người ta gọi là tự nguyện. Nhưng tôi nghĩ ai cũng cần phải suy nghĩ thận trọng mới nhận thấy rằng không có sự tham gia nào là tự nguyện, theo nghĩa là đa số trẻ em phải tự nguyện mà không thể không thấy cần thiết phải tham gia hay bị ngược đãi, sợ hãi hay cảm giác an toàn.

Những em không có người đi cùng không có cha mẹ bảo vệ, các em sợ sẽ chết đói hay không được chăm sóc y tế đầy đủ có thể buộc phải tham gia chiến sự.”

Tiến sĩ Mike Wessells

Bảo vệ tù nhân



Một trong những hệ quả của xung đột vũ trang là bắt và giam giữ tù nhân. Bị tước đi tự do đẩy con người vào trạng thái dễ bị tổn thương trước các nhân viên quân giáo và trong môi trường nhà tù. Tính dễ bị tổn thương đó đặc biệt trở nên sâu sắc vào thời điểm chiến sự và bạo lực nội bộ khi việc sử dụng vũ lực bất hợp pháp và thái quá trở nên phổ biến và khi bị thiếu hụt cơ sở, thiết bị giam giữ. Luật Nhân đạo quốc tế bao gồm các biện pháp cụ thể bảo vệ tù nhân. Các cách thức bảo đảm tôn trọng tính mạng và nhân phẩm của tù nhân bao gồm:

- Đảm bảo những người quản lý nhà tù được đào tạo về các quy tắc bảo vệ tù nhân và bị trừng phạt nếu họ không tuân thủ các quy tắc đó.
- Đảm bảo rằng nơi quản lý tù nhân có đủ ngân quỹ và thiết bị cho nhà tù.
- Cho phép các tổ chức nhân đạo trung lập như Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế thăm tù nhân và giám sát cách đối xử với tù nhân.
- Tìm cách để họ liên hệ với gia đình, vốn bị cắt đứt bấy lâu.
- Hỗ trợ các tổ chức quyền con người như Tổ chức ân xá quốc tế và Tổ chức theo dõi quyền con người hay các tổ chức quyền con người địa phương công bố những gì họ biết được về việc người bắt giam ngược đãi tù binh.

Nối lại liên lạc với gia đình



Trong hầu hết các tình huống khẩn cấp - xung đột vũ trang, di dời lượng lớn dân cư và các tình huống khủng hoảng khác - trẻ em bị tách khỏi cha mẹ, gia đình và những người lớn có trách nhiệm. Vì địa vị của các em hiếm khi rõ ràng ngay tại thời điểm đó, nên các em thường bị coi là “những trẻ bị ly tán hay không có người đi kèm” thay vì “trẻ mồ côi”. Những người khác như người già hay người khuyết tật có thể cũng gặp khó khăn trong xung đột. Họ có thể bị bỏ lại, bị cô lập và bị tách khỏi người thân và không thể tự chăm sóc bản thân. Trước tính đặc biệt dễ bị

tổn thương như vậy, Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế khi cần thiết sẽ thực thi các biện pháp cụ thể nhằm bảo vệ họ và giúp họ tìm gia đình. Một số biện pháp là:

- Chuyển tải thông tin về gia đình của họ thông qua tin báo của Hội Chữ thập đỏ, qua sóng phát thanh, điện thoại, internet, qua Hội Chữ thập đỏ quốc tế và Phong trào Trăng lưỡi liềm đỏ.
- Tổ chức hồi hương và đoàn tụ gia đình.
- Hỗ trợ các chuyến thăm của gia đình đối với những người bị bắt giam hay qua chiến tuyến.
- Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế phát hành tài liệu về sự di chuyển của những người không có hoặc không còn giấy tờ tùy thân do chiến sự, và chuẩn bị hồi hương hoặc định cư ở nước thứ ba.
- Thông báo và hỗ trợ các gia đình có người mất tích.

Về các biểu trưng

Các công ước Geneva đề cập đến 3 biểu trưng: Chữ thập đỏ, Trăng lưỡi liềm đỏ và Pha lê đỏ (từ năm 2006). Luật Nhân đạo quốc tế quy định việc sử dụng, kích cỡ, mục đích và việc đặt biểu trưng đó, người và tài sản mà nó bảo vệ, ai có thể sử dụng biểu trưng, biểu trưng đó thể hiện sự tôn trọng điều gì và sử dụng sai mục đích sẽ bị trừng phạt thế nào.

Trong những thời điểm xung đột vũ trang, biểu trưng có thể được sử dụng như một công cụ bảo vệ chỉ bởi:

- Đơn vị y tế của một lực lượng vũ trang;
- Hội Chữ thập đỏ quốc gia và các hiệp hội Trăng lưỡi liềm đỏ thường được chính phủ thừa nhận và cho phép hỗ trợ cho các đơn vị y tế của lực lượng vũ trang;
- Bệnh viện dân sự và các cơ sở y tế khác được chính phủ thừa nhận là dân sự;
- Các cơ quan cứu trợ tự nguyện tùy thuộc vào những điều kiện giống như các hiệp hội quốc gia.

Ba kiểu sử dụng sai biểu trưng:

1. **Bắt chước:** một tổ chức nhân đạo sử dụng sai chữ thập đỏ làm biểu tượng cho mình, gây nhầm lẫn.
2. **Tiếp quyền:** một được sĩ tuyên bố có quyền đối với cờ chữ thập đỏ.
3. **Gian trá:** các lực lượng vũ trang sử dụng xe cứu thương có chữ thập đỏ để chở vũ khí.

Các quốc gia phải thực hiện mọi biện pháp để ngăn ngừa và ngăn chặn việc sử dụng sai biểu trưng. Những trường hợp nghiêm trọng nhất của việc sử dụng sai biểu trưng bị coi là tội ác chiến tranh.

Các nguyên tắc làm việc đối với hành động nhân đạo

Để được coi là nhân đạo, một tổ chức phải tuân theo các nguyên tắc chủ chốt. Nguyên tắc quan trọng nhất là tính trung lập và tính công tâm. Tính trung lập có thể được hiểu là không theo phe nào. Nguyên tắc này cho phép những học viên hoạt động nhân đạo có được và duy trì sự tin tưởng của mọi học viên chiến sự. Tính công tâm nghĩa là ưu tiên được xem xét dựa trên cơ sở các nhu cầu. Thực chất, nhân viên nhân đạo không được phân biệt dựa trên các yếu tố như quốc tịch, chủng tộc, niềm tin tôn giáo, tầng lớp xã hội hay quan điểm chính trị. Họ chỉ nghe theo các nhu cầu của cá nhân và phải ưu tiên cho các trường hợp khẩn cấp nhất.

Các nguyên tắc cơ bản của Chữ thập đỏ và Phong trào trăng lưỡi liềm đỏ

Tính nhân đạo - bảo vệ tính mạng, sức khỏe và đảm bảo tôn trọng con người.

Tính công tâm - không phân biệt đối xử xét trên cơ sở quốc tịch, chủng tộc, niềm tin tôn giáo, tầng lớp hay quan điểm chính trị: chỉ nghe theo các nhu cầu.

Tính trung lập - không xem xét đến phe phái trong chiến sự.

Độc lập - hoàn toàn tự chủ khỏi mọi dạng quyền lực bên ngoài.

Tự nguyện - tổ chức phi lợi nhuận.

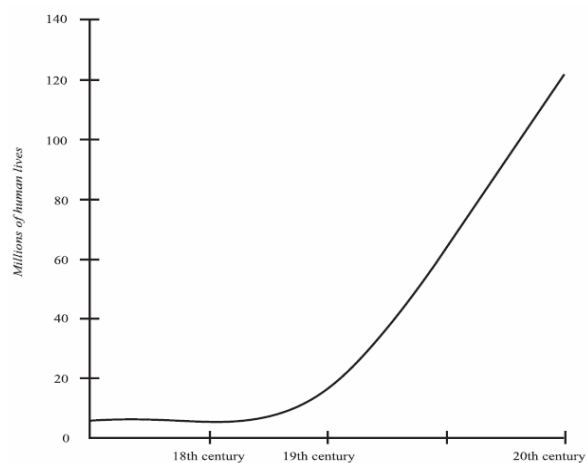
Đoàn kết - chỉ có một Hội chữ thập đỏ hay Trăng lưỡi liềm đỏ ở một quốc gia.

Tính phổ quát - là một tổ chức toàn cầu.

Do công việc của Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế nhạy cảm về chính trị, liên quan đến các cuộc thăm viếng tù binh hoặc làm trung gian giữa các bên tham chiến, và do sự hiện hữu của Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế đòi hỏi ít nhất sự khoan dung từ các bên, tính bí mật đóng vai trò quan trọng trong công tác của tổ chức này. Nguyên tắc trên cùng với các nguyên tắc trung lập và công tâm tạo nên tình thế tiến thoái lưỡng nan về mặt đạo đức đối với các nhà hoạt động nhân đạo, những người không thể lên án các hành vi ngược đãi khi việc lên án đó có thể gây nguy hiểm đến tính mạng nạn nhân hay hạn chế khả năng tiếp cận với những người cần được giúp đỡ.

2. XU HƯỚNG

Thiệt hại về người



Thế kỷ XVIII: 5,5 triệu

Thế kỷ XIX: 16 triệu

Chiến tranh thế giới thứ nhất: 38 triệu

Chiến tranh thế giới lần thứ 2: hơn 60 triệu

Năm 1949-1995: 24 triệu

Nguồn: “Thế kỷ XX, thế kỷ chết chóc nhất”. Sổ tay nghị sĩ.

Việc cấm sử dụng mìn sát thương

Trong suốt thập kỷ 90 của thế kỷ trước, Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế, các tổ chức quốc tế và liên minh rộng lớn những tổ chức phi chính phủ đã đấu tranh không mệt mỏi để biến việc nghiêm cấm sử dụng mìn sát thương thành hiện thực và nhằm cứu trợ nạn nhân do mìn và những cộng đồng bị ảnh hưởng của mìn. Công việc này đã đem lại kết quả là Hiệp định Ottawa năm 1997 được thông qua, Công ước cấm sử dụng, tàng trữ, sản xuất và vận chuyển mìn sát thương và về sự huỷ diệt của nó, có hiệu lực ngày 01/3/1999. Đó là công ước đầu tiên của Luật Nhân đạo quốc tế, nghiêm cấm, một loại vũ khí được sử dụng phổ biến và trở thành luật nhanh hơn bất cứ thỏa thuận nào liên quan đến vũ khí đa phương trước đó.

Từ tháng 1/2006, 149 quốc gia đã phê chuẩn Hiệp định Nghiêm cấm mìn 1997, và có thêm 5 nước ký kết hiệp định này. Các quốc gia thành viên của mạng lưới an ninh con người nằm trong số những người khởi xướng nhiệt tình nhất của công ước này và mạng lưới đã trở thành một trong những liên minh quốc tế đi đầu trong việc thực thi hiệp định đầy đủ và kịp thời.

Một số số liệu hỗ trợ của Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế trong năm 2004

Thăm viếng nhà tù

Thăm 571.503 tù binh tại 2.435 trại giam trên gần 80 quốc gia, bao gồm 29.076 tù binh được đăng ký và được thăm viếng lần đầu tiên.

Phát hành 39.743 giấy chứng nhận giam giữ

Tìm cách liên lạc với gia đình

1.362.358 thông điệp của Hội chữ thập đỏ được thu thập và phát đi

6.166 người có gia đình đệ đơn yêu cầu tìm kiếm được xác định

2.782 người được đoàn tụ với gia đình

9.695 người được cung cấp giấy tờ thông hành để có thể về nhà hoặc định cư ở nơi khác.

Hỗ trợ

Tại 34 nước, 1.324.000 người được nhận lương thực và 2.239.000 vật dụng gia đình và vệ sinh, 19,4 triệu người ở 40 quốc gia được hưởng lợi từ những chương trình nước và nhà ở

2722000 người được hưởng lợi từ những thiết bị y tế do Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế hỗ trợ

Hơn 10576 người bị thương do chiến tranh được nhập bệnh viện của Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế

(Nguồn: Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế: www.icrc.org)

3. NIÊN BIỂU SỰ KIỆN

Một số xung đột vũ trang có ít nhiều tác động ngay lập tức đối với sự phát triển của Luật Nhân đạo quốc tế.

Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918) đã chứng kiến việc sử dụng các phương pháp chiến tranh, nếu chưa hoàn toàn mới, thì ít nhất cũng đã được triển khai ở một cấp độ chưa từng có. Những phương pháp đó bao gồm sử dụng khí độc, đánh bom bằng máy bay lần đầu tiên và việc bắt giữ hàng trăm nghìn tù binh. Hiệp định năm 1925 cấm sử dụng một số phương pháp chiến tranh nhất định và các hiệp định năm 1929 đề cập đến vấn đề đối xử với tù binh chiến tranh được thông qua sau những bước phát triển trên.

Chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939-1945) chứng kiến thường dân và những học viên quân đội bị giết hại với số lượng tương đương nhau, khác với tỷ lệ 1:10 như trong Chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Năm 1949, cộng đồng quốc tế đã đáp lại những con số bi thảm trên và đặc biệt hơn là với những tác động khủng khiếp mà chiến tranh gây ra đối với dân thường, thông qua việc sửa đổi các công ước có hiệu lực khi đó và thông qua văn kiện mới: Công ước Geneva thứ 4 về bảo vệ dân thường.

Năm 1977, các nghị định thư bổ sung được thông qua ứng phó với những thách thức mới trong việc bảo vệ dân thường trong các cuộc chiến tranh phi thực dân hóa cũng như sự phát triển của công nghệ quân sự mới.

Đặc biệt, Nghị định thư bổ sung II bao gồm những lực lượng vũ trang chống đối hay nhóm vũ trang có tổ chức, nằm dưới sự chỉ huy có trách nhiệm rõ, quản lý một phần lãnh thổ.

Các văn kiện chính của Luật Nhân đạo quốc tế và các văn kiện khác liên quan

1864	Công ước Geneva về cải thiện tình hình của người bị thương trong quân đội trên chiến trường
1868	Tuyên bố St. Petersburg (cấm sử dụng các loại đạn nhất định trong chiến tranh)
1899	Các Công ước Hague về tôn trọng luật và tập quán chiến tranh trên đất liền và gần các nguyên tắc của Công ước Geneva 1964 với chiến tranh trên biển
1906	Đánh giá và phát triển Công ước Geneva 1864
1907	Đánh giá các Công ước Hague năm 1899 và thông qua các Công ước mới
1925	Nghị định thư Geneva về việc cấm sử dụng trong chiến tranh các khí gây ngạt, khí độc hay các khí khác và các phương pháp chiến tranh sử dụng vi khuẩn
1929	Hai công ước Geneva
*	Đánh giá và phát triển Công ước Geneva 1906
*	Công ước Geneva liên quan đến cách đối xử với tù binh (mới)
1949	Các công ước Geneva:
I	Cải thiện tình hình người bị thương và người ốm trong xung đột vũ trang trên chiến trường
II	Cải thiện tình hình người bị thương, người ốm và thành viên lực lượng vũ trang bị đắm thuyền trên biển
III	Cách đối xử với tù binh
IV	Bảo vệ dân thường trong chiến tranh (mới)
1954	Công ước Hague về bảo vệ tài sản văn hóa trong xung đột vũ trang
1972	Công ước về cấm phát triển, sản xuất,

	tàng trữ các vũ khí sinh học và độc hại và về sức tàn phá của chúng
1977	Hai nghị định thư bổ sung với 4 Công ước Geneva 1949 tăng cường bảo vệ các nạn nhân của xung đột vũ trang quốc tế (nghị định thư I) và phi quốc tế (Nghị định thư II)
1980	Công ước về cấm hoặc hạn chế sử dụng các loại vũ khí thông thường có thể gây ra thương tật thái quá hoặc có tác dụng bừa bãi (CCW), bao gồm:
*	Nghị định thư (I) về các mảnh vỡ không thể phát hiện được
*	Nghị định thư (II) về cấm hoặc hạn chế sử dụng mìn, bẫy người không biết và các thiết bị khác
*	Nghị định thư (III) về cấm hoặc hạn chế sử dụng các vũ khí gây cháy
1993	Công ước nghiêm cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ và sử dụng các vũ khí hóa học và sức tàn phá của chúng
1995	Nghị định thư liên quan đến vũ khí laser gây mù mắt (Nghị định thư IV [mới] của Công ước năm 1980
1996	Nghị định thư sửa đổi về cấm hoặc hạn chế sử dụng mìn, bẫy người không biết và các thiết bị khác (Nghị định thư II (sửa đổi) của Công ước 1980
1997	Công ước cấm sử dụng, tàng trữ, sản xuất và vận chuyển mìn sát thương và sức tàn phá của chúng
1998	Quy chế Rome của Tòa án tội phạm quốc tế
1999	Nghị định thư của Công ước năm 1954 về tài sản văn hóa
2000	Nghị định thư có thể lựa chọn của Công ước về quyền trẻ em, xử lý sự tham gia của trẻ trong xung đột vũ trang
2001	Sửa đổi Điều 1 Công ước CCW, mở rộng với xung đột phi quốc tế
2002	Quy chế Rome có hiệu lực, thiết lập tòa án hình sự quốc tế thường trực đầu tiên

2002	Nghị định thư có thể lựa chọn của Công ước về quyền trẻ em có hiệu lực, giải quyết vấn đề tham gia của trẻ em trong xung đột vũ trang
2003	Nghị định thư về chất nổ còn sót lại sau

chiến tranh (Nghị định thư V của Công ước 1980)
(Nguồn: Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế: www.icrc.org/ihl)

CÁC HOẠT ĐỘNG LỰA CHỌN

HOẠT ĐỘNG I: **1** TẠI SAO PHẢI TÔN TRỌNG LUẬT NHÂN ĐẠO QUỐC TẾ

Phần I: Giới thiệu

Đối với nhiều người, ý tưởng rằng có thể có các nguyên tắc trong chiến tranh có vẻ ngớ ngẩn vì họ tin rằng chính ý tưởng về chiến tranh đã mâu thuẫn với khái niệm Luật quyền con người. Nhưng thực tế, hầu hết các quốc gia trên thế giới chấp nhận và thực thi các quy tắc của Luật nhân đạo quốc tế. Tại sao như vậy? Trong thảo luận được đề xuất, học viên đặt câu hỏi, qua đó hiểu được một số nguyên nhân chính khiến các quốc gia tuân thủ những cam kết nhân đạo của mình trong thời điểm xung đột vũ trang.

Loại hoạt động: thảo luận

Câu hỏi thảo luận:

Nếu thắng trong chiến tranh, tại sao tôi lại cần tuân thủ những quy tắc giới hạn hành vi?

Nếu những quy tắc đó luôn bị phá vỡ, tại sao chúng ta lại cần chúng?

Liệu chúng ta có thực sự cần Luật nhân đạo quốc tế khi có các văn kiện quyền con người khác không? Tại sao các quốc gia lại không gây khó dễ đối với vấn đề bảo lưu những nghĩa vụ quyền con người của mình trong thời chiến?

Làm thế nào để luật nhân đạo quốc tế có thể yêu cầu cải thiện triển vọng hòa bình và an ninh con người nếu nó chấp nhận thực tế chiến tranh?

Phần II: Thông tin chung

Mục tiêu:

Nhằm hiểu được một số lý do tại sao lại cần

những nguyên tắc cho xung đột vũ trang.

Có thể nhận thức được các vấn đề khó trả lời mà ý tưởng của Luật nhân đạo quốc tế đặt ra.

Quen thuộc hơn với những lý do khiến các quốc gia tôn trọng Luật nhân đạo quốc tế.

Hiểu được tính bổ sung giữa Luật quyền con người và Luật nhân đạo quốc tế.

Biết được một số quy tắc cơ bản của Luật nhân đạo quốc tế.

Đối tượng: người đã trưởng thành.

Số lượng: 12 - 20 người

Thời gian: 90 phút

Chuẩn bị và dụng cụ cần thiết:

Phân phát các bản sao các quy tắc cơ bản của Luật nhân đạo quốc tế cũng như đồ thị thể hiện tính bổ sung của Luật nhân đạo quốc tế và Luật quyền con người; nên có một tấm bảng để nhìn để viết một số ý tưởng chính được đưa ra trong quá trình thảo luận; phân phát các câu hỏi thảo luận khoảng 1 tuần trước buổi học để học viên suy nghĩ về các câu hỏi cần thận và tự thảo luận chúng hoặc thảo luận với bạn bè và gia đình

Những kỹ năng liên quan:

Khả năng phát triển lập luận;

Khả năng tư duy phê bình;

Khả năng giao tiếp hiệu quả;

Khả năng xử lý các ý kiến mâu thuẫn.

Phần III: Thông tin cụ thể

Giới thiệu về chủ đề:

Thảo luận này giải quyết một số câu hỏi khó, vốn không có câu trả lời dễ dàng. Học viên cần được khuyến khích suy nghĩ sáng tạo và kín kẽ; không lãng phí thời gian tìm câu trả lời đúng. Quan trọng là không bỏ qua các câu trả lời mang tính

hoài nghi vì mấu chốt của hoạt động là để học viên phát hiện ra rằng các quốc gia có những động cơ tôn trọng Luật nhân đạo quốc tế hơn cả các lý do đạo đức và pháp lý khi làm như vậy. Các bình luận mang tính hoài nghi có thể được sử dụng để làm nổi bật những động cơ này và làm rõ tính thực dụng của Luật nhân đạo quốc tế.

Tiến trình thảo luận:

Học viên được chia thành 4 nhóm nhỏ, mỗi nhóm nhỏ được giao thảo luận 4 vấn đề. Mỗi nhóm thảo luận trong 30 phút, trong khi đó người hướng dẫn có thể đi xung quanh và hỗ trợ thảo luận thông qua việc gợi ý một số vấn đề được đưa ra sau đây. Mỗi nhóm nhỏ cần chỉ định một báo cáo viên có nhiệm vụ báo cáo lại với tất cả học viên sau 30 phút. Thời gian còn lại để mở cho toàn nhóm thảo luận theo câu hỏi và xem xét những vấn đề mà các báo cáo viên đã trình bày.

Vấn đề 1

Hãy suy nghĩ về lợi ích lâu dài của đất nước
Điều gì xảy ra nếu phe của bạn bắt đầu thua trận?
Vai trò của ý kiến công chúng như thế nào?

Vấn đề 2

Tuân thủ các nguyên tắc có gì là mới mẻ không?
Làm thế nào chúng ta biết được các nguyên tắc luôn bị phá vỡ?

Sự tôn trọng nguyên tắc tuy không hoàn hảo vẫn có thể bảo vệ một số người

Điều gì xảy ra nếu áp dụng sự trừng phạt kiên quyết hơn khi phá vỡ nguyên tắc?

Vấn đề 3

Hãy suy nghĩ về các lý do phù hợp để trì hoãn một số quyền nhất định trong xung đột vũ trang
Luật nhân đạo quốc tế có bảo vệ quyền con người không?

Liệu bạn có thể yêu cầu binh sĩ tôn trọng quyền được sống khi họ chiến đấu không?

Các văn kiện quyền con người có nói bất cứ điều gì về các công cụ và phương pháp chiến đấu không?

Vấn đề 4

Khi xung đột chấm dứt, bạn có nghĩ rằng các bên

có thể quên được những điều đã xảy ra trong chiến sự?

Liệu việc ngăn ngừa sự phá hủy trên phạm vi rộng có góp phần đem lại hòa bình?

Hãy nghĩ về các biện pháp cưỡng chế có thể áp dụng để đảm bảo công lý sau xung đột. Những biện pháp này có thể góp phần đem lại hòa bình như thế nào? Hay chúng có góp phần đem lại hòa bình không?

Phản hồi:

Cần dành 10 phút cuối cùng của thảo luận để xem xét phản hồi của nhóm: họ thích hay không thích điều gì về cuộc thảo luận. Nếu đặt ra các câu hỏi khác trong quá trình thảo luận, các câu hỏi cần được ghi lên bảng và có thể sử dụng để thảo luận trong tương lai.

Gợi ý về phương pháp:

Khuyến khích học sinh tiến xa hơn ý nghĩ điều gì là đúng, là sai và hướng họ tìm hiểu tại sao tôn trọng Luật nhân đạo quốc tế là lợi ích quốc gia.

Gợi ý làm đa dạng vấn đề:

Sau khi thảo luận nhóm nhỏ, tổ chức hoạt động nhập vai, trong đó mỗi nhóm có 10 phút để sử dụng những câu trả lời mà các nhóm tìm được để thuyết phục chính phủ là mỗi nhóm cần phê chuẩn các hiệp định liên quan đến Luật nhân đạo quốc tế. Một học viên có thể được yêu cầu đóng vai Nguyên thủ quốc gia đầy ngờ vực và không nhìn nhận mấu chốt của Luật nhân đạo quốc tế.

Phần IV: Tiếp theo

Đánh giá tin tức thế giới trên báo chí gần đây và xác định những vi phạm Luật nhân đạo quốc tế trong các xung đột khác nhau. Liệu giới truyền thông, chính phủ và Liên hiệp quốc có coi các vi phạm đó là một thực tế của chiến tranh hay bạn có thấy là hành vi như vậy bị lên án?

Các lĩnh vực cần tiếp tục xem xét:

Mối quan hệ bổ sung giữa quyền con người và Luật nhân đạo quốc tế

(Nguồn: Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế. Năm 2002. *Tìm hiểu Luật nhân đạo, các chuyên đề giáo dục cho thanh niên.*)

HOẠT ĐỘNG II: 2

ĐẠO ĐỨC CỦA HÀNH ĐỘNG NHÂN ĐẠO

Phần I: Giới thiệu

Sự tiến thoái lưỡng nan về mặt đạo đức có thể được xác định như là một tình thế trong đó việc theo đuổi một mục tiêu đáng giá mâu thuẫn với mục tiêu đáng giá khác, hoặc dẫn đến tác hại hay kết quả tốt. Các nhân viên nhân đạo thường trải qua những tình thế tiến thoái lưỡng nan về mặt đạo đức trong khi làm việc. Hệ quả là có nhiều sự chỉ trích hơn với hoạt động nhân đạo. Quan trọng là cần hiểu được các tình thế tiến thoái lưỡng nan liên quan đến hỗ trợ nhân đạo và thảo luận xem các lựa chọn thay thế bền vững có tồn tại hay không. Trong hoạt động được đề xuất, học viên sẽ phải phân tích các tình huống thể hiện một tình thế tiến thoái lưỡng nan và quyết định cần hành động như thế nào. Qua đó, phát triển các lập luận để thoái thác sự phê phán.

Dạng hoạt động: nghiên cứu tình huống

Phần II: Thông tin chung

Các mục tiêu:

- Nhận thức được các nguyên tắc như tính trung lập và tính công tâm, hướng dẫn hành động nhân đạo.
- Hiểu được một số tình thế tiến thoái lưỡng nan mà nhân viên nhân đạo có thể đối diện khi làm việc. hiểu rằng thậm chí trong các tình thế không thể chiến thắng, nhân viên nhân đạo cũng không thể tránh được sự lựa chọn: không làm gì là một lựa chọn cũng tương tự như thực hiện một hành động cụ thể vậy.

Đối tượng: người đã trưởng thành

Số người: từ 12 - 20 người

Thời gian: 60 phút

Chuẩn bị và tài liệu:

Phân phát các bản sao 4 trường hợp được mô tả dưới đây và đặt các câu hỏi miêu tả mỗi tình huống mà mọi người có thể thấy.

Những kỹ năng liên quan:

Khả năng nhìn nhận vấn đề từ các góc độ

khác nhau;

Khả năng phát triển ý kiến cá nhân;

Khả năng giải quyết các vấn đề;

Khả năng thấu cảm.

Phần III: Thông tin cụ thể

Giới thiệu chủ đề:

Hỏi học viên xem liệu họ có biết các bộ luật ứng xử ràng buộc hành vi khi hành nghề hay không. Câu trả lời có thể bao gồm các quy tắc và nghĩa vụ một bác sĩ phải tuân theo hay lương tâm nghề nghiệp của phóng viên, yêu cầu không được tiết lộ tên tuổi của người cung cấp thông tin nếu điều đó có thể gây nguy hiểm với người cung cấp thông tin, hoặc mong muốn được giữ kín. Đánh giá một phần của chuyên đề với tiêu đề “Các nguyên tắc cần thiết của hành động nhân đạo” và đảm bảo để học viên hiểu được các nguyên tắc trung lập và công tâm. Viết lên bảng lý do chính để nhân viên nhân đạo thực hiện việc hỗ trợ: hỗ trợ và bảo vệ những ai cần.

Quá trình nghiên cứu tình huống:

Giao từng trường hợp cho học viên đọc to trước mọi người. Tình thế tiến thoái lưỡng nan về đạo đức phải được học viên xác định. Tranh luận nên tập trung vào vấn đề: liệu có cần tiếp tục các nỗ lực nhân đạo khi gặp phải tình thế lưỡng nan đã được xác định như vậy hay không?

A. Các cơ quan viện trợ thường tuyệt vọng trong việc cứu trợ dân ở vùng bị chiến tranh tàn phá. Vì các cơ quan hỗ trợ chỉ cung cấp sự hỗ trợ từ bên ngoài cho những người sống sót, nên các nhóm gây chiến có thể bỏ qua nhu cầu của chính nhân dân họ. Sự viện trợ từ bên ngoài này chỉ giúp cho các bên tham chiến sử dụng mọi nguồn lực của đất nước để nuôi quân. Và điều đó làm cho chiến tranh tiếp diễn.

Chúng ta có kéo dài chiến tranh không?

B. Những người dân thường trốn đến Khu vực được bảo vệ vốn được thiết lập làm nơi trú ẩn cho nạn nhân của “nạn thanh trừng sắc tộc” trong nước. Từ khu vực này, nhân viên nhân đạo giúp họ sơ tán đến các trung tâm tị nạn ở nước ngoài. Hoạt động nhân đạo này, do vậy lại góp phần

thêm cho thanh trừng sắc tộc thông qua việc đưa các nạn nhân dời khỏi quê hương.

Chúng ta có hỗ trợ các chính sách li khai sắc tộc không?

C. Hai quốc gia tiến hành chiến tranh, thương vong trong dân thường rất lớn. Có một số người ở nước khác lên tiếng về sự bi thảm mà các nạn nhân phải trải qua, nhưng không chính phủ nước ngoài nào sẵn sàng can thiệp hoặc buộc hai bên tham chiến ngừng chiến hoặc gây áp lực với họ để họ tránh tấn công vào dân thường. “Trợ giúp nhân đạo có ý nghĩa gì khi mà chúng ta biết rất rõ rằng điều đó chỉ là “muối bỏ biển” và rằng nếu không có áp lực chính trị của nước ngoài hay can thiệp quân sự thì các tổ chức nhân đạo chỉ có thể tạo ra được lương tri tốt cho thế giới” – lời than vãn của một nhân viên cứu trợ nhân đạo

Hành động nhân đạo liệu có bị coi là nguyên nhân khiến các chính trị gia không dành chú ý vào hay không?

D. Nhằm tăng cường kiểm soát một làng ở khu chiến sự nơi lực lượng phiến loạn ẩn náu, dân thường bị buộc phải đến ở trong một doanh trại cách nhà họ 30 km. Các cơ quan viện trợ nhân đạo được yêu cầu hỗ trợ thực phẩm và y tế cho trại. Tuy nhiên, làm như vậy sẽ khuyến khích việc di dời cưỡng bức đối với dân thường.

Chúng ta có đang khuyến khích việc di dời cưỡng bức đối với dân thường hay không?

Để giúp học viên suy nghĩ về các tình huống trên, người hướng dẫn cần đặt câu hỏi xem liệu không hành động gì trong các trường hợp trên có là một giải pháp thay thế có giá trị.

Phản hồi:

Dành 10 phút cuối buổi thảo luận để mọi người trong toàn nhóm có thể bày tỏ suy nghĩ là họ thích hay không thích hoạt động này. Nếu đặt ra

các câu hỏi liên quan đến việc làm của các tổ chức cụ thể trong suốt quá trình thảo luận, cần ghi lại các câu hỏi đó và tạo cơ sở phân chia nhiệm vụ.

Gợi ý phương pháp:

Hoạt động này có thể khiến học viên thất vọng vì nó không đem lại câu trả lời rõ ràng nào. Điều quan trọng là sự phân tích tập trung vào tình cảnh mà các nhân viên nhân đạo phải đối diện và rằng học viên thường phải quay lại cân nhắc giữa hoạt động bảo vệ và hỗ trợ cho những ai đang cần, cũng như các nguyên tắc trung lập và công tâm. Nếu thảo luận đi chệch hướng các điểm mấu chốt đó, người hướng dẫn có thể phải chỉ ra rằng có nhiều bên tham gia xung đột vũ trang có hành động hỗ trợ cho các hành động của nhân viên nhân đạo.

Gợi ý thay đổi:

Sau thảo luận, yêu cầu một số học viên đóng các vai trong tình huống sau:

Một nhân viên viện trợ đứng trước cổng một trại tị nạn. Anh ta gặp một gia đình muốn vào nhưng sợ kẻ thù ở trong trại. Người cha van xin được giữ súng để bảo vệ người vợ ốm đau và con của họ. Gia đình đó cũng quá sợ bị li tán.

Sau khi diễn kịch, học viên thảo luận các nguyên tắc mà nhân viên viện trợ kia phải cân nhắc và xem các nguyên tắc đó có mâu thuẫn với các nguyên tắc khác trong tình huống này hay không.

Phần IV: Tiếp theo

Các lĩnh vực khác cần tiếp tục tìm hiểu:

Liệu các nhà hoạt động quyền con người có phải đối diện với tình thế tiến thoái lưỡng nan khi làm việc không?

(Nguồn: Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế. Năm 2002. Tìm hiểu Luật nhân đạo, các chuyên đề giáo dục dành cho thanh niên.)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bouvier, Antoine. Năm 2000. *Luật nhân đạo quốc tế và Luật xung đột vũ trang*. Khóa đào tạo từ xa dành

cho Viện nghiên cứu và đào tạo của Liên hiệp quốc, UNITAR POCI.

Breau, Susan. Năm 2005. *Can thiệp nhân đạo: Liên hiệp quốc và trách nhiệm tập thể*. London: Cameron May.

Cahill, Kevin M. (chủ biên). Năm 2004. *An ninh con người cho tất cả: tỏ lòng tôn kính với Sergio Vietra de Mello*. New York: Nhà xuất bản Đại học Fordham.

Ủy ban An ninh con người. Năm 2003. *An ninh con người hiện nay*. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.humansecurity-chs.org/finalreport/English/FinalReport.pdf>

Doswald-Beck, Louise và Jean-Marie Henckaerts (chủ biên). Năm 2005. *Luật nhân đạo quốc tế mang tính tập quán*. Cambridge: Nhà xuất bản Đại học Cambridge.

Dunant, Henry. Năm 1986. *Ký ức Solferino*. Geneva: Xuất bản của Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế.

Fleck, Dieter. Năm 2000. *Sổ tay về Luật nhân đạo trong xung đột vũ trang*. Oxford: Nhà xuất bản Đại học Oxford.

Forest Martin, Francisco. Năm 2006. *Luật nhân đạo và quyền con người quốc tế: Các hiệp định, các trường hợp và phân tích*. Cambridge: Nhà xuất bản Đại học Cambridge.

Henckaerts, Jean-Marie và Louise Doswald-Beck. Năm 2005. *Luật nhân đạo quốc tế mang tính tập quán*. Cambridge: Nhà xuất bản Đại học Cambridge.

Huyse, Luc và các tác giả khác. Năm 2003. *Hòa giải sau xung đột bạo lực: một cuốn sổ tay*. Stockholm: Ý tưởng quốc tế.

Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế: <http://www.icrc.org>

Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế (ICRC). Năm 2002. *Luật nhân đạo quốc tế: lời giải đáp cho các câu hỏi của bạn*. ICRC. Tài liệu có tại địa chỉ: http://www.icrc.org/Web/Eng/siteeng0.nsf/htmlall/section_ihl_in_brief?OpenDocument

Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế (ICRC). Năm 2003. *Quyền con người và Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế: Luật nhân đạo quốc tế*. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.icrc.org/Web/Eng/siteeng0.nsf/iwplList314/D0C698167B4EE9C1256C5A0033235D>

Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế (ICRC). Năm 2005. *Tìm hiểu Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế*. Tài liệu có tại địa chỉ

[http://www.icrc.org/Web/Eng/siteeng0.nsf/htmlall/p0790/\\$File/ICRC_002_0790.PDF!Open](http://www.icrc.org/Web/Eng/siteeng0.nsf/htmlall/p0790/$File/ICRC_002_0790.PDF!Open)

Sassoli, Marco và Antoine Bouvier. Năm 2005. *Luật pháp bảo vệ như thế nào trong chiến tranh? Các trường hợp và tài liệu thực thi Luật nhân đạo quốc tế*. Xuất bản lần 2. Geneva: Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Action Centre la Faim:

<http://www.actioncontrelafaim.org>

CARE International: <http://www.care.org>

Caritas Internationalis: <http://www.caritas.org>

Hội nghị các NGO trong mối quan hệ tham vấn với Liên hiệp quốc (CONGO):

<http://www.ngocongo.org/>

Ủy ban thảm họa khẩn cấp: <http://www.dec.org.uk>

Văn phòng nhân đạo cộng đồng châu Âu (ECHO):
http://europa.eu.int/comm/echo/index_en.htm

Tổ chức Nông lương của Liên hiệp quốc (FAO):
<http://www.fao.org>

Diễn đàn chính sách toàn cầu (GPF):

<http://www.globalpolicy.org>

Tổ chức Người khuyết tật quốc tế:

<http://www.handicap-international.org>

Tổ chức theo dõi quyền con người:

<http://www.hrw.org>

Trung tâm An ninh con người. Năm 2006. *Báo cáo an ninh con người: chiến tranh và hòa bình trong thế kỷ XXI*. Oxford: Nhà xuất bản Đại học Oxford. Tài liệu có tại địa chỉ:

<http://www.humansecurityreport.info/>

InterAction. Hội đồng hành động quốc tế tình nguyện châu Mỹ: <http://www.interaction.org>

Hội đồng quốc tế các tổ chức tình nguyện (ICVA):
<http://www.icva.ch>

Ngân hàng phát triển liên Mỹ (IDB):

<http://www.iadb.org>

Sáng kiến nghiên cứu Luật nhân đạo quốc tế:

<http://www.ihlresearch.org/ihl/>

Liên minh cứu trợ trẻ em quốc tế:

<http://www.savethechildren.net>

Mc Coubrey, Hilaire. Năm 1990. *Luật nhân đạo quốc tế. Quy tắc của các xung đột vũ trang.* Aldershot: Dartmouth Pub Co.

Mesdecins du Monde:

<http://www.medecinsdumonde.org>

Médecins sans Frontières (MSF):

<http://www.msf.org>

Văn phòng Cao ủy về người tị nạn Liên hiệp quốc (UNHCR): <http://www.unhcr.ch>

Tổ chức Đoàn kết châu Phi (OAU):

<http://www.africa-union.org>

Tổ chức các quốc gia châu Mỹ (OAS):

<http://www.oas.org>

Tổ chức Hội nghị hội giáo (OIC):

<http://www.oic-oci.org>

OXFAM quốc tế: <http://www.oxfam.org>

Provost, René. Năm 2002. *Luật nhân đạo và quyền con người quốc tế.* Cambridge: Nhà xuất bản Đại học Cambridge.

Save the children: <http://www.savethechildren.org.uk>

Cao ủy Liên hiệp quốc về quyền con người (UNHCHR): <http://www.unhchr.ch>

Văn phòng điều phối các vấn đề nhân đạo Liên hiệp quốc (OCHA): <http://www.ochaonline.un.org>

Ủy ban gìn giữ hòa bình Liên hiệp quốc:

<http://www.un.org/Depts/dpko/dpko/home.shtml>

Chương trình lương thực thế giới của Liên hiệp quốc (WFP): <http://www.wfp.org>

Các tổ chức tình nguyện hợp tác trong các tình huống khẩn cấp (VOICE): <http://www.ngovoice.org>

Tổ chức Tầm nhìn thế giới quốc tế:

[Http://www.wvi.org](http://www.wvi.org)

QUYỀN LÀM VIỆC

QUYỀN CON NGƯỜI TRONG THẾ GIỚI VIỆC LÀM QUYỀN ĐƯỢC LÀM VIỆC VÀ CÁC QUYỀN CON NGƯỜI LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC LÀM

“...Hòa bình lâu dài trên thế giới chỉ có thể được thiết lập khi nền hòa bình ấy dựa trên công bằng xã hội...”

Văn kiện thành lập Tổ chức Lao động Quốc tế. Năm 1919.

CÂU CHUYỆN MINH HỌA

Điều kiện lao động khủng khiếp tại các khu vực tự do thương mại

Xiao Shen, một em gái nhỏ sống tại một ngôi làng ở nông thôn có tên gọi là Zhongyuan thuộc miền Trung Trung Quốc, đã phải vượt qua bao khó khăn để có thể tồn tại. Em hầu như không có gạo để ăn và cũng chẳng có hy vọng gì ở tương lai. Ngày này qua ngày khác, em phải ngậm mình trong nước giúp cha em cấy lúa.

Cuối cùng, một ngày em quyết định ra đi. Em đã nghe về một chỗ làm việc của nước ngoài tốt hơn, cách xa vùng núi hẻo lánh quê em. Một buổi sáng nọ trước lúc bình minh, em và một số bạn cùng giấc mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn đã rời bỏ gia đình ra đi. Sau 2000 km với những ngày mệt mỏi, sợ hãi với bao nước mắt, các em đã đến nơi - một thành phố tên là Shenzhen, một khu tự do thương mại ở miền Nam Trung Quốc, gần biên giới Hồng Kông. Ở đây các em đã hy vọng tìm được việc làm, kiếm tiền và thực hiện giấc mơ của mình.

Xiao Shen tình cờ biết hai thương nhân tên là Huang Guoguang và Lao Zhaoquan, thuê công nhân cho “nhà máy Thủ công Zhili”, một công ty sản xuất đồ chơi. Xiao Shen là 1 trong 472 công nhân và chẳng bao lâu sau em cảm thấy cuộc sống còn tồi tệ hơn trước khi ở làng. Từ đêm khuya đến mờ sáng, em phải làm việc trong nhà máy để đổi lấy đồng lương chết đói - chỉ đủ để tồn tại (26-40 EURO mỗi tháng!). Mấy thương nhân đều sợ công nhân ăn cắp hàng nên nhà máy được thiết kế như một nhà tù nơi mà công nhân sống 24 giờ mỗi ngày. Mọi cửa sổ đều có chấn song và mọi cửa thoát hiểm đều bị chặn. Các giám thị của nhà nước đều được hối lộ giả mù giả điếc với những điều kiện trên. Ngày ngày, Xiao Shen sống sau song sắt, không thể ra khỏi tòa nhà, không thể sống bình thường, không có không gian riêng. Vào chiều ngày 19/11/1993, có hỏa hoạn, lửa lan khắp tòa nhà với tốc độ không

thể kiểm soát được.

Các hóa chất dễ cháy lại được chứa trong khắp tòa nhà, khiến lửa càng bốc cao như địa ngục vậy. Xiao Shen và những người khác đã cố gắng vô vọng để chạy trốn khỏi hỏa hoạn - nhưng bằng cách nào? Mọi cửa sổ đều có chấn song và mọi cửa ra vào đều đóng. 200 đàn ông, phụ nữ, nhiều người chưa đến 16 tuổi, la hét kêu cứu. Xiao Shen đã phá được một trong những cửa sổ có chấn song ở tầng hai và em phải lựa chọn hoặc nhảy xuống hoặc bị thiêu sống. Em đã quyết định nhảy xuống và gãy cả hai mắt cá chân - nhưng dù sao em đã sống sót.

Tổng cộng có 87 người thiệt mạng trong buổi chiều hôm ấy và hơn 47 người bị thương nặng.

(Nguồn: Trích từ: Klaus Werner và Hans Weiss. Năm 2002. Schwarzbuch Markenfirmen.)

Câu hỏi thảo luận

1. Những quyền con người nào bị vi phạm xét từ những điều kiện mà Xiao Shen phải làm việc?
2. Những vấn đề lớn nào liên quan đến quyền làm việc?
3. Biện pháp nào có thể được tiến hành ở cấp độ quốc tế để cải thiện triển vọng hoặc ít nhất các điều kiện làm việc của những người làm thuê như Xiao Shen?
4. Các tập đoàn xuyên quốc gia sản xuất hàng hóa trong các khu tự do thương mại có trách nhiệm gì?
5. Người tiêu dùng cần hành động gì để thay đổi những tình hình như trong câu chuyện trên?

ĐIỀU CẦN BIẾT

1. THẾ GIỚI LAO ĐỘNG TRONG THẾ KỶ XXI

Những công nghệ mới và xa lộ dữ liệu toàn cầu có khả năng biến đổi thế giới lao động thành một thứ còn hơn cả Cách mạng công nghiệp.

Do quá trình công nghiệp hóa, thế kỷ XX đã chứng kiến sự suy giảm hơn nữa của ngành nông nghiệp và tăng vai trò của ngành dịch vụ. Với quá trình tự do hóa thị trường thế giới và “cuộc cách mạng số”, các cơ hội trong nền kinh tế toàn cầu đã trở nên rộng rãi hơn.

Nền kinh tế toàn cầu mới cần có công dân chuyên môn hóa cao độ, những người được đào tạo lành nghề, linh hoạt và nhanh nhẹn cũng như sẵn sàng thích nghi nhanh hơn với các yêu cầu của thị trường. Công nhân phải đối phó với áp lực ngày càng lớn và các điều kiện lao động thay đổi do sự thay đổi về cấu trúc và công nghệ liên tục. Càng ngày càng có nhiều người làm thêm, tự lập nghiệp hay phải đối diện với những điều kiện lao động bất ổn. Về khía cạnh này, toàn cầu hóa đã thể hiện khoảng cách xã hội giữa những người có giáo dục, kỹ năng và linh hoạt, phát triển được trong một nền kinh tế thế giới hội nhập và những ai không có các yếu tố trên. Những bất bình đẳng và mất an ninh mới mẻ đó dẫn đến sự căng thẳng giữa các khu vực khác nhau trong xã hội.

Sự cạnh tranh ngày một tăng vốn là kết quả của tự do hóa thương mại và các thể chế tài chính đã gây sức ép lớn đối với các công ty đòi giảm chi phí sản xuất. Nhằm đạt được các mục tiêu đó, các công ty hoặc giảm nhân tố chi phí cao của sản xuất “lao động” thông qua tự động hóa, tạo nên lao động dư thừa, hoặc chuyển sản xuất đến các nước có lương thấp, nơi mà các tiêu chuẩn xã hội thấp hơn nhiều. Về mặt tổng thể, lương và các điều kiện lao động có thể phải chịu áp lực bị giảm sút.

Hậu quả của những vấn đề trên đã luôn là bóc lột, lao động trẻ em và cưỡng bức lao động.

Hiện tượng “toàn cầu hóa” tác động đến con

người trên khắp thế giới, nhưng những kết quả tích cực của hiện tượng này lại không được phổ biến một cách đồng đều. Tuy nhiên, các chính phủ bị giảm khả năng giảm thiểu những tác động tiêu cực của việc cắt giảm hàng rào thương mại, chủ yếu là do những “bên tham gia toàn cầu” mới là các công ty đa quốc gia.

Khía cạnh xã hội của toàn cầu hóa đã trở thành một mối quan tâm lớn của các chính sách quốc tế. Hơn bao giờ hết, điều quan trọng là phải thúc đẩy các tiêu chuẩn xã hội và quyền con người ở cấp độ quốc tế nhằm bảo đảm ổn định xã hội, hòa bình và phát triển, đem lại tính nhân văn cho nền kinh tế toàn cầu. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) đã thành lập Ủy ban thế giới về khía cạnh xã hội của toàn cầu hóa. Ủy ban này đã ban bố một báo cáo có tiêu đề: *Một quá trình toàn cầu hóa công bằng: Tạo cơ hội cho mọi người* vào tháng 2/2004

(Tham khảo thêm thông tin tại địa chỉ: <http://www.ilo.org/public/english/fairglobalization/index/htm>)

Việc làm và an ninh con người

An ninh kinh tế và xã hội là những khía cạnh quan trọng của an ninh con người. Về góc độ này, quyền về việc làm và các quyền ở nơi làm việc đóng vai trò chủ chốt trong việc đạt được an ninh con người. Những người không được làm việc thì hoặc phụ thuộc vào trợ cấp xã hội hoặc chẳng có chút xui tương lai nào. Quyền được làm việc với tư cách là một chuẩn mực của quyền con người đã vượt xa sự đơn thuần là đảm bảo sự tồn tại, bởi lẽ thỏa mãn các nhu cầu cơ bản sẽ không thể đủ để đáp ứng việc tăng cường an ninh con người.

Các quyền của người lao động bảo đảm các điều kiện lao động tốt, nhưng cũng bảo vệ khỏi sự phân biệt đối xử và bóc lột tại nơi làm việc. Lao động sẽ không chỉ bảo đảm sự tồn vong và sức khỏe mà còn liên quan đến mối quan hệ và sự

tham gia của một cá nhân trong xã hội. Điều đó còn quan hệ mật thiết với sự tự quyết, tự trọng, tự ý thức và do đó, liên quan đến nhân phẩm. Ngoài việc dẫn đến mất an ninh con người, các điều kiện lao động nguy hiểm, không lành mạnh, hoặc không công bằng, thất nghiệp hay bị từ chối không được tham gia các công đoàn dễ gây ra bất ổn và do đó, dẫn đến mất an ninh và không ổn định trong xã hội. Vì những lí do trên, việc thúc đẩy các tiêu chuẩn lao động tốt không có sự bóc lột là một tiền đề và có lợi cho sự tăng cường an ninh con người.

Để hiểu được khía cạnh con người của vấn đề lao động có tầm quan trọng như thế nào, cần phải:

“NHÌN LẠI LỊCH SỬ”

Cần phải đánh giá đúng vai trò của công bằng xã hội và các điều kiện lao động công bằng trong việc thúc đẩy hòa bình và phát triển. Bất công, khổ cực và tình cảnh thiếu thốn liên quan đến việc làm có thể dễ dàng gây ra bất ổn. Thừa nhận rằng việc làm tốt là một tiền đề của nhân phẩm, là kết quả của những cuộc đấu tranh của người lao động đòi quyền lợi. Hệ quả là các quyền lao động của mọi người lao động được ghi nhận trong văn kiện của Tổ chức Lao động thế giới ILO từ năm 1919 và trong việc hình thành tiêu chuẩn sau Chiến tranh thế giới lần thứ II của Liên hiệp quốc.

Thế kỷ XVIII: Ý tưởng cho rằng lao động là một quyền cơ bản của mọi thành viên trong xã hội chính là một yêu sách đầu tiên thúc đẩy Cách mạng Pháp. Charles Fourier, một nhà triết học xã hội không tưởng, là người đầu tiên sử dụng cụm từ “quyền làm việc” và nhấn mạnh tầm quan trọng của lao động không chỉ đối với sự toàn vẹn về mặt xã hội mà cả tâm lý của cá nhân. Ông yêu cầu các quốc gia có nghĩa vụ đem lại những cơ hội đồng đều và kết luận rằng việc hiện thực hóa quyền này đòi hỏi tái tổ chức xã hội hoàn toàn.

Chúng ta cũng gặp quan điểm này về quyền lao

động trong các học thuyết xã hội chủ nghĩa; các chính phủ cộng sản sau đó cũng đã thúc đẩy quyền đó. Do vậy, có thể nói rằng, quyền làm việc đã có hơi hướng của “truyền thống xã hội chủ nghĩa”.

Thế kỷ XIX: Cách mạng công nghiệp dẫn đến sự xuất hiện tầng lớp lao động, một nhóm xã hội phụ thuộc vào làm công ăn lương do thiếu công cụ sản xuất. Người công nhân bị bóc lột và phải chịu đựng những điều kiện lao động nguy hiểm trong các nhà máy, xưởng dệt và hầm mỏ. Sự bản cùng hóa công nhân tạo nên tình đoàn kết giữa họ và họ bắt đầu hành động có tổ chức (Karl Marx trong “Người lao động toàn thế giới đoàn kết lại”).

Dần dần, tiếng nói của người lao động trở nên mạnh mẽ hơn và tình hình của họ được công luận quan tâm hơn. Do áp lực trước hết từ phía công đoàn, luật cải cách liên quan đến giờ làm việc và điều kiện làm việc được thông qua tại một số quốc gia. Sự bất ổn về lao động liên tiếp gây áp lực với các nhà công nghiệp và các chính phủ buộc họ phải xem xét các biện pháp bổ sung.

Thế kỷ XX: một số nhà công nghiệp gợi ý thiết lập các tiêu chuẩn quốc tế phổ biến nhằm tránh tạo ra các lợi thế so sánh của các quốc gia không quan tâm đến các tiêu chuẩn lao động. Năm 1905 và 1906, hai công ước quốc tế về lao động được thông qua. Những sáng kiến soạn thảo và thông qua thêm các công ước sau này bị ngừng lại do Chiến tranh thế giới lần thứ nhất.

Hiệp định Versailles, chấm dứt Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, sau cùng thừa nhận tính phụ thuộc lẫn nhau giữa điều kiện lao động, công bằng xã hội và hòa bình thế giới ở cấp độ quốc tế, dẫn đến sự thành lập ILO như là một cơ chế thiết lập tiêu chuẩn quốc tế trong lĩnh vực lao động và việc làm.

Trong bối cảnh đó, khái niệm lao động như là một giá trị nhân bản, nhu cầu xã hội và công cụ phát triển năng khiếu bản thân đã phát triển và được tăng cường.

Từ năm 1919 đến năm 1933, ILO đã soạn thảo 40 công ước giải quyết hàng loạt các vấn đề liên

quan đến lao động.

Sự sụp đổ của thị trường chứng khoán năm 1929, được biết đến là “ngày thứ Năm đen”, dẫn đến sự thụt lùi nghiêm trọng. Nó gây ra suy thoái kinh tế rộng khắp cùng với nạn thất nghiệp trên diện rộng. Các cuộc biểu tình và nổi loạn của công nhân diễn ra sau đó. Ở Đức, khủng hoảng kinh tế thế giới dẫn đến khủng hoảng chính trị nghiêm trọng, góp phần giúp Adolf Hitler lên cầm quyền và về sau gây ra Chiến tranh thế giới lần thứ II.

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ II: Liên hiệp quốc đã đưa các mối quan tâm kinh tế và xã hội vào mục đích và các chương trình của tổ chức này nhằm thiết lập một trật tự thế giới ngăn ngừa chiến tranh tái diễn.

Mối liên kết giữa việc làm và nhân phẩm được nhấn mạnh trong Tuyên bố liên quan đến các mục tiêu và mục đích của Tổ chức Lao động Quốc tế thông qua tại Philadenphia năm 1944 (được biết đến là “Tuyên bố Philadenphia”; kết hợp trong Văn kiện thành lập ILO năm 1946), trong đó tuyên bố rằng “mọi người ... có quyền theo đuổi sự đảm bảo về vật chất và sự phát triển về mặt tinh thần trong các điều kiện tự do và phẩm giá, điều kiện an ninh kinh tế và cơ hội bình đẳng.”

Điều này cũng được nêu trong Thông tri của Giáo hoàng “Laborem Exercens” năm 1981 là tăng cường vị thế của người lao động như là các chủ thể, chứ không phải là các đối tượng xét từ góc độ tôn giáo và triết học.

Người ta đã làm rất nhiều việc để cải thiện số phận của người lao động trên toàn thế giới, thông qua ILO cũng như Liên hiệp quốc. Tuy nhiên, ngày nay dưới tác động của nền kinh tế toàn cầu hóa, những thách thức và mất an ninh mới đòi hỏi có các giải pháp mới phức tạp hơn.

“Việc làm tốt hiện là một nhu cầu mang tính toàn cầu, thách thức nền lãnh đạo chính trị và doanh nghiệp. Phần lớn tương lai chung của chúng ta phụ thuộc vào cách chúng ta đối phó với thách thức trên.”

Văn phòng lao động quốc tế. Năm 1999.

2. ĐỊNH NGHĨA VÀ MÔ TẢ VẤN ĐỀ

Các ví dụ về vi phạm quyền con người trong lao động bao gồm việc trẻ em phải làm việc trong các mỏ than, đến công đoàn viên bị tù đày trong chủ nghĩa nô lệ hiện đại chẳng hạn như lao động ràng buộc bởi nợ hoặc bóc lột tình dục vì mục đích thương mại đối với trẻ em. Quyền con người từ góc độ này cũng xét đến các điều kiện làm việc tồi tệ, ví dụ như môi trường làm việc không lành mạnh hay nguy hiểm, giờ làm việc mang tính bóc lột. Các vấn đề đưa ra trong chủ đề này bao gồm việc bảo vệ những nhóm đặc biệt dễ bị tổn thương trong thế giới việc làm, ví dụ như phụ nữ hay người dân di cư.

Sau cùng nhưng không kém phần quan trọng, cần phải thảo luận về mối liên kết giữa nhân phẩm, an ninh con người và các nhu cầu về điều kiện làm việc tốt. Phần dưới đây sẽ phân tích hai cơ chế quốc tế chủ chốt bảo vệ quyền lao động và quyền của người lao động, đó là hệ thống ILO và Bộ luật Quyền con người quốc tế.

Luật lao động quốc tế: Tổ chức Lao động quốc tế (ILO)



Tổ chức Lao động quốc tế được thành lập năm 1919. Tổ chức này thành lập chủ yếu nhằm phổ biến mối quan tâm ngày một tăng đối với cải cách xã hội sau Chiến tranh thế giới lần thứ I. Dựa trên niềm tin mạnh mẽ rằng nghèo đói là mối nguy hiểm đối với sự thịnh vượng và an ninh ở khắp mọi nơi, ILO nhằm mục đích cải thiện điều kiện cho người dân lao động trên khắp thế giới, không phân biệt chủng tộc, giới tính hay nguồn gốc xã hội.

Năm 1947, ILO trở thành một cơ quan chuyên trách của Liên hiệp quốc và năm 1969, tổ chức này được trao giải Nobel Hòa bình vì những hoạt động mà tổ chức này đã thực hiện được.

Trong số các cơ quan của Liên hiệp quốc, ILO là cơ quan duy nhất có cấu trúc ba bên, theo đó những quyết định được thông qua tại các cơ quan của tổ chức này thể hiện quan điểm của chủ lao động và người lao động, cũng như chính phủ.

Các công ước quyền con người cơ bản của ILO

Phê chuẩn các Công ước cơ bản của Tổ chức lao động quốc tế

(từ 17/1/2006)

Nguyên tắc	Công ước	Số quốc gia phê chuẩn
Tự do lập hội và bảo vệ quyền được tổ chức và đàm phán tập thể	Công ước 87 (năm 1945)	145
	Công ước 98 (năm 1949)	154
Tuổi lao động tối thiểu và cấm các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất	Công ước 138 (năm 1973)	142
	Công ước 182 (năm 1999)	158
Cấm lao động cưỡng bức và lao động bắt buộc	Công ước 29 (năm 1930)	168
	Công ước 105 (năm 1957)	165
Các quyền được trả lương bình đẳng và cấm phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp	Công ước 100 (năm 1951)	162
	Công ước 111 (năm 1958)	163

(Nguồn: ILO: www.ilo.org)

Tổ chức ILO

- Hình thành các chính sách và chương trình thúc đẩy các quyền con người cơ bản, cải thiện điều kiện sống, lao động và tăng cường cơ hội việc làm;
- Thiết lập các tiêu chuẩn quốc tế (các công ước và khuyến nghị) trong những lĩnh vực trên và giám sát thực hiện ở cấp độ quốc gia;
- Thực hiện chương trình mở rộng về hợp tác kỹ thuật nhằm giúp các quốc gia hữu hiệu hóa chính sách của mình.

ILO đã soạn thảo khoảng 180 công ước, thiết lập các tiêu chuẩn trong những lĩnh vực như điều kiện làm việc, an toàn lao động và sức khỏe, an ninh xã hội, chính sách việc làm và đào tạo nghề, bảo vệ phụ nữ, người di cư và người dân bản xứ.

Tuy nhiên chỉ một số công ước của ILO thường xuyên được đề cập đến như là các công ước quyền con người nền tảng. Những công ước này được nhiều quốc gia phê chuẩn.

Ứng phó với các thách thức mới đặt ra do toàn cầu hóa, ngày 18/6/1998, ILO đã thông qua Tuyên bố về các nguyên tắc và các quyền lao động cơ bản và Văn bản tiếp theo. Tuyên bố này xác định một cách chính xác những nguyên tắc và quyền lợi của người lao động là cơ bản, cụ thể

là các công ước chủ chốt của ILO được liệt kê ở trên. Đây là bước đầu tiên, quan trọng hướng một cách thận trọng các nỗ lực quốc tế đáp ứng những thách thức trên. Nó phản ánh cam kết của các quốc gia đối với một loạt các giá trị chung thể hiện trong một số quy tắc nhất định hình thành nên một “mức tối thiểu về mặt xã hội”.

Tuyên bố khẳng định rằng mọi thành viên của ILO, bất kể phê chuẩn công ước hay không, có nghĩa vụ tôn trọng, thúc đẩy và hiện thực hóa các quyền cơ bản được đặt ra trong các công ước. Các quốc gia chưa phê chuẩn những công ước chủ chốt được yêu cầu đệ trình các báo cáo thường niên về tiến bộ trong việc thực hiện các nguyên tắc ghi nhận trong Tuyên bố. Thực tế, Tuyên bố đã góp phần làm tăng đáng kể các công ước quyền con người nền tảng. Vào cuối năm 2005, 117 trong số 178 thành viên ILO đã phê chuẩn toàn bộ 8 công ước.

ILO cũng phát hành báo cáo toàn cầu thường niên, tập trung vào những tiến bộ đạt được trong việc thực hiện các nguyên tắc nền tảng của mọi quốc gia thành viên trong vòng 4 năm. Những báo cáo đó được coi là cơ sở để đánh giá hiệu quả hành động trong thời gian thực hiện trước đó.

3. CÁC QUYỀN CON NGƯỜI LIÊN QUAN ĐẾN LAO ĐỘNG TRONG BỘ LUẬT NHÂN QUYỀN QUỐC TẾ



Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (UDHR)

Tuyên ngôn thế giới về quyền con người bao gồm hàng loạt các quyền con người liên quan đến việc làm. Tất cả các quyền đó được phát triển hơn nữa trong hai công ước của Liên hiệp quốc ràng buộc với những quốc gia ký kết công ước. Sau đây là một đoạn trích trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người liệt kê các quyền được bàn đến, những quyền này sẽ được đề cập chi tiết ở phần sau.

“Không ai bị bắt làm nô lệ hay bị cưỡng bức làm việc như nô lệ; [...] Mọi người có quyền tự do hội họp và tham gia hiệp hội một cách hòa bình [...] Mọi người đều có quyền làm việc, tự do lựa chọn công việc, được hưởng điều kiện việc làm công bằng và thuận lợi và được bảo vệ chống lại tình trạng thất nghiệp. Mọi người đều có quyền được trả công ngang nhau cho công việc như nhau, không có bất cứ sự phân biệt đối xử nào. Mọi người lao động đều có quyền được hưởng chế độ thù lao công bằng và thuận lợi, bảo đảm cho sự tồn tại của bản thân và gia đình xứng đáng với nhân phẩm và được hỗ trợ thêm từ các hình thức bảo trợ xã hội khác nếu cần. Mọi người đều có quyền thành lập và tham gia các tổ chức công đoàn để bảo vệ quyền lợi của mình. Mọi người đều có quyền nghỉ ngơi, giải trí, kể cả quyền được hạn chế hợp lý về số giờ làm việc... Mọi người đều có quyền được hưởng mức sống đủ để đảm bảo sức khỏe và phúc lợi của bản thân và gia đình [...] cũng như quyền được bảo hiểm trong trường hợp thất nghiệp, ốm đau, tàn tật [...] hoặc thiếu phương tiện sinh sống...”

Tuyên ngôn thế giới về quyền con người
Điều 4, 20, 23, 24 và 25

Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR)

Tự do khỏi sự nô dịch

Theo Điều 8 Công ước ICCPR, “Không ai bị bắt làm nô lệ [...] Không ai buộc phải lao động cưỡng bức hay bắt buộc...”

Mặc dù thế giới lên án, nhưng nô dịch và lao động cưỡng bức hiện vẫn tồn tại ở nhiều dạng thức. Chúng thường có nguồn gốc sâu xa từ những tính toán về ý thức hệ hay là hệ quả của mô thức văn hóa truyền thống. Theo ILO, chúng có mối liên kết rõ ràng với các cấu trúc phi dân chủ. Hàng triệu đàn ông, đàn bà, trẻ em trên khắp thế giới bị buộc phải sống như nô lệ. Mặc dù sự bóc lột này thường không được gọi chính xác là nô lệ, nhưng các điều kiện thì không có gì khác. “Nô lệ là người:

- bị ép buộc phải lao động - thông qua những đe dọa về thể xác và thần kinh;
- bị sở hữu hay kiểm soát bởi một “người chủ”, thường bằng cách ngược đãi thân thể và tinh thần hay đe dọa;
- bị đối xử vô nhân đạo, như một loại hàng hóa hay bị mua và bán như “tài sản”;
- bị giam cầm về mặt thân thể hay giới hạn về tự do đi lại.”

(Nguồn: **Quốc tế chống chủ nghĩa nô lệ**:
<http://www.antislavery.org/homepage/antislavery/modern.htm>)



Các loại hình nô lệ nào hiện đang tồn tại?

Lao động phụ thuộc do nợ ảnh hưởng tới ít nhất 20 triệu người trên khắp thế giới. Con người trở thành những lao động bị phụ thuộc do nợ thông qua việc bị lừa vay nợ chỉ vì: ví dụ như chi phí thuốc thang cho con ốm. Để trả nợ, họ bị buộc

phải làm việc nhiều giờ đồng hồ, 7 ngày một tuần, 365 ngày một năm. Họ chỉ được nhận thức ăn và chỗ ngủ như “sự chi trả” cho công sức lao động, nhưng có thể không bao giờ trả được hết nợ, và để khoản nợ đó lại cho vài đời sau.

Lao động cưỡng bức ảnh hưởng đến những người do cá nhân, chính phủ hay các đảng chính trị thuê một cách bất hợp pháp và bị buộc phải làm việc - thường là dưới sự đe dọa bạo lực hay các hình phạt khác.

Các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất liên quan đến trẻ em làm việc trong các điều kiện bóc lột hay nguy hiểm. Hàng chục nghìn trẻ em trên khắp thế giới phải làm việc cả ngày, không được đi học hay vui chơi, vốn đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển cá nhân và xã hội của các em.

Bóc lột tình dục nhằm mục đích thương mại đối với trẻ em: trẻ em bị bóc lột nhằm mục tiêu thương mại thông qua mãi dâm, buôn bán và khiêu dâm. Các em thường bị bắt cóc, mua hay ép buộc phải tham gia thị trường tình dục.

Buôn bán liên quan đến việc vận chuyển và bán người, thường là phụ nữ và trẻ em, vì lợi ích kinh tế, bằng việc sử dụng bạo lực hay lừa đảo. Thường phụ nữ di dân hay bị lừa và ép phải làm việc trong các gia đình hay hành nghề mãi dâm.

Tảo hôn và kết hôn cưỡng bức: buộc phụ nữ và các em gái phải kết hôn mà không được lựa chọn và buộc phải sống phục dịch, thường gắn với bạo hành. Nô dịch truyền thống hay “chiếm hữu” liên quan đến việc mua và bán người. Nạn nhân thường bị bắt cóc khỏi gia đình, bị thừa kế hay tặng như món quà.”

(Nguồn: Cách mạng thế giới: <http://www.worldrevolution.org/Projects/Webguide/GuideArticle.asp?ID=1412>)

Theo Báo cáo toàn cầu năm 2005 của ILO “Liên minh chống lao động cưỡng bức”, có ít nhất 12,3 triệu người là nạn nhân của lao động cưỡng bức trên thế giới. Trong số đó có 9,8 triệu người bị các nhân viên tư nhân bóc lột, bao gồm hơn 2,4

triệu người lao động cưỡng bức do nạn buôn bán người. 2,5 triệu người khác bị các quốc gia hay các nhóm vũ trang phiến loạn buộc phải làm việc.

Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR)

Quyền làm việc

Theo Điều 6 Công ước, “quyền làm việc, bao gồm quyền của mọi người về cơ hội kiếm sống bằng việc làm mà người đó được tự do lựa chọn hay chấp thuận [...]. Thực hiện các biện pháp [...] nhằm đạt được sự thừa nhận đầy đủ quyền này sẽ bao gồm hướng nghề, hướng dẫn kỹ thuật và các chương trình đào tạo...”

Làm việc: Quyền hay nghĩa vụ?

Tại sao chúng ta cần có quyền con người đối với nghĩa vụ, liên quan đến nỗ lực về sức khỏe, thần kinh hay sự căng thẳng? Vì những tác động tiêu cực trên, thường có sự nhầm lẫn đối với quan niệm về quyền làm việc. Tuy nhiên, làm việc có quan hệ chặt chẽ với nhân phẩm và với sự tham gia của một cá nhân trong xã hội, trong đó thất nghiệp có thể dẫn đến sự thất bại nghiêm trọng hay thậm chí là suy nhược. Làm việc cũng có thể có nghĩa là một công cụ phát triển năng khiếu bản thân và đóng góp cho sự phát triển nhân cách.

Quyền làm việc đảm bảo để không ai bị loại trừ khỏi thế giới việc làm về bản chất, nghĩa là quyền này chủ yếu đề cập đến sự tiếp cận việc làm, và liên quan đến việc bảo vệ người lao động khỏi sự sa thải không công bằng. Tuy nhiên, quyền đó lại không bao hàm một sự đảm bảo lao động và thực tế, tình trạng thất nghiệp vẫn tồn tại ở khắp các quốc gia. Tuy nhiên các chính phủ phải thực hiện những biện pháp thông qua các công cụ phù hợp để đạt được tiến bộ trong việc hiện thực hóa đầy đủ quyền này (Điều 2 Công ước), chủ yếu bằng cách thông qua và thực hiện các chính sách việc làm quốc gia.

Quyền hưởng các điều kiện lao động công bằng và thuận lợi

Theo Điều 7 của Công ước, “Các quốc gia ký kết [...] thừa nhận quyền của mọi người đối với [...] các điều kiện việc làm bình đẳng và thuận lợi, đảm bảo [...] trả lương bình đẳng và thù lao công bằng với việc làm có giá trị tương đương mà không có sự phân biệt đối xử [...]; có cuộc sống tốt [...]; điều kiện làm việc an toàn và mạnh khỏe; cơ hội bình đẳng cho mọi người được thúc đẩy [...]; nghỉ ngơi, vui chơi và giới hạn giờ làm việc hợp lý...”

Điều khoản này không bao hàm các điều khoản khác, đặt ra mức trả thù lao tối thiểu đảm bảo một cuộc sống tốt cũng như điều kiện lao động công bằng và thuận lợi. Điều đó liên quan mật thiết với rất nhiều công ước mà ILO thông qua, được Ủy ban các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa sử dụng để cụ thể hóa nghĩa vụ của các quốc gia, xuất phát từ điều khoản này.

Quyền thành lập và tham gia công đoàn

Điều 8 Công ước: “Các quốc gia ký kết (thừa nhận) quyền của mọi người thành lập công đoàn và tham gia công đoàn một cách tự nguyện [...] đối với việc thúc đẩy và bảo vệ lợi ích kinh tế và xã hội [...]; quyền được đình công...”

Tập hợp trong các tổ chức đã luôn là một cách thức để mọi người tăng cường sự an toàn, dù là ở chỗ làm hay trong cộng đồng hoặc quốc gia.

Điều 8 Công ước liên quan mật thiết với quyền tự do lập hội hữu hiệu trong thế giới việc làm. Những quyền đó được coi là quan trọng vì chúng thường nắm giữ chìa khóa đối với vấn đề hiện thực hóa các quyền cơ bản khác và các quyền ở nơi làm việc. Tuy nhiên, chúng lại thường không

nhận được sự cam kết công cộng tương tự hay được xác định, ví dụ như là cuộc đấu tranh chống lại lao động trẻ em.

Đối xử công bằng và các quyền không bị phân biệt đối xử

Khi thảo luận các quyền liên quan đến việc làm, không thể không đề cập đến những điều khoản về các nguyên tắc không phân biệt đối xử và bình đẳng trong đối xử. Các quy tắc về không phân biệt đối xử và đối xử công bằng ảnh hưởng đến toàn bộ luật về các quyền xã hội. Cần phải quan tâm đặc biệt đối với những quy tắc bảo đảm sự đối xử bình đẳng với phụ nữ trong thị trường lao động.

Các quyền con người của phụ nữ

Một sự kiện quan trọng trong vấn đề ghi nhận các quyền bình đẳng của phụ nữ liên quan đến tiếp cận với các cơ hội kinh tế là sự thông qua Công ước về việc xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ của Liên hiệp quốc (CEDAW), một văn kiện quốc tế đề cập đến cả quyền sinh sản của phụ nữ. Nhằm ngăn chặn sự phân biệt đối xử với phụ nữ dựa trên cơ sở hôn nhân hay sinh con và để đảm bảo quyền lao động của họ, các quốc gia ký kết nghiêm cấm sa thải vì lý do mang thai, hay nghỉ thai sản và phân biệt đối xử trên cơ sở hôn nhân. Hơn nữa, các quốc gia bước đầu làm quen với chế độ nghỉ thai sản có trả lương hoặc các phúc lợi xã hội tương ứng mà không mất việc trước đó.

Các cấp độ nghĩa vụ

Mức độ hiệu quả cao nhất của các văn kiện quốc tế thường đồng hành với các biện pháp mà các chính phủ thực hiện nhằm đem lại hiệu lực cho các nghĩa vụ luật pháp quốc tế của họ.

Nghĩa vụ của các quốc gia liên quan đến những quyền được đề cập trên đây bao gồm:

- *Nghĩa vụ tôn trọng:*

Nghĩa vụ cơ bản nhất là các quốc gia tôn trọng tự do không bị nô dịch hay lao động cưỡng bức. Một khía cạnh rất quan trọng khác là tôn trọng tự do lập hội, tham gia và thành lập công đoàn. Các quyền này luôn bị vi phạm do chúng có khả năng gây áp lực với một quốc gia buộc phải

thực hiện các quyền quan trọng khác của người lao động.

- **Nghĩa vụ bảo vệ:**

Các quốc gia ký kết có nghĩa vụ đặt ra các tiêu chuẩn tối thiểu, không để các điều kiện lao động của người lao động tụt xuống dưới mức đó. Hơn nữa, quyền lao động đòi hỏi có sự bảo vệ khỏi việc sa thải không công bằng, và trong mọi trường hợp các quốc gia phải đảm bảo bảo vệ chống lại sự phân biệt đối xử trong tiếp cận với việc làm.

- **Nghĩa vụ thúc đẩy**

Liên quan đến việc làm, nghĩa vụ này có thể hiểu là nghĩa vụ tạo điều kiện tiếp cận việc làm thông qua hoạt động hướng nghiệp và các cơ sở đào tạo.

- **Nghĩa vụ thực thi**

Mặc dù quyền lao động thường bị hiểu sai về khía cạnh này, nhưng nghĩa vụ này không yêu cầu các quốc gia phải đảm bảo việc làm cho mọi người, tuy nhiên kêu gọi các quốc gia theo đuổi những chính sách nhằm đạt được sự phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa ổn định và việc làm đầy đủ, hữu ích.

4. QUAN ĐIỂM LIÊN VĂN HÓA VÀ CÁC VẤN ĐỀ GÂY TRANH CÃI



Trong khuôn khổ luật pháp quốc tế này, các hoạt động thực thi phải tính đến sự đa dạng về phát triển và thiết chế của những người trải nghiệm trong thế giới chung về việc làm, vốn ngày càng trở nên phổ biến theo những cách thức khác nhau. Câu chuyện ngụ ngôn nổi tiếng về một ngư ông là ví dụ minh họa phù hợp với thực tế là “việc làm” có giá trị khác nhau ở những mô thức văn hóa khác nhau và rằng các biện pháp thay đổi mô típ việc làm phải mang tính cân bằng.

Truyện ngụ ngôn: Ngư ông

Một buổi sáng nọ, ngư ông nằm trên bãi biển đẹp,

lưới quăng lung tung trên cát, ngư ông đang tận hưởng ánh nắng ấm áp của mặt trời, ngắm nhìn những đám mây trôi lững lờ trên bầu trời xanh.

Lúc ấy, một du khách đi xuống bãi biển. Ông ta nhìn thấy ngư ông ngồi trên bãi biển và quyết định tìm hiểu xem tại sao ngư ông lại nghỉ ngơi thay vì lao động chăm chỉ để kiếm sống nuôi bản thân và gia đình.

“Ông không đi bắt cá nhiều như trước nữa nhỉ,” người khách du lịch hỏi. “Ông nên làm việc chăm chỉ hơn thay vì nằm lười trên bãi biển!”.

Ngư ông nhìn lên, mỉm cười và bảo: “Thế tôi sẽ được thưởng gì nhỉ?”

“À, ông sẽ có được những tấm lưới to hơn và bắt được nhiều cá hơn!”, người khách trả lời.

“Thế thì tôi sẽ lại được thưởng gì nữa?”, ngư ông hỏi, miệng vẫn mỉm cười.

Người khách du lịch bảo, “Ông sẽ kiếm tiền và sau đó sẽ lại bắt được nhiều cá hơn nữa!”.

“Và sau đó thì lại được thưởng gì tiếp?” ngư ông hỏi.

Ông khách kia bắt đầu hơi bức mình với những câu hỏi của ngư ông. “Ông có thể mua thuyền lớn hơn, và thuê ai đó làm việc cho ông!”

“Thế sau đó tôi sẽ lại được thưởng gì nhỉ?”

Người khách thực sự tức giận. “Ông không hiểu gì à? Ông có thể lập thành một đội tàu đánh cá, đi khắp thế giới và để người làm thuê của ông đánh cá cho ông!”

Một lần nữa ngư ông lại hỏi: “Thế tôi sẽ được thưởng gì?”

Người khách đỏ cả mặt vì tức tối và hét lên với ngư ông, “Ông không hiểu rằng ông có thể trở nên giàu có đến mức ông không bao giờ phải làm việc kiếm sống nữa! Ông có thể dành cả ngày ngồi trên bãi biển, ngắm mặt trời lặn. Ông sẽ chẳng phải quan tâm gì đến thế giới này!”

Ngư ông vẫn mỉm cười, nhìn lên và bảo: “Thế theo ông tôi đang làm gì?”

5. THỰC THI VÀ GIÁM SÁT

Các công ước khi được phê chuẩn sẽ mang tính

ràng buộc với các quốc gia. Tuy nhiên, tính hiệu quả của các văn kiện quốc tế phụ thuộc vào sự sẵn sàng của những quốc gia trong việc pháp điển hóa chúng trong luật quốc gia và tuân thủ theo các kết quả mà các cơ quan giám sát phát hiện được. Chỉ có một số khả năng hạn chế cấm vận đối với quốc gia vi phạm nghĩa vụ của mình, thông thường sự thực thi phụ thuộc vào “việc vận động lòng tự tôn”. Trong nền kinh tế toàn cầu hóa, các cơ chế thực thi yếu kém đã dẫn đến những lời kêu gọi kết nối quyền con người, đặc biệt là các quyền lao động với thương mại. Điều đó mở ra khả năng cấm vận thương mại đối với các quốc gia vi phạm chuẩn mực quốc tế. Cấm vận thương mại có thể buộc các quốc gia phải thực thi những biện pháp, ví dụ như cấm lao động trẻ em, nhưng thông thường, các vấn đề cần những giải pháp phức tạp hơn nhiều.

Đối với việc thực thi các tiêu chuẩn quốc tế, ILO và Liên hiệp quốc đặt ra các thủ tục khiếu nại và giám sát.

Những quốc gia ký kết các công ước ILO phải nộp báo cáo thường kì được phân tích và bình luận bởi Ủy ban các chuyên gia về việc áp dụng công ước và các khuyến nghị. Các báo cáo của Ủy ban thường được nộp lên Hội nghị Lao động quốc tế thường niên. Hàng năm, Hội nghị tiến hành đánh giá và đưa ra kết luận liên quan đến việc áp dụng các công ước của một số quốc gia thành viên. Mặc dù thủ tục này có thể là công cụ thực thi không hữu hiệu lắm, nhưng đã có khoảng 2000 thay đổi trong luật xã hội và lao động quốc gia của hơn 130 nước từ năm 1967 đến nay.

Ngoài cơ chế giám sát này, ILO còn có hai thủ tục khiếu nại đối với việc thực hiện các tiêu chuẩn lao động. Thủ tục thứ nhất, cho phép chủ lao động hoặc tổ chức của người lao động nộp đơn khiếu kiện đối với quốc gia thành viên. Thủ tục thứ hai, cho phép một quốc gia thành viên và các đoàn đại biểu tại Hội nghị lao động quốc tế (các đoàn chính phủ, người lao động hay chủ lao động) khiếu nại đối với

một quốc gia thành viên khác. Sau đó một ủy ban điều tra sẽ được chỉ định.

Bên cạnh các cơ chế trên, cũng cần đề cập đến Ủy ban tự do lập hội đặc biệt có nhiệm vụ điều tra những cáo buộc vi phạm quyền công đoàn. Các khiếu nại có thể được tiến hành đối với bất kể chính phủ nào dù chính phủ đó đã phê chuẩn công ước liên quan hay chưa. Kể từ khi thành lập năm 1950, Ủy ban đã đạt được nhiều thành công, từ việc bổ sung luật và phục hồi việc làm cho những người lao động bị sa thải, đến việc trả tự do cho các công đoàn viên bị bỏ tù.

Cơ quan Liên hiệp quốc được chỉ định giám sát việc thực thi phù hợp Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa là Ủy ban các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Không giống các cơ quan công ước quyền con người khác, Ủy ban này không được thành lập bởi một văn kiện tương ứng, tuy nhiên, năm 1985, Ủy ban được ECOSOC giao cho nhiệm vụ giám sát công ước. Ủy ban này có 18 chuyên gia độc lập. Tháng 11/2005 Ủy ban ban bố Chú giải chung về quyền lao động, giải thích và phân tích chi tiết nội dung của quyền này và những biện pháp mà các quốc gia cần tiến hành để hiện thực hóa quyền đó.

Các quốc gia thành viên của Công ước phải trình báo cáo 5 năm 1 lần, phác họa luật pháp, chính sách và các biện pháp khác được thực hiện để đảm bảo các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Sau khi phân tích các báo cáo thông qua Ủy ban và thảo luận với phái đoàn của các quốc gia liên quan, Ủy ban đưa ra các đánh giá của mình trong “các nhận xét kết luận”. Trong một số trường hợp, Ủy ban nhận thấy có sự vi phạm Công ước thì có thể yêu cầu các quốc gia không được tiếp tục vi phạm các quyền như trước nữa.

Tuy nhiên, các cá nhân và nhóm vẫn chưa thể đệ trình khiếu nại chính thức về các vi phạm quyền của họ lên Ủy ban. Nghị định thư lựa chọn của Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa vẫn còn đang trong thời gian thảo luận.

ĐIỀU NÊN BIẾT

1. KINH NGHIỆM TỐT



Chương trình quốc tế về xóa bỏ lao động trẻ em (IPEC)

ILO đã phát triển một Chương trình quốc tế về xóa bỏ lao động trẻ em (IPEC). Chương trình này hợp tác với chính phủ các quốc gia, đối tác xã hội cũng như NGO, ILO để phát triển các chương trình đặc biệt, nghiên cứu tính phức tạp của vấn đề và nhu cầu về các phương pháp giải quyết vấn đề thận trọng và phù hợp. ILO phải tìm ra các biện pháp thay thế cho lao động trẻ em, ví dụ như phát động các chương trình đưa trẻ em khỏi nơi làm việc và cho các em đi học, cũng như cung cấp cho gia đình các em những nguồn thu nhập thay thế và đảm bảo an toàn. Kể từ khi thành lập năm 1992, IPEC đã có thể mở rộng các hoạt động của mình từ 6 quốc gia lên đến tổng cộng 87 quốc gia.

Ước tính toàn cầu về trẻ em tham gia làm kinh tế ở độ tuổi từ 5-17 năm 2000

Nhóm tuổi	Tỉ lệ trẻ em làm việc trong tổng số dân (%)
5-9	12,2
10-14	23,0
Tổng (5-14)	17,6
15-17	42,4
Tổng (5-17)	23,0

Nguồn: ILO: www.ilo.org

Phối hợp với Liên đoàn bóng đá châu Phi và các nhà tổ chức Cúp quốc gia châu Phi, IPEC tiến hành một chiến dịch lớn nhằm nâng cao nhận thức về các vấn đề lao động trẻ em nhân dịp Giải vô địch 2002 tại Mali. Với một thông điệp đơn giản và thẳng thắn: “Thê đỏ với lao động trẻ em”, dễ hiểu với tất cả những ai quen với môn thể thao bóng đá, chiến dịch thiết lập truyền thông đa dạng - video, nhạc thịnh hành, bản in, qua ti vi,

đài phát thanh, hai hãng hàng không quốc tế và các trận đấu bóng đá - đến với hàng triệu người ở châu Phi và ngoài châu lục này. Các hoạt động được tiến hành tại 21 quốc gia châu Phi và báo chí quốc gia ở một số nước đã tuyên truyền rộng rãi cho chiến dịch này. Ước tính có 12 triệu người nhận được thông điệp trên ở Kenya và 5 triệu người ở Zambia. Tại một số quốc gia như Ai Cập, Ghana, nhiệt huyết dành cho chiến dịch này cao đến mức nó tiếp tục trở thành một phần của nhiều giải bóng đá tiếp theo đó ở cấp địa phương và quốc gia cũng như các sự kiện cộng đồng lớn.

Bạn có biết :

- Khoảng 250 triệu trẻ em trong độ tuổi từ 5 đến 14 làm việc hoặc cả ngày hoặc bán thời gian. Điều đó có nghĩa là cứ 100 trẻ em trên thế giới có đến 16 em phải lao động kiếm sống.
- Gần 1 nửa số đó, khoảng 120 triệu em, làm việc cả ngày, mọi ngày và suốt cả năm.
- 70% con số đó làm việc trong ngành nông nghiệp.
- 70% các em làm trong môi trường nguy hiểm.
- Trong số 250 triệu trẻ em liên quan, có khoảng 50 - 60 triệu em từ 5 - 11 tuổi và theo định nghĩa, làm việc trong các điều kiện cực khổ, so với tuổi tác và tính dễ bị tổn thương của các em.
- Lao động trẻ em cũng phổ biến ở các nước phát triển. Ví dụ, ở Hoa Kỳ, hơn 230.000 em làm việc trong ngành nông nghiệp và 13.000 em làm trong công xưởng.

(Nguồn: **Liên hiệp quốc** - Dự án dạy và học toàn cầu xe buýt trường học số :

<http://www.un.org/cyber-schoolbus/briefing/labour/labour.pdf>)

Các bộ quy tắc ứng xử của công ty liên quan đến các quyền con người và quyền lao động

Các công ty đa quốc gia ngày nay không thể chối bỏ trách nhiệm đối với các hoạt động của mình. Người tiêu dùng và các NGO gây áp lực đáng kể với các công ty đa quốc gia nhằm cải thiện điều kiện lao động tại các công ty này. Áp lực này dẫn đến việc thông qua các bộ quy tắc ứng xử công ty, bao gồm các quyền con người, tiêu chuẩn lao động cũng như mối quan ngại về môi trường. Xem thêm ví dụ trên trang [http://www1.umn.edu/humanrts/ links/sicc.html](http://www1.umn.edu/humanrts/links/sicc.html)

Các ví dụ điển hình ở đây là Công ty Gap với Bộ quy tắc ứng xử bán hàng tự động, công ty Levi Strauss và Công ty nguồn toàn cầu với các hướng dẫn hoạt động và Chính sách trách nhiệm xã hội của Johnson & Johnson. Các ví dụ này nhằm vào người lao động và/hoặc đối tác đầu thầu của công ty và các nhà cung cấp. Đồng thời, chúng cũng bao quát các vấn đề về an toàn, sức khỏe lao động, tự do hội họp, lương bổng và các phúc lợi, thời gian làm việc, lao động trẻ em, lao động cưỡng bức và các thông lệ thuê lao động không phân biệt đối xử.

Những nỗ lực đó tất nhiên có tác dụng tích cực đối với các điều kiện xã hội, tuy nhiên chúng thường không nhằm vào mức tiêu chuẩn cao, như được đưa ra trong các văn kiện quyền con người quốc tế, thay vào đó, chúng lại nhằm vào các tiêu chuẩn quốc gia. Hơn nữa, những nỗ lực đó thiếu hệ thống giám sát hiệu quả, đặc biệt khi bộ quy tắc ứng xử công ty không chỉ định rõ giám sát bên ngoài. Do đó, có thể lập luận rằng thường thì các nỗ lực sẽ không đem lại điều gì ngoài những lời dối bói đối với các tiêu chuẩn được thiết lập. Tuy nhiên, những nỗ lực đó là một bước đi đúng hướng đối với việc tăng cường trách nhiệm xã hội.

Dán mác hàng hóa

Ngày nay người ta ngày càng thúc đẩy việc dán

mác hàng hóa sản xuất phù hợp với thực tiễn xã hội, hợp lý, nhằm góp phần đem lại các thực tiễn xã hội tốt hơn và để bảo vệ quyền con người. Điều đó cho phép người tiêu dùng gây ảnh hưởng đến thực tế sản xuất thông qua việc sử dụng quyền lực của mình khi mua hàng hoá hỗ trợ cho thực tế tốt. Hiện nay, có các sáng kiến dán nhãn mác ở nhiều quốc gia, chủ yếu là ở châu Âu và Bắc Mỹ, và các loại hàng hóa bao gồm cà phê, chè, cô ca, mật ong, đường, gạo, hoa quả tươi và nước ép hoa quả.



Các tổ chức dán nhãn mác thương mại công bằng quốc tế (FLO) ra đời nhằm đảm bảo thỏa thuận tốt hơn cho các nhà sản xuất phải chịu bất lợi và bị gạt ra ngoài lề ở Thế giới 3.

FLO đưa ra nhãn mác người tiêu dùng, mác FAIRTRADE gắn vào các hàng hóa đạt tiêu chuẩn thương mại công bằng mà thế giới thừa nhận. Mác này được bán ở hầu hết các hệ thống siêu thị lớn ở châu Âu. Tại Mỹ, nhãn hiệu chứng nhận Thương mại công bằng (FAIRTRADE) do TransFair Hoa Kỳ, một tổ chức thành viên của FLO cấp.



Ví dụ, Rugmark, là một tổ chức phi lợi nhuận toàn cầu hoạt động nhằm chấm dứt lao động trẻ em trong ngành sản xuất thảm. Nhãn hiệu này đem lại các cơ hội giáo dục cho trẻ em ở Ấn

Độ, Nepal và Pakistan. Nhãn hiệu RUGMARK đảm bảo không có lao động trẻ em phi pháp được sử dụng trong việc sản xuất thảm.

Thỏa thuận toàn cầu

“Thỏa thuận toàn cầu “ (GC) dựa trên ý tưởng do Tổng thư ký Liên hiệp quốc Kofi Annan phát động trong bài phát biểu tại Diễn đàn Kinh tế thế giới ngày 31/01/1999, kêu gọi cộng đồng doanh

ngành tuân thủ các giá trị được ủng hộ và thông qua trên toàn thế giới và nhằm gắn kết các công ty với các cơ quan của Liên hiệp quốc, xã hội dân sự và lao động.

“Hãy để chúng tôi lựa chọn đoàn kết các sức mạnh của thị trường bằng quyền lực của các nguyên tắc toàn cầu”.

Kofi Annan, Tổng thư ký Liên hiệp quốc.



Xu hướng về trách nhiệm của công ty mới xuất hiện đang thiếu một khuôn khổ quốc tế để hỗ trợ công ty trong quá trình phát triển và thúc đẩy quản lý toàn

cầu, dựa trên các giá trị. GC chấm dứt khoảng cách đó và nó đã nhận được sự chấp thuận rộng rãi từ phía cộng đồng doanh nghiệp.

Tổ chức này đề ra 10 nguyên tắc chủ chốt, bao gồm các vấn đề về quyền con người, lao động và môi trường và cam kết chống lại mọi hình thức tham nhũng. Về lao động, thỏa thuận này đề ra các cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn lao động cơ bản nhất của ILO.

- Tự do hội họp và thừa nhận hiệu quả quyền thỏa thuận tập thể;
- Xóa bỏ mọi hình thức lao động bắt buộc hoặc cưỡng bức;
- Xóa bỏ một cách hiệu quả lao động trẻ em; xóa bỏ sự phân biệt đối xử liên quan đến việc làm và nghề nghiệp.

ILO hỗ trợ hình thành các biện pháp cụ thể nhằm thúc đẩy hiệu quả các tiêu chuẩn này. Các thông tin về các nguyên tắc của sáng kiến này và danh sách các thực thể tham gia có tại địa chỉ: <http://www.unglobal-compact.org>. Kể từ khi phát động, hàng trăm công ty, cơ quan Liên hiệp quốc, hiệp hội doanh nghiệp, tổ chức lao động, xã hội dân sự, những người tham dự về khoa học và các

thành phố đã tham gia Thỏa thuận toàn cầu.

Thỏa thuận toàn cầu là một tập hợp các nguyên tắc tự nguyện. Mặc dù được tổ chức rộng rãi như một bước tích cực trong việc khuyến khích các tập đoàn nhằm hành động một cách có trách nhiệm, tổ chức này vẫn phải đối mặt với một số vấn đề như liệu việc thực hiện các nguyên tắc đó có hiệu quả hay không. Các nhà phê bình cho rằng việc thiếu các tiêu chuẩn hiệu quả về mặt pháp lý, cơ chế thực thi và giám sát độc lập, cũng như tính minh bạch về ý nghĩa của chính các tiêu chuẩn đó là những thách thức đối với tính hiệu quả của sáng kiến trên.

2. CÁC XU HƯỚNG

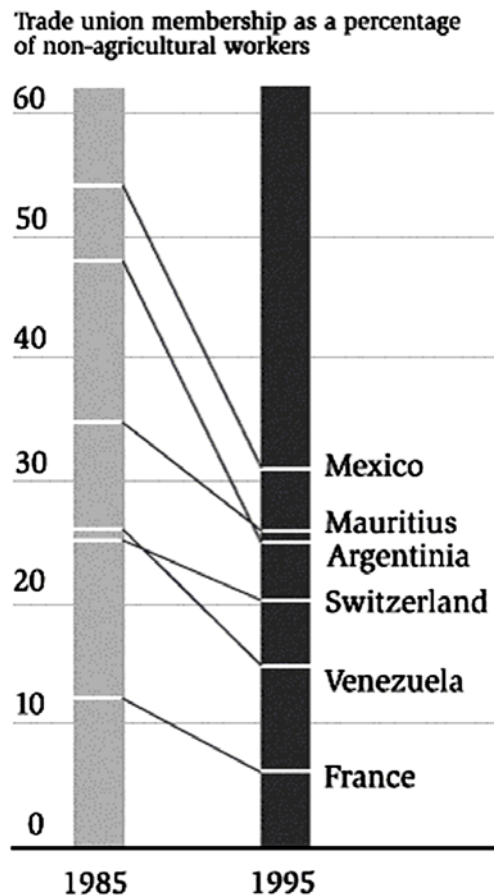
Các khu chế xuất (EPZs)

Nhằm thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, ngày càng có nhiều quốc gia thành lập các khu tự do thương mại, miễn không chỉ thuế mà còn cả nghĩa vụ tuân thủ pháp luật bảo vệ quyền lợi của công nhân. ILO đã phân biệt các loại khu chế xuất khác nhau: cảng tự do (về thương mại), đặc khu kinh tế, khu công nghiệp tự do, khu doanh nghiệp (mọi vấn đề liên quan đến sản xuất), khu xử lý thông tin, khu dịch vụ tài chính, khu tự do thương mại (về dịch vụ). Chủ yếu các công ty đa quốc gia được hưởng lợi từ chi phí lao động thấp, tuy nhiên, công nhân vẫn đổ xô vào các khu này do lương vẫn cao hơn so với các công việc khác bên ngoài. Ngược lại, các điều kiện lao động có thể ít thỏa đáng hơn, ví dụ như độ an toàn và các vấn đề sức khỏe. Bỏ qua các quy tắc chống cháy nổ, không lắp đặt các thiết bị sơ cứu và máy móc không an toàn chỉ là một số vấn đề có thể xảy ra ở các khu chế xuất. Các điều kiện có thể được cải thiện khi cộng đồng biết về tình hình đó; tuy nhiên, các vấn đề vẫn tồn tại.

Các khu chế xuất tồn tại ở ít nhất 100 quốc gia. Tất cả các khu chế xuất trên thế giới thuê khoảng 42 triệu công nhân, trong đó khoảng 30 triệu công nhân làm việc ở các khu chế xuất của Trung Quốc.

(Nguồn: ILO: www.ilo.org; UNDP. Năm 2005. Báo cáo phát triển con người năm 2005. UNDP. Năm 2000. Báo cáo phát triển con người năm 2000.)

Sự suy giảm vai trò của công đoàn



Source: ILO 1997c

Tại một số nước phát triển, việc tham gia công đoàn hiện ở mức thấp chưa từng có. Ví dụ, tại Hoa Kỳ, chỉ có khoảng 12,5% số công nhân tham gia công đoàn trong năm 2004. Sức mạnh của công đoàn yếu hơn trước kia rất nhiều. Tại hầu hết các nước đang phát triển, tự do hội họp, thành lập công đoàn là rất hiếm; những trở ngại tồn tại ở nhiều dạng khác nhau thể hiện ở cách tổ chức công nhân và tại một số quốc gia, nạn bạo lực, tra tấn, giết hại và bắt bớ vô lý vẫn được sử dụng thường xuyên để ngăn chặn công nhân đoàn kết đấu tranh vì quyền lợi của họ.

Tính lưu động quốc tế gia tăng: sự di cư của người lao động

Ngày nay, nghèo đói và bạo lực là các lý do

khiến hàng triệu người phải rời bỏ quê hương đi tìm một tương lai tốt đẹp hơn. Diễn tiến này tăng lên cùng với khoảng cách về phát triển kinh tế. Người lao động di cư thường xuyên là đối tượng của mọi dạng phân biệt đối xử và bóc lột.

Tổng số toàn thế giới có 175 triệu người dân di cư, chiếm 2,5% dân số thế giới. Theo số liệu của ILO năm 2004, khoảng 86 triệu dân di cư hoạt động kinh tế, có việc làm hoặc tham gia các hoạt động được trả thù lao, phần đông là phụ nữ (47,5%). Bên cạnh đó, ngày càng có nhiều dân di cư không công khai, ví dụ không có giấy tờ (chiếm đến 10-16% tổng số dân di cư). Những con số này có xu hướng ngày càng gia tăng, trừ phi những bất bình đẳng trong thế giới toàn cầu hóa của chúng ta được giải quyết thỏa đáng.

Đáng tiếc là các Công ước về lao động di cư của ILO (Công ước 97 và 143) được ít quốc gia phê chuẩn do các nước lo sợ bị quốc tế soi xét chính sách nhập cư của mình. Một tiến triển tích cực là Công ước Liên hiệp quốc bảo vệ quyền của người lao động di cư và thành viên của gia đình họ năm 2002 đã có hiệu lực, mở ra những triển vọng mới cho người dân di cư trên khắp thế giới.

Nạn thất nghiệp trong giới trẻ

Một trong các vấn đề khiến người ta thấy nản lòng nhất đối với cả các nước phát triển và đang phát triển là số lượng thanh niên thất nghiệp lớn và ngày càng tăng.

“Thanh niên chiếm hơn 40% tổng số người thất nghiệp trên thế giới. Có khoảng 66 triệu thanh niên thất nghiệp trên thế giới hiện nay - tăng gần 10 triệu người kể từ năm 1965. Vấn đề dưới chuẩn lao động cũng là một mối lo ngày một lớn khác. Đa số việc làm mới được trả lương thấp và không an toàn. Ngày càng có nhiều thanh niên tìm kế mưu sinh ở khu vực không chính thức, có ít hoặc không có sự bảo vệ về việc làm, lợi ích hay triển vọng tương lai.”

Kofi Annan, Tổng thư ký Liên hiệp quốc.

Năm 2001.

... Theo ước tính của Liên hiệp quốc, trên thế giới có hơn 510 triệu phụ nữ trẻ và 540 triệu nam thanh niên.

... Điều này nghĩa là có gần 1 trong 5 người trong độ tuổi từ 15-24, hay thanh niên, chiếm gần 18% dân số thế giới.

... Thế giới ngày nay rất trẻ, gần ½ dân số dưới 25 tuổi.

... Ở cấp độ toàn cầu, thanh niên có xu hướng bị thất nghiệp nhiều gấp 3,5 lần so với người trưởng thành năm 2003.

... Theo ước tính của ILO, năm 2003 có khoảng 88 triệu thanh niên thất nghiệp trên toàn thế giới.

... Tại những nước như Colombia, Ai cập, Italy, Jamaica, cứ 3 người thì có hơn 1 người được xét vào dạng “thất nghiệp”- tự họ tuyên bố họ không có việc làm, đang tìm việc và/hoặc chờ việc.

(Nguồn: **Liên hiệp quốc**. Năm 2005. Báo cáo Thanh niên thế giới năm 2005.)

Theo ILO, thất nghiệp trong thanh niên tăng nhanh kể từ năm 1993, khi đó tỉ lệ thất nghiệp trong thanh niên là 11,7%. Năm 2003, tỉ lệ thất nghiệp trong thanh niên đạt đỉnh cao lịch sử là 14,4%. Tỉ lệ thất nghiệp trong thanh niên năm 2003 cao nhất ở các khu vực Trung Đông và Bắc Phi (25,6%), châu Phi cận Sahara (21%) và thấp nhất ở Đông Á (7%) và các nền kinh tế công nghiệp (13,4%). Tỉ lệ thất nghiệp trong thanh niên tổng thể ở các nước G8 cũng trong năm này là 15,1%, tăng 3,4% so với 10 năm trước đó.

Bất kể điều gì tương tự như thất nghiệp dài hạn

gây ra cảnh cùng quẩn trong xã hội và hậu quả của thất nghiệp trong thanh niên đều có thể rất nghiêm trọng. Thất nghiệp trong thanh niên thường đi kèm với các vấn đề xã hội nghiêm trọng như bạo lực, phạm tội, tự tử, lạm dụng ma túy và rượu, do đó, dẫn đến vòng luẩn quẩn.

Các chính sách và chương trình thanh niên hiệu quả cần có mục đích chặt chẽ để có thể cân nhắc những khả năng, nhu cầu và khác biệt cụ thể. Liên hiệp quốc, ILO và Ngân hàng thế giới đã thành lập Mạng lưới việc làm thanh niên nhằm giải quyết vấn đề này ở cấp độ toàn cầu.

(Nguồn: **Việc làm thanh niên**: Công: <http://www.youthemploymentgateway.org>)

HIV/AIDS và thế giới việc làm

AIDS là vấn đề ở nơi làm việc, không chỉ do nó ảnh hưởng đến lao động và năng suất lao động, mà còn do nơi làm việc đóng vai trò sống còn trong cuộc đấu tranh rộng hơn nhằm hạn chế sự lan rộng và tác động của đại dịch này. HIV/AIDS đe dọa kế sinh nhai của nhiều người lao động và những ai sống dựa vào họ (chịu ảnh hưởng bởi họ như gia đình, cộng đồng và doanh nghiệp). Nó còn làm nền kinh tế quốc gia yếu kém đi. Sự phân biệt đối xử và kỳ thị đối với cả nam giới và nữ giới nhiễm HIV đe dọa các nguyên tắc và quyền lợi cơ bản ở nơi làm việc và làm suy yếu những nỗ lực phòng chống và chăm sóc.

ILO đã công bố Bộ quy tắc thực hành về HIV/AIDS và thế giới việc làm nhằm hướng dẫn cách giải quyết các vấn đề này tại doanh nghiệp, trong cộng đồng và ở cấp quốc gia.

(Xem thêm thông tin: <http://www.ilo.org/public/english/protection/trav/aids>)

CÁC HOẠT ĐỘNG LỰA CHỌN

HOẠT ĐỘNG 1: **1**

PHỤ NỮ - TRẺ EM - VIỆC LÀM!

Phần 1: Giới thiệu

Hoạt động này là hoạt động về các vấn đề liên quan đến quyền sinh sản của phụ nữ tại nơi làm

việc. Các quyền sinh sản bao gồm quyền được lựa chọn sinh hay không sinh con.

Dạng hoạt động: đóng vai

Phần II: Thông tin chung về hoạt động đóng vai

Các mục đích và mục tiêu:

Hoạt động đóng vai nhằm tăng cường kiến thức về các quyền sinh sản của phụ nữ, hoạt động này nhằm giúp học viên cảm nhận được bị phân biệt đối xử là như thế nào và nhằm thúc đẩy sự bình đẳng, công bằng và trách nhiệm.

Đối tượng: người trưởng thành

Số lượng: 15-25

Thời gian: khoảng 1,5 tiếng

Các kỹ năng liên quan: Tư duy phê phán, xây dựng quan điểm, kỹ năng ngôn ngữ và cảm thấu.

Phần III: các thông tin cụ thể về hoạt động đóng vai

Giới thiệu chủ đề:

- Đọc to kịch bản nền để diễn xuất

“Maria bị thất nghiệp gần 1 năm và vẫn cố công tìm việc. Cách đây 10 ngày, cô đi phỏng vấn xin làm công việc mà cô mơ ước. Mọi thứ đều thuận lợi và cô nhận được vị trí đó. Công ty yêu cầu cô gặp ông W., một nhân viên nhân sự, để ký hợp đồng. Cô đã thảo luận nhiệm vụ và các vấn đề khác liên quan đến việc làm tại buổi phỏng vấn, nhưng mãi khi Maria chuẩn bị ký hợp đồng mới biết một điều kiện làm việc là cô phải ký vào một tuyên bố là cô không được có con trong vòng 2 năm tới.”

Đóng vai:

- Chia lớp thành các nhóm nhỏ (4 - 6 người mỗi nhóm)
- Đọc kịch bản và cho mỗi nhóm 20 phút để quyết định về phần kết cho câu chuyện và phát triển thành một vở kịch. Đóng kịch cần bắt đầu bằng cuộc gặp giữa Maria và ông W. và không được kéo dài hơn 5 phút.
- Mời mỗi nhóm nhỏ trình diễn - có thể sử dụng các phương pháp sau:
 - *Đổi vai:* ngừng diễn không báo trước, yêu cầu các diễn viên đổi vai cho nhau và tiếp tục diễn. Phỏng vấn kỹ lưỡng.
 - *Diễn lại:* sau mỗi lần diễn, thay đổi tình huống (Ví dụ: bạn không thể có thai, hoặc bạn đã có thai...) và yêu cầu các diễn viên diễn lại cảnh đó theo sự thay đổi như vậy.

- Bình luận sau, cùng lúc đặt câu hỏi

Phản hồi:

- Bắt đầu bằng phản hồi của từng nhóm nhỏ (xem họ phát triển vở kịch như thế nào?; có khó không?), sau đó nói về các gợi ý và điều gì cần làm để giải quyết hình thức phân biệt đối xử này.
 - Có ai ngạc nhiên về tình huống đặt ra không?
 - Các nhóm quyết định kết quả như thế nào (thực tế; điểm mạnh - điểm yếu? cần khẳng định, hung hăng hay nghe theo?)
 - Ở nước bạn phụ nữ có quyền gì (đặc biệt khi họ có thai?)
 - Tại sao công ty lại phản ứng như vậy - có công bằng không?
 - Có quyền con người nào bị vi phạm không? Nếu có, thì quyền nào bị vi phạm?
 - Nếu Maria là nam giới, chuyện đó có xảy ra hay không?
 - Nam giới nhìn nhận vấn đề này như thế nào; có khác với phụ nữ không?
 - Điều gì có thể làm để thúc đẩy và bảo vệ các quyền sinh sản của phụ nữ?

Gợi ý phương pháp

- Giải thích cho nhóm hiểu thế nào là các quyền sinh sản
- Bạn có thể hình thành các nhóm theo giới, dẫn đến những phản ứng mang tính khiêu khích nhiều hơn
- Ghi nhớ rằng có thể thảo luận về việc phá thai, đòi hỏi học viên gạt sang một bên các khuôn mẫu và quan điểm có từ trước.

Gợi ý làm đa dạng vấn đề

- Bắt đầu với hai người xung phong diễn kịch, những người còn lại là khán giả
 - Ngừng diễn và hỏi ý kiến bình luận
 - Yêu cầu người xem đổi vai với diễn viên
 - Thêm các nhân vật khác vào tình huống (chồng, đại diện công đoàn)
- Yêu cầu nhóm nghiên cứu các quyền sinh sản trong nước bạn (phỏng vấn, tham gia các vở

kịch về quyền con người tại nơi công cộng - mời người xem tham gia)

Phần IV: Tiếp theo

Các quyền liên quan/lĩnh vực xem xét thêm: các quyền xã hội, bình đẳng giới, phân biệt đối xử, bài ngoại.

(Nguồn: trích từ: **Ủy ban châu Âu. Năm 2002.** Phạm vi: sổ tay giáo dục quyền con người dành cho thanh niên. Strasbourg: Ủy ban châu Âu)

HOẠT ĐỘNG II **2**

SỰ CÔNG BẰNG VỀ KINH TẾ

Phần I: Giới thiệu

Sự phân chia của cải và quyền lực trong xã hội thường tác động đến các cơ hội của mỗi cá nhân trong việc đạt được các quyền con người đầy đủ và sống xứng đáng với phẩm giá. Trong trường hợp này, học viên xem xét khái niệm về “sự công bằng” và phản ánh lại khái niệm đó trong các tình huống của chính mình. Họ đưa ra sự liên hệ giữa quần áo của mình với người sản xuất ra chúng.

Loại hoạt động: nghiên cứu tình huống

Phần II: Thông tin chung về tình huống

Mục đích và mục tiêu:

Hoạt động này giúp học viên đưa ra sự liên hệ giữa quần áo họ mặc với những người sản xuất ra chúng. Bên cạnh đó, nó đặt ra các vấn đề về trách nhiệm của chúng ta.

Nhóm hướng đến: Người đã trưởng thành

Số lượng: khoảng 25 người

Thời gian: khoảng 1,5 giờ

Đồ dùng: giấy bảng hoặc bảng đen, bút đánh dấu hoặc phấn; các câu hỏi thảo luận, phát: phép toán tính áo thun

Các kỹ năng liên quan:

Phân tích, phản ánh, tư duy phê phán, kỹ năng ngôn ngữ; kỹ năng viết.

Phần III: Thông tin cụ thể về tình huống

Giới thiệu tình huống:

Một chiếc áo thun bán được 20 USD tại Mỹ do một tập đoàn quốc tế sản xuất tại một trong các nhà máy của tập đoàn này ở El Salvador. Nhà

máy này là một ví dụ về một công ty thuộc sở hữu nước ngoài lắp ráp hàng hóa xuất khẩu. Công nhân Salvado sản xuất áo được trả 0,56 USD/giờ. Trung bình, một công nhân có thể may khoảng 4,7 chiếc áo mỗi giờ.

Sử dụng thông tin trên, thực hiện các phép tính sau:

- Một công nhân có thể nhận được bao nhiêu tiền cho mỗi chiếc áo?

Năm 1994, chính phủ Salvado tính rằng mất khoảng 4 lần lương mà một công nhân kiếm được mới có thể đơn thuần nuôi sống gia đình.

- Nếu lương công nhân tăng gấp 4 lần, họ kiếm được bao nhiêu mỗi giờ?
- Họ có thể kiếm được bao nhiêu tiền một chiếc áo?
- Nếu công ty thông qua việc tăng phí vào người tiêu dùng, thì một chiếc áo thun có giá bao nhiêu?

Hãy hình dung lương công nhân được tăng lên 10 lần

- Như vậy lương theo giờ của họ là bao nhiêu?
- Họ kiếm được bao nhiêu tiền cho mỗi chiếc áo?
- Nếu công ty thông qua việc tăng chi phí như trên vào người tiêu dùng, bạn sẽ phải trả bao nhiêu tiền để mua chiếc áo đó?

Hướng dẫn nghiên cứu tình huống:

Khởi động:

Yêu cầu nửa số người trong nhóm kiểm tra mác áo của họ. Sau đó liệt kê trên giấy, trên bảng và ghi lại mọi thông tin trên các nhãn mác và quốc gia nơi sản xuất. Liệt kê xong danh sách, yêu cầu học viên phân tích kết quả. Trong hầu hết mọi trường hợp, phần lớn các loại quần áo được sản xuất tại các nước nghèo. Thảo luận trong nhóm các vấn đề sau:

Ai:

- Bạn nghĩ ai may quần áo, sản xuất kính, giày, cúc áo, khóa kéo, các phụ kiện trang trí khác cho bạn...?
- Người đó là một người đàn ông, phụ nữ hay trẻ em?

CÁI GÌ:

- Bạn có hình dung ra công nhân được trả bao nhiêu tiền không?
- Công nhân phải chịu đựng các điều kiện làm việc như thế nào?

Liệt kê các kết quả trên bảng giấy/bảng.

Đánh giá tình huống:

- Giải thích cho nhóm rằng trường hợp dưới đây có cần đánh giá tính hợp lệ của một yêu sách do người bán lẻ quần áo đưa ra, khi biết được thông tin tăng lương cho công nhân sản xuất quần áo. Họ thường nói rằng lương phải thấp để người tiêu dùng có được các sản phẩm rẻ.
- Cho mọi người biết tình huống, trả lời câu hỏi theo mỗi nhóm 2 người
 - Bạn có sẵn lòng trả thêm tiền để mua một chiếc áo không? Nếu có - bao nhiêu?
 - Có những quyền con người nào trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người bị vi phạm? hãy nói các điều cụ thể.
 - Tại sao các nhà sản xuất bán sản phẩm ở các nước phương Tây nhưng lại sản xuất ở tận El Salvador?
 - Ai có trách nhiệm khi cho rằng công nhân Salvado nhận lương như vậy có thể đủ để nuôi sống bản thân và gia đình họ?
- Thảo luận các câu hỏi trên theo cả nhóm.

Phản hồi:

- Đặt vấn đề tóm tắt:
 - Trong những nhận xét bạn được nghe hôm nay, bạn thấy nhận xét nào đặc biệt

có ý nghĩa với bạn?

- Hãy nghĩ một từ hay một cụm từ mô tả tóm tắt cảm xúc của bạn?

- Yêu cầu học viên trả lời lần lượt.

Gợi ý phương pháp:

Các tình huống nghiên cứu thường được sử dụng để bắt đầu các tranh luận hiệu quả. Trong trường hợp đặc biệt, cần tạo môi trường đáng tin cậy và tôn trọng để học viên cùng thảo luận. Do đó, toàn nhóm cần suy nghĩ một số nguyên tắc thảo luận mà mọi người cần tuân theo. Hãy liệt kê các gợi ý và viết chúng lên chỗ tất cả có thể đọc được.

Gợi ý làm hoạt động đa dạng:

Yêu cầu cả nhóm làm một bài tập (thú vị). Phân phát các mác áo quần có ghi giới tính, tuổi tác và mức lương mà người đó nhận được (ví dụ 10 chiếc kẹo cho 5 phút làm việc: 2 chiếc cho 10 phút...). Khi làm xong, trả mỗi người theo độ tuổi, giới tính và như trong mác ghi. Đếm “tiền” (tính = kẹo) đọc to để mọi người biết được người kia được trả *bao nhiêu* với *cùng* một việc làm. Miêu tả cảm giác của mình. Thực hiện bài toán áo thun.

Phần IV: Tiếp theo

Các quyền liên quan/lĩnh vực khác cần xem xét: các quyền xã hội, chính trị và kinh tế

(Nguồn: trích từ: David A. Shiman. Năm 1999. Công bằng kinh tế và xã hội. Một khía cạnh quyền con người. Minnesota: Trung tâm nguồn quyền con người của Trường đại học Minnesota.)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Chống nô lệ và ICFTU. Năm 2001. *Lao động cưỡng bức trong thế kỷ XXI*. London: Tổ chức Chống nô lệ quốc tế.

Tổ chức Chống nô lệ quốc tế:

<http://www.antislavery.org>

Auer, Peter, Geneviève Besse và Dominique Mesda chủ biên. 2006. *Ra khơi và quốc tế hóa lao động. Một thách thức đối với toàn cầu hóa công bằng?* Tài liệu

của hội thảo Pháp/ILO. Geneva: Viện Nghiên cứu lao động quốc tế/Văn phòng lao động quốc tế.

Bartram, David. Năm 2005. *Di cư lao động quốc tế. Lao động nước ngoài và chính sách công*. Houndmills: Palgrave Macmillan.

Bhargava, Pramila H. Năm 2003. *Việc xóa bỏ lao động trẻ em: trách nhiệm thuộc về ai?* *Sổ tay thực tế*. New Delhi: Sage Publications Ltd.

Cingo, Alessandro và Fruio Camillo Rosati. Năm 2005. *Kinh tế học lao động trẻ em*. Oxford: Nhà xuất bản Đại học Oxford.

Craven, Matthew. Năm 2002. *Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Nhìn từ góc độ phát triển công ước*. Oxford: Nhà xuất bản Clarendon.

Xã hội Đức đối với Liên hiệp quốc. Năm 2001. *Quyền con người và sự phát triển con người gợi ý cho công tác của UNDP. Báo cáo của UNDP về phát triển con người. Năm 2000. tại Schulen. Bonn: DGVN.*

Dore, Ronald. Năm 2004. *Các dạng thức và ý nghĩa mới của lao động trong một thế giới ngày càng toàn cầu hóa*. Geneva: Ấn phẩm của ILO.

Drzewicki, Krzystof. Năm 2001. *Quyền làm việc và quyền tại nơi làm việc. Trong: Eide, Asbjorn, Catarina Krause và Allan Rosas. Các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Giáo trình*. Dordrecht: Nhà xuất bản Martinus Nijhoff.

Goldewijk, Berma Klein, Adalid Contreras Baspineiro và Paulo César Carbonari. Năm 2002. *Nhân phẩm và quyền con người. Thực hiện các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa*. Antwerp: Intersentia.

Trung tâm tư liệu về quyền con người. Chu trình của các quyền. Tuyên truyền cho các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa: Một nguồn đào tạo. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://hrusa.org/hrmaterials/IHRIP/circle/toc.htm>

Văn phòng lao động quốc tế. Năm 2005. *Liên minh chống lại lao động cưỡng bức. Báo cáo toàn cầu sau hội nghị tiếp theo của tuyên bố ILO về các nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc*. Geneva: ấn phẩm của ILO.

Văn phòng lao động quốc tế. Năm 2005. *Nguyên tắc của trò chơi - giới thiệu qua về các tiêu chuẩn lao động quốc tế*. Geneva: Ấn phẩm của ILO. Tài liệu có tại địa chỉ:

<http://www.ilo.org/public/english/standards/norm/download/resources/rulesofthegame.pdf>

Văn phòng lao động quốc tế. Năm 2004. *Các xu hướng lao động toàn cầu dành cho thanh niên*. Geneva: Ấn phẩm ILO. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.ilo.org/trends>

Văn phòng lao động quốc tế. Năm 2004. *Một quá*

trình toàn cầu hóa công bằng: tạo cơ hội cho tất cả. Tài liệu có tại địa chỉ <http://www.ilo.org/public/english/wcsdg/docs/report.pdf>

Văn phòng lao động quốc tế. Năm 2003. *Hướng tới thỏa thuận công bằng cho lao động di cư trong nền kinh tế toàn cầu*. Geneva: Ấn phẩm của ILO. Tài liệu có tại địa chỉ

<http://www.ilo.org/public/english/standards/relm/ilc/ilc92/reports.htm>

Văn phòng lao động quốc tế. Năm 2003. *Cơ sở dữ liệu ILO về các khu chế xuất*. Geneva: ấn phẩm ILO. Tài liệu có tại địa chỉ

<http://www.ilo.org/public/english/dialogue/sector/themes/epz/epz-db.pdf>

Văn phòng lao động quốc tế. Năm 2002. *HIV/AIDS và thế giới lao động: Bộ luật thực tiễn ILO*. Geneva: Ấn phẩm ILO

Văn phòng lao động quốc tế. Năm 2000. *Tiếng nói của bạn tại nơi làm việc. Báo cáo toàn cầu theo hội nghị tiếp sau Tuyên bố ILO về các nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc*. Geneva: Ấn phẩm của ILO

Văn phòng lao động quốc tế. Năm 1999. *Việc làm tốt. Hội nghị lao động quốc tế, phiên thứ 87 năm 1999*. Geneva: ấn phẩm ILO.

Jenkins, Rhys, Gill Seyfang và Ruth Pearson. chủ biên. Năm 2002. *Trách nhiệm và quyền lao động. Bộ luật ứng xử trong nền kinh tế toàn cầu*. London: Ấn phẩm Earthscan

Leary, Virginia và Daniel Warner. Năm 2006. *Các vấn đề xã hội, toàn cầu hóa và các thiết chế quốc tế: quyền lao động và EU, ILO, OECD và WTO (các nghiên cứu quốc tế về quyền con người)*. Hague: Martinus Nijhoff.

Leary, Virginia A. Năm 1998. *Một cách tiếp cận các vi phạm về quyền lao động. Trong: Viện quyền con người SIM Hà Lan. Hướng dẫn Maastricht về các vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa*. Utrecht: Viện quyền con người Hà Lan.

Leary, Virginia A. Năm 1998. *Toàn cầu hóa và quyền con người. Trong: Symonides, Janusz. chủ biên. Quyền con người: sức mạnh mới và thách thức*. Aldershot: Công ty xuất bản Dartmouth.

Levin, Leah. Năm 2005. *Hỏi - Đáp về Quyền con*

người. Paris: UNESCO xuất bản.

Lieten, Georges Kristoffel. Năm 2005. *Lao động trẻ em: những vấn đề nóng bỏng.* Amsterdam: Aksant Academic xuất bản

McChesney, Allan. Năm 2000. *Các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.* New York: Hiệp hội vì sự tiến bộ khoa học Mỹ.

Richter, Judith. Năm 2002. *Buộc các tập đoàn có trách nhiệm: ứng xử của công ty, các bộ luật quốc tế và hành động của công dân.* London: Sách Zed

Shiman, David A. Năm 1999. *Công bằng kinh tế và xã hội. Một khía cạnh quyền con người.* Minneapolis: Trung tâm nguồn quyền con người.

Stalker, Peter. Năm 2004. *Công nhân không biên giới: tác động của toàn cầu hóa đối với di cư quốc tế.* Geneva: Ấn phẩm ILO.

Cách mạng thế giới: <http://www.worldrevolution.org>

Cyberschoolbus Liên hiệp quốc:

<http://www.un.org/cyberschoolbus/briefing/labour/labour.pdf>

UNDP. 2005. *Báo cáo phát triển con người năm 2005.* New York: Nhà xuất bản Đại học Oxford. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://hdr.undp.org/reports>

Liên hiệp quốc. Năm 2005. *Tình trạng bất bình đẳng, Báo cáo về tình hình xã hội thế giới năm 2005.* New York: Liên hiệp quốc

Liên hiệp quốc. Năm 2005. *Ủy ban các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, Bình luận chung về Điều 6 (quyền lao động) của Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.* Geneva: Liên hiệp quốc. Tài liệu có tại địa chỉ

<http://www.ohchr.org/english/bodies/cescr/docs/gc18.doc>

Liên hiệp quốc. Năm 2005. *Báo cáo thanh niên thế giới năm 2005. Thanh niên ngày nay và năm 2015.* New York: Liên hiệp quốc xuất bản. Tài liệu có tại địa chỉ :

<http://www.un.org/esa/socdev/unyin/documents/wyr05book.pdf>

Liên hiệp quốc. Năm 2001. *Chúng ta các dân tộc: vai trò của Liên hiệp quốc trong thế kỷ XXI, Văn bản tóm tắt cho sinh viên.* New York: Liên hiệp quốc.

Liên hiệp quốc. Năm 1998. *Liên hiệp quốc trong*

cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Miêu tả tóm tắt về Liên hiệp quốc và các cơ quan chuyên trách. Geneva: Liên hiệp quốc.

Liên hiệp quốc. Năm 1996. *Ủy ban về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, Báo cáo thực tế số 16.* Geneva: Liên hiệp quốc

Werner, Klaus và Hans Weiss. Năm 2001. *Schwarzbuč Markenfirmen.* Vienna: Deuticke.

Cổng lao động Thanh niên:

<http://www.youthemploymentgateway.org>

Các báo cáo toàn cầu của ILO bằng tiếng Anh, Pháp và Tây Ban Nha: <http://www.ilo.org>

THÔNG TIN BỔ SUNG

Nhóm chống nô lệ Mỹ: <http://www.iabolish.com>

Chống nô lệ quốc tế: <http://www.antislavery.org>

Dự án văn hóa bánh mì và hoa hồng:

<http://www.bread-and-roses.com>

Tổ chức theo dõi lao động Trung Quốc:

<http://www.chinalabourwatch.org>

Lao động trẻ em tại châu Á:

<http://www.cwa/tnet.co.th>

Tổ chức nhân mác thương mại công bằng quốc tế:

<http://www.fairtrade.net>

Thỏa thuận toàn cầu:

<http://www.unglobalcompact.org>

Toàn thế giới chống lao động trẻ em:

<http://www.globalmarch.org>

Liên đoàn các hội tự do thương mại quốc tế:

<http://www.icftu.org>

Tổ chức lao động quốc tế: <http://www.ilo.org>

Tổ chức di cư quốc tế: <http://www.iom.int>

Quyền lao động từ bây giờ:

<http://www.laborrightsnow.org>

Những người quan ngại về trẻ em lao động (CWC):

<http://www.workingchild.org/html/cwc.htm>

Quý thương mại công bằng:

<http://www.fairtrade.org.uk>

UNICEF: <http://www.unicef.org/crc>

TỰ DO NGÔN LUẬN VÀ TỰ DO BÁO CHÍ

“Mọi người đều có quyền tự do ngôn luận và bày tỏ quan điểm; kể cả tự do bảo lưu ý kiến không phụ thuộc vào bất cứ sự can thiệp nào, cũng như tự do tìm kiếm, thu nhận, truyền bá thông tin và ý kiến bằng bất cứ phương tiện thông tin đại chúng nào và không giới hạn về biên giới.”

Điều 19 Tuyên ngôn thế giới về quyền con người. Năm 1948.

CÂU CHUYỆN MINH HỌA

Sri Lanka: Tiến sĩ Manorani Saravanamuttu là mẹ của Richard de Zoysa, một phóng viên bị bắt cóc và sát hại tại Sri Lanka tháng 2/1990. Tiến sĩ Saravanamuttu đã chiến đấu để đưa sự thật về cái chết của con trai bà ra ánh sáng. Bà đã cung cấp cho chính quyền thông tin để điều tra vụ sát hại nhưng điều duy nhất mà bà nhận được là một lá thư viết rằng: “Vô cùng thương tiếc cho cái chết của con trai bà. Là một người mẹ bà phải làm vậy. Bất cứ biện pháp nào khác sẽ khiến bà có thể bị sát hại bất ngờ... chỉ có sự im lặng mới bảo vệ được bà.”

(Nguồn: Jan Bauer. Năm 1996. Chỉ có sự im lặng mới bảo vệ được bạn, Phụ nữ. Tự do ngôn luận và ngôn ngữ của quyền con người. Trung tâm quyền con người và phát triển dân chủ quốc tế.)

Belgrade: Ngày 6/9/2005, biên tập viên thời sự Đài tiếng nói OK, Sasa Stojkovic bị chửi bới và đe dọa tấn công bởi hai thành viên của Đảng Serbia cấp tiến của Hội đồng thành phố Vranje. Một vài ngày sau, một cú điện thoại của Chủ tịch Hội đồng, Nenad Stosic, đe dọa bắt biên tập viên này vì một cuộc trưng cầu dân ý, kết quả không được công bố nhưng Stosic biết là đã bị cố tình giấu diếm.



ĐIỀU CẦN BIẾT

1. SỰ KẾT HỢP CỦA QUÁ KHỨ VÀ HIỆN TẠI

Tự do ngôn luận và biểu đạt - bao gồm “tự do tìm kiếm, thu nhận, truyền bá thông tin và ý kiến bằng bất cứ phương tiện thông tin đại chúng nào

*“Chúng ta có quyền tự nhiên
được sử dụng ngòi bút nói thay lời,
dù nguy hiểm, khó khăn đến mấy.”*

Voltaire. Năm 1764. Tự do báo chí

Hiệp hội truyền thông điện tử tự do (ANEM) kêu gọi các cơ quan hữu quan, đặc biệt Bộ Nội vụ và Bộ Văn hóa thông tin bảo vệ các phóng viên và biên tập viên của Đài tiếng nói OK.

(Nguồn: mediawatch@lists.opennet.org ngày 16/9/2005)

Croatia: Theo thông tin của SEEMO, ngày 6/9/2005, Drago Hedl, biên tập viên Tuần báo Croatia, Feral Tribune, bị đe dọa sát hại qua thư. Hedl cho biết lá thư được chuyển thẳng tới ông và người cung cấp hàng loạt các bài báo mà ông đăng tải trên Feral Tribune về việc tra tấn và sát hại dân thường Serbia tại Osijek năm 1991. Đây không phải là lần đầu Hedl nhận được lời đe dọa sát hại.

(Nguồn: seemo@freemedia.at ngày 12/12/2005)

Câu hỏi thảo luận

1. Các quyền con người nào bị vi phạm và ai vi phạm trong các câu chuyện trên?
2. Những lý do nào có thể biện minh cho sự giới hạn tự do ngôn luận và tự do báo chí?
3. Cần phải làm gì để bảo vệ các quyền tự do đó tốt hơn?
4. Nạn nhân của sự vi phạm tự do có thể làm gì?
5. Đây là các nghĩa vụ mà phóng viên có trách nhiệm phải thực hiện?

và không giới hạn về biên giới” (Điều 19 Tuyên bố quyền con người thế giới năm 1948) - là một quyền chính trị và dân sự cơ bản, được quy định trong mọi văn kiện quyền con người liên quan. Nó có nguồn gốc từ cuộc đấu tranh vì các tự do

cá nhân trong thế kỷ XVIII và XIX và được ghi nhận trong Hiến pháp Mỹ và các nước châu Âu. Triết gia Anh John Stuart Mill gọi tự do báo chí là “một trong các đảm bảo chống lại chính phủ tham nhũng và độc tài” (“Về tự do”. Năm 1859). Đó cũng là một quyền cơ bản trong một hệ thống dân chủ, trong đó mọi người, không chỉ là các công dân của một quốc gia, đều có quyền được nói lên suy nghĩ của mình và chất vấn chính phủ. Tháng 1/1941, Tổng thống Roosevelt tuyên bố quyền tự do ngôn luận và biểu đạt là một trong bốn tự do đặt cơ sở cho thế giới tương lai sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Sự tiếp cận và tự do truyền bá thông tin qua biên giới là một thành tố chính trong một xã hội mở cửa và đa nguyên.

An ninh con người, tự do ngôn luận và tự do báo chí

“Tự do không bị sợ hãi” cũng bao gồm tự do bày tỏ quan điểm và tự do báo chí. Vì rằng khái niệm an ninh con người được dựa trên cơ sở quyền của các cá nhân được tìm kiếm và tiếp nhận bất kỳ dạng thông tin và ý kiến nào, kể cả việc phê phán lực lượng cầm quyền nên việc đe dọa nhà báo và kiểm soát báo chí là những mối đe dọa chính đối với an ninh con người. Các mối đe dọa mới đối với an ninh con người lại đi cùng với các cơ hội mới với sự xuất hiện với “công nghệ mới”. “Sự liên kết” mới này có thể được sử dụng vì mục đích giáo dục cũng như vì mục đích tội phạm có tổ chức. Các chiến dịch quốc tế chống mìn và thành lập Tòa án tội phạm quốc tế trở nên dễ dàng hơn, nhưng các nguy cơ mới cũng xuất hiện dưới dạng “các tội phạm số”. Khi các nền kinh tế và dịch vụ trở nên phụ thuộc hơn vào những công nghệ mới, các dạng bao hàm và loại trừ mới phát triển. Ví dụ, Tổ chức báo chí Đông-Nam Âu đặt tại Vienna (SEEMO) khiếu nại rằng Telekom Serbia đã áp dụng các “giới hạn” về đường truyền internet cho thuê nhằm ép báo chí và người khác thay đổi từ nhà cung cấp internet tư nhân sang dùng dịch vụ internet của Telekom Serbia.

“Nhân tố CNN” đưa bất cứ quyền xung đột nào vào các gia đình đã thay đổi vai trò của báo chí. Do tầm quan trọng của ý kiến cộng đồng, báo chí đã trở thành một phần quan trọng của chiến tranh như ta thấy trong trường hợp Iraq. “Chiến tranh thông tin” và “thông tin giải trí” đứng trước xu hướng là thông tin bị phụ thuộc vào các mục tiêu khác. Cải thiện tiếp cận thông tin được coi là một mục tiêu chính của của Hội nghị thượng đỉnh về Xã hội thông tin 2003/2005.2003/2005.

“Thưa ngài, tôi không chia sẻ quan điểm với ngài nhưng tôi sẽ sẵn sàng đổi diện với nguy hiểm tính mạng vì quyền được thể hiện ra các quan điểm đó.”

Voltaire (1694-1778).

Các thách thức mới và cũ

Tự do thông tin, ngôn luận và báo chí chứng tỏ có tầm quan trọng đặc biệt trong thời kỳ Chiến tranh lạnh khi người dân ở các nước xã hội chủ nghĩa tại Đông Âu không được tiếp cận với các báo và tạp chí độc lập hay nước ngoài. Chính phủ Trung Quốc đã cố gắng hạn chế việc sử dụng các đĩa vệ tinh để ngăn người dân tiếp cận các kênh của phương Tây, và hiện nay một số quốc gia vẫn hạn chế tiếp cận internet nhằm ngăn chặn công dân của mình tiếp cận với các trang web mà họ cho là không phù hợp về lý do chính trị hay tôn giáo.

Báo chí có thể có vai trò kép vừa là người được thụ hưởng vừa là người vi phạm tự do ngôn luận. Vai trò của họ có thể là cung cấp thông tin về các vấn đề toàn cầu, tăng cường đoàn kết toàn cầu, nhưng cũng có thể là công cụ tuyên truyền của một quốc gia hay vì các lợi ích kinh tế đặc biệt hoặc lợi ích nào khác. Theo Ủy ban văn hóa và phát triển của UNESCO, các công nghệ truyền thông hiện đại quản lý lưu lượng thông tin khó khăn hơn, do đó, tạo nên các cơ hội mới và cả các nguy cơ mới, đặc biệt nếu báo chí trở thành một mục tiêu hoặc tấn công hoặc giám sát về chính trị. Tính đa dạng và chất lượng của các chương

trình có thể bị giảm đi do thương mại hóa, sẵn sàng tìm kiếm người xem nhiều hơn hay ganh đua vì chia sẻ lượng bạn đọc và người xem lớn hơn bằng cách tập trung vào các câu chuyện về tình dục và tội phạm.



Một thực tế liên quan đến tự do báo chí là sự tập trung báo chí, tồn tại ở cả cấp độ địa phương và toàn cầu. Do đó, tại nhiều quốc gia và tại Liên minh châu Âu, có Luật phi tập trung báo chí nhằm bảo vệ sự đa dạng của báo chí. Ngày càng có nhiều hơn nữa các thách thức mới phức tạp hơn về tự do thông tin và tự do báo chí do các tiến triển mới về công nghệ, ví dụ như sự lan rộng của truyền thông vệ tinh và sự gia tăng tiếp cận với Internet. Thường thì các quốc gia cố gắng giới hạn tiếp cận báo chí mới do các quan điểm đối địch hay các nội dung mà họ sợ là phê bình chính sách quốc gia của họ, cụ thể là dựa trên cơ sở tôn giáo hay đạo đức. Do có nhiều trang web truyền bá thông tin phân biệt chủng tộc và bài ngoại hay khiêu dâm trẻ em, những mối quan ngại đó thực sự cũng đủ để biện minh. Tuy nhiên, vấn đề nổi lên là làm thế nào để duy trì sự cân bằng mong manh giữa tự do ngôn luận và sự bảo vệ chính đáng các lợi ích của một xã hội dân chủ. Theo bản chất không biên giới của Internet, các câu hỏi được tìm thấy chủ yếu ở cấp độ quốc tế. Trong Công ước về tội phạm mạng năm 2001, Hội đồng châu Âu đã chỉ trích khiêu dâm trẻ em và cố gắng tăng cường trách nhiệm hình sự trong nước cũng như hợp tác quốc tế trong truy tố tội phạm với một số đảm bảo về hạn chế quyền con người. Nghị định thư bổ sung liên quan đến các hành vi phân biệt chủng tộc và bài ngoại thông qua hệ thống máy tính đã được thông qua năm 2003. Công ước có hiệu lực năm 2004.

Hội nghị thượng đỉnh về xã hội thông tin (WSIS) tại Geneva năm 2003 và tại Tunis năm 2005 đưa ra một vấn đề nữa có tầm quan trọng to lớn là:

bao hàm và loại trừ trong thời đại truyền thông, còn được gọi là “thời đại số”. Tự do ngôn luận chịu tác động cần thiết của vấn đề tiếp cận cơ sở hạ tầng thông tin. (Điều cần biết 7). Một mục đích chính là phát triển kế hoạch hành động làm thế nào để giảm bớt khoảng cách số và kiến thức giữa “người có” và “người không có” tiếp cận thông tin và công nghệ truyền thông, gọi là “khoảng cách số”. WSIS cho thấy có xung đột sâu sắc tồn tại giữa cách tiếp cận hướng về quyền con người và giá trị với cách tiếp cận công nghệ. Các văn kiện cuối cùng chỉ gồm có một số thông tin tham khảo về quyền con người. Các tổ chức phi chính phủ đã đóng góp cho “Tuyên bố về quyền con người, nhân phẩm và xã hội thông tin”. (Nguồn: Hội nghị thượng đỉnh về xã hội thông tin:

<http://www.pdhre.org/wsisis/statement.doc>).

2. NỘI DUNG VÀ CÁC MỐI ĐE DỌA



Tự do ngôn luận là một quyền mang tính khung bao gồm một số thành tố, như tự do thông tin và tự do báo chí nói chung. Tự do ngôn luận dựa trên tự do ý kiến và thực chất gắn kết với nó. Các biểu hiện của nó có thể là biểu hiện quan điểm cá nhân, tự do báo chí mang tính thể chế. Tự do quan điểm là một quyền dân sự tuyệt đối còn tự do ngôn luận là một quyền chính trị nên có thể bị hạn chế.

Tự do ngôn luận là một quyền kép theo nghĩa tự do truyền bá, ví dụ, thể hiện quan điểm, ý tưởng và tự do tìm kiếm, tiếp nhận thông tin và ý tưởng ở mọi dạng thức - bằng miệng, viết hay văn bản, dưới dạng nghệ thuật hay thông qua báo chí, bao gồm các công nghệ mới. Biên giới không được sử dụng để can thiệp vào quyền này. Hệ quả là tự do ngôn luận là một phần không thể thiếu được của “quyền giao tiếp”. Tuy nhiên, một tuyên bố dự thảo về quyền này, được hoàn thiện trên cơ sở riêng tư, cho đến nay vẫn chưa được các quốc gia ủng hộ.

Các thành tố chính của tự do ngôn luận:

- Tự do có quan điểm mà không bị can thiệp (tự do quan điểm);
- Tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền bá thông tin và ý tưởng (tự do phát ngôn, tự do thông tin);
- Bằng miệng, viết, hay văn bản, dưới dạng nghệ thuật;
- Thông qua báo chí (tự do báo chí);
- Không biên giới (tự do giao tiếp quốc tế)

(Nguồn: Điều 19 Tuyên ngôn quyền con người thế giới; Điều 19 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị; Điều 10 Công ước châu Âu về quyền con người; Điều IV Tuyên ngôn quyền và nghĩa vụ của con người châu Mỹ; Điều 13 Công ước quyền con người châu Mỹ; Điều 9 Hiến chương về các quyền của con người và các dân tộc châu Phi)

Những thành tố nhất định của quyền tự do ngôn luận cũng liên quan đến các quyền con người khác ví dụ như:

- Quyền tự do suy nghĩ, tự do tín ngưỡng và tôn giáo (Điều 18 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị)

 **Tự do tôn giáo.**

- Quyền của tác giả được hưởng lợi từ việc bảo vệ các lợi ích về đạo đức và vật chất từ tác phẩm khoa học, văn học và nghệ thuật, ví dụ như bản quyền (Điều 15(1) Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa).
- Liên quan đến quyền giáo dục của con người (Điều 13 Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa), tự do ngôn luận đem lại tự do học thuật và tự quyết cho các cơ quan giáo dục cao hơn nhằm bảo vệ các tự do này.

Một đặc điểm chính của tự do ngôn luận được ghi nhận tại Điều 20 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị là sự nghiêm cấm tuyên truyền

về chiến tranh và mọi loại vận động hằn thù dân tộc, chủng tộc hay tôn giáo, tạo nên sự kích động phân biệt đối xử, thù địch hay bạo lực. Nhà nước có nghĩa vụ bảo đảm các điều cấm trên thông qua luật pháp quốc gia.

 **Không phân biệt đối xử**

Vi phạm quyền, các đe dọa và nguy cơ

Thực tế, chúng ta chứng kiến sự vi phạm tràn lan quyền con người cơ bản này thông qua những hạn chế tự do ngôn luận và tự do báo chí ở nhiều quốc gia trên thế giới, có thể thấy trong các báo cáo thường niên của Tổ chức Ân xá Quốc tế hay Tổ chức Theo dõi quyền con người. Theo tổ chức Phóng viên không biên giới, có 63 phóng viên và nhân viên báo chí bị giết hại và hơn 1000 tờ báo bị kiểm duyệt hay bị cấm hoạt động trong năm 2005. Số lượng này thể hiện mức độ tăng đến 60% so với năm trước. Do đó, tổ chức này đề xuất có các văn kiện luật pháp đặc biệt, như “Hiến chương vì sự an toàn của phóng viên làm việc tại vùng chiến sự hay các khu vực nguy hiểm.”

“Cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố” sau sự kiện 11/9/2001 đã đem lại những đe dọa mới đối với tự do thông tin bởi chính các chính phủ. Ví dụ, Hiệp hội các tác giả, PEN, đòi hỏi xem xét lại Điều khoản PATRIOT của Mỹ về khía cạnh này. Tự do ngôn luận và tự do báo chí có thể bị sử dụng sai nhằm xúi bẩy sự hằn thù và xung đột như được ghi trong Liên bang Quốc tế Helsinki trong ấn phẩm “Phát ngôn mang tính gây hấn cho người dân Balkans”.

Nguy cơ kiểm duyệt, có thể là kiểm duyệt nhà nước hoặc kiểm duyệt thông qua biện pháp kinh tế hay các công cụ khác cũng xuất hiện. Điều này có nghĩa là các bài báo chỉ được phát hành chỉ khi chính quyền thông qua, như tại hầu hết các nước Đông Âu xã hội chủ nghĩa trước khi Chiến tranh lạnh kết thúc năm 1989. Điều này cũng có thể có nghĩa là các lợi ích kinh tế cản trở việc công bố các quan điểm nhất định, ví dụ như khi ngành công nghiệp quân sự cản trở các bài báo có quan điểm chỉ trích chiến tranh. Các dạng quản lý

chính trị đa dạng của báo chí công và báo chí tư nhân là phổ biến trên khắp thế giới hiện nay. Các bộ luật mang tính chuyên môn cần bảo vệ sự độc lập của phóng viên cũng như đảm bảo tính chuyên nghiệp trong công việc của họ.

Việc kiểm duyệt có thể thông qua chế độ tự kiểm duyệt, khi các lợi ích chính trị hay các lợi ích khác được các phóng viên và giám đốc cơ quan báo chí đó cân nhắc. Sau cùng, quyết định điều gì đáng đăng tin và “có thể phát hành” có thể loại trừ thông tin không được coi là thích hợp, được coi là các quan điểm thiểu số hoặc không bán chạy. Các quyết định phát hành cái gì và như thế nào thông thường sẽ gây tranh cãi. *Các quy tắc hành nghề tốt* có thể đưa ra định hướng. Nếu không thì mục đích đa dạng về báo chí sẽ chỉ để đảm bảo rằng các quan điểm khác nhau có thể được đọc, được nghe hay được nhìn thấy.

Các hạn chế quyền mang tính hợp pháp

Không có tự do mà không có trách nhiệm, bởi vì các tự do không hạn chế có thể dẫn đến các vi phạm quyền con người khác, như quyền riêng tư. Nhưng những hạn chế cần được các chính phủ biện minh bằng những lý do hợp pháp, thông qua ý kiến của công chúng và sau cùng là các thiết chế tư pháp.

Theo Điều 29 Tuyên ngôn thế giới về quyền con người, việc thực hiện các quyền và tự do của mọi người có thể hạn chế khi được luật pháp cho phép, đặc biệt, “vì mục đích đảm bảo việc thừa nhận và tôn trọng nhất định đối với các quyền và tự do của người khác...”. Điều 19(3) Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị cho thấy các quyền đưa ra phải đi cùng các nghĩa vụ và trách nhiệm đặc biệt. Điều này thể hiện ở chỗ tự do ngôn luận và tự do báo chí có thể là một quyền rất nhạy cảm phải được xử lý đúng đắn. Các nghĩa vụ và trách nhiệm không được thể hiện trong Công ước nhưng thường được thấy trong các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp hay luật pháp quốc gia, tuy nhiên với điều kiện là không xâm phạm đến nội dung của quyền con người này. Các nghĩa vụ và trách nhiệm điển hình liên quan đến nghĩa vụ về thông tin khách quan, đặc biệt,

nghĩa vụ báo cáo một cách trung thực và ở mức tối thiểu, cho phép có các quan điểm khác nhau, ...

Một số trách nhiệm trùng hợp với các lý do để hạn chế tự do ngôn luận nhưng không có giới hạn nào là hợp pháp đối với tự do quan điểm.

Theo Điều 19(3) Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, có thể có ba dạng hạn chế, với điều kiện chúng được áp dụng thông qua luật pháp và cân nhắc tính cần thiết:

- “...tôn trọng các quyền và thanh danh của người khác; hoặc
- Bảo vệ an ninh quốc gia hay trật tự công cộng; hay
- Bảo vệ sức khỏe cộng đồng hay đạo đức.”

Theo các quy tắc về giải thích pháp luật, những giới hạn về quyền có thể được giải thích một cách giới hạn. Quyền chính yếu không được làm suy yếu còn hạn chế không được phép mở rộng hơn khi cần thiết để bảo vệ các quyền của người khác và những lợi ích cộng đồng cơ bản được đề cập ở trên.

Điều 10 Công ước quyền con người châu Âu ghi nhận danh sách các hạn chế có thể được phép dài hơn, nhưng phải là chính xác hơn. Điều này cho thấy việc thực hiện tự do ngôn luận có thể là đối tượng của “...các điều kiện, giới hạn, hay hình phạt như trong luật và cần thiết trong một xã hội dân chủ”. Những giới hạn đó có thể được biện minh bởi:

- “...các lợi ích của an ninh quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ hay an toàn công cộng,
- Ngăn ngừa rối loạn, tội phạm, bảo vệ sức khỏe hay đạo đức,
- Bảo vệ danh tiếng hay quyền của người khác,
- Ngăn ngừa tiết lộ thông tin mật, hay
- Duy trì quyền lực và tính công bằng của tư pháp.”

Không có quyền nào khác có một loạt lý do loại trừ. Tuy nhiên, hai tiền đề chủ yếu phải được đáp ứng nhằm giới hạn quyền một cách hợp pháp. Loại trừ phải được:

- ghi nhận trong luật pháp và
- cần thiết trong một xã hội dân chủ.

“Quy định bởi pháp luật” nghĩa là giới hạn phải là một điều luật của Quốc hội và không phải là một lệnh thực thi của chính phủ. Điều quan trọng đặc biệt là: “... cần thiết trong một xã hội dân chủ”. Điều này kết nối tự do ngôn luận và tự do báo chí với khái niệm về một xã hội mở và đa nguyên, được quản lý bởi những biện pháp dân chủ. Tòa án quyền con người châu Âu rất nghiêm khắc về yêu cầu này thể hiện ở vụ án Lingens. Năm 1986, Tòa án quyền con người châu Âu quyết định một chính trị gia phải chấp nhận bị chỉ trích ở mức độ cao hơn một người bình thường và không được cấm phóng viên phát ngôn nhằm bảo vệ danh dự của bản thân. Theo đó, luật về tội phỉ báng cho phép truy tố các phóng viên chỉ trích cá nhân ở nơi công cộng phải được cân đối với tự do báo chí. Do vậy, nguyên tắc cân đối luôn cần được cân nhắc.

Theo Điều 4 Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc năm 1965, việc truyền bá các ý tưởng phân biệt chủng tộc, kích động phân biệt chủng tộc hay cấp tiền cho các hoạt động phân biệt chủng tộc cần phải bị các quốc gia thành viên trừng phạt, cần tuyên bố là bất hợp pháp và cấm các tổ chức và các hoạt động truyền bá thúc đẩy và kích động phân biệt chủng tộc.

Không phân biệt.

3. THỰC THI VÀ GIÁM SÁT



Một loạt các văn kiện và các thủ tục tồn tại nhằm thực hiện quyền con người về tự do ngôn luận và các quyền cấu thành. Trước hết, các quốc gia có nghĩa vụ đưa các tự do vào luật trong nước và đưa ra các giải pháp về luật trong những trường hợp có cáo buộc vi phạm. Theo đó, có thể thấy quyền này được ghi ở hầu hết các hiến pháp như là danh mục các quyền và tự do cơ bản.

Các tiêu chuẩn tối thiểu xuất phát từ các nghĩa vụ quốc tế ở cấp độ toàn cầu và tồn tại cả ở cấp độ khu vực.

Nhiều loại quy định và luật báo chí và truyền thông cũng rất quan trọng. Chúng xác định cụ thể hơn quyền này và những giới hạn trong hoạt động hàng ngày phù hợp với các nghĩa vụ quốc tế và luật pháp quốc gia. Chúng có thể tạo nên các cơ quan giám sát quốc gia quản lý hay tự quản lý báo chí và báo điện tử, ví dụ như các hội đồng báo chí hay truyền thông, thường bao gồm các chuyên gia và/hoặc các đại diện của xã hội dân sự. Nhằm quản lý ngành báo chí, để đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng và kích thích cạnh tranh, quốc gia có thể phát hành giấy phép cung cấp không phân biệt.

Nhiệm vụ của một số cơ chế quản lý hay giám sát là giám sát sự thực thi của quốc gia. Ví dụ, theo Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, các quốc gia có nghĩa vụ nộp báo cáo quốc gia định kỳ (5 năm) về việc thực thi nghĩa vụ quốc gia, và Ủy ban quyền con người xem xét các báo cáo này. Điều này giải thích Điều 19 trong Bình luận chung số 10 năm 1983. Ủy ban có thể nhận được các kháng thư, ví dụ khiếu nại cá nhân, nếu quốc gia liên quan đã phê chuẩn Nghị định thư bổ sung thứ nhất của Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 (105 trong số 155 quốc gia vào tháng 01/2006).

Các cơ chế giám sát khu vực như các hệ thống Liên Mỹ và châu Phi cho phép cá nhân liên lạc với các Ủy ban mà các Ủy ban này có thể đưa ra các kết luận và khuyến nghị. Trong trường hợp hệ thống liên Mỹ và châu Âu, Tòa án có thể đưa ra những quyết định mang tính ràng buộc với các quốc gia và yêu cầu đền bù. Bên cạnh đó, có “thủ tục giám sát của Ủy ban các bộ trưởng” của Hội đồng châu Âu, bao quát cả tự do ngôn luận và tự do thông tin tại các quốc gia thành viên.



Ngoài các thủ tục thông thường, còn có những thủ tục dựa trên hiến chương tương tự như Báo cáo viên đặc biệt về vấn đề thúc đẩy và bảo vệ tự do quan điểm và tự do ngôn luận, Báo cáo viên

này báo cáo với Hội đồng quyền con người Liên hiệp quốc về tình trạng tự do ngôn luận trên khắp thế giới, giám sát, khuyến nghị và giải thích về các thành tố của quyền con người này.

Đối với 55 thành viên của Tổ chức an ninh và hợp tác tại châu Âu (OSCE), đại diện cho Tự do báo chí được bổ nhiệm năm 1997. Nhiệm vụ của đại diện này là lần theo các tiến triển của ngành báo chí của các nước tham gia nhằm thúc đẩy báo chí tự do, độc lập và đa nguyên, điều cần thiết đối với một xã hội tự do và cởi mở và một hệ thống chính phủ có trách nhiệm, dựa trên các cam kết quốc tế và các tiêu chuẩn OSCE thông qua trong một loạt những hội nghị tiếp theo và các hội nghị chuyên gia kể từ sau Đạo luật cuối cùng Helsinki năm 1975.

Vai trò của các hiệp hội nghề nghiệp và các NGO khác

Các hội nghề nghiệp như Liên đoàn phóng viên quốc tế, Viện Báo chí quốc tế (IPI), PEN quốc tế, Hiệp hội các nhà xuất bản quốc tế (IPA) hay Trao đổi tự do ngôn luận quốc tế (IFEX) tập hợp thông tin tổng hợp ở cấp độ quốc gia về tự do báo chí tại các quốc gia hay khu vực khác nhau trên thế giới và ủng hộ các thành viên chống lại những hạn chế. Các tổ chức này lưu ý đến các tình huống, trong đó tự do bị vi phạm, chỉ trích các hạn chế, tiến hành các chiến dịch hay kêu gọi hành động khẩn cấp và chuẩn bị các báo cáo về các vấn đề đặc biệt như tập trung báo chí, tham nhũng, bí mật và minh bạch quốc gia theo các quy định về Tự do thông tin. Làm như vậy, họ nhận được sự ủng hộ của các NGO chuyên bảo vệ tự do báo chí, cũng như tổ chức “Điều 19” hay Phóng viên không biên giới (~~ÖZ~~ *Thông tin bổ sung*) cũng như các NGO về quyền con người nói chung như Tổ chức Ân xá quốc tế hay Hội đồng chính sách quyền con người quốc tế. Ngoài ra, họ còn hợp tác với các tổ chức liên chính phủ và các thiết chế đặc biệt như Báo cáo viên đặc biệt của Liên hiệp quốc về tự do ngôn luận và đại diện của OSCE về tự do báo chí.

Ở cấp độ quốc gia, các cơ quan giám sát mang tính thiết chế như Ủy ban báo chí độc lập hay hiệp hội nghề nghiệp và NGO đặt ra mục tiêu ngăn chặn các vi phạm quyền con người, luật và thực tiễn pháp luật và phi báng thái quá có thể buộc phóng viên phải im lặng. Các cơ quan này cũng theo dõi vấn đề tôn trọng các quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực này.

4. QUAN ĐIỂM LIÊN VĂN HÓA



Những khác biệt về văn hóa dẫn đến sự đa dạng trong việc thực hiện tự do ngôn luận. So sánh với Mỹ, châu Âu và các quốc gia khác, có quan điểm khác biệt liên quan đến phát ngôn mang tính gây hấn, tấn công vào phẩm giá của một nhóm. Châu Âu không tha thứ cho sự vận động chính sách mang tính hằn thù dân tộc, chủng tộc hay tôn giáo, đặc biệt chủ nghĩa bài Do Thái, tuyên truyền về phát xít hay phủ nhận nạn tàn sát người Do Thái và bất cứ các hình thức cực đoan nào. Điều này ít nhất một phần cũng thể hiện tự do ngôn luận (Lần sửa đổi thứ nhất) trong Hiến pháp Mỹ.

Ví dụ, việc kết tội nhà văn Anh David Irving tại Áo 3 năm tù vì phủ nhận nạn bài Do Thái năm 2006 đã bị chỉ trích thậm chí bởi chính các nhà văn Do Thái tại Mỹ như là sự vi phạm hiểu biết về tự do ngôn luận mà tự do này vốn bao hàm cả “tự do đối với những tư tưởng mà ta ghét” (Jeff Jacoby. Ngày 03/3/2006. Toàn cầu Boston).

Những khác biệt đôi khi tế nhị đã được minh họa trong vụ ECHR Jersild kiện Đan Mạch khi Tòa án phát hiện ra là việc trừng phạt một phóng viên đăng tải bài phỏng vấn những thanh niên phân biệt chủng tộc đưa ra các phát ngôn mang tính phân biệt chủng tộc đã vi phạm tự do thông tin theo Điều 10 ECHR, trong đó những người đưa ra các phát ngôn đó không được bảo vệ bởi Điều 10.

Theo “học thuyết ngoài lề nhận thức” của Tòa án quyền con người châu Âu, vẫn có chỗ cho sự

khác biệt giữa các quốc gia châu Âu. Điều này liên quan đến việc bảo vệ đạo đức gắn với vấn đề phát ngôn, văn học hay đăng tin bị coi là mang tính khiêu dâm. Vấn đề khuôn phép hay bảo vệ người vị thành niên cũng như những nội dung gây hại khác, thuộc về quốc gia, vốn thường sử dụng các thiết chế độc lập để chỉ đạo báo chí về khía cạnh này.

Các tiêu chuẩn khác nhau cũng tồn tại liên quan đến việc chỉ trích công khai các chính trị gia hay thể chế tôn giáo. Ví dụ, điều được xem là tự do nghệ thuật đôi khi có thể bị coi là sự báng bổ với người khác. Hậu quả là tự do ngôn luận và tự do báo chí là một quyền rất nhạy cảm, phải tôn trọng những giới hạn nhất định, nhưng cũng phải được bảo vệ chống lại xu hướng nhà nước và các nhân vật có ảnh hưởng ép buộc những nhà phê bình phải im lặng.

Các bức biếm họa nhà tiên tri Muhammad, lần đầu tiên được đăng trên 1 tờ báo của Đan Mạch năm 2005 và sau đó được nhiều báo chí phương Tây in lại, đã gây ra những phản ứng mang tính bạo lực tại một số quốc gia Hồi giáo cũng như việc tẩy chay hàng của Đan Mạch. Chính phủ Đan Mạch buộc phải xin lỗi. Điều này dẫn đến một cuộc tranh luận trên khắp thế giới về những giới hạn của tự do báo chí và tự do ngôn luận không tôn trọng các cảm xúc tôn giáo như là một phần của tự do tín ngưỡng, có liên quan không chỉ ở cấp độ quốc gia mà hiện nay còn có sức mạnh ở cấp độ toàn cầu. Tại châu Á, những vi phạm tự do ngôn luận và tự do báo chí đã được biện minh trên cơ sở duy trì sự ổn định đất nước, bị đe dọa bởi “báo cáo vô trách nhiệm” của báo chí, gây kích động xung đột chính trị. Tuy nhiên, hội thảo ASEM tổ chức năm 2000, liên quan đến chủ đề trên trong đối thoại Á - Âu cho thấy các chính phủ thường hành động phản ứng thái quá và hạn chế tự do báo chí nhiều hơn mức cần thiết. Các vấn đề phổ biến như tập trung báo chí hay thiếu độc lập của phóng viên trên diện rộng và hơn cả những khác biệt về khu vực. Trong các trường hợp mâu thuẫn, đó là trách nhiệm của cơ quan tư pháp độc lập, rút ra kết luận giữa tự do

ngôn luận và tự do báo chí với những giới hạn cho phép vì lợi ích ổn định của một quốc gia dân chủ và tính toàn vẹn về đạo đức của một cá nhân, vốn trở thành đối tượng bị cáo buộc một cách không căn cứ trên báo chí.

Ví dụ, tại Banja Luka ở Bosnia và Herzegovina, vài năm sau khi chiến tranh kết thúc, một tờ báo đã đăng danh sách những người bị cáo buộc phạm tội ác chiến tranh. Điều này đã bị chính quyền cấm do có thể gây nguy hiểm cho những người này, những người chưa bị chính thức kết tội, có thể bị trả thù cá nhân.

Trường hợp Dự án quyền hiến pháp, Tổ chức tự do dân sự và Chương trình nghị sự các quyền báo chí kiện Nigeria, Ủy ban các quyền con người và dân tộc châu Phi đã giải quyết vấn đề nghiêm cấm các báo thông qua một sắc lệnh hành pháp bởi chính phủ quân sự của Nigeria, hướng vào lực lượng chống đối.

*“Nói không phải là điều dễ dàng,
tiếp tục im lặng là nguy hiểm.”*

Thành ngữ Mali

Ủy ban nhận thấy:

“Các sắc lệnh như vậy gây đe dọa nghiêm trọng đối với cộng đồng về quyền được tiếp nhận thông tin, không phù hợp với những gì mà chính phủ muốn cộng đồng biết đến. Quyền tiếp nhận thông tin là quan trọng: Điều 9 Hiến chương các quyền con người và dân tộc châu Phi dường như không cho phép vi phạm, dù mục đích của thông tin hay quan điểm và tình hình chính trị của một quốc gia là như thế nào. Do đó, Ủy ban thấy việc cấm đoán các báo là vi phạm Điều 9(1)”.

Liên quan đến các biện pháp chống lại phóng viên sau cuộc chính biến tại Gambia, Ủy ban châu Phi nhận thấy:

“Sự đe dọa, bắt hay giam giữ phóng viên vì các bài báo và những câu hỏi mà họ đặt ra đã tước đi không chỉ được tự do phát ngôn và thể hiện quan điểm của phóng viên mà là quyền thông tin của

cả cộng đồng. Hành động này rõ ràng là sự vi phạm Điều khoản của Điều 9 Hiến chương.”

(Nguồn: Báo cáo hoạt động thứ 13 của Ủy ban quyền con người và các dân tộc châu Phi 1999-2000: http://www.chr.up.ac.za/hr_docs/documents/13th_Annual_Activity_Report-AHG.pdf)

Tuyên bố Marrakesh do Hội nghị “Vai trò và địa vị của báo chí trong xã hội thông tin tại châu Phi và Khu vực A-rập” thông qua ngày 24/11/2004 khẳng định lại rằng “tự do ngôn luận và tự do báo chí là điểm cốt lõi của vấn đề xây dựng xã hội thông tin ở châu Phi, khu vực A-rập và trên khắp thế giới” (Nguồn: *Soulbeat Africa - Giao tiếp để thay đổi*: <http://www.comminit.com/africa>)

Tổ chức NGO về Theo dõi tự do báo chí A-rập đã được thành lập nhằm hoạt động chủ động để bảo vệ tự do báo chí, quyền con người và thúc đẩy dân chủ gắn kết với Hiệp hội phóng viên A-rập.

5. NIÊN BIỂU SỰ KIỆN

1948	Tuyên ngôn thế giới về quyền con người
1966	Công ước Liên hiệp quốc về các quyền dân sự và chính trị
1978	Tuyên bố về các nguyên tắc cơ bản của UNESCO liên quan đến đóng góp của

Báo chí đối với việc thúc đẩy hòa bình và Hiểu biết quốc tế, thúc đẩy quyền con người và chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, Apartheid và kích động chiến tranh

1983	Bình luận chung của Ủy ban quyền con người Liên hiệp quốc về Điều 19 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị
1993	Báo cáo viên đặc biệt của Liên hiệp quốc về việc bảo vệ và thúc đẩy quyền tự do quan điểm và tự do ngôn luận
1997	Đại diện của OSCE về tự do báo chí
1999	Nghị quyết của Ủy ban quyền con người về tự do quan điểm và ngôn luận (1999/36)
2001	Công ước CoE về tội phạm số và Nghị định thư bổ sung 2003
2003	Hội nghị thượng đỉnh về thông tin thế giới, phần một, tại Geneva: Tuyên bố về các nguyên tắc và Kế hoạch hành động
2005	Hội nghị thượng đỉnh thông tin thế giới, phần 2, tại Tunis: Cam kết Tunis và Chương trình nghị sự Tunis về một xã hội thông tin

ĐIỀU CẦN BIẾT

1. VAI TRÒ CỦA TỰ DO BÁO CHÍ TRONG XÃ HỘI DÂN CHỦ

Đa dạng báo chí là một thành tố không thể thiếu trong một nền dân chủ. Vai trò quan trọng của báo chí hay còn gọi là “quyền lực thứ tư”, bên cạnh các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, đòi hỏi sự quan tâm đặc biệt và trách nhiệm của phóng viên và chủ báo không được vi phạm quyền con người của người khác khi thực hiện các tự do của mình.

 Quyền dân chủ

Tự do của một xã hội cụ thể có thể dễ dàng xác

định bởi tự do của báo chí và truyền thông. Bước đầu tiên mà các chính phủ độc tài hay các chế độ chuyên chính thường thực hiện là giới hạn hay xóa bỏ tự do ngôn luận và tự do báo chí. Nhằm tái thiết và hòa nhập các xã hội dân chủ sau chiến tranh và xung đột, một hệ thống báo chí đa dạng, làm việc dựa trên sự tôn trọng và khoan dung các quan điểm khác và hạn chế kích động hận thù và bạo lực, là quan trọng nhất.

“Thông tin là ô xy của nền dân chủ”

Điều 19 - Chiến dịch toàn cầu vì tự do ngôn luận.

“Phóng viên là người bảo vệ nền dân chủ.”

**Maud de Boer - Buquico, Phó Tổng thư ký
Hội đồng châu Âu. Năm 2002.**

Điều này đòi hỏi phải có một khuôn khổ pháp lý phù hợp, đảm bảo tính độc lập của báo chí công và tính đa dạng trong báo chí tư nhân và giám sát các hoạt động báo chí liên quan đến những tiêu chuẩn khách quan, tính công bằng và nghiêm túc.

2. BÁO CHÍ VÀ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ



Các dân tộc thiểu số thường gặp phải những vấn đề liên quan đến tiếp cận với báo chí và có báo chí trong ngôn ngữ của họ. Tại châu Âu, các tiêu chuẩn ràng buộc cụ thể dựa trên Điều 19 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, Điều 10 Công ước châu Âu về quyền con người hiện hữu. Trong số đó, đáng lưu ý là Điều 9 Công ước khung châu Âu về việc bảo vệ các dân tộc thiểu số của Hội đồng châu Âu năm 1995. Theo đó, các cá nhân thuộc các dân tộc thiểu số cũng có tự do quan điểm và tự do ngôn luận. Tự do tìm kiếm, tiếp nhận hay truyền bá thông tin hay ý kiến bằng các ngôn ngữ thiểu số bất kể biên giới nào cũng phải được các cơ quan chính quyền tôn trọng. Các chính phủ phải đảm bảo các dân tộc thiểu số không bị phân biệt đối xử liên quan đến việc tiếp cận báo chí, cần được tạo điều kiện thuận lợi trên thực tế.

Các dân tộc thiểu số không bị ngăn cản ra báo in của riêng mình cũng như báo chí điện tử trong khuôn khổ pháp luật. Các tiêu chuẩn tiếp theo cũng được ghi nhận trong khuôn khổ OSCE. Tuy nhiên, tình hình trở nên phức tạp hơn liên quan đến cái được gọi là “các nhóm thiểu số mới” bắt nguồn từ việc di dân. Trái ngược với các dân tộc thiểu số hay dân tộc thiểu số “cũ”, các nhóm thiểu số này thường không có các quyền được pháp luật bảo vệ để tiếp cận với báo chí. Điều này đặc biệt đáng lo ngại khi xem xét vấn đề bài ngoại trong đó các dân

tộc này đôi khi vẫn bị báo chí truyền thống miêu tả theo khía cạnh bài ngoại, trong khi có thể là tự do biểu đạt của họ lại bị hạn chế.

Điều 11 Hiến chương châu Âu về ngôn ngữ thiểu số và khu vực của Hội đồng châu Âu cam kết các nước thành viên đảm bảo thích đáng rằng các báo đài làm những chương trình sử dụng ngôn ngữ thiểu số hoặc khu vực hoặc đảm bảo, khuyến khích và/hoặc hỗ trợ việc thành lập ít nhất một kênh phát thanh và kênh truyền hình bằng ngôn ngữ thiểu số hoặc khu vực.

“Báo chí có vai trò trung tâm trong nền dân chủ, cung cấp thông tin cho công chúng và đánh giá việc thực thi các vấn đề công mà không sợ hãi việc bị truy tố, kiện tụng hay đàn áp.”

Kevin Boyle. Năm 2000. Giới hạn tự do ngôn luận.

3. TỰ DO BÁO CHÍ VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Tự do báo chí và phát triển kinh tế chủ yếu được coi là tự do không bị sợ hãi và tự do mong muốn. Tính độc lập và không thể phân chia của các quyền con người đòi hỏi cách tiếp cận mang tính chính thể luận đối với các quyền con người, thể hiện bởi tầm quan trọng của tự do ngôn luận và tự do báo chí vì sự phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo và đáp ứng các quyền kinh tế và xã hội cơ bản của người dân. Không có thông tin của báo chí, chẳng ai có thể biết tới những hạn chế trong tiếp cận hay phân bổ lại các nguồn lực và tham nhũng.

“Chưa bao giờ có một nạn đói lớn tại một quốc gia có chính phủ dân chủ và tự do báo chí tương đối.”

Amartya Sen, Nhà kinh tế học đạt giải Nobel

4. TUYÊN TRUYỀN CHIẾN TRANH VÀ KÍCH ĐỘNG SỰ THÙ HẬN

Theo Điều 20 (1) của Công ước quốc tế về các

quyền dân sự và chính trị, bất kỳ sự tuyên truyền cho chiến tranh nào đều phải bị luật pháp nghiêm cấm, trong khi đó Điều 20 (2) nghiêm cấm kích động sự phân biệt đối xử, thù địch hay bạo lực thông qua vận động gây thù hằn dân tộc, chủng tộc hay tôn giáo. Báo chí có vai trò thực hiện phần nào trách nhiệm đối với các cuộc chiến tranh tại Nam Tư cũ khi tuyên truyền về chiến tranh hay kích động sự căm thù và thanh trừ sắc tộc. Sự phát sóng của Đài truyền thanh Mille Collines có vai trò chủ yếu trong vấn đề diệt chủng tại Rwanda năm 1994 trong đó hơn 1 triệu người bị giết hại. “Đừng giết những inyenzi đó (những con gián) bằng một phát súng - hãy băm chúng thành muôn mảnh bằng dao rựa” là một trong những tuyên bố được phát sóng, kêu gọi người Hutu giết hại người Tutsi và những người Hutu đồng cảm với sự nghiệp của người Tutsi. Đài phát thanh này do các thành viên gia đình của Tổng thống Habyarimana người Hutu thành lập năm 1993. Cái chết của vị Tổng thống này chính là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến sự bùng nổ nạn diệt chủng. Trách nhiệm của đài phát thanh đã được xác lập tại Tòa án hình sự quốc tế về vấn đề Rwanda tại Arusha.

*“Khi tuyên bố chiến tranh,
sự thật trước hết là thương vong.”*

**Arthur Ponsonby, Chính trị gia
và nhà văn Anh. Năm 1928**

5. KINH NGHIỆM TỐT

- * UNESCO đã khởi xướng Ngày Tự do báo chí thế giới - ngày 3/5 và Giải tự do báo chí thế giới.
- * Dự án tội ác chiến tranh đã nhóm họp các phóng viên, luật sư và các học giả, nâng cao nhận thức về luật chiến tranh của giới báo chí, chính phủ, các NGO nhân đạo và quyền con người.
- * Trong trường hợp Kosovo, một Ủy ban Báo chí độc lập và một Hội đồng báo chí được thành lập, giám sát việc thực hiện các tiêu chuẩn trong các quy tắc và luật báo chí. Các cơ quan này cũng có

trách nhiệm cấp phép. Năm 2001, các thanh tra viên của Liên bang Bosnia và Herzegovina báo cáo rằng họ theo sát tiến trình cấp giấy phép của Cơ quan quản lý truyền thông (CRA) và một số trường hợp can thiệp liên quan đến tính minh bạch và các điều kiện bình đẳng đối với mọi đối tượng nộp đơn xin cấp phép. CRA chấp nhận những khuyến nghị của các thanh tra.

*“Ngôn từ giết hại trước,
sau mới đến mũi tên hòn đạn.”*

Adam Mihnuk, Nhà văn Ba Lan.

6. TỰ DO BÁO CHÍ VÀ GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI

“Trong báo chí tồn tại tình trạng thiếu kiến thức nghiêm trọng về quyền con người. Nhiều phóng viên - giống như các chính trị gia và các đối tượng khác hoạt động trong xã hội dân sự - không biết tới Tuyên ngôn thế giới về quyền con người và các công ước và cơ chế quyền con người quốc tế. Thường thì các đối tượng này không hiểu sự khác biệt giữa luật quyền con người và luật chiến tranh. Hậu quả là có sai lầm rõ ràng vì quyền con người thường bị coi là chỉ liên quan đến việc báo cáo lại xung đột.”

*Hội đồng quyền con người quốc tế. Năm 2002.
Báo chí, truyền thông và thách thức của việc báo cáo quyền con người.*

Trong các bình luận về Thập kỷ giáo dục quyền con người của Liên hiệp quốc, Hiệp hội các nhà xuất bản quốc tế (IPA) đại diện cho 78 thiết chế tại 66 quốc gia, đã nhấn mạnh tầm trọng của các hoạt động nâng cao nhận thức liên quan đến tự do ngôn luận và tự do phát hành.

(Nguồn: **Hội đồng kinh tế và xã hội Liên hiệp quốc. Năm 2003.** Thúc đẩy và bảo vệ quyền con người: thông tin và giáo dục. Thực hiện Kế hoạch hành động của Thập kỷ giáo dục quyền con người

7. CÁC XU HƯỚNG

Báo chí và mạng internet

Theo Báo cáo phát triển con người của Liên hiệp quốc năm 2001 và Báo cáo của UNESCO năm 2005 “Hướng tới các xã hội tri thức”, mạng internet đã phát triển theo hàm mũ trong suốt những năm qua, từ 16 triệu người sử dụng năm 1995 lên đến hơn 500 triệu năm 2004. Tuy nhiên, số người được tiếp cận internet chỉ dưới 11% trên toàn thế giới và dưới 1% ở châu Phi. Điều này đặt ra vấn đề “đoàn kết số”. Tuy nhiên, việc phát triển mạng toàn cầu đã có tác động quan trọng đối với báo chí, mở ra những lựa chọn mới đối với cả phóng viên và các nhà xuất bản. Thậm chí các doanh nghiệp truyền thông nhỏ hơn cũng có cơ hội tiếp cận với cộng đồng dân cư toàn cầu. Tuy vậy, một số quốc gia áp dụng việc kiểm soát và kiểm duyệt internet bằng cách chặn sự tiếp cận những trang web cụ thể. Năm 2005, các NGO ủng hộ cho Chính phủ Trung Quốc tiến hành theo dõi các đối tượng chống đối về chính trị tấn công một số công cụ tìm kiếm như Yahoo! và Google.

Hướng tới các xã hội tri thức ở phương Nam

Việc chuyển đổi xã hội thông tin thành các xã hội tri thức được dựa trên sự gia tăng tính sẵn có của thông tin và công nghệ truyền thông. Trong bối cảnh tự do ngôn luận, quốc gia có nghĩa vụ tích cực đem lại sự tiếp cận công nghệ thông tin, vốn là vấn đề không thể thiếu đối với việc tiếp cận tri thức.

Vì mục đích này, nhân sự kiện Hội nghị thượng đỉnh thế giới về xã hội thông tin năm 2003, một sáng kiến được phát động nhằm thiết lập các Trung tâm đa truyền thông cộng đồng (CMCs) nhằm thu hẹp khoảng cách số đối với các cộng đồng vẫn chưa được tiếp cận với công nghệ thông tin. Cách tiếp cận thông qua đường kết nối, tìm hiểu và phối hợp các công nghệ cũ và mới bằng cách kết hợp đài phát thanh khu vực địa phương với các cơ sở hạ tầng trung tâm viễn thông cộng đồng như các máy tính nối mạng internet, dịch vụ thư điện tử, điện thoại, fax, và phổ-tô. Mục tiêu là cho phép các thành viên trong cộng đồng trở thành những người sử dụng thường xuyên các công nghệ mới và tiếp cận thông tin sẵn có trên toàn thế giới.

(Nguồn: UNESCO. Năm 2005. Hướng tới các xã hội tri thức. Paris)

CÁC HOẠT ĐỘNG LỰA CHỌN

HOẠT ĐỘNG I: TRANG ĐẦU 1

Phần I: Giới thiệu

Đây là diễn xuất của một nhóm các nhân viên tư vấn để hoàn thành trang đầu của một tờ báo in. Học viên thảo luận việc nhập vai qua khảo sát các vấn đề về kiểm duyệt, khuôn mẫu và tính khách quan trong báo chí.

Loại hoạt động: đóng vai

Phần II: Thông tin chung về việc đóng vai

Mục đích và mục tiêu:

- Phản ánh trên báo chí và cách tiếp cận đối với các vấn đề quyền con người.
- Khảo sát và phản ánh xu hướng giạt gân câu

khách, khuôn mẫu và tính khách quan trong báo chí

- Xác định các cơ chế kiểm duyệt và các vấn đề của tự do ngôn luận và tự do báo chí.

Đối tượng: người đã trưởng thành

Số lượng: 8 - 25

Thời gian: khoảng 90 phút

Chuẩn bị: chọn trang chủ của các báo địa phương hay quốc tế.

Các kỹ năng liên quan: kỹ năng truyền thông, phân tích và tư duy phê phán

Phần III: Thông tin cụ thể về việc đóng vai

Thể hiện đóng vai:

Giải thích rằng đây là việc khuyến khích nhóm

làm việc về tự do báo chí và các giới hạn của tự do báo chí, sẽ được truyền phát trên đài truyền hình địa phương.

Thông báo cho học viên về thảo luận dựa trên một số trang đầu được thu thập để miêu tả cụ thể hơn các quan điểm và phổ biến các quan điểm đó.

Chỉ định một nhóm 4 học viên nhập vai:

- Một nhà hoạt động quyền con người: người này chỉ ra tính chất hai mặt của báo chí. Một mặt, báo chí báo cáo các vi phạm quyền con người, mặt khác báo chí lại thực hiện các vi phạm quyền con người, ví dụ truyền bá các cáo buộc không đúng hay kích động thù hận. Nhà hoạt động quyền con người này sẽ nhấn mạnh tuyên bố của mình thông qua các câu chuyện từ một trang mẫu của báo.
- Một phóng viên: phóng viên có cam kết quyền con người được tự do ngôn luận và tự do báo chí. Phóng viên này sẽ nói về tính cần thiết của tự do báo chí và thông qua một số câu chuyện từ các trang đầu báo để phân tích cho quan điểm của mình. Điều gì sẽ xảy ra nếu người ta không bao giờ đọc được những câu chuyện đó? Các phóng viên có nghĩa vụ khảo sát và đem lại thông tin cho bạn đọc.
- Nhà quản lý báo chí của quốc gia: người này chỉ ra những giới hạn của tự do ngôn luận và tự do báo chí. Những giới hạn này xuất hiện khi mâu thuẫn với các quyền khác như quyền riêng tư. Nhà quản lý nhắc lại trách nhiệm của quốc gia là người bảo vệ và vai trò đặc biệt của chính quyền cụ thể như nguyên thủ quốc gia, các nhà lãnh đạo tôn giáo, đảng cầm quyền hay cảnh sát.
- Người điều hành: người này dẫn dắt thảo luận về tự do báo chí và đặt ra các câu hỏi cho học viên. Người điều hành sẽ đề cập đến trang đầu của các báo để có những câu trả lời cụ thể.

Yêu cầu học viên nhập vai đứng thành vòng tròn và để người điều phối bắt đầu cuộc thảo luận. Người điều phối sẽ kết thúc thảo luận sau 30 phút.

Phản hồi:

Đề mọi người quay lại vị trí. Tiếp theo là phân tích việc đóng vai thông qua các câu hỏi thảo luận:

- Bạn nghĩ các vấn đề chính của tự do ngôn luận và tự do báo chí là gì?
- Có các dạng kiểm duyệt nào, bao gồm kiểm duyệt công cộng và kiểm duyệt tư nhân?
- Bạn đã bao giờ phải chấp nhận dạng kiểm duyệt hay tự kiểm duyệt nào trong đời chưa?
- Tại sao tự do quan điểm, tự do báo chí và tự do truyền thông lại quan trọng đến vậy?
- Có thể làm gì để bảo vệ các tự do đó một cách tốt hơn nữa?
- Có người nào hay thiết chế nào có thể không bị chỉ trích?
- Có các dạng thức kiểm duyệt nào cần được cho phép nhằm bảo vệ sự ổn định (dân chủ), hòa bình tôn giáo, tự tin giữa các dân tộc...?

Gợi ý về phương pháp:

Bạn càng lựa chọn các trang chủ cẩn thận, việc nhập vai và thảo luận sẽ càng sôi nổi hơn. Quyết định trước hết lựa chọn báo quốc tế hay báo địa phương. Cố gắng lựa chọn một số trang có tranh ảnh, có thể viết theo kiểu giật gân, câu khách.

Làm đa dạng thảo luận:

Sử dụng các bài báo có hình ảnh. Tách hình ảnh khỏi tiêu đề và yêu cầu học viên suy nghĩ xem hình nào thuộc về bài báo nào. Dẫn dắt họ thảo luận.

Phần IV: Tiếp theo

Nhiều đài phát thanh và truyền hình địa phương đem lại cơ hội cho các nhóm trong cộng đồng truyền phát thông tin. Thực hiện dự án theo nhóm nghiên cứu và truyền tải thông tin về các vấn đề mà người dân quan tâm. Sử dụng tiêu đề như “Hãy suy nghĩ một cách toàn cầu, hành động ở cấp địa phương” hay tương tự như thế.

Các quyền liên quan/lĩnh vực khác cần khảo sát:

Quyền tự do tư tưởng, quan điểm và ngôn luận, quyền phát triển, quyền sống, quyền về sức khỏe, quyền riêng tư.

HOẠT ĐỘNG 2: TÁC ĐỘNG CỦA INTERNET

Phần I: Giới thiệu

Hoạt động này bao gồm cả thảo luận theo nhóm nhỏ và thảo luận tổng thể, phân tích các khía cạnh tích cực và tiêu cực của việc sử dụng Internet, ảnh hưởng của nó đối với tự do ngôn luận và thách thức đối với tương lai của internet.

Loại hoạt động: thảo luận

Phần II: Thông tin chung về thảo luận

Mục đích và mục tiêu:

- Nâng cao nhận thức về tác động của internet và tiếp cận thông tin toàn cầu.
- Xác định ảnh hưởng của Internet đối với quyền con người.
- Khảo sát những hiện tượng liên quan đến Internet.

Nhóm mục tiêu: người trưởng thành

Số học viên: bất kỳ

Thời gian: khoảng 45 phút

Chuẩn bị: phô-tô nhiều bản, phân phát cho các nhóm (xem ở dưới)

Dụng cụ: các bản sao tài liệu phân phát, bảng dính

Kỹ năng liên quan: kỹ năng phân tích, biểu đạt các quan điểm khác nhau về một vấn đề, kỹ năng xây dựng nhóm ở cấp độ địa phương. Nếu có thể tiếp cận internet, hãy in những trang web của các tổ chức và phát các bản sao. Yêu cầu mọi người cho biết thông tin của mình về các tổ chức này. So sánh hoạt động của các tổ chức và việc thúc đẩy các tổ chức này thông qua internet. Dựa trên các kết quả tìm kiếm ở trên, thảo luận những lợi thế quan trọng nhất hay việc sử dụng internet để thúc đẩy quyền con người.

Phần III: Thông tin thảo luận cụ thể

Giới thiệu chủ đề: giới thiệu hoạt động thông qua việc cung cấp một số kiến thức chung, cung cấp cho nhóm một số thông tin cơ bản về internet đưa ra trong chuyên đề này; yêu cầu học viên thảo luận theo cặp về kinh nghiệm của bản thân sử dụng internet, các thuận lợi và bất lợi của việc sử dụng/không sử dụng internet. Thảo luận trong khoảng 10 phút.

Quá trình thảo luận:

Phân phát các bản sao tài liệu. Dựa trên cơ sở tài liệu, thảo luận tác động của internet, bất lợi và thuận lợi, sử dụng những câu hỏi sau:

- Học viên có biết về vi phạm quyền con người qua internet không (ví dụ như khiêu dâm trẻ em, tội phạm số)?
- Tại sao những vi phạm như vậy lại ngày càng tác động tới xã hội?
- Internet có thể làm gì để ngăn cản những việc như vậy xảy ra?
- Yêu cầu một hoặc hai học viên viết các điểm chính lên bảng.

Phản hồi:

Bắt đầu với những gì mà học viên biết được về mạng internet.

- Người ta đã biết được những gì về internet? Họ sử dụng internet ở mức nào? Họ sử dụng để làm gì? Nghiên cứu dạng lợi thế được ghi trên bảng.
- Lợi thế của việc sử dụng internet có vượt xa so với bất lợi không?
- Cần làm gì để giải quyết các bất lợi đó?

Gợi ý về phương pháp

Đánh giá xem học viên cảm thấy quen thuộc với internet ở mức độ nào trước khi tổ chức hoạt động, để có thể xác định cấp độ và cách tiếp cận tổng quát. Trong phần phản hồi, cần tập trung vào các vấn đề toàn cầu và địa phương liên quan đến tiếp cận công nghệ thông tin mới, đảm bảo rằng những người hoàn toàn không được tiếp cận hay gặp khó khăn khi tiếp cận internet có thể lên tiếng.

Gợi ý hoạt động đa dạng:

“Internet vì quyền con người” có thể thực hiện như một sự thay đổi hoặc tiếp nối hoạt động. Thu thập thông tin về các tổ chức quyền con người ở cấp độ quốc tế và/hoặc địa phương. Nếu có thể tiếp cận internet, in trang web và phân phát các bản sao. Yêu cầu mọi người cho biết thông tin mà họ có về các tổ chức này. So sánh các hoạt động và việc thúc đẩy các hoạt động đó thông qua internet. Dựa trên kết quả có được, thảo luận các thuận lợi quan trọng nhất hay việc sử dụng internet nhằm thúc đẩy quyền con người.

Phần IV: Tiếp theo

Khuyến khích học viên vào các trang web của các tổ chức quyền con người. Học viên có thể tiếp tục phản ánh về dự án nhằm:

- Sử dụng các nguồn internet sẵn có để nâng cao nhận thức về các vấn đề quyền con người trong khu vực.
- Tạo trang web riêng và kết nối với các tổ chức thanh niên khác đấu tranh vì một quyền con người đang bị đe dọa trong cộng đồng.

Các quyền liên quan/các lĩnh vực cần khảo sát khác:

Bất cứ quyền con người nào

(Nguồn: Trích từ: Hội đồng châu Âu. Năm 2002. Phạm vi: Sách hướng dẫn về giáo dục quyền con người cho thanh niên. Strasbourg: Hội đồng châu Âu.)

TÀI LIỆU PHÁT TAY CHO HỌC VIÊN:

Cân bằng web: Gây thù hận trên mạng

Mạng internet, đặc biệt là mạng toàn cầu, đã phát triển mạnh mẽ sau khi trang mạng *Mặt trận bảo tấp* - một trang mạng mang tính hằn thù cực đoan đầu tiên - ra đời vào năm 1995. Trang mạng này phát triển mà không có bất cứ sự suy giảm nào. Số người lên mạng ngày càng tăng, có nhiều người dễ bị lôi kéo, tin mù quáng, quan điểm và hành vi của họ bị tác động bởi sự hiện hữu của điều ác và những lời kêu gọi quỷ quyệt.

Sự xuất hiện của một loạt các trang web gây hận thù với nội dung do những phụ nữ cực đoan xác lập như *Chủng tộc của cô ấy*, *Phụ nữ vì sự đoàn kết* Aryan và *Nhà thờ thế giới* của người sáng tạo biên giới của phụ nữ, báo trước sự phát triển của tính hận thù trên mạng. Thông qua việc nói và làm để xác định vai trò của mình trong “phong trào” ủng

hộ thuyết cho rằng người da trắng là ưu việt, những nhân vật nữ cực đoan này đã lợi dụng đấu tranh cho thuyết bình quyền đòi hỏi lắng nghe tiếng nói của phụ nữ, vì mục tiêu hèn hạ là kích động rộng rãi lòng không khoan dung. Một số phụ nữ gây thù hận trên trang web này khẳng định vị trí mà nam giới thúc đẩy: chống đối người không phải là da trắng, thù hận hôn nhân dị chủng, và phần nộ đối với sự kiểm soát báo chí “chống da trắng”.

Trang web *Chủng tộc của cô ấy*, tại Stormfront nêu rõ: “Gaia: Mẹ của mọi người”. Trang web tuyên bố “Người da trắng đối diện với sự tuyệt chủng khi có nhiều người không phải là da trắng được sinh ra và xâm lược đất đai của chúng ta.” Trang web khẳng định “Người da trắng có quyền có nhiều con cái hơn là người không phải là da trắng.”

Những người bài Do Thái và phân biệt chủng tộc đã không đơn độc trong việc tuyên truyền sự thù hận trên internet. Các trang web chống người đồng tính, các trang web chống phá thai và sự hiện diện chống chính phủ của lực lượng dân quân và phong trào tòa án của luật thông lệ đã tham gia cùng những lực lượng trên trên mạng, như có các trang web làm bom, thúc đẩy chủ nghĩa cực đoan bạo lực dưới mọi hình thức.

Việc chống lại chủ nghĩa cực đoan trên mạng cho thấy những khó khăn to lớn về công nghệ và luật pháp. Thậm chí nếu có thể loại bỏ các trang web trên, thì tính chất của phương tiện truyền thông tin quốc tế này vẫn khiến cho quy định của luật pháp hầu như là không khả thi.

(Nguồn: **Đầu độc mạng: sự thù hận trên mạng:** http://www.adl.org/poisoning_web/poisoning_toc.asp)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ủy ban các quyền con người và dân tộc châu Phi. Năm 2000. *Báo cáo hoạt động thứ 13 của Ủy ban các quyền con người và dân tộc châu Phi 1999 - 2000.* Tài liệu có tại địa chỉ: http://www.chr.up.ac.za/hr_docs/documents/13th_Ann

[ual_Activity_Report-_AHG.pdf](#)

Trung tâm truyền thông và thông tin báo chí châu Á. Năm 2000. *Báo chí và quyền con người ở châu Á.* Singapore. AMIC.

Barendt, Eric. 2005. *Tự do phát ngôn. Phát hành lần*

2. Oxford: Nhà xuất bản Đại học Oxford.

Boyle, Kevin. Năm 2000. *Hạn chế đối với tự do ngôn luận*. Trong: Quỹ Á - Âu (ASEF). Hội thảo về quyền con người nội bộ ASEM lần thứ 3. Singapore. Trang 27-37.

Burnheim, Sally. Năm 1999. *Quyền giao tiếp - Mạng internet ở châu Phi*. London. Điều 19.

Byerly, Carolyn M. và Karen Ross. Năm 2006. *Phụ nữ và báo chí: Giới thiệu phê bình*. Oxford: Blackwell.

Carver, Richard. Năm 1995. *Ái thống trị sóng radio-phát ở châu Phi*. London: danh mục kiểm duyệt.

Chrétien, Jean-Pierre; năm 1995. *Rwanda - Les Mesdias du Gesnocide*. Paris: Karthala.

Cohen, Stanley. Năm 1995. *Sự phủ nhận và thừa nhận: tác động của thông tin về vi phạm quyền con người*. Jerusalem: Trung tâm quyền con người. Đại học Hebrew Jerusalem.

Hội đồng châu Âu. Năm 2005. *Bảo vệ phát ngôn tự do và quyền thông tin: báo chí trong thời điểm khủng hoảng*. Hội nghị. Strasbourg. 13-14/10/2005.

Hội đồng châu Âu. Năm 2004. *Hướng dẫn thực hiện Điều 10 Công ước về quyền con người châu Âu*. Xuất bản lần 2. Strasbourg.

Hội đồng châu Âu. Năm 2002. *Báo chí trong xã hội dân chủ: hòa hợp tự do ngôn luận với bảo vệ quyền con người*. Tài liệu có tại địa chỉ: <http://www.coe.int/MediaLuxembourgE>

Dự án tội ác chiến tranh: www.crimesofwar.org

Trung tâm các tiểu vương quốc nghiên cứu và học tập chiến lược. Năm 1998. *Cách mạng thông tin và Thế giới A-rập - tác động đối với Nhà nước và xã hội*. London: I.B.Tauris.

Fallows, James. Năm 1997. *Báo tin - Báo chí làm suy giảm nền dân chủ Mỹ như thế nào*. New York: Vintage.

Ngôi nhà tự do. Năm 2005. *Tự do báo chí 2005. Điều tra toàn cầu về tính độc lập của báo chí*. Lanham: Rowman và Littlefield.

Freire, Antonio. Năm 1999. *El Kike, La Checchi, La*

Elvira, El Gonzato y El Malo: La Tevedécada de los Noventa. Santiago de Chile: Ediciones Eace.

Goff, Peter (chủ biên). Năm 1999. *Tin tức Kosovo và chiến tranh tuyên truyền*. Vienna: Viện báo chí Quốc tế.

Gutman, Roy và David Rieff chủ biên. Năm 1999. *Tội ác chiến tranh - công chúng cần biết điều gì*. New York: W. W. Norton.

Hammond, Philip và Edward Herman (chủ biên). Năm 2000. *Năng lực suy giảm - báo chí và khủng hoảng Kosovo*. London: Nhà in Pluto.

Heyns, Christof. Năm 2002. *Các quyền dân sự và chính trị trong Hiến chương châu Phi*. Trong: Evans, Malcolm D.; Muray, Rachel. *Hiến chương các quyền con người và dân tộc châu Phi. Hệ thống thực thi. 1986 - 2000*. Cambridge: Nhà in Đại học Cambridge. Trang 137-177; trang 164ff.

Hill, Michael W. Năm 2005. *Tác động của thông tin đối với xã hội. Xuất bản lần 2*. London: Bowker Saur.

Tổ chức theo dõi quyền con người. Năm 1998. *Los Limites de la Tolerancia: Libertad de Expresión y Debate Publico en Chile*. LOM.

IFEX. Năm 2005. *Vận động vì tự do ngôn luận. Sổ tay dành cho người vận động*. Toronto.

Hội đồng chính sách quyền con người quốc tế. Năm 2002. *Báo chí, truyền thông và thách thức của việc đưa tin về quyền con người*. Tài liệu có tại địa chỉ: http://www.protectionline.org/IMG/pdf/journalism_media.pdf

Keane, John. Năm 1991. *Báo chí và dân chủ*. Cambridge: Nhà in chính thể.

Lenkova, Mariana (chủ biên). Năm 1998. *Phát ngôn thù hận giữa những người Balkans*. Athens: Liên đoàn Helsinki quốc tế.

Mansell, Robin. Năm 2005. *Điểm yếu của các xã hội tri thức: sự mập mờ, giảm chi phí và tiếp cận tại các nước đang phát triển*. Trong: Milward-Oliver, G. (chủ biên). *Maitland + 20 - hàn gắn đường nối bị mất*. Bradford: Trung tâm Anima. Trang 83-97.

McRae, Rob. Năm 2001. *An ninh con người, kết nối và xã hội dân sự toàn cầu mới*. Trong: McRae, Rob và Don Hubert (chủ biên). *An ninh con người và ngoại*

giao mới. Montreal: Nhà in Đại học McGill-Queen. Trang 236-249.

Mill, John Stuart. Năm 1859. *Về tự do*.

Moeller, Susan D. Năm 1999. *Sự mệt mỏi của lòng thương hại - báo chí đưa tin về bệnh tật, nạn đói, chiến tranh và cái chết thế nào*. New York: Routledge.

Nowak, Manfred. Năm 2005. *Bình luận của Công ước Liên hiệp quốc về các quyền dân sự và chính trị*. Xuất bản lần 2. Kehl và Rhein: N.P.Engel.

Pritchard, David (chủ biên). Năm 2000. *Buộc báo chí có trách nhiệm - công dân, đạo đức và luật pháp*. Bloomington: Nhà in Đại học Indiana.

Rantanen, Terhi. Năm 2005. *Báo chí và toàn cầu hóa*. London: Sage.

Phóng viên không biên giới. Năm 2004. *Internet bị giám sát. Các thách thức đối với luồng thông tin tự do*. Tài liệu có tại địa chỉ: http://www.rsrf.org/rubrique.php3?id_rubrique=433

Rothberg, Robert I. và Thomas G. Weiss. Năm 1996. *Từ tàn sát đến diệt chủng - báo chí, chính sách công và các cuộc khủng hoảng nhân đạo*. Washington, D.C.: Nhà in Viện Brookings.

Said, Edward. Năm 1997. *Viết về Đạo Hồi: báo chí và các chuyên gia xác định như thế nào về cách nhìn nhận của chúng ta đối với phần còn lại của thế giới*. London: Vintage.

Spencer, Graham. Năm 2005. *Báo chí và hòa bình. Từ Việt Nam đến "Cuộc chiến chống khủng bố"*. Basingstoke: Palgrave Macmillan.

Soulbeat châu Phi - Giao tiếp để thay đổi:
<http://www.comminit.com/africa>

Ủy ban quyền con người Nam Phi. Năm 2000. *Faultlines - điều tra chủ nghĩa phân biệt chủng tộc trong báo chí*. Johannesburg.

Todorovic, Mirjana. Năm 2003. *Tự do ngôn luận và quyền đối với phẩm giá và danh dự*. Trong: *Todorovic, M. (chủ biên). Văn hóa quyền con người*. Trung tâm quyền con người Belgrade. Trang 161-175.

UNESCO. Năm 2005. *Báo cáo thế giới UNESCO. Hướng tới các xã hội tri thức*. Tài liệu có tại địa chỉ:

<http://www.unescodoc.unesco.org/images/0014/001418/141843e.pdf>

Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc. *Báo chí và quyền trẻ em - giới thiệu thiết thực đối với báo chí chuyên nghiệp*. London: PressWise.

Hội đồng kinh tế và xã hội Liên hiệp quốc. Năm 2003. *Thúc đẩy và bảo vệ quyền con người: thông tin và giáo dục. Thực hiện Kế hoạch hành động của Thập kỷ giáo dục quyền con người của Liên hiệp quốc, 1995-2004*. Tài liệu có tại địa chỉ:

[http://www.unhchr.ch/Huridocda/Huridoca.nsf/0/4a13d09cd91c4ebbc1256cd200509750/\\$FILE/G0310042.pdf](http://www.unhchr.ch/Huridocda/Huridoca.nsf/0/4a13d09cd91c4ebbc1256cd200509750/$FILE/G0310042.pdf)

Uribe, Hernán. Năm 1999. *La Invisible Mordaza: El Mercado Contra la Prensa*. Santiago: Cuarto Propio.

Voltaire (françois Marie Arouet). Năm 1764. *Tự do báo chí. Trong: Từ điển triết học. Tái bản năm 1984*. London: Sách kinh điển Penguin.

Von Dohnanyi, Johannes và Christian Moller. Năm 2003. *Tác động của tập trung báo chí đối với báo chí chuyên nghiệp*. Vienna: OSCE.

Welch, Claude E. Năm 1998. *Hiến chương châu Phi và tự do ngôn luận ở châu Phi. Đánh giá 4 về Luật Quyền con người Buffalo*.

White, Aidan. Năm 2002. *Báo chí, tự do dân sự và cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố, Báo cáo cuối về hậu quả sự kiện 11/9 và tác động đối với báo chí và tự do dân sự*. Brussels: Liên đoàn nhà báo quốc tế.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Trung tâm báo chí phụ nữ châu Phi:

<http://www.awmc.com>

Thông tin báo chí châu Á và Trung tâm truyền thông: <http://www.amic.org.sg>

Dự án tội ác chiến tranh:

<http://www.crimesofwar.org>

Cơ quan quản lý truyền thông (CRA) của Bosnia-Herzegovina: <http://www.cra.ba>

Hội đồng châu Âu - Bộ phận báo chí:

http://www.coe.int/t/e/human_rights/media

Liên đoàn nhà báo quốc tế: www.ifj.org

Trao đổi tự do ngôn luận quốc tế: www.ifex.org

PEN quốc tế - một hiệp hội nhà văn thế giới:

<http://www.internationalpen.org.uk>

Hiệp hội các nhà xuất bản quốc tế (IPA):

<http://www.pa-uie.org>

Quỹ báo chí Tây Phi: <http://www.mfwaonline.org>

OSCE - Đại diện về tự do báo chí:

<http://www.osce.org/fom>

Phóng viên không biên giới: <http://www.rsf.fr>

Tổ chức báo chí Đông Nam Á (SEEMO):

<http://www.seemo.org>

Nhóm tư vấn UNESCO về tự do báo chí: [http://](http://www.unesco.org/webworld/wpfd/group.html)

www.unesco.org/webworld/wpfd/group.html

